

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 601/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 19 tháng 12 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt “Đề án sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố  
trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2018 – 2021”**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Căn cứ Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Kết luận số 532-KL/TU ngày 16/11/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thống nhất chủ trương ban hành Đề án sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2018 - 2021;

Xét đề nghị của các huyện, thị xã, thành phố và đề xuất của Giám đốc Sở Nội vụ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Đề án sắp xếp, sáp nhập thôn,

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh;
- CT, các PCT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Sở: NV, TC, XD, KH&ĐT, TN&MT;
- Thường trực Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Ngọc Thành**



**ĐỀ ÁN**

**Sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố  
trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2018 – 2021**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 601 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 1 năm 2018  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

**MỞ ĐẦU**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN:**

Thôn, tổ dân phố có vị trí hết sức quan trọng trong việc triển khai thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Hoạt động của hệ thống thôn, tổ dân phố thông qua sự tổ chức, quản lý, điều hành của các tổ chức Chi bộ đảng, các Chi hội đoàn thể và các tổ chức tự quản đã phát huy hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực thực hiện sự chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng, chấp hành quy định pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh.

Bên cạnh đó, thực trạng hiện nay có không ít thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh với quy mô số hộ gia đình nhỏ, cơ cấu hệ thống tổ chức tự quản công kênh, kinh phí ngân sách hỗ trợ cho nhiều đối tượng nhưng hiệu quả hoạt động thiếu ổn định, ảnh hưởng đến chất lượng phong trào của địa phương. Do đó, việc xem xét sắp xếp lại các thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình chưa đạt tiêu chuẩn quy định tối thiểu của Trung ương là cần thiết, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý và giảm gánh nặng ngân sách theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương sáu, khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; mục tiêu đến năm 2021 sắp xếp, thu gọn hợp lý và giảm số lượng thôn, tổ dân phố.

Đồng thời gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức tự quản ở cơ sở, việc thực hiện sắp xếp, sáp nhập các thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình trên địa bàn tỉnh góp phần tinh giản những người được hưởng phụ cấp ở thôn, tổ dân phố; giảm chi ngân sách nhà nước; tăng nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; đáp ứng nguyện vọng của nhân dân ở cơ sở; quy hoạch, sắp xếp lại hợp lý hơn hệ thống thôn, tổ dân phố trên địa bàn đi đôi với yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng - an ninh từ cơ sở.

**II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN:**

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề tiếp



tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017; Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

- Thực hiện Kết luận số 532-KL/TU ngày 16/11/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thống nhất chủ trương ban hành Đề án sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2018 - 2021 và theo đề nghị của các huyện, thị xã, thành phố.

- Căn cứ tình hình thực tế, yếu tố đặc thù của địa phương.

### **III. PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN:**

Sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố không đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định từ nay đến năm 2021.

### **IV. YÊU CẦU:**

1. Đánh giá đúng thực trạng thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.  
2. Xác định chính xác số lượng thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định, có đủ điều kiện sáp nhập và thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định về quy mô số hộ gia đình nhưng thuộc diện đặc thù, chưa đủ điều kiện sáp nhập.

3. Xác định mục tiêu, phân công nhiệm vụ cụ thể, đề ra các giải pháp và lộ trình sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh từ nay đến năm 2021 và nghiên cứu đề xuất các chế độ, chính sách có liên quan theo đúng quy định.

4. Duy trì ổn định, tăng cường hiệu quả hoạt động của các thôn, tổ dân phố sáp nhập; định kỳ đánh giá, nâng cao chất lượng hoạt động sau khi sáp nhập của các tổ chức tự quản ở thôn, tổ dân phố.

### **V. KẾT CẤU CỦA ĐỀ ÁN:**

Ngoài phần mở đầu, các phụ lục, Đề án gồm 04 phần:

1. Phần thứ nhất: Thực trạng của các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.
2. Phần thứ hai: Mục tiêu, nguyên tắc và lộ trình sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình.
3. Phần thứ ba: Đánh giá tác động khi sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố.
4. Phần thứ tư: Nhiệm vụ, giải pháp và tổ chức thực hiện.

### **VI. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ TẠI ĐỀ ÁN:**



1. Thôn: Là tên gọi chung của thôn, làng, buôn, bôn, plei, ploai và thôn được tổ chức ở xã; dưới xã là thôn (Khoản 1, Điều 2, Thông tư số 04/2012/TT-BNV).

2. Tổ dân phố: Là tên gọi chung của tổ dân phố, khu phố, khối phố và tổ dân phố được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là tổ dân phố (Khoản 2, Điều 2, Thông tư số 04/2012/TT-BNV).

3. Thôn, tổ dân phố: là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (Khoản 3, Điều 2, Thông tư số 04/2012/TT-BNV).

4. Các trường hợp thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình thuộc diện chưa đủ điều kiện sáp nhập: Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng; Hiện trạng dân cư phân bố phân tán, dàn trải trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản; Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn, thậm chí bị chia cắt vào mùa mưa; Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh; Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập, không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận; Thôn, tổ dân phố vùng biên giới; Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với quy định, có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018; Thôn, tổ dân phố thuộc trường hợp an ninh - chính trị phức tạp; Các thôn liền kề có dân số đông, nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý; Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 – 2030; Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu; Thôn thuộc diện quy hoạch giãn dân.

### **Phần thứ nhất**

## **THỰC TRẠNG CỦA CÁC THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

### **I. TIÊU CHUẨN QUY ĐỊNH VỀ QUY MÔ SỐ HỘ GIA ĐÌNH CỦA CÁC THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

Ngày 29/12/2017, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 09/2017/TT-BNV sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố. Theo quy định của Thông tư số 09/2017/TT-BNV thì tùy theo khu vực vùng đồng bằng; miền núi và hải đảo mà có các tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình khác nhau. Căn cứ quy định tại Khoản 3, Điều 1, Thông tư số 09/2017/TT-BNV thì: trên địa bàn tỉnh Gia Lai, thôn đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định nếu có quy mô số hộ gia đình từ 200 hộ trở lên; tổ dân phố đảm bảo tiêu chuẩn quy định nếu có quy mô số hộ gia đình từ 300 hộ trở lên.

### **II. THỰC TRẠNG VỀ QUY MÔ SỐ HỘ GIA ĐÌNH CỦA CÁC THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

Tổng hợp số liệu báo cáo của 17 huyện, thị xã, thành phố (đã qua rà soát, đối chiếu 04 lần) thì thực trạng về quy mô số hộ gia đình của các thôn, tổ dân phố ở các xã, phường, thị trấn hiện nay như sau:

#### **1. Tổng quan quy mô số hộ gia đình của các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh (tính đến tháng 6/2018):**

Tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh hiện nay là 2.160 thôn, tổ dân phố (gồm: 1.776 thôn và 384 tổ dân phố), trong đó:

- Đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 466 thôn, tổ dân phố (gồm: 376 thôn và 90 tổ dân phố), chiếm 21,57% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.



- Không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 1.694 thôn, tổ dân phố (gồm: 1.400 thôn và 294 tổ dân phố), chiếm 78,43% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn, trong đó:

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, có đủ điều kiện sáp nhập là 1.090 thôn, tổ dân phố (gồm: 842 thôn và 248 tổ dân phố), chiếm 50,46 % tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, thuộc diện đặc thù, chưa đủ điều kiện sáp nhập là 604 thôn, tổ dân phố (gồm: 558 thôn và 46 tổ dân phố), chiếm 27,97 % tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

**Thực trạng về quy mô số hộ gia đình của các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh theo địa bàn các huyện, thị xã, thành phố**

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp huyện | Tổng<br>số đơn<br>vị<br>hành<br>chính<br>cấp xã | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn<br>quy định |                                      |                                                  | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                          |                             |                                   |                                                                                  |                             |                                   |
|-------------|--------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|
|             |                                |                                                 |                                      | Tổng<br>số                     | Thôn<br>(từ<br>200<br>hộ trở<br>lên) | Tổ<br>dân<br>phố<br>(từ<br>300<br>hộ trở<br>lên) | Tổng<br>số                        | Không đảm bảo tiêu<br>chuẩn, có đủ điều<br>kiện sáp nhập |                             |                                   | Không đảm bảo tiêu<br>chuẩn, thuộc diện đặc<br>thù chưa đủ điều kiện<br>sáp nhập |                             |                                   |
|             |                                |                                                 |                                      |                                |                                      |                                                  |                                   | Tổng<br>số                                               | Thôn<br>(dưới<br>200<br>hộ) | Tổ dân<br>phố<br>(dưới<br>300 hộ) | Tổng<br>số                                                                       | Thôn<br>(dưới<br>200<br>hộ) | Tổ dân<br>phố<br>(dưới<br>300 hộ) |
| 1           | Thành phố Pleiku               | 23                                              | 254                                  | 78                             | 30                                   | 48                                               | 176                               | 135                                                      | 25                          | 110                               | 41                                                                               | 29                          | 12                                |
| 2           | Thị xã An Khê                  | 11                                              | 89                                   | 15                             | 13                                   | 2                                                | 74                                | 60                                                       | 11                          | 49                                | 14                                                                               | 8                           | 6                                 |
| 3           | Thị xã Ayun Pa                 | 8                                               | 55                                   | 2                              | 2                                    | 0                                                | 53                                | 12                                                       | 2                           | 10                                | 41                                                                               | 19                          | 22                                |
| 4           | Huyện Kbang                    | 14                                              | 167                                  | 7                              | 6                                    | 1                                                | 160                               | 114                                                      | 95                          | 19                                | 46                                                                               | 45                          | 1                                 |
| 5           | Huyện Chư Sê                   | 15                                              | 183                                  | 45                             | 35                                   | 10                                               | 138                               | 100                                                      | 96                          | 4                                 | 38                                                                               | 38                          | 0                                 |
| 6           | Huyện Ia Grai                  | 13                                              | 150                                  | 46                             | 40                                   | 6                                                | 104                               | 38                                                       | 38                          | 0                                 | 66                                                                               | 65                          | 1                                 |
| 7           | Huyện Kông Chro                | 14                                              | 112                                  | 6                              | 5                                    | 1                                                | 106                               | 68                                                       | 62                          | 6                                 | 38                                                                               | 38                          | 0                                 |
| 8           | Huyện Phú Thiện                | 10                                              | 130                                  | 8                              | 7                                    | 1                                                | 122                               | 96                                                       | 77                          | 19                                | 26                                                                               | 25                          | 1                                 |
| 9           | Huyện Đức Cơ                   | 10                                              | 93                                   | 34                             | 28                                   | 6                                                | 59                                | 37                                                       | 34                          | 3                                 | 22                                                                               | 22                          | 0                                 |
| 10          | Huyện Chư Pưh                  | 9                                               | 83                                   | 33                             | 33                                   | 0                                                | 50                                | 20                                                       | 20                          | 0                                 | 30                                                                               | 30                          | 0                                 |
| 11          | Huyện Chư Păh                  | 15                                              | 123                                  | 26                             | 26                                   | 0                                                | 97                                | 28                                                       | 26                          | 2                                 | 69                                                                               | 68                          | 1                                 |
| 12          | Huyện Krông Pa                 | 14                                              | 131                                  | 14                             | 13                                   | 1                                                | 117                               | 104                                                      | 90                          | 14                                | 13                                                                               | 13                          | 0                                 |
| 13          | Huyện Đak Pơ                   | 8                                               | 73                                   | 18                             | 16                                   | 2                                                | 55                                | 43                                                       | 43                          | 0                                 | 12                                                                               | 10                          | 2                                 |
| 14          | Huyện Đak Đoa                  | 17                                              | 156                                  | 51                             | 47                                   | 4                                                | 105                               | 75                                                       | 70                          | 5                                 | 30                                                                               | 30                          | 0                                 |
| 15          | Huyện Chư Prông                | 20                                              | 180                                  | 48                             | 43                                   | 5                                                | 132                               | 63                                                       | 62                          | 1                                 | 69                                                                               | 69                          | 0                                 |
| 16          | Huyện Mang Yang                | 12                                              | 106                                  | 16                             | 13                                   | 3                                                | 90                                | 52                                                       | 46                          | 6                                 | 38                                                                               | 38                          | 0                                 |
| 17          | Huyện Ia Pa                    | 9                                               | 75                                   | 19                             | 19                                   | 0                                                | 56                                | 45                                                       | 45                          | 0                                 | 11                                                                               | 11                          | 0                                 |
|             | <b>Tổng</b>                    | 222                                             | 2.160                                | 466                            | 376                                  | 90                                               | 1.694                             | 1.090                                                    | 842                         | 248                               | 604                                                                              | 558                         | 46                                |

**2. Thực trạng cụ thể về quy mô số hộ gia đình của các thôn, tổ dân phố tại các xã, phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh:**

2.1. Thành phố Pleiku:



Có 23 xã, phường (09 xã và 14 phường) với tổng số 254 thôn, tổ dân phố (gồm: 84 thôn và 170 tổ dân phố), trong đó:

- Đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 78 thôn, tổ dân phố (gồm: 30 thôn và 48 tổ dân phố), chiếm 30,71% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

- Không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 176 thôn, tổ dân phố (gồm: 54 thôn và 122 tổ dân phố), chiếm 69,29% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn, trong đó:

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, có đủ điều kiện sáp nhập là 135 thôn, tổ dân phố (gồm: 25 thôn và 110 tổ dân phố), chiếm 53,15% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, thuộc diện đặc thù, chưa đủ điều kiện sáp nhập là 41 thôn, tổ dân phố (gồm: 29 thôn và 12 tổ dân phố), chiếm 16,14 % tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã thuộc thành<br>phố Pleiku | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn<br>quy định |           |                  | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                          |           |               |                                                                               |           |               |
|-------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|-----------|------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|
|             |                                                       |                                      | Tổng số                        | Thôn      | Tổ<br>dân<br>phố | Tổng<br>số                        | Không đảm bảo tiêu<br>chuẩn, có đủ điều kiện sáp<br>nhập |           |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ điều<br>kiện sáp nhập |           |               |
|             |                                                       |                                      |                                |           |                  |                                   | Tổng số                                                  | Thôn      | Tổ dân<br>phố | Tổng số                                                                       | Thôn      | Tổ dân<br>phố |
| 1           | Phường Diên Hồng                                      | 13                                   | 2                              | 0         | 2                | 11                                | 9                                                        | 0         | 9             | 2                                                                             | 0         | 2             |
| 2           | Phường Yên Đỗ                                         | 15                                   | 8                              | 1         | 7                | 7                                 | 6                                                        | 0         | 6             | 1                                                                             | 0         | 1             |
| 3           | Phường Ia Kring                                       | 10                                   | 10                             | 0         | 10               | 0                                 | 0                                                        | 0         | 0             | 0                                                                             | 0         | 0             |
| 4           | Phường Hoa Lư                                         | 14                                   | 5                              | 0         | 5                | 9                                 | 5                                                        | 0         | 5             | 4                                                                             | 1         | 3             |
| 5           | Phường Thống Nhất                                     | 14                                   | 1                              | 0         | 1                | 13                                | 11                                                       | 0         | 11            | 2                                                                             | 0         | 2             |
| 6           | Phường Yên Thế                                        | 18                                   | 4                              | 1         | 3                | 14                                | 13                                                       | 0         | 13            | 1                                                                             | 0         | 1             |
| 7           | Phường Hội Phú                                        | 9                                    | 4                              | 0         | 4                | 5                                 | 5                                                        | 0         | 5             | 0                                                                             | 0         | 0             |
| 8           | Phường Phù Đồng                                       | 17                                   | 2                              | 0         | 2                | 15                                | 13                                                       | 0         | 13            | 2                                                                             | 0         | 2             |
| 9           | Phường Trà Bá                                         | 11                                   | 10                             | 3         | 7                | 1                                 | 1                                                        | 0         | 1             | 0                                                                             | 0         | 0             |
| 10          | Phường Chi Lăng                                       | 7                                    | 4                              | 1         | 3                | 3                                 | 3                                                        | 0         | 3             | 0                                                                             | 0         | 0             |
| 11          | Phường Thắng Lợi                                      | 11                                   | 5                              | 1         | 4                | 6                                 | 3                                                        | 0         | 3             | 3                                                                             | 2         | 1             |
| 12          | Phường Tây Sơn                                        | 16                                   | 0                              | 0         | 0                | 16                                | 16                                                       | 0         | 16            | 0                                                                             | 0         | 0             |
| 13          | Phường Đồng Đa                                        | 9                                    | 0                              | 0         | 0                | 9                                 | 8                                                        | 0         | 8             | 1                                                                             | 1         | 0             |
| 14          | Phường Hội Thương                                     | 17                                   | 0                              | 0         | 0                | 17                                | 17                                                       | 0         | 17            | 0                                                                             | 0         | 0             |
| 15          | Xã Chư Ấ                                              | 14                                   | 2                              | 2         | 0                | 12                                | 8                                                        | 8         | 0             | 4                                                                             | 4         | 0             |
| 16          | Xã An Phú                                             | 12                                   | 6                              | 6         | 0                | 6                                 | 4                                                        | 4         | 0             | 2                                                                             | 2         | 0             |
| 17          | Xã Trà Đa                                             | 6                                    | 4                              | 4         | 0                | 2                                 | 0                                                        | 0         | 0             | 2                                                                             | 2         | 0             |
| 18          | Xã Tân Sơn                                            | 7                                    | 3                              | 3         | 0                | 4                                 | 3                                                        | 3         | 0             | 1                                                                             | 1         | 0             |
| 19          | Xã Biển Hồ                                            | 10                                   | 5                              | 5         | 0                | 5                                 | 5                                                        | 5         | 0             | 0                                                                             | 0         | 0             |
| 20          | Xã Chư Hdrông                                         | 4                                    | 1                              | 1         | 0                | 3                                 | 0                                                        | 0         | 0             | 3                                                                             | 3         | 0             |
| 21          | Xã Ia Kênh                                            | 7                                    | 1                              | 1         | 0                | 6                                 | 0                                                        | 0         | 0             | 6                                                                             | 6         | 0             |
| 22          | Xã Diên Phú                                           | 6                                    | 1                              | 1         | 0                | 5                                 | 5                                                        | 5         | 0             | 0                                                                             | 0         | 0             |
| 23          | Xã Gào                                                | 7                                    | 0                              | 0         | 0                | 7                                 | 0                                                        | 0         | 0             | 7                                                                             | 7         | 0             |
|             | <b>Tổng</b>                                           | <b>254</b>                           | <b>78</b>                      | <b>30</b> | <b>48</b>        | <b>176</b>                        | <b>135</b>                                               | <b>25</b> | <b>110</b>    | <b>41</b>                                                                     | <b>29</b> | <b>12</b>     |



## 2.2. Thị xã An Khê:

Có 11 xã, phường (05 xã và 06 phường) với tổng số 89 thôn, tổ dân phố (gồm: 32 thôn và 57 tổ dân phố), trong đó:

- Đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 15 thôn, tổ dân phố (gồm: 13 thôn và 02 tổ dân phố), chiếm 16,85% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

- Không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 74 thôn, tổ dân phố (gồm: 19 thôn và 55 tổ dân phố), chiếm 83,15% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn, trong đó:

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, có đủ điều kiện sáp nhập là 60 thôn, tổ dân phố (gồm: 11 thôn và 49 tổ dân phố), chiếm 67,42% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, thuộc diện đặc thù, chưa đủ điều kiện sáp nhập là 14 thôn, tổ dân phố (gồm: 08 thôn và 06 tổ dân phố), chiếm 15,73% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã thuộc thị xã<br>An Khê | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn<br>quy định |           |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                       |           |               |                                                                               |          |               |
|-------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|-----------|---------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------|
|             |                                                    |                                      | Tổng<br>số                     | Thôn      | Tổ dân<br>phố | Tổng<br>số                        | Không đảm bảo tiêu chuẩn, có<br>đủ điều kiện sáp nhập |           |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ<br>điều kiện sáp nhập |          |               |
|             |                                                    |                                      |                                |           |               |                                   | Tổng số                                               | Thôn      | Tổ dân<br>phố | Tổng số                                                                       | Thôn     | Tổ dân<br>phố |
| 1           | Phường An Bình                                     | 10                                   | 1                              | 0         | 1             | 9                                 | 8                                                     | 0         | 8             | 1                                                                             | 0        | 1             |
| 2           | Phường Tây Sơn                                     | 14                                   | 1                              | 0         | 1             | 13                                | 13                                                    | 0         | 13            | 0                                                                             | 0        | 0             |
| 3           | Phường An Phú                                      | 15                                   | 0                              | 0         | 0             | 15                                | 12                                                    | 0         | 12            | 3                                                                             | 0        | 3             |
| 4           | Phường An Phước                                    | 4                                    | 0                              | 0         | 0             | 4                                 | 2                                                     | 0         | 2             | 2                                                                             | 0        | 2             |
| 5           | Phường An Tân                                      | 7                                    | 0                              | 0         | 0             | 7                                 | 7                                                     | 0         | 7             | 0                                                                             | 0        | 0             |
| 6           | Phường Ngô Mây                                     | 7                                    | 0                              | 0         | 0             | 7                                 | 7                                                     | 0         | 7             | 0                                                                             | 0        | 0             |
| 7           | Xã Cửu An                                          | 6                                    | 1                              | 1         | 0             | 5                                 | 5                                                     | 5         | 0             | 0                                                                             | 0        | 0             |
| 8           | Xã Song An                                         | 6                                    | 4                              | 4         | 0             | 2                                 | 0                                                     | 0         | 0             | 2                                                                             | 2        | 0             |
| 9           | Xã Thành An                                        | 6                                    | 4                              | 4         | 0             | 2                                 | 0                                                     | 0         | 0             | 2                                                                             | 2        | 0             |
| 10          | Xã Tú An                                           | 9                                    | 2                              | 2         | 0             | 7                                 | 4                                                     | 4         | 0             | 3                                                                             | 3        | 0             |
| 11          | Xã Xuân An                                         | 5                                    | 2                              | 2         | 0             | 3                                 | 2                                                     | 2         | 0             | 1                                                                             | 1        | 0             |
|             | <b>Tổng</b>                                        | <b>89</b>                            | <b>15</b>                      | <b>13</b> | <b>2</b>      | <b>74</b>                         | <b>60</b>                                             | <b>11</b> | <b>49</b>     | <b>14</b>                                                                     | <b>8</b> | <b>6</b>      |

## 2.3. Thị xã Ayun Pa:

Có 08 xã, phường (04 xã và 04 phường) với tổng số 55 thôn, tổ dân phố (gồm: 23 thôn và 32 tổ dân phố), trong đó:

- Đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 02 thôn, chiếm 3,64% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

- Không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 53 thôn, tổ dân phố (gồm: 21 thôn và 32 tổ dân phố), chiếm 96,36% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn, trong đó:

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, có đủ điều kiện sáp nhập là 12 thôn, tổ dân phố (gồm: 02 thôn và 10 tổ dân phố), chiếm 21,82% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.



+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, thuộc diện đặc thù, chưa đủ điều kiện sáp nhập là 41 thôn, tổ dân phố (gồm: 19 thôn và 22 tổ dân phố), chiếm 74,54% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã thuộc thị xã<br>Ayun Pa | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn quy<br>định |          |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                       |          |               |                                                                               |           |               |
|-------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|----------|---------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|----------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|
|             |                                                     |                                      | Tổng số                        | Thôn     | Tổ dân<br>phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>có đủ điều kiện sáp nhập |          |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ<br>điều kiện sáp nhập |           |               |
|             |                                                     |                                      |                                |          |               |                                   | Tổng số                                               | Thôn     | Tổ dân<br>phố | Tổng số                                                                       | Thôn      | Tổ dân<br>phố |
| 1           | Xã Chư Băh                                          | 5                                    | 1                              | 1        | 0             | 4                                 | 0                                                     | 0        | 0             | 4                                                                             | 4         | 0             |
| 2           | Xã Ia Sao                                           | 5                                    | 1                              | 1        | 0             | 4                                 | 0                                                     | 0        | 0             | 4                                                                             | 4         | 0             |
| 3           | Xã Ia Rbol                                          | 7                                    | 0                              | 0        | 0             | 7                                 | 0                                                     | 0        | 0             | 7                                                                             | 7         | 0             |
| 4           | Xã Ia Rô                                            | 6                                    | 0                              | 0        | 0             | 6                                 | 2                                                     | 2        | 0             | 4                                                                             | 4         | 0             |
| 5           | Phường Hòa Bình                                     | 8                                    | 0                              | 0        | 0             | 8                                 | 4                                                     | 0        | 4             | 4                                                                             | 0         | 4             |
| 6           | Phường Đoàn Kết                                     | 10                                   | 0                              | 0        | 0             | 10                                | 0                                                     | 0        | 0             | 10                                                                            | 0         | 10            |
| 7           | Phường Sông Bờ                                      | 9                                    | 0                              | 0        | 0             | 9                                 | 6                                                     | 0        | 6             | 3                                                                             | 0         | 3             |
| 8           | Phường Chèo Reo                                     | 5                                    | 0                              | 0        | 0             | 5                                 | 0                                                     | 0        | 0             | 5                                                                             | 0         | 5             |
|             | <b>Tổng</b>                                         | <b>55</b>                            | <b>2</b>                       | <b>2</b> | <b>0</b>      | <b>53</b>                         | <b>12</b>                                             | <b>2</b> | <b>10</b>     | <b>41</b>                                                                     | <b>19</b> | <b>22</b>     |

#### 2.4. Huyện Kbang:

Có 14 xã, thị trấn (13 xã và 01 thị trấn) với tổng số 167 thôn, tổ dân phố (gồm: 146 thôn và 21 tổ dân phố), trong đó:

- Đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 07 thôn, tổ dân phố (gồm: 06 thôn, 01 tổ dân phố), chiếm 4,19% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

- Không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 160 thôn, tổ dân phố (gồm: 140 thôn và 20 tổ dân phố), chiếm 95,81% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn, trong đó:

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, có đủ điều kiện sáp nhập là 114 thôn, tổ dân phố (gồm: 95 thôn và 19 tổ dân phố), chiếm 68,26% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, thuộc diện đặc thù, chưa đủ điều kiện sáp nhập là 46 thôn, tổ dân phố (gồm: 45 thôn và 01 tổ dân phố), chiếm 27,55% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã thuộc huyện<br>Kbang | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn<br>quy định |      |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                          |      |               |                                                                               |      |               |
|-------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|------|---------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|------|---------------|
|             |                                                  |                                      | Tổng số                        | Thôn | Tổ dân<br>phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu<br>chuẩn, có đủ điều kiện<br>sáp nhập |      |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ<br>điều kiện sáp nhập |      |               |
|             |                                                  |                                      |                                |      |               |                                   | Tổng số                                                  | Thôn | Tổ dân<br>phố | Tổng số                                                                       | Thôn | Tổ dân<br>phố |
| 1           | Thị trấn Kbang                                   | 27                                   | 1                              | 0    | 1             | 26                                | 19                                                       | 0    | 19            | 7                                                                             | 6    | 1             |
| 2           | Xã Sơn Lang                                      | 11                                   | 1                              | 1    | 0             | 10                                | 4                                                        | 4    | 0             | 6                                                                             | 6    | 0             |
| 3           | Xã Đông                                          | 11                                   | 1                              | 1    | 0             | 10                                | 10                                                       | 10   | 0             | 0                                                                             | 0    | 0             |
| 4           | Xã Nghĩa An                                      | 7                                    | 1                              | 1    | 0             | 6                                 | 5                                                        | 5    | 0             | 1                                                                             | 1    | 0             |
| 5           | Xã Sơ Pai                                        | 8                                    | 3                              | 3    | 0             | 5                                 | 3                                                        | 3    | 0             | 2                                                                             | 2    | 0             |



| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã thuộc huyện<br>Kbang | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn<br>quy định |          |                  | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                          |           |                  |                                                                               |           |               |
|-------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|----------|------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|
|             |                                                  |                                      | Tổng<br>số                     | Thôn     | Tổ<br>dân<br>phố | Tổng<br>số                        | Không đảm bảo tiêu<br>chuẩn, có đủ điều kiện<br>sáp nhập |           |                  | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ<br>điều kiện sáp nhập |           |               |
|             |                                                  |                                      |                                |          |                  |                                   | Tổng số                                                  | Thôn      | Tổ<br>dân<br>phố | Tổng số                                                                       | Thôn      | Tổ dân<br>phố |
| 6           | Xã Đak Rong                                      | 15                                   | 0                              | 0        | 0                | 15                                | 8                                                        | 8         | 0                | 7                                                                             | 7         | 0             |
| 7           | Xã Krong                                         | 23                                   | 0                              | 0        | 0                | 23                                | 22                                                       | 22        | 0                | 1                                                                             | 1         | 0             |
| 8           | Xã Lơ Ku                                         | 12                                   | 0                              | 0        | 0                | 12                                | 6                                                        | 6         | 0                | 6                                                                             | 6         | 0             |
| 9           | Xã Tơ Tung                                       | 16                                   | 0                              | 0        | 0                | 16                                | 13                                                       | 13        | 0                | 3                                                                             | 3         | 0             |
| 10          | Xã Kông Long Khong                               | 12                                   | 0                              | 0        | 0                | 12                                | 6                                                        | 6         | 0                | 6                                                                             | 6         | 0             |
| 11          | Xã Đak Hlơ                                       | 7                                    | 0                              | 0        | 0                | 7                                 | 6                                                        | 6         | 0                | 1                                                                             | 1         | 0             |
| 12          | Xã Kông Bờ La                                    | 10                                   | 0                              | 0        | 0                | 10                                | 8                                                        | 8         | 0                | 2                                                                             | 2         | 0             |
| 13          | Xã Đak Smar                                      | 5                                    | 0                              | 0        | 0                | 5                                 | 4                                                        | 4         | 0                | 1                                                                             | 1         | 0             |
| 14          | Xã Kon Pnê                                       | 3                                    | 0                              | 0        | 0                | 3                                 | 0                                                        | 0         | 0                | 3                                                                             | 3         | 0             |
|             | <b>Tổng</b>                                      | <b>167</b>                           | <b>7</b>                       | <b>6</b> | <b>1</b>         | <b>160</b>                        | <b>114</b>                                               | <b>95</b> | <b>19</b>        | <b>46</b>                                                                     | <b>45</b> | <b>1</b>      |

## 2.5. Huyện Chư Sê:

Có 15 xã, thị trấn (14 xã và 01 thị trấn) với tổng số 183 thôn, tổ dân phố (gồm: 169 thôn và 14 tổ dân phố), trong đó:

- Đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 45 thôn, tổ dân phố (gồm: 35 thôn, 10 tổ dân phố), chiếm 24,59% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

- Không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 138 thôn, tổ dân phố (gồm: 134 thôn và 04 tổ dân phố), chiếm 75,41% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn, trong đó:

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, có đủ điều kiện sáp nhập là 100 thôn, tổ dân phố (gồm: 96 thôn và 04 tổ dân phố), chiếm 54,64% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, thuộc diện đặc thù, chưa đủ điều kiện sáp nhập là 38 thôn, chiếm 20,77% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành<br>chính cấp xã<br>thuộc huyện Chư<br>Sê | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn quy định |      |            | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                       |      |               |                                                                               |      |               |
|-------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------|------|------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|------|---------------|
|             |                                                      |                                      | Tổng số                     | Thôn | Tổ dân phố | Tổng<br>số                        | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>có đủ điều kiện sáp nhập |      |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ<br>điều kiện sáp nhập |      |               |
|             |                                                      |                                      |                             |      |            |                                   | Tổng số                                               | Thôn | Tổ dân<br>phố | Tổng số                                                                       | Thôn | Tổ dân<br>phố |
| 1           | Thị trấn Chư Sê                                      | 27                                   | 18                          | 8    | 10         | 9                                 | 9                                                     | 5    | 4             | 0                                                                             | 0    | 0             |
| 2           | Xã Ia Tiêm                                           | 15                                   | 4                           | 4    | 0          | 11                                | 6                                                     | 6    | 0             | 5                                                                             | 5    | 0             |
| 3           | Xã Dun                                               | 7                                    | 1                           | 1    | 0          | 6                                 | 4                                                     | 4    | 0             | 2                                                                             | 2    | 0             |
| 4           | Xã Bờ Ngoong                                         | 12                                   | 1                           | 1    | 0          | 11                                | 4                                                     | 4    | 0             | 7                                                                             | 7    | 0             |
| 5           | Xã Hbông                                             | 12                                   | 3                           | 3    | 0          | 9                                 | 8                                                     | 8    | 0             | 1                                                                             | 1    | 0             |
| 6           | Xã Ia Hlốp                                           | 13                                   | 3                           | 3    | 0          | 10                                | 6                                                     | 6    | 0             | 4                                                                             | 4    | 0             |



| S<br>T<br>T | Đơn vị hành<br>chính cấp xã<br>thuộc huyện Chư<br>Sê | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn quy định |           |            | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                       |           |            |                                                                               |           |            |
|-------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------|-----------|------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------|------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|
|             |                                                      |                                      | Tổng số                     | Thôn      | Tổ dân phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>có đủ điều kiện sáp nhập |           |            | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ<br>điều kiện sáp nhập |           |            |
|             |                                                      |                                      |                             |           |            |                                   | Tổng số                                               | Thôn      | Tổ dân phố | Tổng số                                                                       | Thôn      | Tổ dân phố |
| 7           | Xã Bar Măih                                          | 10                                   | 1                           | 1         | 0          | 9                                 | 9                                                     | 9         | 0          | 0                                                                             | 0         | 0          |
| 8           | Xã Ia Pal                                            | 9                                    | 2                           | 2         | 0          | 7                                 | 6                                                     | 6         | 0          | 1                                                                             | 1         | 0          |
| 9           | Xã Ia Ko                                             | 5                                    | 4                           | 4         | 0          | 1                                 | 0                                                     | 0         | 0          | 1                                                                             | 1         | 0          |
| 10          | Xã Al Bă                                             | 11                                   | 1                           | 1         | 0          | 10                                | 8                                                     | 8         | 0          | 2                                                                             | 2         | 0          |
| 11          | Xã Ia Glai                                           | 10                                   | 1                           | 1         | 0          | 9                                 | 1                                                     | 1         | 0          | 8                                                                             | 8         | 0          |
| 12          | Xã Ia Blang                                          | 17                                   | 5                           | 5         | 0          | 12                                | 9                                                     | 9         | 0          | 3                                                                             | 3         | 0          |
| 13          | Xã Chư Pong                                          | 9                                    | 1                           | 1         | 0          | 8                                 | 4                                                     | 4         | 0          | 4                                                                             | 4         | 0          |
| 14          | Xã Ayun                                              | 14                                   | 0                           | 0         | 0          | 14                                | 14                                                    | 14        | 0          | 0                                                                             | 0         | 0          |
| 15          | Xã Kông Htok                                         | 12                                   | 0                           | 0         | 0          | 12                                | 12                                                    | 12        | 0          | 0                                                                             | 0         | 0          |
|             | <b>Tổng</b>                                          | <b>183</b>                           | <b>45</b>                   | <b>35</b> | <b>10</b>  | <b>138</b>                        | <b>100</b>                                            | <b>96</b> | <b>4</b>   | <b>38</b>                                                                     | <b>38</b> | <b>0</b>   |

## 2.6. Huyện Ia Grai:

Có 13 xã, thị trấn (12 xã và 01 thị trấn) với tổng số 150 thôn, tổ dân phố (gồm: 143 thôn và 07 tổ dân phố), trong đó:

- Đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 46 thôn, tổ dân phố (gồm: 40 thôn, 06 tổ dân phố), chiếm 30,67% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

- Không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 104 thôn, tổ dân phố (gồm: 103 thôn và 01 tổ dân phố), chiếm 69,33% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn, trong đó:

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, có đủ điều kiện sáp nhập là 38 thôn, chiếm 25,33% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, thuộc diện đặc thù, chưa đủ điều kiện sáp nhập là 66 thôn, tổ dân phố (gồm: 65 thôn và 01 tổ dân phố), chiếm 44,00% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành<br>chính cấp xã<br>thuộc huyện Ia<br>Grai | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn<br>quy định |      |            | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                          |      |            |                                                                               |      |            |
|-------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|------|------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|------|------------|-------------------------------------------------------------------------------|------|------------|
|             |                                                       |                                      | Tổng số                        | Thôn | Tổ dân phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu<br>chuẩn, có đủ điều kiện<br>sáp nhập |      |            | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ<br>điều kiện sáp nhập |      |            |
|             |                                                       |                                      |                                |      |            |                                   | Tổng số                                                  | Thôn | Tổ dân phố | Tổng số                                                                       | Thôn | Tổ dân phố |
| 1           | Thị trấn Ia Kha                                       | 13                                   | 8                              | 2    | 6          | 5                                 | 0                                                        | 0    | 0          | 5                                                                             | 4    | 1          |
| 2           | Xã Ia Khai                                            | 7                                    | 0                              | 0    | 0          | 7                                 | 2                                                        | 2    | 0          | 5                                                                             | 5    | 0          |
| 3           | Xã Ia Chiă                                            | 10                                   | 5                              | 5    | 0          | 5                                 | 0                                                        | 0    | 0          | 5                                                                             | 5    | 0          |
| 4           | Xã Ia Krăi                                            | 15                                   | 4                              | 4    | 0          | 11                                | 0                                                        | 0    | 0          | 11                                                                            | 11   | 0          |
| 5           | Xã Ia Grăng                                           | 7                                    | 0                              | 0    | 0          | 7                                 | 0                                                        | 0    | 0          | 7                                                                             | 7    | 0          |
| 6           | Xã Ia Dêr                                             | 13                                   | 8                              | 8    | 0          | 5                                 | 0                                                        | 0    | 0          | 5                                                                             | 5    | 0          |
| 7           | Xã Ia Tô                                              | 17                                   | 5                              | 5    | 0          | 12                                | 3                                                        | 3    | 0          | 9                                                                             | 9    | 0          |
| 8           | Xã Ia Sao                                             | 15                                   | 3                              | 3    | 0          | 12                                | 5                                                        | 5    | 0          | 7                                                                             | 7    | 0          |



| S<br>T<br>T | Đơn vị hành<br>chính cấp xã<br>thuộc huyện Ia<br>Grai | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn<br>quy định |      |                  | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                          |      |               |                                                                               |      |               |
|-------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|------|------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|------|---------------|
|             |                                                       |                                      | Tổng<br>số                     | Thôn | Tổ<br>dân<br>phố | Tổng<br>số                        | Không đảm bảo tiêu<br>chuẩn, có đủ điều kiện<br>sáp nhập |      |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ<br>điều kiện sáp nhập |      |               |
|             |                                                       |                                      |                                |      |                  |                                   | Tổng số                                                  | Thôn | Tổ dân<br>phố | Tổng số                                                                       | Thôn | Tổ dân<br>phố |
| 9           | Xã Ia Pêch                                            | 8                                    | 2                              | 2    | 0                | 6                                 | 2                                                        | 2    | 0             | 4                                                                             | 4    | 0             |
| 10          | Xã Ia Bă                                              | 11                                   | 0                              | 0    | 0                | 11                                | 7                                                        | 7    | 0             | 4                                                                             | 4    | 0             |
| 11          | Xã Ia Yok                                             | 13                                   | 2                              | 2    | 0                | 11                                | 8                                                        | 8    | 0             | 3                                                                             | 3    | 0             |
| 12          | Xã Ia O                                               | 9                                    | 8                              | 8    | 0                | 1                                 | 0                                                        | 0    | 0             | 1                                                                             | 1    | 0             |
| 13          | Xã Ia Hrug                                            | 12                                   | 1                              | 1    | 0                | 11                                | 11                                                       | 11   | 0             | 0                                                                             | 0    | 0             |
|             | Tổng                                                  | 150                                  | 46                             | 40   | 6                | 104                               | 38                                                       | 38   | 0             | 66                                                                            | 65   | 1             |

### 2.7. Huyện Kông Chro:

Có 14 xã, thị trấn (13 xã và 01 thị trấn) với tổng số 112 thôn, tổ dân phố (gồm: 105 thôn và 07 tổ dân phố), trong đó:

- Đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 06 thôn, tổ dân phố (gồm: 05 thôn, 01 tổ dân phố), chiếm 5,36% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

- Không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 106 thôn, tổ dân phố (gồm: 100 thôn và 06 tổ dân phố), chiếm 94,64% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn, trong đó:

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, có đủ điều kiện sáp nhập là 68 thôn, tổ dân phố (gồm: 62 thôn và 06 tổ dân phố), chiếm 60,71% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, thuộc diện đặc thù, chưa đủ điều kiện sáp nhập là 38 thôn, chiếm 33,93% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Kông Chro | Tổng số thôn, tổ dân phố | Đảm bảo tiêu chuẩn quy định |      |            | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                    |      |            |                                                                         |      |            |
|-------------|------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------|------|------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------|------|------------|-------------------------------------------------------------------------|------|------------|
|             |                                                |                          | Tổng số                     | Thôn | Tổ dân phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập |      |            | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |      |            |
|             |                                                |                          |                             |      |            |                                   | Tổng số                                            | Thôn | Tổ dân phố | Tổng số                                                                 | Thôn | Tổ dân phố |
| 1           | Thị trấn Kông Chro                             | 13                       | 4                           | 3    | 1          | 9                                 | 9                                                  | 3    | 6          | 0                                                                       | 0    | 0          |
| 2           | Xã Kông Yang                                   | 10                       | 0                           | 0    | 0          | 10                                | 5                                                  | 5    | 0          | 5                                                                       | 5    | 0          |
| 3           | Xã Yang Trung                                  | 4                        | 1                           | 1    | 0          | 3                                 | 0                                                  | 0    | 0          | 3                                                                       | 3    | 0          |
| 4           | Xã An Trung                                    | 13                       | 1                           | 1    | 0          | 12                                | 6                                                  | 6    | 0          | 6                                                                       | 6    | 0          |
| 5           | Xã Chơ Long                                    | 9                        | 0                           | 0    | 0          | 9                                 | 5                                                  | 5    | 0          | 4                                                                       | 4    | 0          |
| 6           | Xã Ya Ma                                       | 4                        | 0                           | 0    | 0          | 4                                 | 2                                                  | 2    | 0          | 2                                                                       | 2    | 0          |
| 7           | Xã Yang Nam                                    | 13                       | 0                           | 0    | 0          | 13                                | 13                                                 | 13   | 0          | 0                                                                       | 0    | 0          |
| 8           | Xã Đăk Tô Pang                                 | 6                        | 0                           | 0    | 0          | 6                                 | 5                                                  | 5    | 0          | 1                                                                       | 1    | 0          |



| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã thuộc huyện<br>Kông Chro | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn<br>quy định |          |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                       |           |               |                                                                               |           |               |
|-------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|----------|---------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|
|             |                                                      |                                      | Tổng<br>số                     | Thôn     | Tổ dân<br>phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu chuẩn, có<br>đủ điều kiện sáp nhập |           |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ điều<br>kiện sáp nhập |           |               |
|             |                                                      |                                      |                                |          |               |                                   | Tổng số                                               | Thôn      | Tổ dân<br>phố | Tổng số                                                                       | Thôn      | Tổ dân<br>phố |
| 9           | Xã Đăk Kơ Ning                                       | 7                                    | 0                              | 0        | 0             | 7                                 | 5                                                     | 5         | 0             | 2                                                                             | 2         | 0             |
| 10          | Xã Đăk Pơ Pho                                        | 6                                    | 0                              | 0        | 0             | 6                                 | 4                                                     | 4         | 0             | 2                                                                             | 2         | 0             |
| 11          | Xã Chư Krey                                          | 6                                    | 0                              | 0        | 0             | 6                                 | 2                                                     | 2         | 0             | 4                                                                             | 4         | 0             |
| 12          | Xã Sró                                               | 11                                   | 0                              | 0        | 0             | 11                                | 6                                                     | 6         | 0             | 5                                                                             | 5         | 0             |
| 13          | Xã Đăk Pling                                         | 4                                    | 0                              | 0        | 0             | 4                                 | 2                                                     | 2         | 0             | 2                                                                             | 2         | 0             |
| 14          | Xã Đăk Song                                          | 6                                    | 0                              | 0        | 0             | 6                                 | 4                                                     | 4         | 0             | 2                                                                             | 2         | 0             |
|             | <b>Tổng</b>                                          | <b>112</b>                           | <b>6</b>                       | <b>5</b> | <b>1</b>      | <b>106</b>                        | <b>68</b>                                             | <b>62</b> | <b>6</b>      | <b>38</b>                                                                     | <b>38</b> | <b>0</b>      |

## 2.8. Huyện Phú Thiện:

Có 10 xã, thị trấn (09 xã và 01 thị trấn) với tổng số 130 thôn, tổ dân phố (gồm: 109 thôn và 21 tổ dân phố), trong đó:

- Đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình quy định là 08 thôn, tổ dân phố (gồm: 07 thôn, 01 tổ dân phố), chiếm 6,15% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

- Không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình quy định là 122 thôn, tổ dân phố (gồm: 102 thôn và 20 tổ dân phố), chiếm 93,85% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn, trong đó:

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, có đủ điều kiện sáp nhập là 96 thôn, tổ dân phố (gồm: 77 thôn và 19 tổ dân phố), chiếm 73,85% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, thuộc diện đặc thù, chưa đủ điều kiện sáp nhập là 26 thôn, tổ dân phố (gồm: 25 thôn và 01 tổ dân phố), chiếm 20,00% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã thuộc huyện<br>Phú Thiện | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn quy<br>định |          |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                          |           |               |                                                                               |           |               |
|-------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|----------|---------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|
|             |                                                      |                                      | Tổng số                        | Thôn     | Tổ dân<br>phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu<br>chuẩn, có đủ điều kiện sáp<br>nhập |           |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ<br>điều kiện sáp nhập |           |               |
|             |                                                      |                                      |                                |          |               |                                   | Tổng số                                                  | Thôn      | Tổ dân<br>phố | Tổng số                                                                       | Thôn      | Tổ dân<br>phố |
| 1           | Thị trấn Phú Thiện                                   | 21                                   | 1                              | 0        | 1             | 20                                | 19                                                       | 0         | 19            | 1                                                                             | 0         | 1             |
| 2           | Xã Ayun Hạ                                           | 10                                   | 1                              | 1        | 0             | 9                                 | 8                                                        | 8         | 0             | 1                                                                             | 1         | 0             |
| 3           | Xã Ia Ake                                            | 11                                   | 3                              | 3        | 0             | 8                                 | 6                                                        | 6         | 0             | 2                                                                             | 2         | 0             |
| 4           | Xã Ia Sol                                            | 17                                   | 1                              | 1        | 0             | 16                                | 13                                                       | 13        | 0             | 3                                                                             | 3         | 0             |
| 5           | Xã Ia Piar                                           | 14                                   | 1                              | 1        | 0             | 13                                | 11                                                       | 11        | 0             | 2                                                                             | 2         | 0             |
| 6           | Xã Ia Yeng                                           | 10                                   | 1                              | 1        | 0             | 9                                 | 6                                                        | 6         | 0             | 3                                                                             | 3         | 0             |
| 7           | Xã Ia Peng                                           | 12                                   | 0                              | 0        | 0             | 12                                | 9                                                        | 9         | 0             | 3                                                                             | 3         | 0             |
| 8           | Xã Ia Hiao                                           | 15                                   | 0                              | 0        | 0             | 15                                | 12                                                       | 12        | 0             | 3                                                                             | 3         | 0             |
| 9           | Xã Chư A Thai                                        | 11                                   | 0                              | 0        | 0             | 11                                | 4                                                        | 4         | 0             | 7                                                                             | 7         | 0             |
| 10          | Xã Chrôh Ponan                                       | 9                                    | 0                              | 0        | 0             | 9                                 | 8                                                        | 8         | 0             | 1                                                                             | 1         | 0             |
|             | <b>Tổng</b>                                          | <b>130</b>                           | <b>8</b>                       | <b>7</b> | <b>1</b>      | <b>122</b>                        | <b>96</b>                                                | <b>77</b> | <b>19</b>     | <b>26</b>                                                                     | <b>25</b> | <b>1</b>      |



## 2.9. Huyện Đức Cơ:

Có 10 xã, thị trấn (09 xã và 01 thị trấn) với tổng số 93 thôn, tổ dân phố (gồm: 84 thôn và 09 tổ dân phố), trong đó:

- Đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 34 thôn, tổ dân phố (gồm: 28 thôn, 06 tổ dân phố), chiếm 36,56% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

- Không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 59 thôn, tổ dân phố (gồm: 56 thôn và 03 tổ dân phố), chiếm 63,44% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn, trong đó:

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, có đủ điều kiện sáp nhập là 37 thôn, tổ dân phố (gồm: 34 thôn và 03 tổ dân phố), chiếm 39,78% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, thuộc diện đặc thù, chưa đủ điều kiện sáp nhập là 22 thôn, chiếm 23,66% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã thuộc<br>huyện Đức Cơ | Tổng số<br>thôn, tổ<br>dân phố | Đảm bảo tiêu chuẩn quy<br>định |           |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                       |           |               |                                                                               |           |               |
|-------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-----------|---------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|
|             |                                                   |                                | Tổng số                        | Thôn      | Tổ dân<br>phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>có đủ điều kiện sáp nhập |           |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ<br>điều kiện sáp nhập |           |               |
|             |                                                   |                                |                                |           |               |                                   | Tổng số                                               | Thôn      | Tổ dân<br>phố | Tổng số                                                                       | Thôn      | Tổ dân<br>phố |
| 1           | Thị trấn Chư Ty                                   | 10                             | 6                              | 0         | 6             | 4                                 | 3                                                     | 0         | 3             | 1                                                                             | 1         | 0             |
| 2           | Xã Ia Nan                                         | 10                             | 3                              | 3         | 0             | 7                                 | 2                                                     | 2         | 0             | 5                                                                             | 5         | 0             |
| 3           | Xã Ia Dơk                                         | 13                             | 3                              | 3         | 0             | 10                                | 6                                                     | 6         | 0             | 4                                                                             | 4         | 0             |
| 4           | Xã Ia Lang                                        | 6                              | 3                              | 3         | 0             | 3                                 | 2                                                     | 2         | 0             | 1                                                                             | 1         | 0             |
| 5           | Xã Ia Krêl                                        | 12                             | 4                              | 4         | 0             | 8                                 | 4                                                     | 4         | 0             | 4                                                                             | 4         | 0             |
| 6           | Xã Ia Kla                                         | 10                             | 3                              | 3         | 0             | 7                                 | 7                                                     | 7         | 0             | 0                                                                             | 0         | 0             |
| 7           | Xã Ia Kriêng                                      | 8                              | 2                              | 2         | 0             | 6                                 | 4                                                     | 4         | 0             | 2                                                                             | 2         | 0             |
| 8           | Xã Ia Dìn                                         | 12                             | 3                              | 3         | 0             | 9                                 | 7                                                     | 7         | 0             | 2                                                                             | 2         | 0             |
| 9           | Xã Ia Dơm                                         | 8                              | 5                              | 5         | 0             | 3                                 | 2                                                     | 2         | 0             | 1                                                                             | 1         | 0             |
| 10          | Xã Ia Pnôn                                        | 4                              | 2                              | 2         | 0             | 2                                 | 0                                                     | 0         | 0             | 2                                                                             | 2         | 0             |
|             | <b>Tổng</b>                                       | <b>93</b>                      | <b>34</b>                      | <b>28</b> | <b>6</b>      | <b>59</b>                         | <b>37</b>                                             | <b>34</b> | <b>3</b>      | <b>22</b>                                                                     | <b>22</b> | <b>0</b>      |

## 2.10. Huyện Chư Pưh:

Có 09 xã, thị trấn (08 xã và 01 thị trấn) với tổng số 83 thôn, trong đó:

- Đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 33 thôn, chiếm 39,76% tổng số thôn trên địa bàn.

- Không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 50 thôn, chiếm 60,24% tổng số thôn trên địa bàn, trong đó:

+ Thôn không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, có đủ điều kiện sáp nhập là 20 thôn, chiếm 24,10% tổng số thôn trên địa bàn.

+ Thôn không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, thuộc diện đặc thù, chưa đủ điều kiện sáp nhập là 30 thôn, chiếm 36,14% tổng số thôn trên địa bàn.



| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã thuộc huyện<br>Chư Pưh | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn quy<br>định |      |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                       |      |               |                                                                               |      |               |
|-------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|------|---------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|------|---------------|
|             |                                                    |                                      | Tổng số                        | Thôn | Tổ dân<br>phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>có đủ điều kiện sáp nhập |      |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ<br>điều kiện sáp nhập |      |               |
|             |                                                    |                                      |                                |      |               |                                   | Tổng số                                               | Thôn | Tổ dân<br>phố | Tổng số                                                                       | Thôn | Tổ dân<br>phố |
| 1           | Thị trấn Nhơn Hòa                                  | 14                                   | 3                              | 3    | 0             | 11                                | 7                                                     | 7    | 0             | 4                                                                             | 4    | 0             |
| 2           | Xã Ia Phang                                        | 12                                   | 5                              | 5    | 0             | 7                                 | 6                                                     | 6    | 0             | 1                                                                             | 1    | 0             |
| 3           | Xã Ia Hnú                                          | 10                                   | 4                              | 4    | 0             | 6                                 | 2                                                     | 2    | 0             | 4                                                                             | 4    | 0             |
| 4           | Xã Ia Drenh                                        | 6                                    | 5                              | 5    | 0             | 1                                 | 0                                                     | 0    | 0             | 1                                                                             | 1    | 0             |
| 5           | Xã Chư Don                                         | 5                                    | 2                              | 2    | 0             | 3                                 | 0                                                     | 0    | 0             | 3                                                                             | 3    | 0             |
| 6           | Xã Ia Blư                                          | 6                                    | 5                              | 5    | 0             | 1                                 | 0                                                     | 0    | 0             | 1                                                                             | 1    | 0             |
| 7           | Xã Ia Le                                           | 15                                   | 4                              | 4    | 0             | 11                                | 5                                                     | 5    | 0             | 6                                                                             | 6    | 0             |
| 8           | Xã Ia Hla                                          | 8                                    | 2                              | 2    | 0             | 6                                 | 0                                                     | 0    | 0             | 6                                                                             | 6    | 0             |
| 9           | Xã Ia Rong                                         | 7                                    | 3                              | 3    | 0             | 4                                 | 0                                                     | 0    | 0             | 4                                                                             | 4    | 0             |
|             | Tổng                                               | 83                                   | 33                             | 33   | 0             | 50                                | 20                                                    | 20   | 0             | 30                                                                            | 30   | 0             |

#### 2.11. Huyện Chư Păh:

Có 15 xã, thị trấn (13 xã và 02 thị trấn) với tổng số 123 thôn, tổ dân phố (gồm: 120 thôn và 03 tổ dân phố), trong đó:

- Đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 26 thôn, chiếm 21,14% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

- Không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 97 thôn, tổ dân phố (gồm: 94 thôn và 03 tổ dân phố), chiếm 78,86% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn, trong đó:

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, có đủ điều kiện sáp nhập là 28 thôn, tổ dân phố (gồm: 26 thôn và 02 tổ dân phố), chiếm 22,76% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, thuộc diện đặc thù, chưa đủ điều kiện sáp nhập là 69 thôn, tổ dân phố (gồm: 68 thôn và 01 tổ dân phố), chiếm 56,10% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã thuộc huyện<br>Chư Păh | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn quy<br>định |      |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                       |      |            |                                                                               |      |               |
|-------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|------|---------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|------|------------|-------------------------------------------------------------------------------|------|---------------|
|             |                                                    |                                      | Tổng số                        | Thôn | Tổ dân<br>phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>có đủ điều kiện sáp nhập |      |            | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ<br>điều kiện sáp nhập |      |               |
|             |                                                    |                                      |                                |      |               |                                   | Tổng số                                               | Thôn | Tổ dân phố | Tổng số                                                                       | Thôn | Tổ dân<br>phố |
| 1           | Thị trấn Ia Ly                                     | 10                                   | 5                              | 5    | 0             | 5                                 | 3                                                     | 3    | 0          | 2                                                                             | 2    | 0             |
| 2           | Thị trấn Phú Hòa                                   | 8                                    | 1                              | 1    | 0             | 7                                 | 5                                                     | 3    | 2          | 2                                                                             | 1    | 1             |
| 3           | Xã Ia Khươl                                        | 12                                   | 1                              | 1    | 0             | 11                                | 0                                                     | 0    | 0          | 11                                                                            | 11   | 0             |



| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã thuộc huyện<br>Chư Păh | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn quy<br>định |           |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                       |           |            |                                                                               |           |               |
|-------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|-----------|---------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------|------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|
|             |                                                    |                                      | Tổng số                        | Thôn      | Tổ dân<br>phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>có đủ điều kiện sáp nhập |           |            | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ<br>điều kiện sáp nhập |           |               |
|             |                                                    |                                      |                                |           |               |                                   | Tổng số                                               | Thôn      | Tổ dân phố | Tổng số                                                                       | Thôn      | Tổ dân<br>phố |
| 4           | Xã Ia Kren                                         | 3                                    | 1                              | 1         | 0             | 2                                 | 0                                                     | 0         | 0          | 2                                                                             | 2         | 0             |
| 5           | Xã Ia Ka                                           | 9                                    | 6                              | 6         | 0             | 3                                 | 0                                                     | 0         | 0          | 3                                                                             | 3         | 0             |
| 6           | Xã Ia Nhin                                         | 11                                   | 2                              | 2         | 0             | 9                                 | 5                                                     | 5         | 0          | 4                                                                             | 4         | 0             |
| 7           | Xã Hòa Phú                                         | 6                                    | 4                              | 4         | 0             | 2                                 | 0                                                     | 0         | 0          | 2                                                                             | 2         | 0             |
| 8           | Xã Nghĩa Hòa                                       | 7                                    | 1                              | 1         | 0             | 6                                 | 5                                                     | 5         | 0          | 1                                                                             | 1         | 0             |
| 9           | Xã Nghĩa Hưng                                      | 16                                   | 3                              | 3         | 0             | 13                                | 8                                                     | 8         | 0          | 5                                                                             | 5         | 0             |
| 10          | Xã Đak Tơ Ver                                      | 5                                    | 1                              | 1         | 0             | 4                                 | 0                                                     | 0         | 0          | 4                                                                             | 4         | 0             |
| 11          | Xã Hà Tây                                          | 9                                    | 1                              | 1         | 0             | 8                                 | 0                                                     | 0         | 0          | 8                                                                             | 8         | 0             |
| 12          | Xã Ia Phi                                          | 13                                   | 0                              | 0         | 0             | 13                                | 0                                                     | 0         | 0          | 13                                                                            | 13        | 0             |
| 13          | Xã Ia Mơ Nông                                      | 6                                    | 0                              | 0         | 0             | 6                                 | 0                                                     | 0         | 0          | 6                                                                             | 6         | 0             |
| 14          | Xã Chư Jôr                                         | 3                                    | 0                              | 0         | 0             | 3                                 | 0                                                     | 0         | 0          | 3                                                                             | 3         | 0             |
| 15          | Xã Chư Đang Ya                                     | 5                                    | 0                              | 0         | 0             | 5                                 | 2                                                     | 2         | 0          | 3                                                                             | 3         | 0             |
|             | <b>Tổng</b>                                        | <b>123</b>                           | <b>26</b>                      | <b>26</b> | <b>0</b>      | <b>97</b>                         | <b>28</b>                                             | <b>26</b> | <b>2</b>   | <b>69</b>                                                                     | <b>68</b> | <b>1</b>      |

#### 2.12. Huyện Krông Pa:

Có 14 xã, thị trấn (13 xã và 01 thị trấn) với tổng số 131 thôn, tổ dân phố (gồm: 116 thôn và 15 tổ dân phố), trong đó:

- Đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 14 thôn, tổ dân phố (gồm: 13 thôn, 01 tổ dân phố), chiếm 10,69% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

- Không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 117 thôn, tổ dân phố (gồm: 103 thôn và 14 tổ dân phố), chiếm 89,31% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn, trong đó:

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, có đủ điều kiện sáp nhập là 104 thôn, tổ dân phố (gồm: 90 thôn và 14 tổ dân phố), chiếm 79,39% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, thuộc diện đặc thù, chưa đủ điều kiện sáp nhập là 13 thôn, chiếm 9,92% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã thuộc huyện<br>Krông Pa | Tổng số<br>thôn, tổ<br>dân phố | Đảm bảo tiêu chuẩn quy<br>định |      |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                       |      |            |                                                                               |      |            |
|-------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|------|---------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|------|------------|-------------------------------------------------------------------------------|------|------------|
|             |                                                     |                                | Tổng số                        | Thôn | Tổ dân<br>phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>có đủ điều kiện sáp nhập |      |            | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ<br>điều kiện sáp nhập |      |            |
|             |                                                     |                                |                                |      |               |                                   | Tổng số                                               | Thôn | Tổ dân phố | Tổng số                                                                       | Thôn | Tổ dân phố |
| 1           | Thị trấn Phú Túc                                    | 15                             | 1                              | 0    | 1             | 14                                | 14                                                    | 0    | 14         | 0                                                                             | 0    | 0          |
| 2           | Xã Phú Cần                                          | 8                              | 2                              | 2    | 0             | 6                                 | 6                                                     | 6    | 0          | 0                                                                             | 0    | 0          |



| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Krông Pa | Tổng số thôn, tổ dân phố | Đảm bảo tiêu chuẩn quy định |      |            | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                    |      |            |                                                                         |      |            |
|-------------|-----------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------|------|------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------|------|------------|-------------------------------------------------------------------------|------|------------|
|             |                                               |                          | Tổng số                     | Thôn | Tổ dân phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập |      |            | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |      |            |
|             |                                               |                          |                             |      |            |                                   | Tổng số                                            | Thôn | Tổ dân phố | Tổng số                                                                 | Thôn | Tổ dân phố |
| 3           | Xã Chư Gu                                     | 14                       | 1                           | 1    | 0          | 13                                | 13                                                 | 13   | 0          | 0                                                                       | 0    | 0          |
| 4           | Xã Chư Răm                                    | 8                        | 3                           | 3    | 0          | 5                                 | 5                                                  | 5    | 0          | 0                                                                       | 0    | 0          |
| 5           | Xã Ia Rsum                                    | 9                        | 2                           | 2    | 0          | 7                                 | 4                                                  | 4    | 0          | 3                                                                       | 3    | 0          |
| 6           | Xã Uar                                        | 6                        | 1                           | 1    | 0          | 5                                 | 3                                                  | 3    | 0          | 2                                                                       | 2    | 0          |
| 7           | Xã Ia Rmók                                    | 10                       | 1                           | 1    | 0          | 9                                 | 8                                                  | 8    | 0          | 1                                                                       | 1    | 0          |
| 8           | Xã Chư Ngoc                                   | 7                        | 3                           | 3    | 0          | 4                                 | 4                                                  | 4    | 0          | 0                                                                       | 0    | 0          |
| 9           | Xã Ia Rсай                                    | 11                       | 0                           | 0    | 0          | 11                                | 8                                                  | 8    | 0          | 3                                                                       | 3    | 0          |
| 10          | Xã Chư Drăng                                  | 11                       | 0                           | 0    | 0          | 11                                | 10                                                 | 10   | 0          | 1                                                                       | 1    | 0          |
| 11          | Xã Ia Hdreh                                   | 8                        | 0                           | 0    | 0          | 8                                 | 8                                                  | 8    | 0          | 0                                                                       | 0    | 0          |
| 12          | Xã Krông Năng                                 | 7                        | 0                           | 0    | 0          | 7                                 | 6                                                  | 6    | 0          | 1                                                                       | 1    | 0          |
| 13          | Xã Ia Mláh                                    | 8                        | 0                           | 0    | 0          | 8                                 | 7                                                  | 7    | 0          | 1                                                                       | 1    | 0          |
| 14          | Xã Đất Bàng                                   | 9                        | 0                           | 0    | 0          | 9                                 | 8                                                  | 8    | 0          | 1                                                                       | 1    | 0          |
|             | <b>Tổng</b>                                   | 131                      | 14                          | 13   | 1          | 117                               | 104                                                | 90   | 14         | 13                                                                      | 13   | 0          |

### 2.13. Huyện Đak Pơ:

Có 08 xã, thị trấn (07 xã và 01 thị trấn) với tổng số 73 thôn, tổ dân phố (gồm: 69 thôn và 04 tổ dân phố), trong đó:

- Đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 18 thôn, tổ dân phố (gồm: 16 thôn, 02 tổ dân phố), chiếm 24,66% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

- Không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 55 thôn, tổ dân phố (gồm: 53 thôn và 02 tổ dân phố), chiếm 75,34% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn, trong đó:

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, có đủ điều kiện sáp nhập là 43 thôn, chiếm 58,90% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, thuộc diện đặc thù, chưa đủ điều kiện sáp nhập là 12 thôn, tổ dân phố (gồm: 10 thôn và 02 tổ dân phố), chiếm 16,44% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Đak Pơ | Tổng số thôn, tổ dân phố | Đảm bảo tiêu chuẩn quy định |      |            | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                    |      |            |                                                                         |      |            |
|-------------|---------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------|------|------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------|------|------------|-------------------------------------------------------------------------|------|------------|
|             |                                             |                          | Tổng số                     | Thôn | Tổ dân phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập |      |            | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |      |            |
|             |                                             |                          |                             |      |            |                                   | Tổng số                                            | Thôn | Tổ dân phố | Tổng số                                                                 | Thôn | Tổ dân phố |
| 1           | Thị trấn Đak Pơ                             | 8                        | 2                           | 0    | 2          | 6                                 | 2                                                  | 2    | 0          | 4                                                                       | 2    | 2          |
| 2           | Xã Hà Tam                                   | 6                        | 1                           | 1    | 0          | 5                                 | 4                                                  | 4    | 0          | 1                                                                       | 1    | 0          |
| 3           | Xã An Thành                                 | 5                        | 1                           | 1    | 0          | 4                                 | 0                                                  | 0    | 0          | 4                                                                       | 4    | 0          |



| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp<br>xã thuộc huyện Đak<br>Pơ | Tổng số<br>thôn, tổ<br>dân phố | Đảm bảo tiêu chuẩn quy<br>định |           |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                       |           |               |                                                                               |           |               |
|-------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-----------|---------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|
|             |                                                   |                                | Tổng số                        | Thôn      | Tổ dân<br>phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>có đủ điều kiện sáp nhập |           |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ<br>điều kiện sáp nhập |           |               |
|             |                                                   |                                |                                |           |               |                                   | Tổng số                                               | Thôn      | Tổ dân<br>phố | Tổng số                                                                       | Thôn      | Tổ dân<br>phố |
| 4           | Xã Tân An                                         | 13                             | 8                              | 8         | 0             | 5                                 | 5                                                     | 5         | 0             | 0                                                                             | 0         | 0             |
| 5           | Xã Cư An                                          | 10                             | 3                              | 3         | 0             | 7                                 | 7                                                     | 7         | 0             | 0                                                                             | 0         | 0             |
| 6           | Xã Phú An                                         | 6                              | 3                              | 3         | 0             | 3                                 | 2                                                     | 2         | 0             | 1                                                                             | 1         | 0             |
| 7           | Xã Yang Bắc                                       | 15                             | 0                              | 0         | 0             | 15                                | 13                                                    | 13        | 0             | 2                                                                             | 2         | 0             |
| 8           | Xã Ya Hội                                         | 10                             | 0                              | 0         | 0             | 10                                | 10                                                    | 10        | 0             | 0                                                                             | 0         | 0             |
|             | <b>Tổng</b>                                       | <b>73</b>                      | <b>18</b>                      | <b>16</b> | <b>2</b>      | <b>55</b>                         | <b>43</b>                                             | <b>43</b> | <b>0</b>      | <b>12</b>                                                                     | <b>10</b> | <b>2</b>      |

#### 2.14. Huyện Đak Đoa:

Có 17 xã, thị trấn (16 xã và 01 thị trấn) với tổng số 156 thôn, tổ dân phố (gồm: 147 thôn và 09 tổ dân phố), trong đó:

- Đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 51 thôn, tổ dân phố (gồm: 47 thôn, 04 tổ dân phố), chiếm 32,69% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

- Không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình quy định là 105 thôn, tổ dân phố (gồm: 100 thôn và 05 tổ dân phố), chiếm 67,31% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn, trong đó:

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, có đủ điều kiện sáp nhập là 75 thôn, tổ dân phố (gồm: 70 thôn và 05 tổ dân phố), chiếm 48,08% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, thuộc diện đặc thù, chưa đủ điều kiện sáp nhập là 30 thôn, chiếm 19,23% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã thuộc huyện<br>Đak Đoa | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn quy<br>định |      |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                       |      |               |                                                                               |      |               |
|-------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|------|---------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|------|---------------|
|             |                                                    |                                      | Tổng số                        | Thôn | Tổ dân<br>phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>có đủ điều kiện sáp nhập |      |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ<br>điều kiện sáp nhập |      |               |
|             |                                                    |                                      |                                |      |               |                                   | Tổng số                                               | Thôn | Tổ dân<br>phố | Tổng số                                                                       | Thôn | Tổ dân<br>phố |
| 1           | Thị trấn Đak Đoa                                   | 20                                   | 9                              | 5    | 4             | 11                                | 11                                                    | 6    | 5             | 0                                                                             | 0    | 0             |
| 2           | Xã KĐang                                           | 12                                   | 4                              | 4    | 0             | 8                                 | 4                                                     | 4    | 0             | 4                                                                             | 4    | 0             |
| 3           | Xã Ia Băng                                         | 12                                   | 9                              | 9    | 0             | 3                                 | 1                                                     | 1    | 0             | 2                                                                             | 2    | 0             |
| 4           | Xã ADok                                            | 10                                   | 1                              | 1    | 0             | 9                                 | 8                                                     | 8    | 0             | 1                                                                             | 1    | 0             |
| 5           | Xã Nam Yang                                        | 5                                    | 4                              | 4    | 0             | 1                                 | 1                                                     | 1    | 0             | 0                                                                             | 0    | 0             |
| 6           | Xã Kon Gang                                        | 8                                    | 1                              | 1    | 0             | 7                                 | 5                                                     | 5    | 0             | 2                                                                             | 2    | 0             |
| 7           | Xã Ia Pét                                          | 10                                   | 4                              | 4    | 0             | 6                                 | 3                                                     | 3    | 0             | 3                                                                             | 3    | 0             |
| 8           | Xã Hà Bầu                                          | 13                                   | 1                              | 1    | 0             | 12                                | 9                                                     | 9    | 0             | 3                                                                             | 3    | 0             |
| 9           | Xã Tân Bình                                        | 3                                    | 3                              | 3    | 0             | 0                                 | 0                                                     | 0    | 0             | 0                                                                             | 0    | 0             |
| 10          | Xã Trang                                           | 11                                   | 1                              | 1    | 0             | 10                                | 9                                                     | 9    | 0             | 1                                                                             | 1    | 0             |



| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã thuộc huyện<br>Đak Đoa | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn quy<br>định |           |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                       |           |               |                                                                               |           |               |
|-------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|-----------|---------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|
|             |                                                    |                                      | Tổng số                        | Thôn      | Tổ dân<br>phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>có đủ điều kiện sắp nhập |           |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ<br>điều kiện sắp nhập |           |               |
|             |                                                    |                                      |                                |           |               |                                   | Tổng số                                               | Thôn      | Tổ dân<br>phố | Tổng số                                                                       | Thôn      | Tổ dân<br>phố |
| 11          | Xã Đak Krong                                       | 11                                   | 1                              | 1         | 0             | 10                                | 6                                                     | 6         | 0             | 4                                                                             | 4         | 0             |
| 12          | Xã Glar                                            | 10                                   | 8                              | 8         | 0             | 2                                 | 2                                                     | 2         | 0             | 0                                                                             | 0         | 0             |
| 13          | Xã Hà Đông                                         | 5                                    | 2                              | 2         | 0             | 3                                 | 0                                                     | 0         | 0             | 3                                                                             | 3         | 0             |
| 14          | Xã Hải Yang                                        | 4                                    | 3                              | 3         | 0             | 1                                 | 1                                                     | 1         | 0             | 0                                                                             | 0         | 0             |
| 15          | Xã HNoi                                            | 7                                    | 0                              | 0         | 0             | 7                                 | 4                                                     | 4         | 0             | 3                                                                             | 3         | 0             |
| 16          | Xã Đak Somei                                       | 10                                   | 0                              | 0         | 0             | 10                                | 9                                                     | 9         | 0             | 1                                                                             | 1         | 0             |
| 17          | Xã HNeng                                           | 5                                    | 0                              | 0         | 0             | 5                                 | 2                                                     | 2         | 0             | 3                                                                             | 3         | 0             |
|             | <b>Tổng</b>                                        | <b>156</b>                           | <b>51</b>                      | <b>47</b> | <b>4</b>      | <b>105</b>                        | <b>75</b>                                             | <b>70</b> | <b>5</b>      | <b>30</b>                                                                     | <b>30</b> | <b>0</b>      |

### 2.15. Huyện Chư Prông:

Có 20 xã, thị trấn (19 xã và 01 thị trấn) với tổng số 180 thôn, tổ dân phố (gồm: 174 thôn và 06 tổ dân phố), trong đó:

- Đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 48 thôn, tổ dân phố (gồm: 43 thôn, 05 tổ dân phố), chiếm 26,67% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

- Không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 132 thôn, tổ dân phố (gồm: 131 thôn và 01 tổ dân phố), chiếm 73,33% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn, trong đó:

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, có đủ điều kiện sắp nhập là 63 thôn, tổ dân phố (gồm: 62 thôn và 01 tổ dân phố), chiếm 35,00% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, thuộc diện đặc thù, chưa đủ điều kiện sắp nhập là 69 thôn, chiếm 38,33% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã thuộc huyện<br>Chư Prông | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn quy<br>định |      |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                       |      |               |                                                                               |      |               |
|-------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|------|---------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|------|---------------|
|             |                                                      |                                      | Tổng số                        | Thôn | Tổ dân<br>phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>có đủ điều kiện sắp nhập |      |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ điều<br>kiện sắp nhập |      |               |
|             |                                                      |                                      |                                |      |               |                                   | Tổng số                                               | Thôn | Tổ dân<br>phố | Tổng số                                                                       | Thôn | Tổ dân<br>phố |
| 1           | Thị trấn Chư Prông                                   | 9                                    | 7                              | 2    | 5             | 2                                 | 1                                                     | 0    | 1             | 1                                                                             | 1    | 0             |
| 2           | Xã Bàu Cạn                                           | 6                                    | 6                              | 6    | 0             | 0                                 | 0                                                     | 0    | 0             | 0                                                                             | 0    | 0             |
| 3           | Xã Bình Giáo                                         | 6                                    | 2                              | 2    | 0             | 4                                 | 0                                                     | 0    | 0             | 4                                                                             | 4    | 0             |
| 4           | Xã Thăng Hưng                                        | 7                                    | 3                              | 3    | 0             | 4                                 | 0                                                     | 0    | 0             | 4                                                                             | 4    | 0             |
| 5           | Xã Ia Me                                             | 8                                    | 3                              | 3    | 0             | 5                                 | 2                                                     | 2    | 0             | 3                                                                             | 3    | 0             |
| 6           | Xã Ia Bang                                           | 8                                    | 1                              | 1    | 0             | 7                                 | 4                                                     | 4    | 0             | 3                                                                             | 3    | 0             |
| 7           | Xã Ia Ga                                             | 7                                    | 3                              | 3    | 0             | 4                                 | 2                                                     | 2    | 0             | 2                                                                             | 2    | 0             |
| 8           | Xã Ia Drang                                          | 13                                   | 4                              | 4    | 0             | 9                                 | 2                                                     | 2    | 0             | 7                                                                             | 7    | 0             |
| 9           | Xã Ia Pior                                           | 14                                   | 3                              | 3    | 0             | 11                                | 8                                                     | 8    | 0             | 3                                                                             | 3    | 0             |



| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã thuộc huyện<br>Chư Prông | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn quy<br>định |           |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                       |           |               |                                                                               |           |               |
|-------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|-----------|---------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|
|             |                                                      |                                      | Tổng số                        | Thôn      | Tổ dân<br>phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>có đủ điều kiện sáp nhập |           |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ điều<br>kiện sáp nhập |           |               |
|             |                                                      |                                      |                                |           |               |                                   | Tổng số                                               | Thôn      | Tổ dân<br>phố | Tổng số                                                                       | Thôn      | Tổ dân<br>phố |
| 10          | Xã Ia O                                              | 6                                    | 1                              | 1         | 0             | 5                                 | 1                                                     | 1         | 0             | 4                                                                             | 4         | 0             |
| 11          | Xã Ia Vê                                             | 11                                   | 2                              | 2         | 0             | 9                                 | 0                                                     | 0         | 0             | 9                                                                             | 9         | 0             |
| 12          | Xã Ia Lâu                                            | 13                                   | 5                              | 5         | 0             | 8                                 | 6                                                     | 6         | 0             | 2                                                                             | 2         | 0             |
| 13          | Xã Ia Phin                                           | 10                                   | 3                              | 3         | 0             | 7                                 | 4                                                     | 4         | 0             | 3                                                                             | 3         | 0             |
| 14          | Xã Ia Boong                                          | 12                                   | 1                              | 1         | 0             | 11                                | 4                                                     | 4         | 0             | 7                                                                             | 7         | 0             |
| 15          | Xã Ia Bâng                                           | 9                                    | 3                              | 3         | 0             | 6                                 | 6                                                     | 6         | 0             | 0                                                                             | 0         | 0             |
| 16          | Xã Ia Púch                                           | 4                                    | 1                              | 1         | 0             | 3                                 | 0                                                     | 0         | 0             | 3                                                                             | 3         | 0             |
| 17          | Xã Ia Kly                                            | 5                                    | 0                              | 0         | 0             | 5                                 | 0                                                     | 0         | 0             | 5                                                                             | 5         | 0             |
| 18          | Xã Ia Mơ                                             | 5                                    | 0                              | 0         | 0             | 5                                 | 0                                                     | 0         | 0             | 5                                                                             | 5         | 0             |
| 19          | Xã Ia Tờ                                             | 12                                   | 0                              | 0         | 0             | 12                                | 8                                                     | 8         | 0             | 4                                                                             | 4         | 0             |
| 20          | Xã Ia Pia                                            | 15                                   | 0                              | 0         | 0             | 15                                | 15                                                    | 15        | 0             | 0                                                                             | 0         | 0             |
|             | <b>Tổng</b>                                          | <b>180</b>                           | <b>48</b>                      | <b>43</b> | <b>5</b>      | <b>132</b>                        | <b>63</b>                                             | <b>62</b> | <b>1</b>      | <b>69</b>                                                                     | <b>69</b> | <b>0</b>      |

#### 2.16. Huyện Mang Yang:

Có 12 xã, thị trấn (11 xã và 01 thị trấn) với tổng số 106 thôn, tổ dân phố (gồm: 97 thôn và 09 tổ dân phố), trong đó:

- Đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 16 thôn, tổ dân phố (gồm: 13 thôn, 03 tổ dân phố), chiếm 15,09% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

- Không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 90 thôn, tổ dân phố (gồm: 84 thôn và 06 tổ dân phố), chiếm 84,91% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn, trong đó:

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, có đủ điều kiện sáp nhập là 52 thôn, tổ dân phố (gồm: 46 thôn và 06 tổ dân phố), chiếm 49,06% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

+ Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, thuộc diện đặc thù, chưa đủ điều kiện sáp nhập là 38 thôn, chiếm 35,85% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã thuộc huyện<br>Mang Yang | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn quy<br>định |      |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                       |      |               |                                                                               |      |               |
|-------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|------|---------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|------|---------------|
|             |                                                      |                                      | Tổng số                        | Thôn | Tổ dân<br>phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>có đủ điều kiện sáp nhập |      |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ<br>điều kiện sáp nhập |      |               |
|             |                                                      |                                      |                                |      |               |                                   | Tổng số                                               | Thôn | Tổ dân<br>phố | Tổng số                                                                       | Thôn | Tổ dân<br>phố |
| 1           | Thị trấn Kon Dơng                                    | 13                                   | 3                              | 0    | 3             | 10                                | 8                                                     | 2    | 6             | 2                                                                             | 2    | 0             |
| 2           | Xã H'ra                                              | 12                                   | 3                              | 3    | 0             | 9                                 | 5                                                     | 5    | 0             | 4                                                                             | 4    | 0             |
| 3           | Xã Đak Ta Ley                                        | 5                                    | 2                              | 2    | 0             | 3                                 | 0                                                     | 0    | 0             | 3                                                                             | 3    | 0             |
| 4           | Xã Đak Jơ Ta                                         | 4                                    | 1                              | 1    | 0             | 3                                 | 2                                                     | 2    | 0             | 1                                                                             | 1    | 0             |
| 5           | Xã Đak Yă                                            | 7                                    | 1                              | 1    | 0             | 6                                 | 3                                                     | 3    | 0             | 3                                                                             | 3    | 0             |



| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã thuộc huyện<br>Mang Yang | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn quy<br>định |           |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                       |           |               |                                                                               |           |               |
|-------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|-----------|---------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|
|             |                                                      |                                      | Tổng số                        | Thôn      | Tổ dân<br>phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>có đủ điều kiện sáp nhập |           |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>thuộc diện đặc thù chưa đủ<br>điều kiện sáp nhập |           |               |
|             |                                                      |                                      |                                |           |               |                                   | Tổng số                                               | Thôn      | Tổ dân<br>phố | Tổng số                                                                       | Thôn      | Tổ dân<br>phố |
| 6           | Xã Đak Djrăng                                        | 9                                    | 2                              | 2         | 0             | 7                                 | 3                                                     | 3         | 0             | 4                                                                             | 4         | 0             |
| 7           | Xã Kon Thup                                          | 7                                    | 2                              | 2         | 0             | 5                                 | 2                                                     | 2         | 0             | 3                                                                             | 3         | 0             |
| 8           | Xã Kon Chiêng                                        | 9                                    | 2                              | 2         | 0             | 7                                 | 3                                                     | 3         | 0             | 4                                                                             | 4         | 0             |
| 9           | Xã Ayun                                              | 14                                   | 0                              | 0         | 0             | 14                                | 11                                                    | 11        | 0             | 3                                                                             | 3         | 0             |
| 10          | Xã Lơ Pang                                           | 8                                    | 0                              | 0         | 0             | 8                                 | 2                                                     | 2         | 0             | 6                                                                             | 6         | 0             |
| 11          | Xã Đê Ar                                             | 10                                   | 0                              | 0         | 0             | 10                                | 5                                                     | 5         | 0             | 5                                                                             | 5         | 0             |
| 12          | Xã Đak Trôi                                          | 8                                    | 0                              | 0         | 0             | 8                                 | 8                                                     | 8         | 0             | 0                                                                             | 0         | 0             |
|             | <b>Tổng</b>                                          | <b>106</b>                           | <b>16</b>                      | <b>13</b> | <b>3</b>      | <b>90</b>                         | <b>52</b>                                             | <b>46</b> | <b>6</b>      | <b>38</b>                                                                     | <b>38</b> | <b>0</b>      |

## 2.17. Huyện Ia Pa:

Có 09 xã với tổng số 75 thôn, trong đó:

- Đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 19 thôn, chiếm 25,33% tổng số thôn trên địa bàn.

- Không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định là 56 thôn, chiếm 74,67% tổng số thôn trên địa bàn, trong đó:

+ Thôn không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, có đủ điều kiện sáp nhập là 45 thôn, chiếm 60,00% tổng số thôn trên địa bàn.

+ Thôn không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, thuộc diện đặc thù, chưa đủ điều kiện sáp nhập là 11 thôn, chiếm 14,67% tổng số thôn trên địa bàn.

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành<br>chính cấp xã<br>thuộc huyện Ia<br>Pa | Tổng<br>số<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Đảm bảo tiêu chuẩn quy<br>định |           |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn quy định |                                                       |           |               |                                                                               |           |               |
|-------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|-----------|---------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|
|             |                                                     |                                      | Tổng số                        | Thôn      | Tổ dân<br>phố | Tổng số                           | Không đảm bảo tiêu chuẩn,<br>có đủ điều kiện sáp nhập |           |               | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc<br>diện đặc thù chưa đủ điều kiện<br>sáp nhập |           |               |
|             |                                                     |                                      |                                |           |               |                                   | Tổng số                                               | Thôn      | Tổ dân<br>phố | Tổng số                                                                       | Thôn      | Tổ dân<br>phố |
| 1           | Xã Kim Tân                                          | 7                                    | 2                              | 2         | 0             | 5                                 | 4                                                     | 4         | 0             | 1                                                                             | 1         | 0             |
| 2           | Xã Ia Mron                                          | 12                                   | 8                              | 8         | 0             | 4                                 | 3                                                     | 3         | 0             | 1                                                                             | 1         | 0             |
| 3           | Xã Ia Trok                                          | 9                                    | 6                              | 6         | 0             | 3                                 | 2                                                     | 2         | 0             | 1                                                                             | 1         | 0             |
| 4           | Xã Chư Mố                                           | 9                                    | 2                              | 2         | 0             | 7                                 | 7                                                     | 7         | 0             | 0                                                                             | 0         | 0             |
| 5           | Xã Ia Kdam                                          | 7                                    | 1                              | 1         | 0             | 6                                 | 6                                                     | 6         | 0             | 0                                                                             | 0         | 0             |
| 6           | Xã Pờ Tô                                            | 12                                   | 0                              | 0         | 0             | 12                                | 10                                                    | 10        | 0             | 2                                                                             | 2         | 0             |
| 7           | Xã Ia Broai                                         | 6                                    | 0                              | 0         | 0             | 6                                 | 3                                                     | 3         | 0             | 3                                                                             | 3         | 0             |
| 8           | Xã Ia Tul                                           | 6                                    | 0                              | 0         | 0             | 6                                 | 5                                                     | 5         | 0             | 1                                                                             | 1         | 0             |
| 9           | Xã Chư Răng                                         | 7                                    | 0                              | 0         | 0             | 7                                 | 5                                                     | 5         | 0             | 2                                                                             | 2         | 0             |
|             | <b>Tổng</b>                                         | <b>75</b>                            | <b>19</b>                      | <b>19</b> | <b>0</b>      | <b>56</b>                         | <b>45</b>                                             | <b>45</b> | <b>0</b>      | <b>11</b>                                                                     | <b>11</b> | <b>0</b>      |



*\* Danh sách cụ thể thôn, tổ dân phố đảm bảo tiêu chuẩn và không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định tại các xã, phường, thị trấn có phụ lục số 01 kèm theo Đề án này.*

## **Phần thứ hai**

# **MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, SÁP NHẬP THÔN, TỔ DÂN PHỐ KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN VỀ QUY MÔ SỐ HỘ GIA ĐÌNH, CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN SÁP NHẬP**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Từ nay đến năm 2021, thực hiện sắp xếp, hoàn thành việc sáp nhập các thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, có đủ điều kiện để sáp nhập trên toàn tỉnh.

2. Tập trung tuyên truyền, vận động, thuyết phục tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị và nhân dân đối với việc sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

3. Gắn việc sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố với việc tinh giảm người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở, nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động của các tổ chức tự quản ở thôn, tổ dân phố.

## **II. NGUYÊN TẮC SẮP XẾP, SÁP NHẬP THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

1. Bảo đảm công khai, dân chủ, được đa số cử tri của thôn, tổ dân phố có liên quan đồng thuận; thực hiện đúng quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện sáp nhập trên cùng một đơn vị hành chính cấp xã; có vị trí địa lý liền kề nhau; giao thông thuận lợi.

3. Có lịch sử, truyền thống văn hóa tương đồng.

4. Bảo đảm sự kế thừa, ổn định, thuận lợi trong hoạt động tự quản ở cơ sở.

## **III. LỘ TRÌNH SẮP XẾP, SÁP NHẬP THÔN, TỔ DÂN PHỐ KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN VỀ QUY MÔ SỐ HỘ GIA ĐÌNH Ở NƠI CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

### **1. Lộ trình sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố:**

#### **1.1. Nhiệm vụ năm 2018 - 2019:**

- Tổ chức triển khai thực hiện công tác sắp xếp, sáp nhập các thôn, tổ dân phố có điều kiện thuận lợi hoàn thành trong năm 2018. Các trường hợp thôn, tổ dân phố có đủ điều kiện sáp nhập nhưng cần thời gian vận động, thuyết phục thì thực hiện xong chậm nhất Quý IV năm 2019.

- Tập trung thực hiện tốt công tác quán triệt, tuyên truyền, vận động trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận cao trong quá trình sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách theo quy định và phù hợp đối với những người dôi dư không tiếp tục thực hiện nhiệm vụ do sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố.

- Tiếp tục sử dụng có hiệu quả cơ sở, vật chất của thôn, tổ dân phố sau khi sáp nhập gắn với sự đồng thuận của nhân dân ở cơ sở.

- Kịp thời giải quyết theo thẩm quyền các vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố.

- Định kỳ sơ kết, rút kinh nghiệm về việc sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố.



**Tổng quan lộ trình sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh trong năm 2018, 2019**

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp huyện | Tổng số thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |            |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |            |            |
|-------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------|------------|----------------------------|------------|------------|
|             |                             |                                                                             | Tổng số                    | Thôn       | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn       | Tổ dân phố |
| 1           | Thành phố Pleiku            | 135                                                                         | 135                        | 25         | 110        | 0                          | 0          | 0          |
| 2           | Thị xã An Khê               | 60                                                                          | 60                         | 11         | 49         | 0                          | 0          | 0          |
| 3           | Thị xã Ayun Pa              | 12                                                                          | 12                         | 2          | 10         | 0                          | 0          | 0          |
| 4           | Huyện Kbang                 | 114                                                                         | 112                        | 93         | 19         | 2                          | 2          | 0          |
| 5           | Huyện Chư Sê                | 100                                                                         | 98                         | 94         | 4          | 2                          | 2          | 0          |
| 6           | Huyện Ia Grai               | 38                                                                          | 35                         | 35         | 0          | 3                          | 3          | 0          |
| 7           | Huyện Kông Chro             | 68                                                                          | 52                         | 52         | 0          | 16                         | 10         | 6          |
| 8           | Huyện Phú Thiện             | 96                                                                          | 29                         | 25         | 4          | 67                         | 52         | 15         |
| 9           | Huyện Đức Cơ                | 37                                                                          | 37                         | 34         | 3          | 0                          | 0          | 0          |
| 10          | Huyện Chư Pưh               | 20                                                                          | 20                         | 20         | 0          | 0                          | 0          | 0          |
| 11          | Huyện Chư Păh               | 28                                                                          | 28                         | 26         | 2          | 0                          | 0          | 0          |
| 12          | Huyện Krông Pa              | 104                                                                         | 99                         | 85         | 14         | 5                          | 5          | 0          |
| 13          | Huyện Đak Pơ                | 43                                                                          | 34                         | 34         | 0          | 9                          | 9          | 0          |
| 14          | Huyện Đak Đoa               | 75                                                                          | 39                         | 34         | 5          | 36                         | 36         | 0          |
| 15          | Huyện Chư Prông             | 63                                                                          | 32                         | 32         | 0          | 31                         | 30         | 1          |
| 16          | Huyện Mang Yang             | 52                                                                          | 52                         | 46         | 6          | 0                          | 0          | 0          |
| 17          | Huyện Ia Pa                 | 45                                                                          | 45                         | 45         | 0          | 0                          | 0          | 0          |
|             | <b>Tổng</b>                 | <b>1090</b>                                                                 | <b>919</b>                 | <b>693</b> | <b>226</b> | <b>171</b>                 | <b>149</b> | <b>22</b>  |

**Cụ thể:**

**a. Cấp xã thuộc thành phố Pleiku:**

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |      |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |      |            |
|-------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------|------------|----------------------------|------|------------|
|             |                          |                                                                             | Tổng số                    | Thôn | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn | Tổ dân phố |
| 1           | Phường Diên Hồng         | 9                                                                           | 9                          | 0    | 9          | 0                          | 0    | 0          |
| 2           | Phường Yên Đỗ            | 6                                                                           | 6                          | 0    | 6          | 0                          | 0    | 0          |
| 3           | Phường Ia Kring          | 0                                                                           | 0                          | 0    | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 4           | Phường Hoa Lư            | 5                                                                           | 5                          | 0    | 5          | 0                          | 0    | 0          |
| 5           | Phường Thống Nhất        | 11                                                                          | 11                         | 0    | 11         | 0                          | 0    | 0          |
| 6           | Phường Yên Thế           | 13                                                                          | 13                         | 0    | 13         | 0                          | 0    | 0          |
| 7           | Phường Hội Phú           | 5                                                                           | 5                          | 0    | 5          | 0                          | 0    | 0          |
| 8           | Phường Phú Đồng          | 13                                                                          | 13                         | 0    | 13         | 0                          | 0    | 0          |
| 9           | Phường Trà Bá            | 1                                                                           | 1                          | 0    | 1          | 0                          | 0    | 0          |
| 10          | Phường Chi Lăng          | 3                                                                           | 3                          | 0    | 3          | 0                          | 0    | 0          |
| 11          | Phường Thắng Lợi         | 3                                                                           | 3                          | 0    | 3          | 0                          | 0    | 0          |
| 12          | Phường Tây Sơn           | 16                                                                          | 16                         | 0    | 16         | 0                          | 0    | 0          |
| 13          | Phường Đồng Đa           | 8                                                                           | 8                          | 0    | 8          | 0                          | 0    | 0          |
| 14          | Phường Hội Thương        | 17                                                                          | 17                         | 0    | 17         | 0                          | 0    | 0          |
| 15          | Xã Chư Ắ                 | 8                                                                           | 8                          | 8    | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 16          | Xã An Phú                | 4                                                                           | 4                          | 4    | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 17          | Xã Trà Đa                | 0                                                                           | 0                          | 0    | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 18          | Xã Tân Sơn               | 3                                                                           | 3                          | 3    | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 19          | Xã Biển Hồ               | 5                                                                           | 5                          | 5    | 0          | 0                          | 0    | 0          |



| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |           |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |          |            |
|-------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------|------------|----------------------------|----------|------------|
|             |                          |                                                                             | Tổng số                    | Thôn      | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn     | Tổ dân phố |
| 20          | Xã Chư Hdrông            | 0                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 21          | Xã Ia Kênh               | 0                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 22          | Xã Diên Phú              | 5                                                                           | 5                          | 5         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 23          | Xã Gào                   | 0                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
|             | <b>Tổng</b>              | <b>135</b>                                                                  | <b>135</b>                 | <b>25</b> | <b>110</b> | <b>0</b>                   | <b>0</b> | <b>0</b>   |

**b. Cấp xã thuộc thị xã An Khê:**

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |           |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |          |            |
|-------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------|------------|----------------------------|----------|------------|
|             |                          |                                                                             | Tổng số                    | Thôn      | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn     | Tổ dân phố |
| 1           | Phường An Bình           | 8                                                                           | 8                          | 0         | 8          | 0                          | 0        | 0          |
| 2           | Phường Tây Sơn           | 13                                                                          | 13                         | 0         | 13         | 0                          | 0        | 0          |
| 3           | Phường An Phú            | 12                                                                          | 12                         | 0         | 12         | 0                          | 0        | 0          |
| 4           | Phường An Phước          | 2                                                                           | 2                          | 0         | 2          | 0                          | 0        | 0          |
| 5           | Phường An Tân            | 7                                                                           | 7                          | 0         | 7          | 0                          | 0        | 0          |
| 6           | Phường Ngô Mây           | 7                                                                           | 7                          | 0         | 7          | 0                          | 0        | 0          |
| 7           | Xã Cửu An                | 5                                                                           | 5                          | 5         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 8           | Xã Song An               | 0                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 9           | Xã Thành An              | 0                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 10          | Xã Tú An                 | 4                                                                           | 4                          | 4         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 11          | Xã Xuân An               | 2                                                                           | 2                          | 2         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
|             | <b>Tổng</b>              | <b>60</b>                                                                   | <b>60</b>                  | <b>11</b> | <b>49</b>  | <b>0</b>                   | <b>0</b> | <b>0</b>   |

**c. Cấp xã thuộc thị xã Ayun Pa:**

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |          |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |          |            |
|-------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|----------|------------|----------------------------|----------|------------|
|             |                          |                                                                             | Tổng số                    | Thôn     | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn     | Tổ dân phố |
| 1           | Xã Chư Băh               | 0                                                                           | 0                          | 0        | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 2           | Xã Ia Sao                | 0                                                                           | 0                          | 0        | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 3           | Xã Ia Rbol               | 0                                                                           | 0                          | 0        | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 4           | Xã Ia Rô                 | 2                                                                           | 2                          | 2        | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 5           | Phường Hòa Bình          | 4                                                                           | 4                          | 0        | 4          | 0                          | 0        | 0          |
| 6           | Phường Đoàn Kết          | 0                                                                           | 0                          | 0        | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 7           | Phường Sông Bờ           | 6                                                                           | 6                          | 0        | 6          | 0                          | 0        | 0          |
| 8           | Phường Cheo Reo          | 0                                                                           | 0                          | 0        | 0          | 0                          | 0        | 0          |
|             | <b>Tổng</b>              | <b>12</b>                                                                   | <b>12</b>                  | <b>2</b> | <b>10</b>  | <b>0</b>                   | <b>0</b> | <b>0</b>   |

**d. Cấp xã thuộc huyện Kbang:**

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |      |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |      |            |
|-------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------|------------|----------------------------|------|------------|
|             |                          |                                                                             | Tổng số                    | Thôn | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn | Tổ dân phố |
| 1           | Thị trấn Kbang           | 19                                                                          | 19                         | 0    | 19         | 0                          | 0    | 0          |
| 2           | Xã Sơn Lang              | 4                                                                           | 4                          | 4    | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 3           | Xã Đông                  | 10                                                                          | 10                         | 10   | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 4           | Xã Nghĩa An              | 5                                                                           | 5                          | 5    | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 5           | Xã Sơ Pai                | 3                                                                           | 3                          | 3    | 0          | 0                          | 0    | 0          |



| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |           |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |          |            |
|-------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------|------------|----------------------------|----------|------------|
|             |                          |                                                                             | Tổng số                    | Thôn      | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn     | Tổ dân phố |
| 6           | Xã Đak Rong              | 8                                                                           | 8                          | 8         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 7           | Xã Krong                 | 22                                                                          | 22                         | 22        | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 8           | Xã Lơ Ku                 | 6                                                                           | 6                          | 6         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 9           | Xã Tơ Tung               | 13                                                                          | 13                         | 13        | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 10          | Xã Kông Long Khong       | 6                                                                           | 4                          | 4         | 0          | 2                          | 2        | 0          |
| 11          | Xã Đăk Hlơ               | 6                                                                           | 6                          | 6         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 12          | Xã Kông Bờ La            | 8                                                                           | 8                          | 8         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 13          | Xã Đak Smar              | 4                                                                           | 4                          | 4         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 14          | Xã Kon Pnê               | 0                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
|             | <b>Tổng</b>              | <b>114</b>                                                                  | <b>112</b>                 | <b>93</b> | <b>19</b>  | <b>2</b>                   | <b>2</b> | <b>0</b>   |

**d. Cấp xã thuộc huyện Chư Sê:**

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |           |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |          |            |
|-------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------|------------|----------------------------|----------|------------|
|             |                          |                                                                             | Tổng số                    | Thôn      | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn     | Tổ dân phố |
| 1           | Thị trấn Chư Sê          | 9                                                                           | 9                          | 5         | 4          | 0                          | 0        | 0          |
| 2           | Xã Ia Tiêm               | 6                                                                           | 6                          | 6         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 3           | Xã Dun                   | 4                                                                           | 4                          | 4         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 4           | Xã Bờ Ngoong             | 4                                                                           | 4                          | 4         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 5           | Xã Hbông                 | 8                                                                           | 8                          | 8         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 6           | Xã Ia Hlốp               | 6                                                                           | 6                          | 6         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 7           | Xã Bar Măih              | 9                                                                           | 9                          | 9         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 8           | Xã Ia Pal                | 6                                                                           | 6                          | 6         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 9           | Xã Ia Ko                 | 0                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 10          | Xã Al Bă                 | 8                                                                           | 8                          | 8         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 11          | Xã Ia Glai               | 1                                                                           | 1                          | 1         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 12          | Xã Ia Blang              | 9                                                                           | 7                          | 7         | 0          | 2                          | 2        | 0          |
| 13          | Xã Chư Pong              | 4                                                                           | 4                          | 4         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 14          | Xã Ayun                  | 14                                                                          | 14                         | 14        | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 15          | Xã Kông Htok             | 12                                                                          | 12                         | 12        | 0          | 0                          | 0        | 0          |
|             | <b>Tổng</b>              | <b>100</b>                                                                  | <b>98</b>                  | <b>94</b> | <b>4</b>   | <b>2</b>                   | <b>2</b> | <b>0</b>   |

**e. Cấp xã thuộc huyện Ia Grai:**

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |      |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |      |            |
|-------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------|------------|----------------------------|------|------------|
|             |                          |                                                                             | Tổng số                    | Thôn | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn | Tổ dân phố |
| 1           | Thị trấn Ia Kha          | 0                                                                           | 0                          | 0    | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 2           | Xã Ia Khai               | 2                                                                           | 2                          | 2    | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 3           | Xã Ia Chiă               | 0                                                                           | 0                          | 0    | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 4           | Xã Ia Krăi               | 0                                                                           | 0                          | 0    | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 5           | Xã Ia Grăng              | 0                                                                           | 0                          | 0    | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 6           | Xã Ia Dêr                | 0                                                                           | 0                          | 0    | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 7           | Xã Ia Tô                 | 3                                                                           | 2                          | 2    | 0          | 1                          | 1    | 0          |
| 8           | Xã Ia Sao                | 5                                                                           | 5                          | 5    | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 9           | Xã Ia Pêch               | 2                                                                           | 0                          | 0    | 0          | 2                          | 2    | 0          |



| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |           |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |          |            |
|-------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------|------------|----------------------------|----------|------------|
|             |                          |                                                                             | Tổng số                    | Thôn      | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn     | Tổ dân phố |
| 10          | Xã Ia Bă                 | 7                                                                           | 7                          | 7         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 11          | Xã Ia Yok                | 8                                                                           | 8                          | 8         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 12          | Xã Ia O                  | 0                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 13          | Xã Ia Hung               | 11                                                                          | 11                         | 11        | 0          | 0                          | 0        | 0          |
|             | <b>Tổng</b>              | <b>38</b>                                                                   | <b>35</b>                  | <b>35</b> | <b>0</b>   | <b>3</b>                   | <b>3</b> | <b>0</b>   |

**g. Cấp xã thuộc huyện Kông Chro:**

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |           |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |           |            |
|-------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------|------------|----------------------------|-----------|------------|
|             |                          |                                                                             | Tổng số                    | Thôn      | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn      | Tổ dân phố |
| 1           | Thị trấn Kông Chro       | 9                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 9                          | 3         | 6          |
| 2           | Xã Kông Yang             | 5                                                                           | 5                          | 5         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 3           | Xã Yang Trung            | 0                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 4           | Xã An Trung              | 6                                                                           | 6                          | 6         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 5           | Xã Chơ Long              | 5                                                                           | 5                          | 5         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 6           | Xã Ya Ma                 | 2                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 2                          | 2         | 0          |
| 7           | Xã Yang Nam              | 13                                                                          | 13                         | 13        | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 8           | Xã Đắk Tờ Pang           | 5                                                                           | 5                          | 5         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 9           | Xã Đắk Kơ Ning           | 5                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 5                          | 5         | 0          |
| 10          | Xã Đắk Pơ Pho            | 4                                                                           | 4                          | 4         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 11          | Xã Chư Krey              | 2                                                                           | 2                          | 2         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 12          | Xã Sro                   | 6                                                                           | 6                          | 6         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 13          | Xã Đắk Pling             | 2                                                                           | 2                          | 2         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 14          | Xã Đắk Song              | 4                                                                           | 4                          | 4         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
|             | <b>Tổng</b>              | <b>68</b>                                                                   | <b>52</b>                  | <b>52</b> | <b>0</b>   | <b>16</b>                  | <b>10</b> | <b>6</b>   |

**h. Cấp xã thuộc huyện Phú Thiện:**

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |           |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |           |            |
|-------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------|------------|----------------------------|-----------|------------|
|             |                          |                                                                             | Tổng số                    | Thôn      | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn      | Tổ dân phố |
| 1           | Thị trấn Phú Thiện       | 19                                                                          | 4                          | 0         | 4          | 15                         | 0         | 15         |
| 2           | Xã Ayun Hạ               | 8                                                                           | 2                          | 2         | 0          | 6                          | 6         | 0          |
| 3           | Xã Ia Ake                | 6                                                                           | 2                          | 2         | 0          | 4                          | 4         | 0          |
| 4           | Xã Ia Sol                | 13                                                                          | 4                          | 4         | 0          | 9                          | 9         | 0          |
| 5           | Xã Ia Piar               | 11                                                                          | 5                          | 5         | 0          | 6                          | 6         | 0          |
| 6           | Xã Ia Yeng               | 6                                                                           | 2                          | 2         | 0          | 4                          | 4         | 0          |
| 7           | Xã Ia Peng               | 9                                                                           | 4                          | 4         | 0          | 5                          | 5         | 0          |
| 8           | Xã Ia Hiao               | 12                                                                          | 4                          | 4         | 0          | 8                          | 8         | 0          |
| 9           | Xã Chư A Thai            | 4                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 4                          | 4         | 0          |
| 10          | Xã Chrôh Ponan           | 8                                                                           | 2                          | 2         | 0          | 6                          | 6         | 0          |
|             | <b>Tổng</b>              | <b>96</b>                                                                   | <b>29</b>                  | <b>25</b> | <b>4</b>   | <b>67</b>                  | <b>52</b> | <b>15</b>  |

**i. Cấp xã thuộc huyện Đức Cơ:**

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |      |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |      |            |
|-------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------|------------|----------------------------|------|------------|
|             |                          |                                                                             | Tổng số                    | Thôn | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn | Tổ dân phố |
| 1           | Thị trấn Chư Ty          | 3                                                                           | 3                          | 0    | 3          | 0                          | 0    | 0          |
| 2           | Xã Ia Nan                | 2                                                                           | 2                          | 2    | 0          | 0                          | 0    | 0          |



| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân<br>phố không đảm bảo<br>tiêu chuẩn, có đủ<br>điều kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |           |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |          |               |
|-------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------|------------|----------------------------|----------|---------------|
|             |                             |                                                                                      | Tổng số                    | Thôn      | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn     | Tổ dân<br>phố |
| 3           | Xã Ia Dơk                   | 6                                                                                    | 6                          | 6         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 4           | Xã Ia Lang                  | 2                                                                                    | 2                          | 2         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 5           | Xã Ia Krêl                  | 4                                                                                    | 4                          | 4         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 6           | Xã Ia Kla                   | 7                                                                                    | 7                          | 7         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 7           | Xã Ia Kriêng                | 4                                                                                    | 4                          | 4         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 8           | Xã Ia Dín                   | 7                                                                                    | 7                          | 7         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 9           | Xã Ia Dom                   | 2                                                                                    | 2                          | 2         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 10          | Xã Ia Pnôn                  | 0                                                                                    | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
|             | <b>Tổng</b>                 | <b>37</b>                                                                            | <b>37</b>                  | <b>34</b> | <b>3</b>   | <b>0</b>                   | <b>0</b> | <b>0</b>      |

**k. Cấp xã thuộc huyện Chư Puh:**

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp huyện | Tổng số thôn, tổ dân<br>phố không đảm bảo<br>tiêu chuẩn, có đủ<br>điều kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |           |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |          |               |
|-------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------|------------|----------------------------|----------|---------------|
|             |                                |                                                                                      | Tổng số                    | Thôn      | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn     | Tổ dân<br>phố |
| 1           | Thị trấn Nhơn Hòa              | 7                                                                                    | 7                          | 7         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 2           | Xã Ia Phang                    | 6                                                                                    | 6                          | 6         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 3           | Xã Ia Hứ                       | 2                                                                                    | 2                          | 2         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 4           | Xã Ia Dreng                    | 0                                                                                    | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 5           | Xã Chư Don                     | 0                                                                                    | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 6           | Xã Ia Blứ                      | 0                                                                                    | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 7           | Xã Ia Le                       | 5                                                                                    | 5                          | 5         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 8           | Xã Ia Hla                      | 0                                                                                    | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 9           | Xã Ia Rong                     | 0                                                                                    | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
|             | <b>Tổng</b>                    | <b>20</b>                                                                            | <b>20</b>                  | <b>20</b> | <b>0</b>   | <b>0</b>                   | <b>0</b> | <b>0</b>      |

**l. Cấp xã thuộc huyện Chư Păh:**

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân<br>phố không đảm bảo<br>tiêu chuẩn, có đủ điều<br>kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |           |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |          |               |
|-------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------|------------|----------------------------|----------|---------------|
|             |                             |                                                                                      | Tổng số                    | Thôn      | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn     | Tổ dân<br>phố |
| 1           | Thị trấn Ia Ly              | 3                                                                                    | 3                          | 3         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 2           | Thị trấn Phú Hòa            | 5                                                                                    | 5                          | 3         | 2          | 0                          | 0        | 0             |
| 3           | Xã Ia Khuol                 | 0                                                                                    | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 4           | Xã Ia Kreng                 | 0                                                                                    | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 5           | Xã Ia Ka                    | 0                                                                                    | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 6           | Xã Ia Nhin                  | 5                                                                                    | 5                          | 5         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 7           | Xã Hòa Phú                  | 0                                                                                    | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 8           | Xã Nghĩa Hòa                | 5                                                                                    | 5                          | 5         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 9           | Xã Nghĩa Hưng               | 8                                                                                    | 8                          | 8         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 10          | Xã Đăk Tơ Ver               | 0                                                                                    | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 11          | Xã Hà Tây                   | 0                                                                                    | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 12          | Xã Ia Phí                   | 0                                                                                    | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 13          | Xã Ia Mơ Nông               | 0                                                                                    | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 14          | Xã Chư Jôr                  | 0                                                                                    | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
| 15          | Xã Chư Đang Ya              | 2                                                                                    | 2                          | 2         | 0          | 0                          | 0        | 0             |
|             | <b>Tổng</b>                 | <b>28</b>                                                                            | <b>28</b>                  | <b>26</b> | <b>2</b>   | <b>0</b>                   | <b>0</b> | <b>0</b>      |

**m. Cấp xã thuộc huyện Krông Pa:**



| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân<br>phố không đảm bảo<br>tiêu chuẩn, có đủ điều<br>kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |      |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |      |               |
|-------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------|------------|----------------------------|------|---------------|
|             |                             |                                                                                      | Tổng số                    | Thôn | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn | Tổ dân<br>phố |
| 1           | Thị trấn Phú Túc            | 14                                                                                   | 14                         | 0    | 14         | 0                          | 0    | 0             |
| 2           | Xã Phú Cần                  | 6                                                                                    | 6                          | 6    | 0          | 0                          | 0    | 0             |
| 3           | Xã Chư Gu                   | 13                                                                                   | 13                         | 13   | 0          | 0                          | 0    | 0             |
| 4           | Xã Chư Rơam                 | 5                                                                                    | 5                          | 5    | 0          | 0                          | 0    | 0             |
| 5           | Xã Ia Rsuom                 | 4                                                                                    | 4                          | 4    | 0          | 0                          | 0    | 0             |
| 6           | Xã Uar                      | 3                                                                                    | 0                          | 0    | 0          | 3                          | 3    | 0             |
| 7           | Xã Ia Rmók                  | 8                                                                                    | 8                          | 8    | 0          | 0                          | 0    | 0             |
| 8           | Xã Chư Ngọc                 | 4                                                                                    | 3                          | 3    | 0          | 1                          | 1    | 0             |
| 9           | Xã Ia Rsaí                  | 8                                                                                    | 8                          | 8    | 0          | 0                          | 0    | 0             |
| 10          | Xã Chư Drăng                | 10                                                                                   | 10                         | 10   | 0          | 0                          | 0    | 0             |
| 11          | Xã Ia Hdreh                 | 8                                                                                    | 8                          | 8    | 0          | 0                          | 0    | 0             |
| 12          | Xã Krông Năng               | 6                                                                                    | 6                          | 6    | 0          | 0                          | 0    | 0             |
| 13          | Xã Ia Mláh                  | 7                                                                                    | 6                          | 6    | 0          | 1                          | 1    | 0             |
| 14          | Xã Đất Bằng                 | 8                                                                                    | 8                          | 8    | 0          | 0                          | 0    | 0             |
| Tổng        |                             | 104                                                                                  | 99                         | 85   | 14         | 5                          | 5    | 0             |

***n. Cấp xã thuộc huyện Đak Pơ:***

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành<br>chính cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân<br>phố không đảm bảo<br>tiêu chuẩn, có đủ điều<br>kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |      |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |      |               |
|-------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------|------------|----------------------------|------|---------------|
|             |                             |                                                                                      | Tổng số                    | Thôn | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn | Tổ dân<br>phố |
| 1           | Thị trấn Đak Pơ             | 2                                                                                    | 2                          | 2    | 0          | 0                          | 0    | 0             |
| 2           | Xã Hà Tam                   | 4                                                                                    | 2                          | 2    | 0          | 2                          | 2    | 0             |
| 3           | Xã An Thành                 | 0                                                                                    | 0                          | 0    | 0          | 0                          | 0    | 0             |
| 4           | Xã Tân An                   | 5                                                                                    | 5                          | 5    | 0          | 0                          | 0    | 0             |
| 5           | Xã Cư An                    | 7                                                                                    | 7                          | 7    | 0          | 0                          | 0    | 0             |
| 6           | Xã Phú An                   | 2                                                                                    | 2                          | 2    | 0          | 0                          | 0    | 0             |
| 7           | Xã Yang Bắc                 | 13                                                                                   | 9                          | 9    | 0          | 4                          | 4    | 0             |
| 8           | Xã Ya Hội                   | 10                                                                                   | 7                          | 7    | 0          | 3                          | 3    | 0             |
| Tổng        |                             | 43                                                                                   | 34                         | 34   | 0          | 9                          | 9    | 0             |

***o. Cấp xã thuộc huyện Đak Đoa:***

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính<br>cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân<br>phố không đảm bảo<br>tiêu chuẩn, có đủ điều<br>kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |      |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |      |               |
|-------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------|------------|----------------------------|------|---------------|
|             |                             |                                                                                      | Tổng số                    | Thôn | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn | Tổ dân<br>phố |
| 1           | Thị trấn Đak Đoa            | 11                                                                                   | 11                         | 6    | 5          | 0                          | 0    | 0             |
| 2           | Xã KDang                    | 4                                                                                    | 0                          | 0    | 0          | 4                          | 4    | 0             |
| 3           | Xã Ia Bắg                   | 1                                                                                    | 0                          | 0    | 0          | 1                          | 1    | 0             |
| 4           | Xã ADok                     | 8                                                                                    | 6                          | 6    | 0          | 2                          | 2    | 0             |
| 5           | Xã Nam Yang                 | 1                                                                                    | 1                          | 1    | 0          | 0                          | 0    | 0             |
| 6           | Xã Kon Gang                 | 5                                                                                    | 3                          | 3    | 0          | 2                          | 2    | 0             |
| 7           | Xã Ia Pét                   | 3                                                                                    | 0                          | 0    | 0          | 3                          | 3    | 0             |
| 8           | Xã Hà Bắu                   | 9                                                                                    | 5                          | 5    | 0          | 4                          | 4    | 0             |
| 9           | Xã Tân Bình                 | 0                                                                                    | 0                          | 0    | 0          | 0                          | 0    | 0             |
| 10          | Xã Trang                    | 9                                                                                    | 0                          | 0    | 0          | 9                          | 9    | 0             |
| 11          | Xã Đak Krong                | 6                                                                                    | 2                          | 2    | 0          | 4                          | 4    | 0             |
| 12          | Xã Glar                     | 2                                                                                    | 0                          | 0    | 0          | 2                          | 2    | 0             |
| 13          | Xã Hà Đốg                   | 0                                                                                    | 0                          | 0    | 0          | 0                          | 0    | 0             |
| 14          | Xã Hải Yang                 | 1                                                                                    | 0                          | 0    | 0          | 1                          | 1    | 0             |



| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |           |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |           |            |
|-------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------|------------|----------------------------|-----------|------------|
|             |                          |                                                                             | Tổng số                    | Thôn      | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn      | Tổ dân phố |
| 15          | Xã HNol                  | 4                                                                           | 2                          | 2         | 0          | 2                          | 2         | 0          |
| 16          | Xã Đak Somei             | 9                                                                           | 9                          | 9         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 17          | Xã HNeng                 | 2                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 2                          | 2         | 0          |
|             | <b>Tổng</b>              | <b>75</b>                                                                   | <b>39</b>                  | <b>34</b> | <b>5</b>   | <b>36</b>                  | <b>36</b> | <b>0</b>   |

**p. Cấp xã thuộc huyện Chư Prông:**

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |           |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |           |            |
|-------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------|------------|----------------------------|-----------|------------|
|             |                          |                                                                             | Tổng số                    | Thôn      | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn      | Tổ dân phố |
| 1           | Thị trấn Chư Prông       | 1                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 1                          | 0         | 1          |
| 2           | Xã Bàu Cạn               | 0                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 3           | Xã Bình Giáo             | 0                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 4           | Xã Thăng Hưng            | 0                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 5           | Xã Ia Me                 | 2                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 2                          | 2         | 0          |
| 6           | Xã Ia Bang               | 4                                                                           | 4                          | 4         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 7           | Xã Ia Ga                 | 2                                                                           | 2                          | 2         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 8           | Xã Ia Drang              | 2                                                                           | 2                          | 2         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 9           | Xã Ia Pior               | 8                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 8                          | 8         | 0          |
| 10          | Xã Ia O                  | 1                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 1                          | 1         | 0          |
| 11          | Xã Ia Vê                 | 0                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 12          | Xã Ia Lâu                | 6                                                                           | 6                          | 6         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 13          | Xã Ia Phin               | 4                                                                           | 4                          | 4         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 14          | Xã Ia Boong              | 4                                                                           | 2                          | 2         | 0          | 2                          | 2         | 0          |
| 15          | Xã Ia Băng               | 6                                                                           | 6                          | 6         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 16          | Xã Ia Púch               | 0                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 17          | Xã Ia Kly                | 0                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 18          | Xã Ia Mơ                 | 0                                                                           | 0                          | 0         | 0          | 0                          | 0         | 0          |
| 19          | Xã Ia Tôr                | 8                                                                           | 6                          | 6         | 0          | 2                          | 2         | 0          |
| 20          | Xã Ia Pia                | 15                                                                          | 0                          | 0         | 0          | 15                         | 15        | 0          |
|             | <b>Tổng</b>              | <b>63</b>                                                                   | <b>32</b>                  | <b>32</b> | <b>0</b>   | <b>31</b>                  | <b>30</b> | <b>1</b>   |

**q. Cấp xã thuộc huyện Mang Yang:**

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |      |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |      |            |
|-------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------|------------|----------------------------|------|------------|
|             |                          |                                                                             | Tổng số                    | Thôn | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn | Tổ dân phố |
| 1           | Thị trấn Kon Dong        | 8                                                                           | 8                          | 2    | 6          | 0                          | 0    | 0          |
| 2           | Xã H'ra                  | 5                                                                           | 5                          | 5    | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 3           | Xã Đak Ta Ley            | 0                                                                           | 0                          | 0    | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 4           | Xã Đak Jơ Ta             | 2                                                                           | 2                          | 2    | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 5           | Xã Đăk Yă                | 3                                                                           | 3                          | 3    | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 6           | Xã Đak Djrăng            | 3                                                                           | 3                          | 3    | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 7           | Xã Kon Thụp              | 2                                                                           | 2                          | 2    | 0          | 0                          | 0    | 0          |
| 8           | Xã Kon Chiêng            | 3                                                                           | 3                          | 3    | 0          | 0                          | 0    | 0          |

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |           |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |          |            |
|-------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------|------------|----------------------------|----------|------------|
|             |                          |                                                                             | Tổng số                    | Thôn      | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn     | Tổ dân phố |
| 9           | Xã Ayun                  | 11                                                                          | 11                         | 11        | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 10          | Xã Lơ Pang               | 2                                                                           | 2                          | 2         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 11          | Xã Đê Ar                 | 5                                                                           | 5                          | 5         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 12          | Xã Đăk Trôi              | 8                                                                           | 8                          | 8         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
|             | <b>Tổng</b>              | <b>52</b>                                                                   | <b>52</b>                  | <b>46</b> | <b>6</b>   | <b>0</b>                   | <b>0</b> | <b>0</b>   |

**r. Cấp xã thuộc huyện Ia Pa:**

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp xã | Tổng số thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, có đủ điều kiện sáp nhập | Lộ trình sáp nhập năm 2018 |           |            | Lộ trình sáp nhập năm 2019 |          |            |
|-------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------|------------|----------------------------|----------|------------|
|             |                          |                                                                             | Tổng số                    | Thôn      | Tổ dân phố | Tổng số                    | Thôn     | Tổ dân phố |
| 1           | Xã Kim Tân               | 4                                                                           | 4                          | 4         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 2           | Xã Ia Mron               | 3                                                                           | 3                          | 3         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 3           | Xã Ia Trok               | 2                                                                           | 2                          | 2         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 4           | Xã Chư Mồ                | 7                                                                           | 7                          | 7         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 5           | Xã Ia Kđăm               | 6                                                                           | 6                          | 6         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 6           | Xã Pờ Tó                 | 10                                                                          | 10                         | 10        | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 7           | Xã Ia Broãi              | 3                                                                           | 3                          | 3         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 8           | Xã Ia Tul                | 5                                                                           | 5                          | 5         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
| 9           | Xã Chư Răng              | 5                                                                           | 5                          | 5         | 0          | 0                          | 0        | 0          |
|             | <b>Tổng</b>              | <b>45</b>                                                                   | <b>45</b>                  | <b>45</b> | <b>0</b>   | <b>0</b>                   | <b>0</b> | <b>0</b>   |

**\* Danh sách cụ thể thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình, có đủ điều kiện sáp nhập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn và lộ trình thực hiện sáp nhập, có phụ lục số 02 kèm theo.**

**1.2. Nhiệm vụ năm 2020 - 2021:**

- Tiếp tục rà soát, định kỳ thực hiện sắp xếp, sáp nhập đối với các trường hợp không đảm bảo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình thuộc trường hợp đặc thù chưa thể sáp nhập, nếu yếu tố đặc thù bị thay đổi do quá trình phát triển kinh tế - xã hội có thể thuận lợi để sáp nhập.

- Định kỳ 06 tháng, 01 năm đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức tự quản tại thôn, tổ dân phố (bao gồm thôn, tổ dân phố sắp xếp, sáp nhập và giữ nguyên hiện trạng). Trên cơ sở đó tổng hợp những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc để kịp thời xử lý theo thẩm quyền; nhân rộng các mô hình hoạt động tự quản có hiệu quả ở cơ sở gắn với thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

- Tiếp tục vận động, theo dõi, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân tại các thôn, tổ dân phố và quan tâm chỉ đạo giải quyết những kiến nghị đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân.

**\* Danh sách cụ thể thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình, thuộc diện đặc thù, chưa đủ điều kiện sáp nhập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn có phụ lục số 03 kèm theo.**

**2. Số lượng thôn, tổ dân phố và kinh phí thực hiện chế độ, chính sách ở thôn, tổ dân phố giảm tương ứng khi thực hiện sáp nhập thôn, tổ dân phố giai đoạn 2018-2021:**



Trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cụ thể:

- Tổng số thôn, tổ dân phố giảm sau khi sắp xếp, sáp nhập là 584 thôn, tổ dân phố, gồm: 458 thôn (trong đó: năm 2018 giảm 370 thôn, năm 2019 giảm 88 thôn) và 126 tổ dân phố (trong đó: năm 2018 giảm 118 tổ dân phố, năm 2019 giảm 08 tổ dân phố), giảm 27,04% trên tổng số thôn, tổ dân phố hiện có.

- Tổng số người được hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước ở thôn, tổ dân phố giảm 4.639 người (trong đó: năm 2018 giảm 3.911 người, năm 2019 giảm 728 người).

- Tổng số tổ chức ở thôn, tổ dân phố giảm 3.089 tổ chức (trong đó: năm 2018 giảm 2.620 tổ chức, năm 2019 giảm 469 tổ chức).

- Tổng kinh phí dự kiến tiết kiệm được sau khi sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố 64.801.703.000 đồng/năm (trong đó: năm 2018 là 55.134.092.000 đồng).

| S<br>T<br>T | Đơn vị hành chính cấp huyện | Tổng số đơn vị hành chính cấp xã | Số lượng thôn, tổ dân phố trước khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập |       |            | Số lượng thôn, tổ dân phố giảm | Số lượng người, tổ chức và kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với những người hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước và các tổ chức ở thôn, tổ dân phố giảm |                    |                                     |
|-------------|-----------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------|------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------|
|             |                             |                                  |                                                                 |       |            |                                | Số lượng người, tổ chức ở thôn, tổ dân phố giảm                                                                                                                 |                    | Tổng kinh phí giảm (nghìn đồng/năm) |
|             |                             |                                  | Tổng số                                                         | Thôn  | Tổ dân phố |                                | Số lượng (người)                                                                                                                                                | Số lượng (tổ chức) |                                     |
| 1           | Thành phố Pleiku            | 23                               | 254                                                             | 84    | 170        | 79                             | 483                                                                                                                                                             | 440                | 11.126.469                          |
| 2           | Thị xã An Khê               | 11                               | 89                                                              | 32    | 57         | 29                             | 160                                                                                                                                                             | 145                | 2.959.032                           |
| 3           | Thị xã Ayun Pa              | 8                                | 55                                                              | 23    | 32         | 6                              | 41                                                                                                                                                              | 30                 | 316.743                             |
| 4           | Huyện Kbang                 | 14                               | 167                                                             | 146   | 21         | 57                             | 595                                                                                                                                                             | 358                | 5.700.759                           |
| 5           | Huyện Chư Sê                | 15                               | 183                                                             | 169   | 14         | 57                             | 456                                                                                                                                                             | 301                | 7.457.448                           |
| 6           | Huyện Ia Grai               | 13                               | 150                                                             | 143   | 7          | 19                             | 187                                                                                                                                                             | 97                 | 2.029.370                           |
| 7           | Huyện Kông Chro             | 14                               | 112                                                             | 105   | 7          | 38                             | 233                                                                                                                                                             | 190                | 3.858.486                           |
| 8           | Huyện Phú Thiện             | 10                               | 130                                                             | 109   | 21         | 49                             | 374                                                                                                                                                             | 237                | 5.176.563                           |
| 9           | Huyện Đức Cơ                | 10                               | 93                                                              | 84    | 9          | 20                             | 203                                                                                                                                                             | 96                 | 2.958.850                           |
| 10          | Huyện Chư Pưh               | 9                                | 83                                                              | 83    | 0          | 9                              | 59                                                                                                                                                              | 42                 | 959.262                             |
| 11          | Huyện Chư Păh               | 15                               | 123                                                             | 120   | 3          | 14                             | 78                                                                                                                                                              | 70                 | 953.992                             |
| 12          | Huyện Krông Pa              | 14                               | 131                                                             | 116   | 15         | 55                             | 455                                                                                                                                                             | 275                | 6.256.502                           |
| 13          | Huyện Đak Pơ                | 8                                | 73                                                              | 69    | 4          | 24                             | 261                                                                                                                                                             | 120                | 2.942.315                           |
| 14          | Huyện Đak Đoa               | 17                               | 156                                                             | 147   | 9          | 45                             | 307                                                                                                                                                             | 212                | 4.974.232                           |
| 15          | Huyện Chư Prông             | 20                               | 180                                                             | 174   | 6          | 33                             | 256                                                                                                                                                             | 160                | 1.980.091                           |
| 16          | Huyện Mang Yang             | 12                               | 106                                                             | 97    | 9          | 26                             | 348                                                                                                                                                             | 203                | 3.081.291                           |
| 17          | Huyện Ia Pa                 | 9                                | 75                                                              | 75    | 0          | 24                             | 143                                                                                                                                                             | 113                | 2.070.298                           |
|             | Tổng                        | 222                              | 2.160                                                           | 1.776 | 384        | 584                            | 4.639                                                                                                                                                           | 3.089              | 64.801.703                          |

*Chi tiết về kinh phí tiết kiệm sau khi giảm thôn, tổ dân phố có phụ lục số 04 kèm theo.*

### Phần thứ ba

## ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI SẮP XẾP, SÁP NHẬP THÔN, TỔ DÂN PHỐ

### I. TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC:

1. Việc sắp xếp, sáp nhập các thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình nhỏ thành thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình lớn hơn sẽ tạo điều kiện tập trung được các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở.



2. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi được tập trung hơn, tránh việc đầu tư xây dựng dàn trải trong khi khả năng nguồn lực còn hạn chế.

3. Việc sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố sẽ tạo ra thay đổi tích cực, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức tự quản của thôn, tổ dân phố; qua đó góp phần quan trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước gắn với tinh giảm bộ máy, tiết kiệm chi ngân sách.

4. Giúp cải thiện chất lượng, nâng cao trách nhiệm làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức và những người được hưởng phụ cấp từ ngân sách ở cơ sở.

## **II. NHỮNG KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC:**

1. Nếu thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình một cách rập khuôn, máy móc và không tính đến các yếu tố địa lý, tự nhiên, văn hóa, phong tục, tập quán... thì sẽ tác động tiêu cực đến công tác quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất và đời sống của người dân. Do vậy Đề án này đã chú ý bóc tách và loại trừ các trường hợp đặc thù, chưa đủ điều kiện sáp nhập.

2. Việc thực hiện chủ trương sắp xếp, sáp nhập các thôn, tổ dân phố sẽ tác động đến yếu tố kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự ở cơ sở... Nếu cả hệ thống chính trị không vào cuộc, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu Cấp ủy, Chính quyền không thực hiện quyết liệt; công tác vận động, tuyên truyền không được tốt sẽ nảy sinh tư tưởng trái chiều, không tạo được sự đồng thuận trong đội ngũ cán bộ, công chức, người được hưởng phụ cấp từ ngân sách ở cơ sở và nhân dân. Do đó, Đề án đã chú trọng công tác quán triệt, tuyên truyền, vận động nhân dân, cán bộ, đảng viên trong việc đồng thuận thực hiện chủ trương của Đảng và pháp luật của nhà nước về sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố.

3. Khi triển khai sắp xếp, sáp nhập các thôn, tổ dân phố sẽ có xáo trộn, khó khăn bước đầu trong tổ chức hoạt động tự quản ở cơ sở; người dân cần tiến hành chuyển đổi các giấy tờ có liên quan.

4. Công tác sắp xếp, sáp nhập sẽ giảm số lượng thôn, tổ dân phố. Vì vậy, sẽ phải tiến hành bố trí, sắp xếp lại những người được hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước. Đây là công việc phức tạp, đụng chạm đến tâm tư, tình cảm; nhất là những trường hợp dôi dư nhưng không thể bố trí, sắp xếp được. Do đó, cần nghiên cứu có cơ chế, chính sách phù hợp quy định pháp luật và thực tiễn triển khai thực hiện.

### **Phần thứ tư**

## **NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **I. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP:**

#### **1. Xây dựng và triển khai kế hoạch sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố:**

Các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Đề án này xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện việc sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố của địa phương theo từng năm, từ nay đến năm 2021.

Định kỳ hằng năm, cấp huyện rà soát, đánh giá thực trạng các thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình thuộc diện đặc thù; trường hợp yếu tố đặc thù có thay đổi thuận lợi do quá trình vận động, phát triển kinh tế - xã hội thì nghiên cứu tuyên truyền, vận động sắp xếp, sáp nhập theo quy định.



Căn cứ hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, cấp xã định kỳ hằng năm đánh giá mô hình tự quản tại các thôn, tổ dân phố; trên cơ sở đó đề ra giải pháp và tổ chức thực hiện nhằm không ngừng hoàn thiện hoạt động tự quản tại thôn, tổ dân phố.

## **2. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục:**

Tập trung tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức và thực hiện trong đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, người dân ở cơ sở về chủ trương sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố của Đảng và Nhà nước. Thường xuyên tiếp xúc, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng của người dân và kịp thời xử lý thỏa đáng trong quá trình thực hiện Đề án.

## **3. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo:**

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Cấp ủy, Chính quyền, Đoàn thể các cấp; đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố. Lấy kết quả thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố làm tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu Cấp ủy, Chính quyền, Đoàn thể; kịp thời biểu dương những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Đề án; theo dõi, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm hoàn thành Đề án theo quy định.

## **4. Sắp xếp tổ chức, đội ngũ những người được hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố:**

Đề án sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố khi trình cấp có thẩm quyền phải có phương án cụ thể sắp xếp tổ chức tự quản và sử dụng hiệu quả cơ sở, vật chất của các thôn, tổ dân phố liên quan.

# **II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## **1. Kinh phí thực hiện Đề án:**

Kinh phí thực hiện Đề án này được bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

## **2. Phân công thực hiện:**

### **2.1. Sở Nội vụ:**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản, quy định pháp luật có liên quan về tổ chức và hoạt động, chế độ, chính sách của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

- Hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định các Đề án sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố theo Đề án này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định. Trường hợp có thay đổi so với Đề án thì phải kịp thời đề xuất, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy có ý kiến trước khi triển khai thực hiện quy trình quy định.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Đề án này đảm bảo nội dung, tiến độ, mục tiêu, yêu cầu quy định.

- Chủ trì tham mưu, đề xuất sơ kết, tổng kết và định kỳ hoặc đột xuất báo cáo cấp có thẩm quyền về tình hình, kết quả thực hiện Đề án này.

### **2.2. Sở Tài chính:**

Căn cứ chức năng, thẩm quyền được giao để chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, các địa phương tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh về kinh phí được thực hiện chế độ, chính sách tại Đề án này. Đồng thời, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu bố trí



nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp người hoạt động không chuyên trách dôi dư do sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố.

### 2.3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Có kế hoạch, lộ trình cụ thể nhằm tổ chức chỉ đạo sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố theo Đề án này. Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn phối hợp xây dựng Hồ sơ sắp xếp, sáp nhập đảm bảo theo đúng quy định. Trường hợp phát sinh ngoài nội dung Đề án thì khẩn trương báo cáo cấp ủy cùng cấp có ý kiến chỉ đạo trước khi báo về Sở Nội vụ để kịp thời báo cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, nhân dân trong quá trình thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố; trên cơ sở đó chỉ đạo xử lý kịp thời, thỏa đáng các vướng mắc phát sinh.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết và định kỳ hoặc đột xuất báo cáo tình hình, kết quả thực hiện trên địa bàn cấp huyện theo quy định.

### 2.4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

- Thông tin, tuyên truyền rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân trên địa bàn hiểu rõ ý nghĩa, mục đích của việc sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố; thường xuyên bám dân, bám địa bàn và chủ động giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh liên quan đến sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố thuộc thẩm quyền quy định.

- Định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá những thôn, tổ dân phố đảm bảo về quy mô số hộ gia đình có nhu cầu sáp nhập và thôn, tổ dân phố không đảm bảo về quy mô số hộ gia đình, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập để xem xét, đề nghị sáp nhập từng trường hợp cụ thể nếu đủ điều kiện.

- Thực hiện quy trình, hồ sơ, thủ tục đúng quy định về công tác sáp nhập thôn, tổ dân phố.

- Chủ trì đánh giá, đề xuất nhân rộng các mô hình tự quản hiệu quả ở cơ sở.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết và định kỳ hoặc đột xuất báo cáo tình hình, kết quả thực hiện trên địa bàn cấp xã theo quy định.

### 2.5. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy:

Chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự thuộc các Chi bộ đảng, các Chi hội đoàn thể chính trị - xã hội tại thôn, tổ dân phố thực hiện chia, sáp nhập.

### 2.6. Đề nghị Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh:

Phối hợp thực hiện công tác sáp nhập các thôn, tổ dân phố theo quy định.

### 2.7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Chính trị - Xã hội tỉnh:

- Chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện chủ trương sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố theo Đề án này.

- Hướng dẫn việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự thuộc các Chi hội đoàn thể chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố thực hiện chia, sáp nhập.

### 2.8. Đề nghị Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy:

- Phối hợp chỉ đạo, lãnh đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt Đề án này. Xử lý nghiêm các trường hợp tổ chức, cá nhân không thực hiện nghiêm túc công tác sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố theo quy định.



- Chỉ đạo việc khảo sát, điều tra thực trạng, xây dựng các Đề án sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định, có đủ điều kiện sáp nhập để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đảm bảo đúng kế hoạch, lộ trình đã đề ra.

Trên đây là Đề án sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 – 2021; trong quá trình triển khai thực hiện nếu có điều chỉnh, bổ sung nội dung sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố hoặc có vướng mắc phát sinh thì đề nghị các cơ quan, địa phương báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp báo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Võ Ngọc Thành**



**PHỤ LỤC SỐ 01**  
**DANH SÁCH CỤ THỂ**

**THÔN, TỔ DÂN PHỐ ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN**

**VÀ KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN VỀ QUY MÔ SỐ HỘ GIA ĐÌNH**

*(Kèm theo Đề án sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2018 - 2021)*

| STT        | Tên thôn, tổ dân phố    |               | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|------------|-------------------------|---------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|            | Thôn                    | Tổ dân phố    | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 1          | 2                       | 3             | 4                               | 5    | 6    | 7       | 8       | 9                            | 10                 | 11                                              | 12                                                                      |
| <b>A</b>   | <b>THÀNH PHỐ PLEIKU</b> |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| <b>I</b>   | <b>Phường Diên Hồng</b> |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          |                         | Tổ dân phố 1  | 104                             | 104  |      |         |         | 3,57                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 2          |                         | Tổ dân phố 2  | 92                              | 90   |      |         | 2       | 2,71                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          |                         | Tổ dân phố 3  | 103                             | 101  |      |         | 2       | 2,74                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          |                         | Tổ dân phố 4  | 99                              | 96   |      |         | 3       | 2,93                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          |                         | Tổ dân phố 5  | 74                              | 72   |      |         | 2       | 4,04                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          |                         | Tổ dân phố 6  | 162                             | 156  | 2    | 1       | 3       | 8,11                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          |                         | Tổ dân phố 7  | 107                             | 103  |      |         | 4       | 3,99                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          |                         | Tổ dân phố 8  | 136                             | 134  | 1    |         | 1       | 4,35                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          |                         | Tổ dân phố 9  | 196                             | 196  |      |         |         | 9,36                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 10         |                         | Tổ dân phố 10 | 352                             | 342  | 2    | 2       | 6       | 14,79                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 11         |                         | Tổ dân phố 12 | 332                             | 327  | 1    |         | 4       | 47,59                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 12         |                         | Tổ dân phố 11 | 292                             | 291  | 1    |         |         | 23,73                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 13         |                         | Tổ dân phố 13 | 282                             | 269  | 3    | 2       | 8       | 16,65                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>II</b>  | <b>Phường Yên Đỗ</b>    |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          |                         | Tổ dân phố 1  | 248                             | 246  |      |         | 2       | 5,70                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 2          |                         | Tổ dân phố 2  | 303                             | 293  | 10   |         |         | 8,39                         | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          |                         | Tổ dân phố 3  | 273                             | 266  | 4    |         | 3       | 7,76                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          |                         | Tổ dân phố 4  | 239                             | 233  |      |         | 6       | 6,90                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          |                         | Tổ dân phố 5  | 307                             | 298  |      |         | 9       | 7,85                         | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6          |                         | Tổ dân phố 6  | 212                             | 207  |      |         | 5       | 4,76                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          |                         | Tổ dân phố 7  | 142                             | 142  |      |         |         | 3,69                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          |                         | Tổ dân phố 8  | 361                             | 361  |      |         |         | 11,59                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 9          |                         | Tổ dân phố 9  | 310                             | 310  |      |         |         | 11,39                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 10         |                         | Tổ dân phố 10 | 124                             | 124  |      |         |         | 5,18                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 11         |                         | Tổ dân phố 11 | 304                             | 302  |      |         | 2       | 8,38                         | X                  |                                                 |                                                                         |
| 12         |                         | Tổ dân phố 12 | 310                             | 308  | 2    |         |         | 42,08                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 13         |                         | Tổ dân phố 13 | 282                             | 281  |      |         | 1       | 42,08                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 14         |                         | Tổ dân phố 14 | 332                             | 331  | 1    |         |         | 42,08                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 15         | Pleikuroh               |               | 374                             | 173  | 201  |         |         | 42,08                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| <b>III</b> | <b>Phường Ia Kring</b>  |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          |                         | Tổ dân phố 1  | 371                             | 365  |      | 1       | 5       | 13,00                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          |                         | Tổ dân phố 2  | 383                             | 378  | 1    | 3       | 1       | 15,00                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          |                         | Tổ dân phố 3  | 388                             | 379  | 1    |         | 8       | 16,00                        | X                  |                                                 |                                                                         |



| STT       | Tên thôn, tổ dân phố     |               | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-----------|--------------------------|---------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|           | Thôn                     | Tổ dân phố    | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 4         |                          | Tổ dân phố 4  | 469                             | 461  |      |         | 8       | 20,00                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5         |                          | Tổ dân phố 5  | 549                             | 545  | 1    | 2       | 1       | 20,00                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6         |                          | Tổ dân phố 6  | 560                             | 550  | 1    | 4       | 5       | 20,30                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 7         |                          | Tổ dân phố 7  | 392                             | 387  |      | 2       | 3       | 316,79                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 8         |                          | Tổ dân phố 8  | 321                             | 321  |      |         |         | 40,00                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 9         |                          | Tổ dân phố 9  | 430                             | 428  | 1    |         | 1       | 80,00                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 10        |                          | Tổ dân phố 10 | 429                             | 421  | 8    |         |         | 150,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| <b>IV</b> | <b>Phường Hoa Lư</b>     |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1         |                          | Tổ dân phố 1  | 320                             | 300  |      | 1       | 19      | 28,56                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2         |                          | Tổ dân phố 2  | 391                             | 389  | 1    |         | 1       | 27,87                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3         |                          | Tổ dân phố 3  | 167                             | 162  |      | 5       |         | 12,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 4         |                          | Tổ dân phố 4  | 310                             | 304  |      | 3       | 3       | 10,13                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5         |                          | Tổ dân phố 5  | 152                             | 151  |      |         | 1       | 7,00                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 6         |                          | Tổ dân phố 6  | 176                             | 167  | 2    | 6       | 1       | 7,20                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 7         |                          | Tổ dân phố 7  | 185                             | 180  |      |         | 5       | 8,00                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 8         |                          | Tổ dân phố 8  | 422                             | 411  | 2    | 3       | 6       | 27,00                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 9         |                          | Tổ dân phố 9  | 270                             | 260  | 2    |         | 8       | 25,00                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10        |                          | Tổ dân phố 10 | 214                             | 209  | 2    |         | 3       | 36,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 11        |                          | Tổ dân phố 11 | 555                             | 550  | 4    | 1       |         | 39,44                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 12        |                          | Tổ dân phố 12 | 288                             | 286  | 1    |         | 1       | 87,00                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 13        |                          | Tổ dân phố 13 | 259                             | 251  | 2    | 1       | 5       | 24,90                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 14        | Làng Óp                  |               | 127                             | 10   | 115  | 2       |         | 182,24                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>V</b>  | <b>Phường Thống Nhất</b> |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1         |                          | Tổ dân phố 1  | 224                             | 221  |      |         | 3       | 11,84                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 2         |                          | Tổ dân phố 2  | 147                             | 146  |      |         | 1       | 7,00                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 3         |                          | Tổ dân phố 3  | 289                             | 286  |      |         | 3       | 35,37                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4         |                          | Tổ dân phố 4  | 143                             | 137  |      |         | 6       | 8,01                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 5         |                          | Tổ dân phố 5  | 242                             | 241  |      |         | 1       | 86,82                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 6         |                          | Tổ dân phố 6  | 272                             | 268  | 1    |         | 3       | 49,93                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7         |                          | Tổ dân phố 7  | 206                             | 205  |      |         | 1       | 22,96                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 8         |                          | Tổ dân phố 8  | 158                             | 154  |      | 2       | 2       | 14,64                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 9         |                          | Tổ dân phố 9  | 162                             | 160  |      |         | 2       | 278,67                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10        |                          | Tổ dân phố 10 | 202                             | 199  |      |         | 3       | 19,08                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 11        |                          | Tổ dân phố 11 | 164                             | 162  |      |         | 2       | 29,84                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 12        |                          | Tổ dân phố 12 | 154                             | 148  | 4    |         | 2       | 15,85                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 13        |                          | Tổ dân phố 13 | 238                             | 235  |      |         | 3       | 18,85                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 14        |                          | Tổ dân phố 14 | 304                             | 295  |      |         | 9       | 16,04                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| <b>VI</b> | <b>Phường Yên Thế</b>    |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1         |                          | Tổ dân phố 1  | 298                             | 297  |      |         | 1       | 58,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 2         |                          | Tổ dân phố 2  | 279                             | 277  |      | 1       | 1       | 40,90                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 3         |                          | Tổ dân phố 3  | 236                             | 236  |      |         |         | 21,60                        |                    | X                                               |                                                                         |



| STT  | Tên thôn, tổ dân phố                                                             |               | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|      |  | Tổ dân phố    | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sắp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sắp nhập |
| 4    |                                                                                  | Tổ dân phố 4  | 209                             | 206  |      |         | 3       | 16,30                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 5    |                                                                                  | Tổ dân phố 5  | 278                             | 274  | 2    |         | 2       | 80,70                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 6    |                                                                                  | Tổ dân phố 6  | 212                             | 211  |      |         | 1       | 41,20                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 7    |                                                                                  | Tổ dân phố 7  | 306                             | 303  | 2    |         | 1       | 34,00                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 8    |                                                                                  | Tổ dân phố 8  | 309                             | 283  | 22   |         | 4       | 48,70                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 9    |                                                                                  | Tổ dân phố 9  | 258                             | 255  |      |         | 3       | 162,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10   |                                                                                  | Tổ dân phố 10 | 183                             | 183  |      |         |         | 55,40                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 11   |                                                                                  | Tổ dân phố 11 | 210                             | 206  |      |         | 4       | 36,30                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 12   |                                                                                  | Tổ dân phố 12 | 335                             | 333  |      |         | 2       | 95,30                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 13   |                                                                                  | Tổ dân phố 13 | 217                             | 215  |      |         | 2       | 35,40                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 14   |                                                                                  | Tổ dân phố 14 | 186                             | 182  |      |         | 4       | 65,60                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 15   |                                                                                  | Tổ dân phố 15 | 240                             | 238  |      |         | 2       | 84,50                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 16   |                                                                                  | Tổ dân phố 16 | 214                             | 213  |      |         | 1       | 127,60                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 17   |                                                                                  | Tổ dân phố 17 | 241                             | 241  |      |         |         | 196,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 18   | Làng Brukngol                                                                    |               | 205                             | 124  | 80   | 1       |         | 87,00                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| VII  | Phường Hội Phú                                                                   |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1    |                                                                                  | Tổ dân phố 7  | 157                             | 156  |      |         | 1       | 5,80                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 2    |                                                                                  | Tổ dân phố 8  | 145                             | 142  |      |         | 3       | 4,40                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 3    |                                                                                  | Tổ dân phố 9  | 258                             | 256  |      | 1       | 1       | 14,50                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 4    |                                                                                  | Tổ dân phố 10 | 227                             | 222  |      |         | 5       | 9,80                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 5    |                                                                                  | Tổ dân phố 11 | 369                             | 366  |      |         | 3       | 37,90                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6    |                                                                                  | Tổ dân phố 12 | 161                             | 159  |      |         | 2       | 12,80                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 7    |                                                                                  | Tổ dân phố 13 | 410                             | 406  |      | 1       | 3       | 42,70                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 8    |                                                                                  | Tổ dân phố 14 | 420                             | 416  |      | 1       | 3       | 225,70                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 9    |                                                                                  | Tổ dân phố 15 | 382                             | 375  |      |         | 7       | 103,61                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| VIII | Phường Phù Đồng                                                                  |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1    |                                                                                  | Tổ dân phố 1  | 152                             | 130  | 2    |         | 20      | 11,33                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 2    |                                                                                  | Tổ dân phố 2  | 151                             | 150  |      |         | 1       | 5,10                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 3    |                                                                                  | Tổ dân phố 3  | 130                             | 123  |      |         | 7       | 3,97                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 4    |                                                                                  | Tổ dân phố 4  | 127                             | 126  |      |         | 1       | 3,29                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 5    |                                                                                  | Tổ dân phố 5  | 134                             | 134  |      |         |         | 4,15                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 6    |                                                                                  | Tổ dân phố 6  | 230                             | 227  |      |         | 3       | 11,84                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 7    |                                                                                  | Tổ dân phố 7  | 187                             | 182  | 1    |         | 4       | 15,09                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 8    |                                                                                  | Tổ dân phố 8  | 205                             | 200  |      | 1       | 4       | 12,60                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 9    |                                                                                  | Tổ dân phố 9  | 270                             | 268  | 1    |         | 1       | 14,99                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10   |                                                                                  | Tổ dân phố 10 | 174                             | 169  | 1    | 1       | 3       | 15,99                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 11   |                                                                                  | Tổ dân phố 11 | 181                             | 175  | 2    |         | 4       | 14,15                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 12   |                                                                                  | Tổ dân phố 12 | 204                             | 202  |      |         | 2       | 105,72                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 13   |                                                                                  | Tổ dân phố 13 | 174                             | 172  |      |         | 2       | 19,57                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 14   |                                                                                  | Tổ dân phố 14 | 329                             | 325  | 2    |         | 2       | 20,08                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 15   |                                                                                  | Tổ dân phố 15 | 295                             | 281  | 1    |         | 13      | 24,66                        |                    |                                                 | X                                                                       |



| STT        | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |               | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|            |  | Tổ dân phố    | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 16         |                                                                                   | Tổ dân phố 16 | 197                             | 192  | 2    | 1       | 2       | 18,74                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 17         |                                                                                   | Tổ dân phố 17 | 600                             | 600  |      |         |         | 116,52                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| <b>IX</b>  | <b>Phường Trà Bá</b>                                                              |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          |                                                                                   | Tổ dân phố 1  | 426                             | 421  |      | 1       | 4       | 31,78                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          |                                                                                   | Tổ dân phố 2  | 561                             | 559  |      |         | 2       | 47,78                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          |                                                                                   | Tổ dân phố 3  | 330                             | 328  |      |         | 2       | 38,83                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          |                                                                                   | Tổ dân phố 4  | 326                             | 320  |      |         | 6       | 20,20                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5          |                                                                                   | Tổ dân phố 5  | 432                             | 428  |      |         | 4       | 20,97                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6          |                                                                                   | Tổ dân phố 6  | 435                             | 425  | 1    |         | 9       | 21,47                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 7          |                                                                                   | Tổ dân phố 7  | 420                             | 419  |      |         | 1       | 29,75                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 8          |                                                                                   | Tổ dân phố 8  | 140                             | 140  |      |         |         | 58,10                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          | Làng Ngó                                                                          |               | 597                             | 342  | 254  | 1       |         | 47,67                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 10         | Làng Ngol                                                                         |               | 221                             | 88   | 133  |         |         | 111,14                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 11         | Làng Khun                                                                         |               | 339                             | 183  | 153  |         | 3       | 35,78                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| <b>X</b>   | <b>Phường Chi Lăng</b>                                                            |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          |                                                                                   | Tổ dân phố 1  | 346                             | 341  |      |         | 5       | 265,51                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          |                                                                                   | Tổ dân phố 2  | 389                             | 389  |      |         |         | 119,06                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          |                                                                                   | Tổ dân phố 3  | 386                             | 383  |      |         | 3       | 52,20                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          |                                                                                   | Tổ dân phố 4  | 181                             | 180  |      |         | 1       | 97,50                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          |                                                                                   | Tổ dân phố 5  | 141                             | 139  | 1    |         | 1       | 162,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          |                                                                                   | Tổ dân phố 6  | 111                             | 109  |      |         | 2       | 455,99                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Làng Ia Lang                                                                      |               | 292                             | 19   | 273  |         |         | 101,30                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| <b>XI</b>  | <b>Phường Thắng Lợi</b>                                                           |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          |                                                                                   | Tổ dân phố 1  | 306                             | 299  | 2    |         | 5       | 145,48                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          |                                                                                   | Tổ dân phố 2  | 147                             | 145  |      | 2       |         | 22,52                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          |                                                                                   | Tổ dân phố 3  | 355                             | 344  | 3    | 2       | 6       | 81,70                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          |                                                                                   | Tổ dân phố 4  | 517                             | 516  |      |         | 1       | 61,00                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5          |                                                                                   | Tổ dân phố 5  | 176                             | 176  |      |         |         | 26,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          |                                                                                   | Tổ dân phố 6  | 222                             | 219  |      |         | 3       | 64,09                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          |                                                                                   | Tổ dân phố 7  | 393                             | 391  |      |         | 2       | 53,88                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 8          |                                                                                   | Tổ dân phố 8  | 290                             | 282  |      |         | 8       | 70,06                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9          | Làng Chuét 1                                                                      |               | 259                             | 52   | 207  |         |         | 35,36                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 10         | Làng Chuét 2                                                                      |               | 199                             | 69   | 130  |         |         | 114,02                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11         | Làng Nhaprông                                                                     |               | 71                              | 23   | 48   |         |         | 10,92                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>XII</b> | <b>Phường Tây Sơn</b>                                                             |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          |                                                                                   | Tổ dân phố 1  | 102                             | 99   |      |         | 3       | 14,07                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 2          |                                                                                   | Tổ dân phố 2  | 120                             | 114  | 1    |         | 5       | 4,02                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          |                                                                                   | Tổ dân phố 3  | 100                             | 94   |      | 6       |         | 5,38                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          |                                                                                   | Tổ dân phố 4  | 143                             | 137  |      | 2       | 4       | 9,02                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          |                                                                                   | Tổ dân phố 5  | 186                             | 181  | 3    | 2       |         | 5,85                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          |                                                                                   | Tổ dân phố 6  | 81                              | 81   |      |         |         | 5,59                         |                    | X                                               |                                                                         |



| STT  | Tên thôn, tổ dân phố                                                             |               | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|      |  | Tổ dân phố    | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 7    |                                                                                  | Tổ dân phố 7  | 57                              | 57   |      |         |         | 1,81                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 8    |                                                                                  | Tổ dân phố 8  | 71                              | 64   | 3    | 1       | 3       | 8,55                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 9    |                                                                                  | Tổ dân phố 9  | 170                             | 168  |      | 1       | 1       | 11,98                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 10   |                                                                                  | Tổ dân phố 10 | 133                             | 129  |      |         | 4       | 17,47                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 11   |                                                                                  | Tổ dân phố 11 | 135                             | 135  |      |         |         | 9,82                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 12   |                                                                                  | Tổ dân phố 12 | 101                             | 95   | 6    |         |         | 4,34                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 13   |                                                                                  | Tổ dân phố 13 | 223                             | 217  | 1    | 1       | 4       | 16,19                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 14   |                                                                                  | Tổ dân phố 14 | 149                             | 143  | 1    |         | 5       | 6,41                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 15   |                                                                                  | Tổ dân phố 15 | 132                             | 122  | 7    | 1       | 2       | 24,09                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 16   |                                                                                  | Tổ dân phố 16 | 100                             | 96   | 3    | 1       |         | 10,32                        |                    | X                                               |                                                                         |
| XIII | Phường Đồng Đa                                                                   |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1    |                                                                                  | Tổ dân phố 1  | 169                             | 167  |      |         | 2       | 16,76                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 2    |                                                                                  | Tổ dân phố 2  | 240                             | 232  |      | 4       | 4       | 118,58                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3    |                                                                                  | Tổ dân phố 3  | 287                             | 285  |      |         | 2       | 35,89                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 4    |                                                                                  | Tổ dân phố 4  | 167                             | 165  |      |         | 2       | 36,84                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 5    |                                                                                  | Tổ dân phố 5  | 116                             | 113  | 1    |         | 2       | 10,50                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 6    |                                                                                  | Tổ dân phố 6  | 167                             | 166  |      |         | 1       | 24,30                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 7    |                                                                                  | Tổ dân phố 7  | 215                             | 197  | 5    | 5       | 8       | 89,55                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 8    |                                                                                  | Tổ dân phố 8  | 168                             | 155  | 5    | 2       | 6       | 24,23                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 9    | Làng Kép                                                                         |               | 177                             | 61   | 114  | 2       |         | 45,96                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| XIV  | Phường Hội Thương                                                                |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1    |                                                                                  | Tổ dân phố 1  | 156                             | 155  |      |         | 1       | 4,25                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 2    |                                                                                  | Tổ dân phố 2  | 178                             | 172  |      |         | 6       | 2,80                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 3    |                                                                                  | Tổ dân phố 3  | 156                             | 153  |      |         | 3       | 5,98                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 4    |                                                                                  | Tổ dân phố 4  | 297                             | 288  |      | 2       | 7       | 16,32                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 5    |                                                                                  | Tổ dân phố 5  | 161                             | 159  |      |         | 2       | 5,55                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 6    |                                                                                  | Tổ dân phố 6  | 135                             | 135  |      |         |         | 4,95                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 7    |                                                                                  | Tổ dân phố 7  | 112                             | 112  |      |         |         | 3,04                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 8    |                                                                                  | Tổ dân phố 8  | 111                             | 110  |      |         | 1       | 4,97                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 9    |                                                                                  | Tổ dân phố 9  | 124                             | 124  |      |         |         | 3,12                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 10   |                                                                                  | Tổ dân phố 10 | 171                             | 170  |      |         | 1       | 3,54                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 11   |                                                                                  | Tổ dân phố 11 | 173                             | 171  |      |         | 2       | 3,42                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 12   |                                                                                  | Tổ dân phố 12 | 115                             | 111  |      |         | 4       | 3,98                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 13   |                                                                                  | Tổ dân phố 13 | 103                             | 103  |      |         |         | 1,28                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 14   |                                                                                  | Tổ dân phố 14 | 102                             | 100  |      |         | 2       | 3,34                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 15   |                                                                                  | Tổ dân phố 15 | 113                             | 108  |      |         | 5       | 1,62                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 16   |                                                                                  | Tổ dân phố 16 | 90                              | 90   |      |         |         | 2,66                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 17   |                                                                                  | Tổ dân phố 17 | 153                             | 145  |      |         | 8       | 5,64                         |                    | X                                               |                                                                         |
| XV   | Xã Chư Ắ                                                                         |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1    | Thôn 1                                                                           |               | 148                             | 116  | 32   |         |         | 72,39                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 2    | Thôn 2                                                                           |               | 123                             | 123  |      |         |         | 43,53                        |                    | X                                               |                                                                         |



[illegible]



| STT   | Tên thôn, tổ dân phố                                                             |              | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|       |  | Tổ dân phố   | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 1     | Thôn 1                                                                           |              | 247                             | 245  |      |         | 2       | 262,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2     | Thôn 2                                                                           |              | 397                             | 392  |      | 1       | 4       | 271,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3     | Thôn 3                                                                           |              | 407                             | 407  |      |         |         | 289,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4     | Thôn 4                                                                           |              | 442                             | 436  |      |         | 6       | 315,16                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5     | Thôn Đồng Bằng                                                                   |              | 208                             | 205  |      |         | 3       | 348,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6     | Làng Brel                                                                        |              | 97                              |      | 97   |         |         | 120,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7     | Làng Sor                                                                         |              | 117                             |      | 117  |         |         | 132,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8     | Làng Phung 1                                                                     |              | 86                              | 7    | 79   |         |         | 108,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9     | Làng Phung 2                                                                     |              | 52                              | 6    | 46   |         |         | 78,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 10    | Làng Đal                                                                         |              | 68                              |      | 68   |         |         | 96,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| XX    | Xã Chư Hdrông                                                                    |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1     | Thôn Ia Rôk                                                                      |              | 333                             | 333  |      |         |         | 251,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2     | Thôn Hàm Rồng                                                                    |              | 130                             | 130  |      |         |         | 568,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3     | Làng Chăm Anêh                                                                   |              | 149                             | 9    | 140  |         |         | 215,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4     | Làng Ngol Tả                                                                     |              | 46                              | 2    | 43   |         | 1       | 279,03                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| XXI   | Xã Ia Kênh                                                                       |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1     | Làng Nhao 2                                                                      |              | 218                             | 21   | 196  | 1       |         | 366,34                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2     | Thôn 1                                                                           |              | 82                              | 82   |      |         |         | 173,84                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3     | Làng Nhao 1                                                                      |              | 187                             | 43   | 143  |         | 1       | 701,09                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4     | Làng Mơ Nủ                                                                       |              | 190                             | 6    | 181  |         | 3       | 579,23                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5     | Làng Thong Ngó                                                                   |              | 114                             | 9    | 105  |         |         | 531,09                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6     | Làng Thong Yố                                                                    |              | 84                              | 4    | 80   |         |         | 264,02                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7     | Làng Osor                                                                        |              | 47                              | 4    | 41   | 1       | 1       | 582,69                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| XXII  | Xã Diên Phú                                                                      |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1     | Thôn 3                                                                           |              | 229                             | 228  |      |         | 1       | 156,55                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2     | Thôn 1                                                                           |              | 97                              | 96   |      |         | 1       | 247,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3     | Thôn 2                                                                           |              | 74                              | 74   |      |         |         | 226,80                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4     | Thôn 4                                                                           |              | 121                             | 121  |      |         |         | 220,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5     | Thôn 5                                                                           |              | 132                             | 132  |      |         |         | 596,16                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6     | Thôn 6                                                                           |              | 116                             | 109  |      |         | 7       | 206,40                       |                    | X                                               |                                                                         |
| XXIII | Xã Gào                                                                           |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1     | Làng A                                                                           |              | 178                             | 1    | 171  |         | 6       | 800,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2     | Làng B                                                                           |              | 103                             | 17   | 84   |         | 2       | 1.174,50                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3     | Làng C                                                                           |              | 101                             | 7    | 94   |         |         | 1.050,42                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4     | Làng D                                                                           |              | 190                             |      | 190  |         |         | 1.282,38                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5     | Thôn 4                                                                           |              | 173                             | 171  | 1    |         | 1       | 420,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6     | Thôn 5                                                                           |              | 105                             | 102  |      |         | 3       | 369,30                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7     | Thôn 6                                                                           |              | 133                             | 119  |      |         | 14      | 700,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| B     | THỊ XÃ AN KHÊ                                                                    |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| I     | Phường An Bình                                                                   |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1     |                                                                                  | Tổ dân phố 1 | 195                             | 190  |      | 3       | 2       | 87,51                        |                    | X                                               |                                                                         |



[illegible]



| STT         | Tên thôn, tổ dân phố                                                             |              | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             |  | Tổ dân phố   | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sắp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sắp nhập |
| 1           |                                                                                  | Tổ dân phố 1 | 210                             | 210  |      |         |         | 218,88                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2           |                                                                                  | Tổ dân phố 2 | 274                             | 274  |      |         |         | 527,43                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           |                                                                                  | Tổ dân phố 3 | 202                             | 202  |      |         |         | 310,04                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           |                                                                                  | Tổ dân phố 4 | 125                             | 125  |      |         |         | 263,61                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>V</b>    | <b>Phường An Tân</b>                                                             |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           |                                                                                  | Tổ dân phố 1 | 102                             | 102  |      |         |         | 74,85                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 2           |                                                                                  | Tổ dân phố 2 | 164                             | 164  |      |         |         | 16,15                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           |                                                                                  | Tổ dân phố 3 | 194                             | 194  |      |         |         | 100,85                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           |                                                                                  | Tổ dân phố 4 | 126                             | 126  |      |         |         | 70,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           |                                                                                  | Tổ dân phố 5 | 149                             | 148  |      |         | 1       | 23,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           |                                                                                  | Tổ dân phố 6 | 75                              | 71   |      | 2       | 2       | 82,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           |                                                                                  | Tổ dân phố 7 | 160                             | 160  |      |         |         | 56,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VI</b>   | <b>Phường Ngô Mây</b>                                                            |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           |                                                                                  | Tổ dân phố 1 | 214                             | 213  |      | 1       |         | 189,60                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2           |                                                                                  | Tổ dân phố 2 | 256                             | 256  |      |         |         | 152,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           |                                                                                  | Tổ dân phố 3 | 167                             | 166  |      |         | 1       | 21,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           |                                                                                  | Tổ dân phố 4 | 158                             | 158  |      |         |         | 96,30                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           |                                                                                  | Tổ dân phố 5 | 162                             | 161  |      |         | 1       | 162,70                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           |                                                                                  | Tổ dân phố 6 | 145                             | 145  |      |         |         | 168,10                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           |                                                                                  | Tổ dân phố 7 | 162                             | 161  |      |         | 1       | 238,08                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VII</b>  | <b>Xã Cửu An</b>                                                                 |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn An Điền Nam 1                                                               |              | 294                             | 294  |      |         |         | 308,72                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Thôn An Điền Nam 2                                                               |              | 75                              | 75   |      |         |         | 748,28                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Thôn An Điền Bắc 2                                                               |              | 118                             | 118  |      |         |         | 557,15                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Thôn An Điền Bắc 1                                                               |              | 178                             | 178  |      |         |         | 196,25                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Thôn An Bình                                                                     |              | 118                             | 117  |      | 1       |         | 324,91                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Thôn Phước Bình                                                                  |              | 164                             | 164  |      |         |         | 446,51                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VIII</b> | <b>Xã Song An</b>                                                                |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn An Thượng 2                                                                 |              | 278                             | 275  |      |         | 3       | 597,25                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Thôn An Thượng 3                                                                 |              | 267                             | 264  |      |         | 3       | 832,49                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Thôn Thượng An 1                                                                 |              | 205                             | 205  |      |         |         | 752,32                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           | Thôn Thượng An 3                                                                 |              | 238                             | 238  |      |         |         | 695,08                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5           | Thôn Thượng An 2                                                                 |              | 162                             | 162  |      |         |         | 787,81                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Làng Pốt                                                                         |              | 66                              |      |      | 66      |         | 752,12                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>IX</b>   | <b>Xã Thành An</b>                                                               |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn 1                                                                           |              | 350                             | 350  |      |         |         | 892,38                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Thôn 2                                                                           |              | 203                             | 202  |      |         | 1       | 323,99                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Thôn 3                                                                           |              | 193                             | 187  |      |         | 6       | 390,09                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Thôn 4                                                                           |              | 194                             | 194  |      |         |         | 286,19                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5           | Thôn 5                                                                           |              | 238                             | 237  |      | 1       |         | 323,77                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6           | Thôn 6                                                                           |              | 200                             | 199  |      | 1       |         | 33,24                        | X                  |                                                 |                                                                         |



| STT        | Tên thôn, tổ dân phố  |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|------------|-----------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|            | Thôn                  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| <b>X</b>   | <b>Xã Tú An</b>       |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn Tú Thủy 1        |            | 237                             | 236  |      |         | 1       | 462,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Tú Thủy 2        |            | 205                             | 205  |      |         |         | 313,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Thôn Cửu Đạo 1        |            | 170                             | 169  |      |         | 1       | 451,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Thôn Cửu Đạo 2        |            | 161                             | 161  |      |         |         | 384,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Thôn Tú Thủy 3        |            | 162                             | 160  |      |         | 2       | 132,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Thôn Tú Thủy 4        |            | 137                             | 137  |      |         |         | 406,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Làng Pờ Nang          |            | 57                              |      |      | 57      |         | 335,89                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8          | Làng Nhoi             |            | 47                              |      |      | 47      |         | 558,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9          | Làng Hòa Bình         |            | 103                             |      |      | 103     |         | 407,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>XI</b>  | <b>Xã Xuân An</b>     |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn An Xuân 1        |            | 246                             | 245  |      |         | 1       | 655,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn An Thạch         |            | 209                             | 209  |      |         |         | 775,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Thôn An Xuân 2        |            | 194                             | 194  |      |         |         | 741,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4          | Thôn An Xuân 3        |            | 158                             | 158  |      |         |         | 470,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Thôn An Xuân 4        |            | 126                             | 126  |      |         |         | 207,40                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>C</b>   | <b>THỊ XÃ AYUN PA</b> |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| <b>I</b>   | <b>Xã Chư Băh</b>     |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Bôn Chư Băh A         |            | 247                             |      | 247  |         |         | 1,69                         | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Bôn Hoai              |            | 182                             | 178  | 4    |         |         | 346,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3          | Bôn Bơ                |            | 129                             |      | 129  |         |         | 2.230,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4          | Bôn Hiao              |            | 176                             | 1    | 175  |         |         | 830,42                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5          | Bôn Chư Băh B         |            | 150                             |      | 150  |         |         | 2.000,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>II</b>  | <b>Xã Ia Sao</b>      |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Bôn Khăn              |            | 250                             | 11   | 239  |         |         | 1.927,01                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Quyết Thắng      |            | 111                             | 110  | 1    |         |         | 967,75                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3          | Bôn H'Liếp            |            | 158                             | 11   | 147  |         |         | 191,02                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4          | Bôn Hoang 1           |            | 183                             | 2    | 181  |         |         | 102,69                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5          | Bôn Hoang 2           |            | 150                             | 1    | 149  |         |         | 127,84                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>III</b> | <b>Xã Ia Rbol</b>     |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Bôn Hoanh             |            | 61                              |      | 61   |         |         | 8,58                         |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2          | Bôn Rưng Ma Rai       |            | 88                              |      | 88   |         |         | 619,08                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3          | Bôn Krăi              |            | 131                             | 1    | 130  |         |         | 16,37                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4          | Bôn Sar               |            | 159                             |      | 159  |         |         | 37,07                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5          | Bôn Rưng Ma Nhiu      |            | 133                             | 2    | 131  |         |         | 439,08                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6          | Bôn Rưng Ma Nin       |            | 177                             |      | 177  |         |         | 4.467,09                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7          | Bôn Rưng Ma Đoan      |            | 187                             | 5    | 182  |         |         | 113,33                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>IV</b>  | <b>Xã Ia Rô</b>       |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Bôn Phu Ama Miong     |            | 167                             | 10   | 157  |         |         | 159,91                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2          | Bôn Phu Ama Nher 2    |            | 136                             | 12   | 124  |         |         | 129,74                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3          | Bôn Phu Ama Nher 1    |            | 146                             | 23   | 123  |         |         | 957,40                       |                    |                                                 | X                                                                       |



[illegible]



| STT | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |               | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|     |  | Tổ dân phố    | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 1   |                                                                                   | Tổ dân phố 1  | 192                             | 182  |      |         | 10      | 179,23                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2   |                                                                                   | Tổ dân phố 2  | 451                             | 445  |      | 2       | 4       | 90,02                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3   |                                                                                   | Tổ dân phố 3  | 172                             | 172  |      |         |         | 45,32                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 4   |                                                                                   | Tổ dân phố 4  | 106                             | 91   |      |         | 15      | 108,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5   |                                                                                   | Tổ dân phố 5  | 190                             | 189  |      | 1       |         | 51,01                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 6   |                                                                                   | Tổ dân phố 6  | 243                             | 238  |      |         | 5       | 11,21                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 7   |                                                                                   | Tổ dân phố 7  | 103                             | 103  |      |         |         | 30,42                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 8   |                                                                                   | Tổ dân phố 8  | 134                             | 127  |      |         | 7       | 180,65                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9   |                                                                                   | Tổ dân phố 9  | 199                             | 198  |      |         | 1       | 25,14                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 10  |                                                                                   | Tổ dân phố 10 | 215                             | 205  |      | 10      |         | 15,36                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 11  |                                                                                   | Tổ dân phố 11 | 109                             | 105  |      |         | 4       | 10,03                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 12  |                                                                                   | Tổ dân phố 12 | 162                             | 157  |      |         | 5       | 22,01                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 13  |                                                                                   | Tổ dân phố 13 | 126                             | 122  |      |         | 4       | 13,05                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 14  |                                                                                   | Tổ dân phố 14 | 148                             | 145  |      |         | 3       | 18,23                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 15  |                                                                                   | Tổ dân phố 15 | 179                             | 172  |      |         | 7       | 26,62                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 16  |                                                                                   | Tổ dân phố 16 | 181                             | 176  |      |         | 5       | 271,88                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 17  |                                                                                   | Tổ dân phố 17 | 147                             | 142  |      |         | 5       | 12,66                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 18  |                                                                                   | Tổ dân phố 18 | 281                             | 276  |      | 5       |         | 68,93                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 19  |                                                                                   | Tổ dân phố 19 | 176                             | 171  |      | 5       |         | 33,08                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 20  |                                                                                   | Tổ dân phố 20 | 190                             | 163  |      |         | 27      | 120,87                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 21  |                                                                                   | Tổ dân phố 21 | 179                             | 170  |      |         | 9       | 482,79                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 22  | Làng Nak                                                                          |               | 112                             |      |      | 111     | 1       | 6,94                         |                    |                                                 | X                                                                       |
| 23  | Làng Hợp                                                                          |               | 51                              | 1    |      | 50      |         | 58,67                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 24  | Làng Chiêng                                                                       |               | 49                              |      |      | 49      |         | 93,58                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 25  | Làng Groi                                                                         |               | 92                              | 1    |      | 91      |         | 8,50                         |                    |                                                 | X                                                                       |
| 26  | Làng HTăng                                                                        |               | 68                              | 1    |      | 67      |         | 6,25                         |                    |                                                 | X                                                                       |
| 27  | Làng Chreh                                                                        |               | 30                              | 1    |      | 29      |         | 64,63                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| II  | Xã Sơn Lang                                                                       |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1   | Thôn 1                                                                            |               | 206                             | 198  |      | 1       | 7       | 270,91                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2   | Thôn 2                                                                            |               | 94                              | 92   |      |         | 2       | 4,71                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 3   | Thôn 3                                                                            |               | 135                             | 132  |      |         | 3       | 35,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 4   | Thôn 4                                                                            |               | 60                              | 59   |      |         | 1       | 9,25                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 5   | Thôn Trạm Lập                                                                     |               | 57                              | 55   |      | 1       | 1       | 8,75                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 6   | Làng Đăk Asêl                                                                     |               | 90                              | 10   |      | 80      |         | 170,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7   | Làng Đăk Tư Nglông                                                                |               | 54                              | 1    |      | 53      |         | 26,00                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8   | Làng Hà Lâm                                                                       |               | 90                              | 5    |      | 85      |         | 106,30                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9   | Làng Điện Biên                                                                    |               | 126                             | 56   |      | 66      | 4       | 32,30                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10  | Làng Hà Nừng                                                                      |               | 125                             | 9    |      | 114     | 2       | 137,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11  | Làng Sắt                                                                          |               | 129                             | 4    |      | 125     |         | 76,30                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| III | Xã Đông                                                                           |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1   | Thôn 1                                                                            |               | 144                             |      |      | 144     |         | 161,00                       |                    | X                                               |                                                                         |



| STT | Tên thôn, tổ dân phố                                                             |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|     |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 2   | Thôn 2                                                                           |            | 91                              |      |      | 91      |         | 27,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 3   | Thôn 3                                                                           |            | 233                             | 233  |      |         |         | 660,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4   | Thôn 4                                                                           |            | 80                              | 80   |      |         |         | 82,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 5   | Thôn 5                                                                           |            | 121                             | 121  |      |         |         | 45,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 6   | Thôn 6                                                                           |            | 82                              | 82   |      |         |         | 220,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7   | Thôn 7                                                                           |            | 160                             | 147  |      | 2       | 11      | 138,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8   | Thôn 8                                                                           |            | 190                             | 190  |      |         |         | 178,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9   | Thôn 9                                                                           |            | 92                              | 1    |      | 91      |         | 303,47                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10  | Thôn 10                                                                          |            | 127                             | 73   |      | 40      | 14      | 1.650,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 11  | Làng Broch                                                                       |            | 96                              | 1    |      | 52      | 43      | 296,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| IV  | <b>Xã Nghĩa An</b>                                                               |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1   | Thôn 1                                                                           |            | 137                             | 137  |      |         |         | 607,02                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2   | Thôn 2                                                                           |            | 219                             | 219  |      |         |         | 1.020,42                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3   | Thôn 3                                                                           |            | 161                             | 161  |      |         |         | 555,24                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4   | Thôn 4                                                                           |            | 132                             | 132  |      |         |         | 62,60                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 5   | Thôn 5                                                                           |            | 110                             | 110  |      |         |         | 214,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6   | Làng Kuao                                                                        |            | 72                              |      |      | 72      |         | 577,39                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7   | Làng Lợk                                                                         |            | 155                             |      |      | 155     |         | 503,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| V   | <b>Xã Sơ Pài</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1   | Thôn 1                                                                           |            | 321                             | 287  |      | 34      |         | 2.679,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2   | Thôn 2                                                                           |            | 343                             | 343  |      |         |         | 2.890,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3   | Thôn 3                                                                           |            | 154                             | 151  |      | 3       |         | 370,59                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4   | Thôn 4                                                                           |            | 278                             | 91   |      | 1       | 186     | 6.919,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5   | Thôn 5                                                                           |            | 85                              | 85   |      |         |         | 260,75                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6   | Làng Kung                                                                        |            | 39                              | 1    |      | 37      | 1       | 280,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7   | Làng Buôn Lười                                                                   |            | 135                             | 1    |      | 134     |         | 899,85                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8   | Làng Tơ Kơ                                                                       |            | 136                             | 26   |      | 110     |         | 866,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| VI  | <b>Xã Đak Rong</b>                                                               |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1   | Làng Kon Lanh 1                                                                  |            | 109                             | 34   |      | 73      | 2       | 1.609,68                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 2   | Làng Kon Trang 1                                                                 |            | 31                              | 1    |      | 30      |         | 2.076,65                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 3   | Làng Kon Bông 1                                                                  |            | 65                              | 2    |      | 61      | 2       | 3.025,95                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 4   | Làng Đak Trum                                                                    |            | 91                              | 4    |      | 87      |         | 1.237,60                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 5   | Làng Kon Lanh 2                                                                  |            | 63                              | 4    |      | 59      |         | 1.556,40                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 6   | Làng Kon Trang 2                                                                 |            | 56                              | 2    |      | 54      |         | 2.152,90                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 7   | Làng Kon Bông 2                                                                  |            | 61                              | 1    |      | 57      | 3       | 2.835,95                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 8   | Làng Đak Hro                                                                     |            | 92                              | 2    |      | 90      |         | 1.212,80                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 9   | Làng Kon Lốc 1                                                                   |            | 69                              | 1    |      | 68      |         | 1.040,77                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10  | Làng Kon Lốc 2                                                                   |            | 53                              | 1    |      | 52      |         | 1.492,10                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11  | Làng Kon Lanh Te                                                                 |            | 80                              | 1    |      | 77      | 2       | 2.471,65                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 12  | Làng Kon Von 1                                                                   |            | 78                              | 1    |      | 77      |         | 4.607,70                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 13  | Làng Kon Von 2                                                                   |            | 67                              | 2    |      | 64      | 1       | 6.549,90                     |                    |                                                 | X                                                                       |



| STT         | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 14          | Làng Hà Đùng 2                                                                    |            | 61                              | 2    |      | 59      |         | 1.491,90                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 15          | Thôn Suối U                                                                       |            | 66                              | 61   |      |         | 5       | 731,18                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>VII</b>  | <b>Xã Krong</b>                                                                   |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Tơ Leng                                                                      |            | 46                              |      |      | 46      |         | 1.364,63                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 2           | Làng Hro                                                                          |            | 60                              |      |      | 49      | 11      | 655,77                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Làng Sing                                                                         |            | 69                              | 68   |      |         | 1       | 495,47                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Làng Đăk Trâu                                                                     |            | 27                              | 2    |      | 24      | 1       | 85,89                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Làng Vir                                                                          |            | 54                              | 4    |      | 50      |         | 984,92                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Làng Cheng                                                                        |            | 35                              | 5    |      | 30      |         | 301,07                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Làng Kta                                                                          |            | 71                              | 7    |      | 64      |         | 515,45                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Làng Klah                                                                         |            | 22                              | 2    |      | 20      |         | 62,45                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Làng La Hách                                                                      |            | 40                              | 4    |      | 36      |         | 3.004,12                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Làng Đất Đỏ                                                                       |            | 66                              | 9    |      | 57      |         | 1.084,75                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 11          | Làng Đăk Bok                                                                      |            | 71                              | 70   |      |         | 1       | 832,77                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12          | Làng Đăk Chcâu                                                                    |            | 74                              | 9    |      | 65      |         | 979,05                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 13          | Làng Tăng Lãng                                                                    |            | 61                              | 2    |      | 59      |         | 130,70                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 14          | Làng Podrang                                                                      |            | 89                              |      |      | 89      |         | 552,47                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 15          | Làng Tung                                                                         |            | 69                              | 3    |      | 66      |         | 3.098,93                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 16          | Làng Klư                                                                          |            | 42                              | 1    |      | 41      |         | 3.668,48                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 17          | Làng Lư                                                                           |            | 28                              |      |      | 28      |         | 2.818,12                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 18          | Làng Pngăn                                                                        |            | 84                              |      |      | 84      |         | 3.757,60                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 19          | Làng Adrong                                                                       |            | 47                              | 1    |      | 46      |         | 1.808,42                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 20          | Làng Klếch                                                                        |            | 49                              | 1    |      | 48      |         | 1.808,42                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 21          | Làng Tăng                                                                         |            | 52                              | 1    |      | 51      |         | 575,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 22          | Làng Yueng                                                                        |            | 44                              |      |      | 44      |         | 737,73                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 23          | Làng Gút                                                                          |            | 85                              | 1    |      | 84      |         | 3.582,59                     |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VIII</b> | <b>Xã Lơ Ku</b>                                                                   |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn 1                                                                            |            | 165                             | 71   |      | 1       | 93      | 1.781,47                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 2           | Thôn 2                                                                            |            | 133                             | 46   |      |         | 87      | 3.525,54                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Làng Tơ Pong                                                                      |            | 31                              |      |      | 30      | 1       | 717,96                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Làng Kbang                                                                        |            | 43                              | 1    |      | 42      |         | 543,51                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Làng Drang                                                                        |            | 25                              |      |      | 25      |         | 706,14                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Làng Tơ Tung                                                                      |            | 19                              |      |      | 18      | 1       | 241,57                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Làng Krôi                                                                         |            | 30                              |      |      | 30      |         | 502,02                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Làng Tăng                                                                         |            | 46                              |      |      | 46      |         | 2.304,08                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9           | Làng Kbông                                                                        |            | 46                              |      |      | 46      |         | 401,10                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10          | Làng Bôn                                                                          |            | 86                              | 1    |      | 85      |         | 1.101,42                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11          | Làng Lọk                                                                          |            | 45                              |      |      | 45      |         | 1.176,87                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 12          | Làng Chợch                                                                        |            | 101                             | 1    |      | 98      | 2       | 1.242,23                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>IX</b>   | <b>Xã Tơ Tung</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn 1                                                                            |            | 68                              | 67   |      |         | 1       | 467,17                       |                    | X                                               |                                                                         |



| STT | Tên thôn, tổ dân phố                                                             |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|     |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 2   | Làng Tung                                                                        |            | 44                              | 9    |      | 35      |         | 520,87                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3   | Làng Cao Lạng                                                                    |            | 89                              | 3    |      |         | 86      | 622,87                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4   | Làng Cao Sơn                                                                     |            | 72                              | 4    |      |         | 68      | 762,32                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5   | Làng Đê Bar                                                                      |            | 76                              |      |      | 74      | 2       | 618,27                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6   | Làng Đàm                                                                         |            | 106                             | 1    |      | 56      | 49      | 781,37                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7   | Làng Kuk                                                                         |            | 46                              |      |      | 46      |         | 612,87                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8   | Làng Thái Sơn                                                                    |            | 84                              |      |      |         | 84      | 792,87                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9   | Làng Suối Lơ                                                                     |            | 57                              |      |      |         | 57      | 568,67                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10  | Làng Toòng Tùng                                                                  |            | 76                              | 3    |      | 72      | 1       | 602,87                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11  | Làng Long Khong                                                                  |            | 107                             | 20   |      | 52      | 35      | 670,87                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12  | Làng Đồng Tâm                                                                    |            | 107                             | 72   |      | 9       | 26      | 628,57                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 13  | Làng Sơ Tor                                                                      |            | 86                              | 5    | 1    | 77      | 3       | 619,90                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 14  | Làng Leng                                                                        |            | 109                             | 10   |      | 99      |         | 612,82                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 15  | Làng Klếch                                                                       |            | 91                              | 6    |      | 43      | 42      | 797,90                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 16  | Làng Nam Cao                                                                     |            | 108                             | 8    |      |         | 100     | 621,46                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| X   | <b>Xã Kông Long Khong</b>                                                        |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1   | Làng Mohra                                                                       |            | 112                             | 4    |      | 108     |         | 272,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2   | Làng Ôr                                                                          |            | 65                              | 1    |      | 64      |         | 99,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 3   | Làng Bờ                                                                          |            | 70                              | 3    |      | 67      |         | 244,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4   | Làng Đáp                                                                         |            | 78                              |      |      | 78      |         | 309,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5   | Làng Mohven                                                                      |            | 62                              |      |      | 62      |         | 201,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6   | Làng Chư Pâu                                                                     |            | 72                              | 16   |      | 54      | 2       | 544,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7   | Làng Kdâu                                                                        |            | 80                              | 7    |      |         | 73      | 339,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8   | Làng Mơ Tôn                                                                      |            | 80                              | 3    |      | 64      | 13      | 131,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9   | Làng Dong                                                                        |            | 41                              | 3    |      | 38      |         | 602,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10  | Thôn Hbang                                                                       |            | 163                             | 141  |      |         | 22      | 252,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11  | Làng Kgiang                                                                      |            | 172                             | 32   |      | 136     | 4       | 657,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 12  | Làng Bờ Ngăl                                                                     |            | 137                             | 75   |      | 54      | 8       | 500,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| XI  | <b>Xã Đăk Hlơ</b>                                                                |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1   | Thôn 1                                                                           |            | 142                             | 139  |      |         | 3       | 192,84                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2   | Thôn 2                                                                           |            | 130                             | 130  |      |         |         | 128,39                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3   | Thôn 3                                                                           |            | 141                             | 140  |      | 1       |         | 148,75                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4   | Thôn 4                                                                           |            | 109                             | 109  |      |         |         | 211,82                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5   | Thôn 5                                                                           |            | 142                             | 141  |      |         | 1       | 695,38                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6   | Thôn 6                                                                           |            | 47                              | 45   |      | 2       |         | 183,09                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7   | Làng Lọt                                                                         |            | 63                              | 1    |      | 62      |         | 394,29                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| XII | <b>Xã Kông Bờ La</b>                                                             |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1   | Thôn Kơ Xum                                                                      |            | 88                              | 88   |      |         |         | 131,40                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2   | Thôn Mê Dĩa                                                                      |            | 44                              | 44   |      |         |         | 150,43                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3   | Làng Nua                                                                         |            | 43                              | 2    |      | 41      |         | 240,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4   | Làng Muôn                                                                        |            | 65                              | 1    |      | 64      |         | 87,20                        |                    | X                                               |                                                                         |



| STT         | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |               | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             |  | Tổ dân phố    | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 5           | Thôn Jlaio                                                                        |               | 72                              | 71   |      |         | 1       | 92,70                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Thôn Tuchrăn                                                                      |               | 127                             | 127  |      |         |         | 150,43                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Làng Groi                                                                         |               | 98                              |      |      | 98      |         | 347,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Làng Klôm                                                                         |               | 73                              | 2    |      | 71      |         | 606,20                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Làng Lọt                                                                          |               | 109                             |      |      | 107     | 2       | 1.354,20                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10          | Làng Briêng                                                                       |               | 108                             |      |      | 108     |         | 979,30                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>XIII</b> | <b>Xã Đak Smar</b>                                                                |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn 2                                                                            |               | 55                              | 55   |      |         |         | 1.747,10                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 2           | Thôn 3                                                                            |               | 7                               | 7    |      |         |         | 797,30                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Làng Cam                                                                          |               | 62                              |      |      | 62      |         | 1.011,30                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Làng Đak Kmung                                                                    |               | 44                              |      |      | 44      |         | 8.870,70                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Làng Krôi                                                                         |               | 142                             | 3    |      | 138     | 1       | 167,80                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>XIV</b>  | <b>Xã Kon Pne</b>                                                                 |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Kon Hleng                                                                    |               | 125                             | 2    |      | 123     |         | 6.965,20                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2           | Làng Kon Ktonh                                                                    |               | 181                             | 21   |      | 157     | 3       | 4.986,50                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Làng Kon Kring                                                                    |               | 83                              | 2    |      | 81      |         | 5.429,50                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>E</b>    | <b>HUYỆN CHƯ SÊ</b>                                                               |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| <b>I</b>    | <b>Thị trấn Chư Sê</b>                                                            |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           |                                                                                   | Tổ dân phố 1  | 357                             | 352  | 5    |         |         | 36,00                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           |                                                                                   | Tổ dân phố 2  | 302                             | 298  | 4    |         |         | 85,30                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           |                                                                                   | Tổ dân phố 3  | 372                             | 367  | 5    |         |         | 36,20                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           |                                                                                   | Tổ dân phố 4  | 304                             | 301  | 3    |         |         | 41,50                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5           |                                                                                   | Tổ dân phố 5  | 254                             | 248  | 6    |         |         | 55,80                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           |                                                                                   | Tổ dân phố 6  | 211                             | 206  | 5    |         |         | 35,80                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           |                                                                                   | Tổ dân phố 7  | 304                             | 296  | 8    |         |         | 60,30                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 8           |                                                                                   | Tổ dân phố 8  | 307                             | 299  | 8    |         |         | 34,80                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 9           |                                                                                   | Tổ dân phố 9  | 301                             | 292  | 9    |         |         | 48,20                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 10          |                                                                                   | Tổ dân phố 10 | 301                             | 293  | 8    |         |         | 69,50                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 11          |                                                                                   | Tổ dân phố 11 | 194                             | 189  | 5    |         |         | 50,34                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 12          |                                                                                   | Tổ dân phố 12 | 344                             | 330  | 14   |         |         | 115,40                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 13          |                                                                                   | Tổ dân phố 13 | 217                             | 210  | 7    |         |         | 80,50                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 14          |                                                                                   | Tổ dân phố 14 | 336                             | 324  | 12   |         |         | 75,40                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 15          | Thôn Mỹ Thạch 1                                                                   |               | 311                             | 301  | 10   |         |         | 113,80                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 16          | Thôn Mỹ Thạch 2                                                                   |               | 201                             | 196  | 5    |         |         | 105,40                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 17          | Thôn Mỹ Thạch 3                                                                   |               | 278                             | 272  | 6    |         |         | 181,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 18          | Thôn Tân Lập                                                                      |               | 229                             | 214  | 15   |         |         | 316,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 19          | Thôn Bàu Zút                                                                      |               | 354                             | 334  | 20   |         |         | 125,50                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 20          | Thôn Hồ Nước                                                                      |               | 308                             | 292  | 16   |         |         | 231,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 21          | Thôn Thanh Bình                                                                   |               | 238                             | 230  | 8    |         |         | 167,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 22          | Làng Hăng Rìng                                                                    |               | 285                             | 23   | 262  |         |         | 175,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 23          | Làng Tôt Bióch                                                                    |               | 168                             | 7    | 161  |         |         | 167,00                       |                    | X                                               |                                                                         |



| STT        | Tên thôn, tổ dân phố                                                             |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|            |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 24         | Làng Ngo Ser                                                                     |            | 115                             | 12   | 103  |         |         | 82,30                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 25         | Làng Dun Bêu                                                                     |            | 124                             | 4    | 120  |         |         | 66,40                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 26         | Làng Glan                                                                        |            | 64                              | 6    | 58   |         |         | 112,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 27         | Làng Kê                                                                          |            | 146                             | 14   | 132  |         |         | 119,40                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>II</b>  | <b>Xã Ia Tiem</b>                                                                |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng Hlu                                                                         |            | 220                             | 32   | 188  |         |         | 438,30                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Làng Khôi Zố                                                                     |            | 353                             | 18   | 335  |         |         | 339,90                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Thôn Ia Ring                                                                     |            | 214                             | 214  |      |         |         | 398,90                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Thôn An Lộc                                                                      |            | 205                             | 205  |      |         |         | 326,20                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5          | Làng Ka                                                                          |            | 84                              | 2    | 82   |         |         | 243,70                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Làng Nái                                                                         |            | 90                              | 4    | 86   |         |         | 285,21                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Làng Keng                                                                        |            | 96                              | 3    | 93   |         |         | 307,40                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          | Làng Klú                                                                         |            | 115                             | 1    | 114  |         |         | 292,40                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          | Làng Bông                                                                        |            | 110                             | 43   | 67   |         |         | 285,20                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10         | Làng Nủ                                                                          |            | 167                             | 8    | 159  |         |         | 417,10                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11         | Làng Lê Ngol                                                                     |            | 175                             | 3    | 172  |         |         | 313,20                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 12         | Làng Lê Anh                                                                      |            | 90                              | 5    | 85   |         |         | 278,10                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 13         | Làng Khôi Zét                                                                    |            | 158                             | 2    | 156  |         |         | 323,20                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 14         | Thôn Thống Nhất                                                                  |            | 96                              | 96   |      |         |         | 297,20                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 15         | Thôn 19                                                                          |            | 137                             | 137  |      |         |         | 274,80                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>III</b> | <b>Xã Dun</b>                                                                    |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng Greo Sék                                                                    |            | 274                             | 84   | 190  |         |         | 263,91                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Bình Minh                                                                   |            | 83                              | 83   |      |         |         | 33,42                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          | Làng Queng Mếp                                                                   |            | 196                             | 97   | 99   |         |         | 217,55                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Làng Ring Răng                                                                   |            | 154                             | 59   |      | 95      |         | 67,71                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5          | Làng Ia Long                                                                     |            | 82                              | 40   | 42   |         |         | 305,53                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Làng Greo Pét                                                                    |            | 155                             | 53   | 102  |         |         | 215,53                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7          | Làng Pan                                                                         |            | 143                             | 57   | 86   |         |         | 853,61                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>IV</b>  | <b>Xã Bờ Ngoong</b>                                                              |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng Amo                                                                         |            | 246                             |      | 246  |         |         | 369,70                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Đồng Tâm                                                                    |            | 186                             | 182  | 4    |         |         | 227,32                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3          | Thôn Tân Tiến                                                                    |            | 105                             | 102  | 3    |         |         | 245,43                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4          | Thôn 16                                                                          |            | 142                             | 140  | 2    |         |         | 182,38                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5          | Thôn Đoàn Kết                                                                    |            | 179                             | 179  |      |         |         | 127,68                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6          | Làng Quai                                                                        |            | 165                             |      | 165  |         |         | 330,91                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7          | Làng Thoong Nha                                                                  |            | 195                             | 12   | 5    | 178     |         | 270,54                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8          | Làng Jri                                                                         |            | 92                              | 6    |      | 86      |         | 369,87                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          | Làng Púih                                                                        |            | 137                             | 12   |      | 125     |         | 290,86                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10         | Làng Dơ Nâu                                                                      |            | 151                             | 2    | 149  |         |         | 770,77                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11         | Làng Pa Pét 1                                                                    |            | 51                              | 1    | 50   |         |         | 458,83                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12         | Làng Pa Pét 2                                                                    |            | 136                             | 10   | 126  |         |         | 175,85                       |                    | X                                               |                                                                         |



| STT         | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sắp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sắp nhập |
| <b>V</b>    | <b>Xã Hbông</b>                                                                   |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Ring 1                                                                       |            | 220                             | 79   | 124  |         | 17      | 2.926,43                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Làng Kueng XN                                                                     |            | 238                             | 49   | 181  |         | 8       | 744,40                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Làng Tnưng                                                                        |            | 325                             | 35   | 273  |         | 17      | 3.104,61                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           | Làng Ring 2                                                                       |            | 147                             | 34   | 103  |         | 10      | 2.843,66                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Làng Kte 1                                                                        |            | 136                             | 32   | 101  |         | 3       | 790,71                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Làng Kte 2                                                                        |            | 138                             | 41   | 91   |         | 6       | 792,53                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Làng Kte 3                                                                        |            | 67                              | 1    | 63   | 1       | 2       | 719,55                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Làng Dlâm                                                                         |            | 88                              | 21   | 66   |         | 1       | 730,17                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Làng Dek                                                                          |            | 160                             | 67   | 87   |         | 6       | 797,14                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Làng Kueng Đơng                                                                   |            | 198                             | 21   | 167  |         | 10      | 644,27                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11          | Làng Ia Sô                                                                        |            | 90                              | 66   | 21   |         | 3       | 758,39                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12          | Thôn Ia Sa                                                                        |            | 192                             | 177  | 2    |         | 13      | 770,38                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VI</b>   | <b>Xã Ia Hlốp</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn 1                                                                            |            | 395                             | 395  |      |         |         | 385,40                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Thôn 2                                                                            |            | 450                             | 450  |      |         |         | 312,09                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Thôn 3                                                                            |            | 335                             | 335  |      |         |         | 523,20                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           | Thôn 4                                                                            |            | 165                             | 165  |      |         |         | 88,56                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Thôn 5                                                                            |            | 114                             | 113  |      |         | 1       | 632,89                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Làng Gran                                                                         |            | 97                              | 20   | 77   |         |         | 88,43                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7           | Làng Á                                                                            |            | 93                              | 14   | 79   |         |         | 273,36                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8           | Làng Tol                                                                          |            | 58                              | 37   | 21   |         |         | 261,40                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9           | Làng Sor                                                                          |            | 183                             | 15   | 168  |         |         | 455,25                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10          | Làng Tel Yô                                                                       |            | 93                              | 13   | 80   |         |         | 161,70                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11          | Làng Tel Ngó                                                                      |            | 36                              | 7    | 29   |         |         | 59,63                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 12          | Làng Plong 1                                                                      |            | 107                             | 15   | 92   |         |         | 531,35                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 13          | Làng Plong 2                                                                      |            | 135                             | 37   | 98   |         |         | 519,52                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VII</b>  | <b>Xã Bar Măih</b>                                                                |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Phăm Klăh 1                                                                  |            | 220                             | 57   | 163  |         |         | 969,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Làng Phăm Ó 1                                                                     |            | 161                             | 6    | 155  |         |         | 522,91                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Làng Phăm Ó 2                                                                     |            | 107                             | 40   | 67   |         |         | 507,90                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Làng Ia Kpó                                                                       |            | 144                             | 56   | 88   |         |         | 413,72                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Làng Thoong Tăng                                                                  |            | 104                             | 26   | 78   |         |         | 457,80                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Làng Phăm Ngol 1                                                                  |            | 62                              | 2    | 60   |         |         | 416,61                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Làng Phăm KLeo                                                                    |            | 103                             | 12   | 91   |         |         | 440,42                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Làng Phăm Klăh 2                                                                  |            | 91                              | 7    | 84   |         |         | 418,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Làng Tơ Drăh 1                                                                    |            | 174                             | 3    |      | 171     |         | 582,81                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Làng Tơ Drăh 2                                                                    |            | 122                             | 8    |      | 114     |         | 568,70                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VIII</b> | <b>Xã Ia Pal</b>                                                                  |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn 1                                                                            |            | 307                             | 294  | 3    |         | 10      | 385,80                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Thôn 2                                                                            |            | 148                             | 145  | 3    |         |         | 239,20                       |                    | X                                               |                                                                         |



| STT        | Tên thôn, tổ dân phố                                                             |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|            |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 3          | Thôn 3                                                                           |            | 152                             | 150  | 2    |         |         | 245,60                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Thôn 4                                                                           |            | 150                             | 146  | 4    |         |         | 263,70                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Thôn 5                                                                           |            | 159                             | 156  | 3    |         |         | 192,10                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6          | Làng Tào Ròng                                                                    |            | 241                             | 12   | 229  |         |         | 365,84                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 7          | Làng Kueng O                                                                     |            | 57                              | 3    | 54   |         |         | 156,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          | Làng Kueng Thoa                                                                  |            | 106                             | 3    | 103  |         |         | 187,60                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          | Làng Tào Kúk                                                                     |            | 122                             | 20   | 102  |         |         | 174,20                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>IX</b>  | <b>Xã Ia Ko</b>                                                                  |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng Tai Glai                                                                    |            | 343                             | 52   | 291  |         |         | 618,82                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Làng Obung                                                                       |            | 277                             | 71   | 206  |         |         | 721,06                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Làng Sur A                                                                       |            | 244                             | 32   | 212  |         |         | 823,30                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Làng Vel                                                                         |            | 203                             | 40   | 163  |         |         | 699,66                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5          | Làng Orung                                                                       |            | 196                             | 42   | 154  |         |         | 742,46                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>X</b>   | <b>Xã Al Bă</b>                                                                  |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn Tứ Kỳ Nam                                                                   |            | 323                             | 319  | 3    |         | 1       | 384,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Làng Klah Bui                                                                    |            | 87                              | 5    | 76   | 6       |         | 213,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          | Làng Păng Roh                                                                    |            | 132                             | 17   |      | 114     | 1       | 749,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Làng Nút Riêng 1                                                                 |            | 94                              | 32   | 61   | 1       |         | 131,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Làng Nút Riêng 2                                                                 |            | 99                              |      | 97   | 2       |         | 201,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Làng Ia Doa                                                                      |            | 87                              | 6    | 78   | 3       |         | 149,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7          | Làng Roh Nhỏ                                                                     |            | 108                             | 21   | 85   |         | 2       | 57,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          | Làng Pă Boong                                                                    |            | 122                             | 1    | 107  | 13      | 1       | 101,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          | Làng Klah Nhân                                                                   |            | 114                             | 33   | 80   | 1       |         | 253,83                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10         | Làng Roh Lớn                                                                     |            | 124                             | 19   | 105  |         |         | 93,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 11         | Thôn Tứ Kỳ Bắc                                                                   |            | 171                             | 170  |      |         | 1       | 359,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>XI</b>  | <b>Xã Ia Glai</b>                                                                |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng Yon                                                                         |            | 222                             | 11   | 211  |         |         | 245,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Nông Trường                                                                 |            | 133                             | 127  |      | 6       |         | 655,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3          | Làng Pang                                                                        |            | 123                             | 28   | 95   |         |         | 247,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4          | Thôn Nhơn Phú                                                                    |            | 172                             | 172  |      |         |         | 435,14                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5          | Thôn Hương Phú                                                                   |            | 137                             | 135  | 2    |         |         | 245,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6          | Làng Del                                                                         |            | 171                             | 71   | 100  |         |         | 347,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7          | Làng Ngol                                                                        |            | 137                             | 7    | 130  |         |         | 545,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8          | Làng Tok                                                                         |            | 63                              | 5    | 58   |         |         | 82,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          | Thôn Thủy Lợi                                                                    |            | 87                              | 87   |      |         |         | 110,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10         | Thôn Vườn Ươm                                                                    |            | 115                             | 111  |      | 4       |         | 220,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>XII</b> | <b>Xã Ia Blang</b>                                                               |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn 1                                                                           |            | 226                             | 226  |      |         |         | 136,10                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn 2                                                                           |            | 174                             | 174  |      |         |         | 122,90                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3          | Thôn 3                                                                           |            | 217                             | 217  |      |         |         | 123,80                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Thôn 4                                                                           |            | 165                             | 165  |      |         |         | 127,30                       |                    | X                                               |                                                                         |



| STT         | Tên thôn, tổ dân phố                                                             |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 5           | Thôn 6                                                                           |            | 205                             | 205  |      |         |         | 130,20                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6           | Thôn 7                                                                           |            | 140                             | 140  |      |         |         | 122,20                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Thôn Vinh Hà                                                                     |            | 202                             | 202  |      |         |         | 378,80                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 8           | Thôn An Điền                                                                     |            | 231                             | 231  |      |         |         | 131,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 9           | Thôn Phú Hòa                                                                     |            | 110                             | 110  |      |         |         | 124,60                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Thôn Bình Hưng                                                                   |            | 96                              | 96   |      |         |         | 134,17                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11          | Làng Nhã                                                                         |            | 110                             |      | 110  |         |         | 78,70                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 12          | Làng Koái                                                                        |            | 65                              |      | 65   |         |         | 60,60                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 13          | Làng Mung                                                                        |            | 50                              |      | 50   |         |         | 73,20                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 14          | Làng Hlú                                                                         |            | 53                              |      | 53   |         |         | 76,40                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 15          | Làng Tok                                                                         |            | 104                             |      | 104  |         |         | 62,30                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 16          | Làng Roh                                                                         |            | 80                              |      | 80   |         |         | 60,80                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 17          | Làng Bơ                                                                          |            | 57                              |      | 57   |         |         | 76,71                        |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>XIII</b> | <b>Xã Chư Pong</b>                                                               |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Kênh Siêu                                                                   |            | 257                             | 34   | 223  |         |         | 597,01                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Làng Hồ Lâm                                                                      |            | 113                             | 8    | 105  |         |         | 477,35                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Làng Hồ Lang                                                                     |            | 115                             | 32   | 83   |         |         | 486,15                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Làng Hồ Bì                                                                       |            | 161                             | 20   | 141  |         |         | 506,23                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Làng Hồ Bua                                                                      |            | 63                              | 12   | 51   |         |         | 402,32                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Làng Hồ Lao                                                                      |            | 69                              | 25   | 44   |         |         | 375,81                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Làng Tốt Tâu                                                                     |            | 78                              | 26   | 52   |         |         | 134,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Thôn Đoàn Kết                                                                    |            | 101                             | 101  |      |         |         | 458,23                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9           | Thôn Thái Hà                                                                     |            | 121                             | 121  |      |         |         | 503,15                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>XIV</b>  | <b>Xã Ayun</b>                                                                   |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Trung                                                                       |            | 34                              |      | 21   | 13      |         | 440,98                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2           | Làng Keo                                                                         |            | 57                              | 1    | 31   | 25      |         | 429,37                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Làng Kpáih                                                                       |            | 66                              | 1    | 37   | 28      |         | 516,97                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Làng Păleng                                                                      |            | 37                              |      | 23   | 14      |         | 341,96                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Làng Achông                                                                      |            | 41                              |      | 22   | 19      |         | 316,72                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Làng Vơng                                                                        |            | 41                              |      | 23   | 18      |         | 340,72                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Làng Achép                                                                       |            | 79                              | 2    | 26   | 51      |         | 402,67                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Làng Tung Ke 1                                                                   |            | 52                              | 2    | 21   | 29      |         | 593,72                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Làng Tung Ke 2                                                                   |            | 91                              | 6    | 36   | 48      | 1       | 164,41                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Làng HVăk 1                                                                      |            | 48                              | 1    | 32   | 15      |         | 363,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11          | Làng HVăk 2                                                                      |            | 37                              | 1    | 24   | 12      |         | 556,69                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12          | Làng Rung Rang 1                                                                 |            | 71                              | 1    | 47   | 23      |         | 232,72                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 13          | Làng Rung Rang 2                                                                 |            | 47                              | 1    | 32   | 14      |         | 235,75                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 14          | Làng Dâm                                                                         |            | 105                             | 3    | 25   | 77      |         | 105,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>XV</b>   | <b>Xã Kông Htok</b>                                                              |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Kjai                                                                        |            | 78                              | 13   |      | 65      |         | 122,49                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2           | Làng Tăng                                                                        |            | 38                              | 23   | 15   |         |         | 301,73                       |                    | X                                               |                                                                         |



| STT | Tên thôn, tổ dân phố                                                             |              | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|     |  | Tổ dân phố   | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 3   | Làng Ser                                                                         |              | 124                             | 15   | 20   | 89      |         | 298,65                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4   | Làng Dơ Nông                                                                     |              | 119                             | 20   |      | 99      |         | 169,47                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5   | Làng Dơ Mỏ                                                                       |              | 115                             | 30   |      | 85      |         | 245,20                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6   | Làng Sul                                                                         |              | 67                              |      |      | 67      |         | 263,33                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7   | Làng Chư ruồi                                                                    |              | 168                             |      |      | 168     |         | 569,55                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8   | Làng Ó                                                                           |              | 108                             | 34   | 4    | 70      |         | 224,57                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9   | Làng Ia Luh                                                                      |              | 102                             | 67   | 35   |         |         | 258,55                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10  | Làng U                                                                           |              | 121                             | 31   | 90   |         |         | 298,14                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11  | Làng Diếp                                                                        |              | 110                             | 8    | 12   | 90      |         | 294,35                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12  | Làng Ia Choan                                                                    |              | 118                             | 32   | 86   |         |         | 127,98                       |                    | X                                               |                                                                         |
| G   | <b>HUYỆN IA GRAI</b>                                                             |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| I   | <b>Thị trấn Ia Kha</b>                                                           |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1   |                                                                                  | Tổ dân phố 1 | 372                             | 372  |      |         |         | 534,35                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2   |                                                                                  | Tổ dân phố 2 | 369                             | 367  | 2    |         |         | 48,85                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3   |                                                                                  | Tổ dân phố 3 | 348                             | 341  | 7    |         |         | 36,87                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4   |                                                                                  | Tổ dân phố 4 | 375                             | 372  | 3    |         |         | 33,70                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5   |                                                                                  | Tổ dân phố 5 | 215                             | 210  | 5    |         |         | 27,80                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6   |                                                                                  | Tổ dân phố 6 | 344                             | 335  |      |         | 9       | 551,90                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 7   |                                                                                  | Tổ dân phố 7 | 525                             | 512  |      |         | 13      | 740,60                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 8   | Thôn 1                                                                           |              | 142                             | 139  | 1    |         | 2       | 173,17                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9   | Thôn 2                                                                           |              | 148                             | 147  | 1    |         |         | 213,53                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10  | Làng Yam                                                                         |              | 129                             | 15   | 114  |         |         | 135,45                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11  | Làng Kép                                                                         |              | 104                             | 10   | 94   |         |         | 70,46                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 12  | Thôn Thắng Trạch 1                                                               |              | 314                             | 313  |      |         | 1       | 80,30                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 13  | Thôn Thắng Trạch 2                                                               |              | 308                             | 307  |      |         | 1       | 301,70                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| II  | <b>Xã Ia Khai</b>                                                                |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1   | Làng Nú                                                                          |              | 92                              | 2    | 87   | 1       | 2       | 199,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2   | Làng Jơng Bơ                                                                     |              | 162                             | 40   | 120  | 2       |         | 119,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3   | Làng Êch                                                                         |              | 144                             | 18   | 126  |         |         | 134,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4   | Làng Tung Chưc                                                                   |              | 137                             | 2    | 135  |         |         | 121,92                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5   | Làng Yom                                                                         |              | 142                             | 1    | 141  |         |         | 466,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6   | Làng Jơng Krăi 1                                                                 |              | 89                              | 2    | 80   | 3       | 4       | 136,68                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7   | Làng Jơng Krăi 2                                                                 |              | 87                              | 1    | 82   | 2       | 2       | 196,82                       |                    | X                                               |                                                                         |
| III | <b>Xã Ia Chiá</b>                                                                |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1   | Làng Tang                                                                        |              | 31                              |      | 31   |         |         | 1.292,40                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2   | Làng Pó                                                                          |              | 60                              | 10   | 50   |         |         | 724,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3   | Làng Kom Yố                                                                      |              | 162                             | 46   | 113  |         | 3       | 268,10                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4   | Làng Nú 1                                                                        |              | 107                             | 4    | 103  |         |         | 1.292,40                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5   | Làng Bang                                                                        |              | 148                             | 2    | 146  |         |         | 302,20                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6   | Làng Biá Ngó                                                                     |              | 275                             | 143  | 129  |         | 3       | 8.956,12                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 7   | Làng Beng                                                                        |              | 261                             | 23   | 236  |         | 2       | 10,44                        | X                  |                                                 |                                                                         |



| STT       | Tên thôn, tổ dân phố |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-----------|----------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|           | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 8         | Làng Núi II          |            | 257                             | 206  | 46   |         | 5       | 478,50                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 9         | Làng Lang            |            | 261                             | 65   | 194  |         | 2       | 2.298,80                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 10        | Làng Kom Ngó         |            | 221                             | 151  | 68   |         | 2       | 421,40                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| <b>IV</b> | <b>Xã Ia Krăi</b>    |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1         | Thôn 1               |            | 214                             | 214  |      |         |         | 154,50                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2         | Thôn 2               |            | 165                             | 165  |      |         |         | 181,50                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3         | Thôn 3               |            | 392                             | 386  |      |         | 6       | 576,50                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4         | Thôn 4               |            | 365                             | 330  | 35   |         |         | 761,90                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5         | Thôn 5               |            | 178                             | 178  |      |         |         | 312,50                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6         | Làng Doch Tung       |            | 71                              | 10   | 61   |         |         | 659,80                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7         | Làng Kăm             |            | 80                              | 16   | 64   |         |         | 181,60                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8         | Làng Bì Ia Yom       |            | 74                              | 13   | 61   |         |         | 185,56                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9         | Làng Bì Ia Nách      |            | 73                              | 15   | 58   |         |         | 856,50                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10        | Làng Bì De           |            | 95                              | 19   | 76   |         |         | 367,70                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11        | Làng Tung Breng      |            | 86                              | 25   | 61   |         |         | 735,20                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 12        | Làng Doch Kuế        |            | 119                             | 21   | 98   |         |         | 444,30                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 13        | Làng Ó               |            | 133                             | 11   | 122  |         |         | 322,80                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 14        | Làng Myah            |            | 126                             | 13   | 113  |         |         | 505,50                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 15        | Làng Doch Ia Krot    |            | 265                             | 180  | 85   |         |         | 106,20                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| <b>V</b>  | <b>Xã Ia Grăng</b>   |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1         | Làng Khóp            |            | 81                              | 20   | 61   |         |         | 371,40                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2         | Làng Gôk             |            | 94                              | 14   | 80   |         |         | 331,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3         | Làng Hlüh            |            | 118                             | 8    | 110  |         |         | 374,09                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4         | Làng Ôrê 1           |            | 159                             | 44   | 115  |         |         | 217,90                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5         | Làng Mèo             |            | 101                             | 62   | 39   |         |         | 714,50                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6         | Làng Châm            |            | 184                             |      | 184  |         |         | 375,40                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7         | Làng Ôrê 2           |            | 159                             | 97   | 62   |         |         | 296,70                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>VI</b> | <b>Xã Ia Dêr</b>     |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1         | Thôn Hà Thanh        |            | 91                              | 90   |      |         | 1       | 119,02                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2         | Làng Jut 1           |            | 179                             | 34   | 145  |         |         | 153,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3         | Làng Jut 2           |            | 153                             | 7    | 146  |         |         | 218,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4         | Làng Blang 3         |            | 180                             | 15   | 165  |         |         | 789,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5         | Làng Ia Tong         |            | 132                             | 52   | 80   |         |         | 987,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6         | Làng Breng 3         |            | 256                             | 123  | 128  |         | 5       | 767,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 7         | Làng Breng 2         |            | 201                             | 11   | 190  |         |         | 262,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 8         | Làng Breng 1         |            | 206                             | 7    | 199  |         |         | 318,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 9         | Làng Brel            |            | 200                             | 37   | 163  |         |         | 273,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 10        | Làng Klăh 1          |            | 204                             | 89   | 115  |         |         | 108,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 11        | Làng Klăh 2          |            | 201                             | 31   | 170  |         |         | 297,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 12        | Làng Blang 1         |            | 272                             | 31   | 241  |         |         | 773,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 13        | Làng Blang 2         |            | 201                             | 41   | 160  |         |         | 1.120,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |



| STT         | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| <b>VII</b>  | <b>Xã Ia Tô</b>                                                                   |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn 1                                                                            |            | 120                             | 99   |      |         | 21      | 336,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2           | Thôn 2                                                                            |            | 273                             | 271  | 1    |         | 1       | 764,40                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Thôn 3                                                                            |            | 315                             | 299  | 1    |         | 15      | 882,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           | Thôn 4                                                                            |            | 316                             | 310  | 2    |         | 4       | 884,80                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5           | Thôn 5                                                                            |            | 102                             | 102  |      |         |         | 285,60                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Thôn 6                                                                            |            | 187                             | 185  |      |         | 2       | 523,60                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7           | Thôn 7                                                                            |            | 80                              | 80   |      |         |         | 224,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8           | Thôn 8                                                                            |            | 117                             | 115  |      |         | 2       | 327,60                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Thôn 9                                                                            |            | 125                             | 121  |      |         | 4       | 350,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Thôn 10                                                                           |            | 143                             | 141  |      |         | 2       | 400,40                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11          | Làng Te                                                                           |            | 71                              |      | 71   |         |         | 178,80                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 12          | Làng Nang                                                                         |            | 165                             |      | 165  |         |         | 462,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 13          | Làng Kmông                                                                        |            | 145                             |      | 145  |         |         | 406,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 14          | Làng Krung                                                                        |            | 147                             | 5    | 142  |         |         | 411,60                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 15          | Làng Delung 1                                                                     |            | 110                             | 25   | 85   |         |         | 308,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 16          | Làng Del                                                                          |            | 203                             |      | 203  |         |         | 568,40                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 17          | Làng Delung 2                                                                     |            | 208                             | 76   | 132  |         |         | 610,55                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| <b>VIII</b> | <b>Xã Ia Sao</b>                                                                  |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Nủ                                                                           |            | 93                              | 5    | 88   |         |         | 364,10                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2           | Thôn Đức Thành                                                                    |            | 147                             | 122  | 25   |         |         | 182,73                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Thôn Đức Tân                                                                      |            | 198                             | 193  |      | 5       |         | 321,85                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Làng Dút 1                                                                        |            | 130                             | 2    | 128  |         |         | 287,75                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5           | Làng Jek                                                                          |            | 151                             | 3    | 148  |         |         | 204,26                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Làng Ó                                                                            |            | 186                             | 1    | 185  |         |         | 186,29                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7           | Làng Tót                                                                          |            | 115                             | 9    | 106  |         |         | 508,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8           | Thôn Tân Hòa                                                                      |            | 81                              | 80   |      |         | 1       | 90,20                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Thôn Tân Sơn                                                                      |            | 41                              | 41   |      |         |         | 80,30                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Làng Dút 2                                                                        |            | 46                              | 2    | 44   |         |         | 24,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 11          | Làng Yang                                                                         |            | 84                              | 1    | 83   |         |         | 222,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12          | Thôn Tân Bình                                                                     |            | 120                             | 118  | 2    |         |         | 40,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 13          | Thôn Tân Lập                                                                      |            | 311                             | 311  |      |         |         | 247,79                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 14          | Thôn Tân An                                                                       |            | 206                             | 204  |      | 2       |         | 43,70                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 15          | Làng Nang                                                                         |            | 227                             | 74   | 153  |         |         | 376,23                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| <b>IX</b>   | <b>Xã Ia Pếch</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng O Pếch                                                                       |            | 295                             | 175  | 119  |         | 1       | 1.101,40                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Làng Orang                                                                        |            | 260                             | 120  | 90   |         | 50      | 1.379,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Làng Ogia                                                                         |            | 137                             | 50   | 86   |         | 1       | 870,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Làng Sát Tâu                                                                      |            | 165                             | 117  | 48   |         |         | 710,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5           | Làng Ku Tong                                                                      |            | 176                             | 51   | 91   |         | 34      | 1.490,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Làng De Chí                                                                       |            | 183                             | 34   | 149  |         |         | 2.305,41                     |                    |                                                 | X                                                                       |



| STT         | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 7           | Làng Osor                                                                         |            | 49                              | 8    | 41   |         |         | 556,60                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Làng Nang Long                                                                    |            | 82                              | 30   | 50   |         | 2       | 840,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>X</b>    | <b>Xã Ia Bă</b>                                                                   |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn Thanh Bình                                                                   |            | 197                             | 190  |      |         | 7       | 1.222,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2           | Thôn Chư Hậu 6                                                                    |            | 156                             | 149  |      |         | 7       | 392,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Làng Dun De                                                                       |            | 196                             | 67   | 129  |         |         | 328,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Thôn Hợp Thành                                                                    |            | 162                             | 148  |      |         | 14      | 450,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5           | Thôn Văn Mỹ                                                                       |            | 75                              | 75   |      |         |         | 115,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Làng Bẹk                                                                          |            | 190                             | 66   | 124  |         |         | 657,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Làng Út 2                                                                         |            | 100                             | 79   | 21   |         |         | 171,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Thôn Hợp Nhất                                                                     |            | 70                              | 69   |      |         | 1       | 78,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Làng Ngái Yố                                                                      |            | 71                              | 1    | 70   |         |         | 141,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Thôn Phù Tiên                                                                     |            | 113                             | 113  |      |         |         | 184,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11          | Làng Păng Gol                                                                     |            | 95                              | 66   | 29   |         |         | 195,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>XI</b>   | <b>Xã Ia Yok</b>                                                                  |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn Hợp Nhất                                                                     |            | 188                             | 188  |      |         |         | 967,90                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2           | Thôn 1                                                                            |            | 130                             | 130  |      |         |         | 125,30                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Thôn Thái Hà                                                                      |            | 154                             | 154  |      |         |         | 150,10                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Thôn Tân Sao                                                                      |            | 170                             | 170  |      |         |         | 253,60                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Thôn Văn Yên                                                                      |            | 191                             | 191  |      |         |         | 71,90                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Thôn Chư Hậu 4                                                                    |            | 101                             | 101  |      |         |         | 48,70                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Thôn Tân Thành                                                                    |            | 155                             | 155  |      |         |         | 202,20                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Thôn Tân Hợp                                                                      |            | 105                             | 105  |      |         |         | 169,71                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Thôn Lập Thành                                                                    |            | 172                             | 172  |      |         |         | 168,40                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Làng Bồ 1                                                                         |            | 130                             | 30   | 100  |         |         | 35,10                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 11          | Làng Bồ 2                                                                         |            | 120                             |      | 120  |         |         | 137,30                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12          | Thôn Chư Hậu 5                                                                    |            | 312                             | 312  |      |         |         | 42,80                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 13          | Thôn Hưng Bình                                                                    |            | 201                             | 201  |      |         |         | 334,20                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| <b>XII</b>  | <b>Xã Ia O</b>                                                                    |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng O                                                                            |            | 154                             | 16   | 136  |         | 2       | 1.527,38                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2           | Làng Bi                                                                           |            | 319                             | 88   | 231  |         |         | 2.120,16                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Làng Kloong                                                                       |            | 391                             | 233  | 125  |         | 33      | 1.227,54                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           | Làng Cúc                                                                          |            | 402                             | 211  | 160  |         | 31      | 1.727,23                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5           | Làng Dăng                                                                         |            | 504                             | 312  | 155  |         | 37      | 1.127,56                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6           | Làng Mít Jép                                                                      |            | 408                             | 190  | 208  |         | 10      | 1.527,29                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 7           | Làng Kom I                                                                        |            | 269                             | 177  | 68   |         | 24      | 1.327,52                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 8           | Làng Kom II                                                                       |            | 411                             | 310  | 87   |         | 14      | 1.227,56                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 9           | Làng Lân                                                                          |            | 602                             | 400  | 201  |         | 1       | 1.927,25                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| <b>XIII</b> | <b>Xã Ia Hrug</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn 1                                                                            |            | 72                              | 72   |      |         |         | 233,13                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2           | Thôn 2                                                                            |            | 98                              | 98   |      |         |         | 220,05                       |                    | X                                               |                                                                         |



| STT        | Tên thôn, tổ dân phố                                                                  |              | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|            |  Thôn | Tổ dân phố   | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sắp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sắp nhập |
| 3          | Thôn 3                                                                                |              | 133                             | 130  |      |         | 3       | 592,97                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Thôn 4                                                                                |              | 98                              | 98   |      |         |         | 691,21                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Thôn Kim Thành                                                                        |              | 110                             | 110  |      |         |         | 194,10                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Thôn Thanh Hà 2                                                                       |              | 109                             | 106  | 1    | 2       |         | 194,30                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Làng Ngai Ngó                                                                         |              | 103                             | 12   | 90   | 1       |         | 692,04                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          | Làng Út 1                                                                             |              | 107                             | 4    | 103  |         |         | 123,58                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          | Làng Grit                                                                             |              | 94                              | 5    | 89   |         |         | 713,58                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10         | Làng Máih                                                                             |              | 104                             | 5    | 98   | 1       |         | 273,39                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11         | Làng Me                                                                               |              | 109                             | 7    | 102  |         |         | 252,65                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12         | Thôn Thanh Hà 1                                                                       |              | 252                             | 251  |      |         | 1       | 267,10                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| <b>H</b>   | <b>HUYỆN KÔNG CHRO</b>                                                                |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| <b>I</b>   | <b>Thị trấn Kông Chro</b>                                                             |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          |                                                                                       | Tổ dân phố 1 | 181                             | 175  |      | 2       | 4       | 433,81                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2          |                                                                                       | Tổ dân phố 2 | 287                             | 265  |      | 4       | 18      | 63,70                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          |                                                                                       | Tổ dân phố 3 | 325                             | 314  |      | 7       | 4       | 49,10                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          |                                                                                       | Tổ dân phố 4 | 153                             | 150  |      |         | 3       | 115,80                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          |                                                                                       | Tổ dân phố 5 | 127                             | 125  |      |         | 2       | 96,20                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          |                                                                                       | Tổ dân phố 6 | 44                              | 38   |      |         | 6       | 193,60                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          |                                                                                       | Tổ dân phố 7 | 209                             | 209  |      |         |         | 289,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          | Làng Hle Ktu                                                                          |              | 137                             | 67   |      | 70      |         | 117,30                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          | Làng Nghe Nhỏ                                                                         |              | 130                             | 2    |      | 128     |         | 181,10                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10         | Làng K'toh                                                                            |              | 91                              | 3    |      | 86      | 2       | 482,13                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11         | Làng Nghe Lớn                                                                         |              | 235                             | 25   | 1    | 206     | 3       | 164,70                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 12         | Làng Dong                                                                             |              | 236                             | 45   | 1    | 183     | 7       | 137,40                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 13         | Làng Pyang                                                                            |              | 204                             | 22   |      | 174     | 8       | 328,90                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| <b>II</b>  | <b>Xã Kông Yang</b>                                                                   |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn 1                                                                                |              | 120                             | 85   |      |         | 35      | 926,83                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2          | Thôn 2                                                                                |              | 73                              | 73   |      |         |         | 625,77                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          | Thôn 3                                                                                |              | 99                              | 99   |      |         |         | 228,86                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Thôn 4                                                                                |              | 199                             | 198  |      | 1       |         | 691,37                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Thôn 5                                                                                |              | 100                             | 100  |      |         |         | 735,06                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Làng Húp                                                                              |              | 47                              | 6    |      | 41      |         | 432,61                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7          | Làng Hra                                                                              |              | 63                              | 25   |      | 38      |         | 590,43                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8          | Làng Bà Bã                                                                            |              | 110                             |      |      | 110     |         | 327,66                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9          | Làng Hưnh Dong                                                                        |              | 99                              |      |      | 99      |         | 460,65                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10         | Làng Hưnh Đăk                                                                         |              | 83                              | 3    |      | 80      |         | 369,61                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>III</b> | <b>Xã Yang Trung</b>                                                                  |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn 9                                                                                |              | 250                             | 213  |      | 8       | 29      | 1.653,85                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn 10                                                                               |              | 75                              | 74   |      |         | 1       | 551,23                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3          | Làng Hle Hlang                                                                        |              | 159                             | 8    |      | 151     |         | 957,83                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4          | Làng Tnang                                                                            |              | 187                             | 44   | 2    | 108     | 33      | 1.247,83                     |                    |                                                 | X                                                                       |



| STT        | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|            |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| <b>IV</b>  | <b>Xã An Trung</b>                                                                |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn 6                                                                            |            | 256                             | 256  |      |         |         | 1.111,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Làng Biên                                                                         |            | 116                             | 58   |      | 58      |         | 591,50                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3          | Làng Brò                                                                          |            | 138                             | 46   |      | 92      |         | 476,30                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4          | Làng Chiêu Liêu                                                                   |            | 122                             | 67   |      | 55      |         | 1.047,19                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5          | Làng Kial 1                                                                       |            | 59                              | 12   |      | 47      |         | 219,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Làng Kial 2                                                                       |            | 76                              | 15   |      | 61      |         | 571,30                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Làng Blô                                                                          |            | 62                              | 13   |      | 49      |         | 215,70                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          | Làng Kram                                                                         |            | 59                              | 15   |      | 44      |         | 228,30                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          | Làng Ó                                                                            |            | 62                              | 29   |      | 33      |         | 314,20                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10         | Làng S'Kiết                                                                       |            | 72                              | 21   |      | 51      |         | 1.163,10                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11         | Làng Bröch                                                                        |            | 85                              | 32   |      | 53      |         | 1.051,52                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 12         | Thôn Ya Yên                                                                       |            | 76                              | 76   |      |         |         | 507,84                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 13         | Làng Siêu                                                                         |            | 72                              | 8    |      | 64      |         | 986,30                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>V</b>   | <b>Xã Chơ Long</b>                                                                |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng Brurl                                                                        |            | 199                             | 23   | 22   | 144     | 10      | 1.640,14                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2          | Làng Tépé 1                                                                       |            | 95                              | 6    |      | 89      |         | 1.625,67                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          | Làng Tépé 2                                                                       |            | 62                              | 4    |      | 56      | 2       | 1.563,77                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Làng Alao                                                                         |            | 29                              | 2    |      | 27      |         | 2.093,26                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Làng Tpon 1                                                                       |            | 65                              | 8    |      | 57      |         | 1.361,32                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Làng Tpon 2                                                                       |            | 72                              | 9    |      | 63      |         | 1.432,61                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Làng Klăh                                                                         |            | 89                              | 21   |      | 68      |         | 1.410,33                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8          | Thôn 8                                                                            |            | 85                              | 81   |      |         | 4       | 1.223,64                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9          | Thôn 9                                                                            |            | 124                             | 80   |      |         | 44      | 1.543,84                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>VI</b>  | <b>Xã Ya Ma</b>                                                                   |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng TNùng 1                                                                      |            | 134                             | 3    |      | 131     |         | 1.225,17                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 2          | Làng TNùng 2                                                                      |            | 110                             | 19   |      | 91      |         | 372,18                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3          | Làng Măng                                                                         |            | 83                              | 3    |      | 80      |         | 1.303,52                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Làng Hơn                                                                          |            | 56                              | 3    |      | 53      |         | 1.560,43                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>VII</b> | <b>Xã Yang Nam</b>                                                                |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng Tpong 1                                                                      |            | 137                             | 28   |      | 109     |         | 1.634,60                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 2          | Làng Tpong 2                                                                      |            | 92                              | 24   |      | 68      |         | 1.160,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          | Làng Hlang 1                                                                      |            | 60                              | 5    |      | 55      |         | 756,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Làng Hlang 2                                                                      |            | 77                              | 8    |      | 43      | 26      | 971,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Làng Rơng                                                                         |            | 142                             | 31   |      | 111     |         | 1.690,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Làng Kun 2                                                                        |            | 21                              |      | 17   | 4       |         | 364,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Làng Kun 1                                                                        |            | 44                              | 8    | 35   | 1       |         | 554,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          | Làng Toang                                                                        |            | 67                              | 10   | 53   | 4       |         | 845,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          | Làng Lơ Bơ                                                                        |            | 90                              | 5    | 84   | 1       |         | 1.135,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 10         | Làng Glung                                                                        |            | 91                              | 4    | 86   | 1       |         | 1.147,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 11         | Làng Hngăh                                                                        |            | 81                              | 2    | 76   | 3       |         | 1.121,00                     |                    | X                                               |                                                                         |



| STT         | Tên thôn, tổ dân phố                                                             |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 12          | Làng Ya Ma                                                                       |            | 104                             | 11   |      | 93      |         | 1.311,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 13          | Thôn Hòa Bình                                                                    |            | 26                              | 19   |      |         | 7       | 327,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VIII</b> | <b>Xã Đăk Tô Pang</b>                                                            |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Brăng                                                                       |            | 103                             | 15   |      | 87      | 1       | 2.106,20                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2           | Làng Bong                                                                        |            | 30                              | 3    |      | 26      | 1       | 1.806,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Làng Kráp                                                                        |            | 37                              | 4    |      | 33      |         | 1.006,70                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Làng Groi                                                                        |            | 43                              | 3    |      | 40      |         | 806,15                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Làng Kông                                                                        |            | 73                              | 7    |      | 63      | 3       | 906,35                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Làng Kpiêu                                                                       |            | 46                              | 4    |      | 41      | 1       | 1.206,75                     |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>IX</b>   | <b>Xã Đăk Kơ Ning</b>                                                            |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Nhạng Lớn                                                                   |            | 147                             | 13   |      | 133     | 1       | 3.000,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2           | Làng H'Tiêng                                                                     |            | 94                              | 15   |      | 79      |         | 2.800,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Làng Nhạng Nhỏ                                                                   |            | 50                              | 9    |      | 41      |         | 1.368,44                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Làng Tờ Kắt                                                                      |            | 83                              | 13   |      | 70      |         | 2.300,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Làng Hrách                                                                       |            | 68                              | 2    | 6    | 60      |         | 1.800,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Thôn Ninh Bình                                                                   |            | 38                              | 35   |      | 1       | 2       | 900,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Làng Ya Ma Kul                                                                   |            | 78                              | 6    |      | 72      |         | 2.000,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>X</b>    | <b>Xã Đăk Pơ Pho</b>                                                             |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn 2                                                                           |            | 114                             | 113  |      |         | 1       | 781,40                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2           | Làng Kúc Gmỏi                                                                    |            | 101                             | 12   |      | 89      |         | 757,89                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Làng Kúc Rờng                                                                    |            | 102                             | 15   |      | 87      |         | 806,93                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Làng Trong                                                                       |            | 57                              | 12   |      | 45      |         | 825,52                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Làng Dy Rao                                                                      |            | 84                              | 14   |      | 70      |         | 1.617,39                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Làng Chư Krei                                                                    |            | 33                              | 4    |      | 29      |         | 823,77                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>XI</b>   | <b>Xã Chư Krey</b>                                                               |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Sơ Rơn                                                                      |            | 155                             | 40   |      | 115     |         | 1.337,39                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2           | Làng Veh                                                                         |            | 108                             | 6    |      | 102     |         | 2.147,39                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Làng Lơ Bơ                                                                       |            | 97                              | 5    |      | 51      | 41      | 2.257,34                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Làng Châu                                                                        |            | 81                              | 7    |      | 74      |         | 1.027,59                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Làng Tờ Dinh                                                                     |            | 80                              | 1    |      | 79      |         | 1.699,97                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Làng Hrach Kôn                                                                   |            | 86                              | 7    |      | 79      |         | 2.249,67                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>XII</b>  | <b>Xã Sró</b>                                                                    |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Quel                                                                        |            | 128                             | 48   |      | 80      |         | 3.132,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2           | Làng Hoya                                                                        |            | 45                              | 6    |      | 39      |         | 1.035,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Làng Ya Ma                                                                       |            | 42                              | 3    |      | 39      |         | 1.008,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Làng Sơ Ró                                                                       |            | 83                              | 3    |      | 80      |         | 1.660,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5           | Làng Kưok                                                                        |            | 89                              | 4    |      | 85      |         | 1.780,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Làng Pting                                                                       |            | 40                              | 4    |      | 36      |         | 1.560,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7           | Làng Kpòh                                                                        |            | 64                              | 2    |      | 62      |         | 1.664,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Làng Groi                                                                        |            | 75                              | 13   |      | 62      |         | 2.625,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Làng Bya                                                                         |            | 128                             | 9    |      | 119     |         | 3.116,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |



| STT         | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |               | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             |  | Tổ dân phố    | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sắp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sắp nhập |
| 10          | Thôn 14                                                                           |               | 32                              | 32   |      |         |         | 1.248,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 11          | Thôn 15                                                                           |               | 27                              | 27   |      |         |         | 1.391,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>XIII</b> | <b>Xã Đăk Pling</b>                                                               |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Mèo Lớn                                                                      |               | 164                             | 8    |      | 156     |         | 5.115,80                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 2           | Làng Mèo Nhỏ                                                                      |               | 63                              | 4    |      | 59      |         | 3.315,80                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Làng Brang                                                                        |               | 118                             | 3    |      | 115     |         | 5.379,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Làng Tbung                                                                        |               | 93                              | 3    |      | 90      |         | 4.315,80                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>XIV</b>  | <b>Xã Đăk Song</b>                                                                |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng K'Răk                                                                        |               | 90                              | 7    |      | 83      |         | 669,50                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2           | Làng B'La                                                                         |               | 86                              | 8    |      | 78      |         | 1.036,20                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Làng Kchăng                                                                       |               | 42                              | 5    |      | 37      |         | 478,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Làng Kte                                                                          |               | 69                              | 6    |      | 63      |         | 996,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Làng H'Ôn                                                                         |               | 90                              | 5    |      | 85      |         | 1.438,60                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Làng K'Liét                                                                       |               | 60                              | 5    |      | 55      |         | 2.592,10                     |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>I</b>    | <b>HUYỆN PHÚ THIỆN</b>                                                            |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| <b>I</b>    | <b>Thị trấn Phú Thiện</b>                                                         |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           |                                                                                   | Tổ dân phố 1  | 235                             | 188  | 47   |         |         | 34,14                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 2           |                                                                                   | Tổ dân phố 2  | 193                             | 178  |      |         | 15      | 56,30                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           |                                                                                   | Tổ dân phố 3  | 283                             | 82   | 96   |         | 105     | 56,41                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           |                                                                                   | Tổ dân phố 4  | 269                             | 104  | 139  | 1       | 25      | 37,78                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           |                                                                                   | Tổ dân phố 5  | 205                             | 155  | 24   |         | 26      | 65,87                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           |                                                                                   | Tổ dân phố 6  | 222                             | 218  |      |         | 4       | 75,70                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           |                                                                                   | Tổ dân phố 7  | 141                             | 123  |      |         | 18      | 56,07                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           |                                                                                   | Tổ dân phố 8  | 172                             | 154  |      |         | 18      | 51,60                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           |                                                                                   | Tổ dân phố 9  | 178                             | 156  |      |         | 22      | 57,63                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          |                                                                                   | Tổ dân phố 10 | 218                             | 159  | 59   |         |         | 62,86                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 11          |                                                                                   | Tổ dân phố 11 | 216                             | 87   | 125  |         | 4       | 54,63                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 12          |                                                                                   | Tổ dân phố 12 | 207                             | 86   | 121  |         |         | 78,57                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 13          |                                                                                   | Tổ dân phố 13 | 267                             | 219  |      |         | 48      | 75,28                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 14          |                                                                                   | Tổ dân phố 14 | 213                             | 13   | 196  | 4       |         | 83,38                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 15          |                                                                                   | Tổ dân phố 15 | 194                             | 38   | 156  |         |         | 87,50                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 16          |                                                                                   | Tổ dân phố 16 | 173                             | 50   | 120  |         | 3       | 83,41                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 17          |                                                                                   | Tổ dân phố 17 | 108                             | 99   | 7    |         | 2       | 57,40                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 18          |                                                                                   | Tổ dân phố 18 | 200                             | 47   | 144  |         | 9       | 63,85                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 19          |                                                                                   | Tổ dân phố 19 | 312                             | 247  |      |         | 65      | 103,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 20          |                                                                                   | Tổ dân phố 20 | 201                             | 66   | 120  |         | 15      | 53,43                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 21          |                                                                                   | Tổ dân phố 21 | 250                             | 48   | 168  |         | 34      | 66,73                        |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>II</b>   | <b>Xã Ayun Hạ</b>                                                                 |               |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn Thanh Hà                                                                     |               | 212                             | 16   |      |         | 196     | 294,05                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Thôn Thanh Thượng A                                                               |               | 126                             | 117  |      |         | 9       | 253,74                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Thôn Thanh Thượng B                                                               |               | 119                             | 87   |      |         | 32      | 164,89                       |                    | X                                               |                                                                         |



| STT        | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|            |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 4          | Thôn Thanh Sơn                                                                    |            | 149                             | 36   |      |         | 113     | 206,97                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Thôn Thanh Bình                                                                   |            | 150                             | 59   |      |         | 91      | 298,15                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Plei Rìng                                                                         |            | 65                              | 1    | 49   |         | 15      | 123,52                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Plei Đáp                                                                          |            | 128                             | 12   | 113  |         | 3       | 142,13                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          | Thôn Thanh Liêm                                                                   |            | 144                             | 109  |      |         | 35      | 588,72                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          | Plei Oì                                                                           |            | 168                             | 30   | 94   |         | 44      | 183,83                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10         | Thôn Đoàn Kết                                                                     |            | 180                             | 172  |      |         | 8       | 294,85                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>III</b> | <b>Xã Ia Ake</b>                                                                  |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Plei Glung A                                                                      |            | 241                             | 54   | 184  |         | 3       | 240,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Tăng A                                                                       |            | 221                             | 60   | 125  | 35      | 1       | 526,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Plei Lôk                                                                          |            | 210                             | 50   | 151  |         | 9       | 551,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Thôn Nam Hà                                                                       |            | 170                             | 87   |      |         | 83      | 753,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5          | Thôn Tân Điệp 1                                                                   |            | 161                             | 134  |      |         | 27      | 110,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Plei Mơ Lan                                                                       |            | 85                              | 29   | 49   |         | 7       | 90,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Plei Glung B                                                                      |            | 146                             | 55   | 81   |         | 10      | 155,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8          | Plei DMun                                                                         |            | 175                             | 52   | 101  |         | 22      | 250,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          | Plei Tăng B                                                                       |            | 100                             | 50   | 35   |         | 15      | 75,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 10         | Plei Tăng C                                                                       |            | 106                             | 78   | 1    |         | 27      | 410,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11         | Plei Măk                                                                          |            | 110                             | 4    | 106  |         |         | 480,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>IV</b>  | <b>Xã Ia Sol</b>                                                                  |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Plei Mil 1                                                                        |            | 236                             | 22   | 214  |         |         | 400,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Thắng Lợi 1                                                                  |            | 157                             | 155  |      |         | 2       | 1.200,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          | Thôn Thắng Lợi 2                                                                  |            | 140                             | 138  |      |         | 2       | 800,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Thôn Thắng Lợi 3                                                                  |            | 169                             | 168  |      |         | 1       | 831,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5          | Thôn Thắng Lợi 4                                                                  |            | 163                             | 135  | 26   |         | 2       | 950,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Thôn Hải Hà                                                                       |            | 107                             | 107  |      |         |         | 597,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Thôn Kế Tân 1                                                                     |            | 68                              | 66   |      |         | 2       | 569,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          | Thôn Kế Tân 2                                                                     |            | 157                             | 57   | 100  |         |         | 571,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          | Plei Mil 2                                                                        |            | 57                              | 56   | 1    |         |         | 418,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10         | Plei Tel A1                                                                       |            | 94                              | 56   | 38   |         |         | 630,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11         | Plei Tel A2                                                                       |            | 118                             | 31   | 87   |         |         | 648,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12         | Plei Tel B1                                                                       |            | 100                             | 40   | 60   |         |         | 406,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 13         | Plei Tel B2                                                                       |            | 155                             | 60   | 95   |         |         | 400,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 14         | Làng Ia Zút 1                                                                     |            | 105                             | 103  | 2    |         |         | 633,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 15         | Làng Ia Zút 2                                                                     |            | 103                             | 98   | 4    |         | 1       | 641,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 16         | Làng Ia Ptau                                                                      |            | 123                             | 16   | 107  |         |         | 665,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 17         | Làng Ia Peng                                                                      |            | 125                             | 93   | 32   |         |         | 1.710,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>V</b>   | <b>Xã Ia Piar</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Plei Ksing A                                                                      |            | 208                             | 21   | 166  |         | 21      | 53,70                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Plei Trang                                                                        |            | 164                             | 30   | 134  |         |         | 29,60                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          | Plei Ksing C                                                                      |            | 76                              | 27   | 49   |         |         | 11,10                        |                    | X                                               |                                                                         |



| STT         | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sắp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sắp nhập |
| 4           | Plei Kram                                                                         |            | 26                              |      | 26   |         |         | 4,40                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Plei Gok A                                                                        |            | 120                             | 21   | 98   |         | 1       | 95,30                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Plei Gok B                                                                        |            | 48                              | 3    | 45   |         |         | 22,90                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Thôn Thanh Trang                                                                  |            | 76                              | 43   |      |         | 33      | 77,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Thôn Ama Nhon                                                                     |            | 127                             | 4    | 121  |         | 2       | 100,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Plei Kmek                                                                         |            | 125                             | 11   | 110  |         | 4       | 8,80                         |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10          | Thôn Mnai Trang                                                                   |            | 100                             | 7    | 86   | 1       | 6       | 135,30                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11          | Plei Chung                                                                        |            | 136                             | 10   | 122  |         | 4       | 5,44                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 12          | Plei Ksing B                                                                      |            | 130                             | 16   | 36   |         | 78      | 9,50                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 13          | Plei Rbai A                                                                       |            | 174                             | 161  | 11   |         | 2       | 60,20                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 14          | Plei Rbai B                                                                       |            | 167                             | 141  | 22   |         | 4       | 55,40                        |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VI</b>   | <b>Xã Ia Yeng</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Plei Kte Lớn A                                                                    |            | 200                             | 25   | 175  |         |         | 66,60                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Plei Kram                                                                         |            | 100                             | 18   | 67   |         | 15      | 65,90                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Plei Kte Nhỏ A                                                                    |            | 117                             | 4    | 113  |         |         | 47,10                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Plei Kte Nhỏ B                                                                    |            | 126                             | 2    | 121  |         | 3       | 119,10                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Plei Kte Lớn B                                                                    |            | 156                             | 11   | 143  |         | 2       | 85,70                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Plei Kual A                                                                       |            | 123                             | 16   | 107  |         |         | 56,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Plei Kual B                                                                       |            | 101                             | 2    | 99   |         |         | 79,20                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Bôn Sô Mlong                                                                      |            | 77                              | 2    | 75   |         |         | 62,10                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9           | Plei Bır                                                                          |            | 76                              | 1    | 75   |         |         | 141,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Thôn Thống Nhất                                                                   |            | 75                              | 5    | 26   |         | 44      | 41,80                        |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VII</b>  | <b>Xã Ia Peng</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn Thanh Trang                                                                  |            | 116                             | 111  | 1    |         | 4       | 169,25                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2           | Thôn Thanh Bình                                                                   |            | 121                             | 114  |      |         | 7       | 162,46                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Thôn Bình An                                                                      |            | 97                              | 80   |      |         | 17      | 158,08                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Thôn Bình Trang A                                                                 |            | 156                             | 144  |      |         | 12      | 172,42                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Thôn Bình Trang B                                                                 |            | 86                              | 84   |      |         | 2       | 173,71                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Thôn Bình Nam                                                                     |            | 96                              | 87   | 1    |         | 8       | 198,53                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Thôn Hồng Hà                                                                      |            | 127                             | 127  |      |         |         | 193,08                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Thôn Bản Lê                                                                       |            | 110                             | 110  |      |         |         | 168,18                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Bôn Sô Ma Rong                                                                    |            | 198                             | 45   | 153  |         |         | 165,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10          | Bôn Sô Ma Hang C                                                                  |            | 88                              | 8    | 80   |         |         | 161,94                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11          | Bôn Sô Ma Hang A                                                                  |            | 111                             | 15   | 96   |         |         | 158,42                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12          | Bôn Sô Ma Hang B                                                                  |            | 125                             | 40   | 84   |         | 1       | 163,05                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>VIII</b> | <b>Xã Ia Hiao</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn Tân Phú A                                                                    |            | 83                              | 81   |      |         | 2       | 81,30                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 2           | Thôn Tân Phú B                                                                    |            | 126                             | 107  |      |         | 19      | 109,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Bôn Ơi Hly A                                                                      |            | 87                              | 40   | 44   |         | 3       | 22,50                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Bôn Ơi Hly B                                                                      |            | 105                             |      | 105  |         |         | 52,70                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Bôn Mĩ Hoan A                                                                     |            | 116                             | 35   | 79   |         | 2       | 37,00                        |                    | X                                               |                                                                         |



| STT | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |              | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|     |  | Tổ dân phố   | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 6   | Bôn Mi Hoan B                                                                     |              | 134                             | 33   | 81   |         | 20      | 44,70                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 7   | Bôn Ling A                                                                        |              | 98                              | 1    | 97   |         |         | 22,10                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 8   | Bôn Ling B                                                                        |              | 102                             |      | 102  |         |         | 42,80                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 9   | Thôn Điểm 9 A                                                                     |              | 117                             | 115  |      |         | 2       | 58,50                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 10  | Thôn Điểm 9 B                                                                     |              | 106                             | 106  |      |         |         | 54,60                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 11  | Bôn Ma Hrai A                                                                     |              | 120                             | 1    | 119  |         |         | 55,90                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 12  | Bôn Ma Hrai B                                                                     |              | 106                             |      | 106  |         |         | 30,10                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 13  | Thôn Đoàn Kết                                                                     |              | 109                             | 75   | 4    |         | 30      | 15,70                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 14  | Bôn Chư Knông                                                                     |              | 130                             |      | 130  |         |         | 43,10                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 15  | Bôn Jóp                                                                           |              | 161                             | 2    | 159  |         |         | 84,80                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| IX  | Xã Chư A Thai                                                                     |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1   | Thôn Dâm                                                                          |              | 176                             | 76   | 21   |         | 79      | 507,15                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2   | Thôn Tân Lập                                                                      |              | 123                             | 25   |      |         | 98      | 303,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3   | Thôn Drok                                                                         |              | 137                             | 53   | 26   |         | 58      | 403,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4   | Thôn Chí Linh                                                                     |              | 119                             | 116  |      |         | 3       | 426,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5   | Thôn Phù Tiên                                                                     |              | 56                              | 56   |      |         |         | 388,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6   | Thôn Kim Môn                                                                      |              | 127                             | 127  |      |         |         | 602,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7   | Thôn Chă Wâu                                                                      |              | 116                             | 36   | 75   |         | 5       | 809,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8   | Plei Pông                                                                         |              | 89                              | 4    | 17   | 68      |         | 1.187,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9   | Thôn King Pêng                                                                    |              | 77                              | 30   | 17   | 28      | 2       | 1.064,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10  | Plei Trớ                                                                          |              | 99                              | 14   | 12   | 72      | 1       | 1.002,45                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11  | Plei Hek                                                                          |              | 88                              | 4    | 8    | 73      | 3       | 835,44                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| X   | Xã Chrôh Ponan                                                                    |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1   | Thôn Yên Phú 1A                                                                   |              | 103                             | 103  |      |         |         | 25,60                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 2   | Thôn Yên Phú 1B                                                                   |              | 96                              | 96   |      |         |         | 25,61                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 3   | Thôn Yên Phú 2A                                                                   |              | 87                              | 87   |      |         |         | 25,62                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 4   | Thôn Yên Phú 2B                                                                   |              | 98                              | 97   |      |         | 1       | 25,63                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 5   | Thôn Sôma Long A                                                                  |              | 148                             | 49   | 97   |         | 2       | 65,90                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 6   | Thôn Sôma Long B                                                                  |              | 182                             | 3    | 178  |         | 1       | 20,22                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7   | Thôn Sôma Bông                                                                    |              | 116                             | 47   | 69   |         |         | 68,36                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 8   | Thôn Chrôh Ponan A                                                                |              | 137                             | 4    | 133  |         |         | 351,63                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9   | Thôn Chrôh Ponan B                                                                |              | 159                             | 38   | 121  |         |         | 336,84                       |                    | X                                               |                                                                         |
| K   | HUYỆN ĐỨC CƠ                                                                      |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| I   | Thị trấn Chư Ty                                                                   |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1   |                                                                                   | Tổ dân phố 1 | 503                             | 496  | 7    |         |         | 138,50                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2   |                                                                                   | Tổ dân phố 2 | 439                             | 429  | 5    |         | 5       | 135,52                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3   |                                                                                   | Tổ dân phố 3 | 181                             | 178  |      |         | 3       | 38,50                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 4   |                                                                                   | Tổ dân phố 4 | 237                             | 232  | 3    |         | 2       | 21,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 5   |                                                                                   | Tổ dân phố 5 | 130                             | 129  | 1    |         |         | 117,78                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6   |                                                                                   | Tổ dân phố 6 | 478                             | 464  | 7    |         | 7       | 316,19                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 7   |                                                                                   | Tổ dân phố 7 | 396                             | 396  |      |         |         | 568,32                       | X                  |                                                 |                                                                         |



| STT        | Tên thôn, tổ dân phố |              | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|------------|----------------------|--------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|            | Thôn                 | Tổ dân phố   | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 8          |                      | Tổ dân phố 8 | 310                             | 310  |      |         |         | 39,87                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 9          |                      | Tổ dân phố 9 | 344                             | 343  | 1    |         |         | 126,38                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 10         | Làng Trol Đeng       |              | 113                             | 4    | 109  |         |         | 44,19                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>II</b>  | <b>Xã Ia Nan</b>     |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn Đức Hưng        |              | 247                             | 240  |      |         | 7       | 1.106,06                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Làng Tung            |              | 218                             | 20   | 198  |         |         | 967,20                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Làng Nú              |              | 236                             | 61   | 174  |         | 1       | 1.056,80                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Làng Sơn             |              | 195                             | 45   | 150  |         |         | 873,21                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5          | Thôn Ia Boong        |              | 126                             | 114  |      |         | 12      | 564,22                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6          | Thôn Ia Kle          |              | 195                             | 194  |      |         | 1       | 873,21                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7          | Thôn Ia Đào          |              | 165                             | 164  |      |         | 1       | 738,21                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8          | Thôn Ia Nhú          |              | 178                             | 178  |      |         |         | 797,08                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9          | Thôn Ia Tum          |              | 160                             | 156  |      |         | 4       | 716,48                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10         | Thôn Ia Chía         |              | 120                             | 118  |      |         | 2       | 537,36                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>III</b> | <b>Xã Ia Đok</b>     |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng Pong            |              | 226                             | 24   | 202  |         |         | 449,80                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Làng Ghè             |              | 206                             | 7    | 199  |         |         | 511,90                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Thôn Ia Mang         |              | 240                             | 235  |      |         | 5       | 427,90                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Thôn Lê Kim          |              | 86                              | 83   | 3    |         |         | 210,90                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5          | Làng Lang            |              | 123                             | 5    | 118  |         |         | 472,80                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6          | Làng Đo              |              | 161                             | 42   | 119  |         |         | 581,70                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7          | Làng Dok Ngol        |              | 198                             | 24   | 173  |         | 1       | 521,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          | Làng Mới             |              | 79                              | 11   | 68   |         |         | 470,99                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          | Làng Sung Lớn        |              | 99                              | 4    | 95   |         |         | 291,90                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10         | Thôn Lâm Tók         |              | 139                             | 135  | 4    |         |         | 237,10                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11         | Thôn Păng Tul        |              | 105                             | 103  | 2    |         |         | 175,60                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12         | Làng Sung Nhỏ        |              | 40                              |      | 40   |         |         | 187,10                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 13         | Làng Dok Lăh         |              | 180                             | 52   | 124  |         | 4       | 519,40                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>IV</b>  | <b>Xã Ia Lang</b>    |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng Le 1            |              | 216                             | 85   | 125  |         | 6       | 704,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Làng Le 2            |              | 211                             | 149  | 35   |         | 27      | 429,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Làng Gào             |              | 231                             | 54   | 159  |         | 18      | 1.322,43                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Làng Klũh            |              | 133                             | 45   | 72   |         | 16      | 524,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Làng Yếh             |              | 109                             | 22   | 87   |         |         | 1.196,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Làng Phang           |              | 159                             | 20   | 139  |         |         | 776,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>V</b>   | <b>Xã Ia Krêl</b>    |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn Ia Lâm          |              | 302                             | 302  |      |         |         | 342,59                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Thanh Giáo      |              | 350                             | 345  | 1    |         | 4       | 445,69                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Thôn Thanh Tân       |              | 282                             | 277  |      |         | 5       | 418,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Làng Khóp            |              | 204                             | 8    | 195  |         | 1       | 1.237,22                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5          | Làng Ngo Rông        |              | 122                             | 9    | 113  |         |         | 481,91                       |                    |                                                 | X                                                                       |



[illegible]



| STT       | Tên thôn, tổ dân phố     |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-----------|--------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|           | Thôn                     | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 1         | Thôn Mook Trê            |            | 304                             | 186  | 73   |         | 45      | 1.428,80                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2         | Làng Bi                  |            | 234                             | 130  | 83   |         | 21      | 898,84                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3         | Thôn Mook Đen 1          |            | 261                             | 121  | 129  |         | 11      | 24,20                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4         | Thôn Mook Đen 2          |            | 249                             | 148  | 94   |         | 7       | 87,08                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5         | Thôn Ia Mút              |            | 308                             | 308  |      |         |         | 1.025,46                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6         | Làng Ó                   |            | 130                             | 76   | 54   |         |         | 65,81                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 7         | Thôn Mook Trang          |            | 142                             | 65   | 77   |         |         | 78,29                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 8         | Thôn Cửa khẩu            |            | 108                             | 108  |      |         |         | 364,80                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>X</b>  | <b>Xã Ia Pnôn</b>        |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1         | Làng Bua                 |            | 502                             | 38   | 457  |         | 7       | 2.753,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2         | Làng Chan                |            | 483                             | 106  | 363  |         | 14      | 4.321,37                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3         | Làng Triêl               |            | 89                              | 12   | 75   |         | 2       | 2.168,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4         | Làng Ba                  |            | 170                             | 9    | 159  |         | 2       | 2.753,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>L</b>  | <b>HUYỆN CHƯ PƯH</b>     |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| <b>I</b>  | <b>Thị trấn Nhơn Hòa</b> |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1         | Thôn Hòa Bình            |            | 371                             | 370  | 1    |         |         | 130,11                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2         | Thôn Hòa Tín             |            | 217                             | 217  |      |         |         | 507,09                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3         | Plei Driêk               |            | 292                             | 136  | 153  |         | 3       | 330,80                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4         | Plei Thông A             |            | 115                             | 13   | 10   | 92      |         | 25,90                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5         | Thôn Hòa An              |            | 162                             | 161  |      | 1       |         | 29,10                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 6         | Thôn Hòa Phú             |            | 160                             | 158  | 2    |         |         | 39,30                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7         | Plei Kly Phun            |            | 180                             | 20   | 160  |         |         | 48,50                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 8         | Plei Tông Will           |            | 164                             | 7    | 157  |         |         | 473,60                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9         | Plei Kia                 |            | 182                             | 28   | 154  |         |         | 20,60                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 10        | Plei Lao                 |            | 109                             | 4    | 105  |         |         | 13,40                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11        | Thôn Hòa Thắng           |            | 116                             | 116  |      |         |         | 235,80                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12        | Thôn Hòa Hiệp            |            | 129                             | 129  |      |         |         | 46,20                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 13        | Plei Hrai Dong I         |            | 183                             | 12   | 171  |         |         | 87,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 14        | Plei Hrai Dong II        |            | 142                             | 16   | 117  |         | 9       | 254,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>II</b> | <b>Xã Ia Phang</b>       |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1         | Thôn Hòa Thành           |            | 282                             | 279  | 2    |         | 1       | 1.143,60                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2         | Thôn Hòa Thuận           |            | 241                             | 232  |      |         | 9       | 1.093,70                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3         | Thôn Chư Bô 2            |            | 307                             | 41   | 266  |         |         | 1.256,40                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4         | Plei Briêng              |            | 240                             | 39   | 199  | 2       |         | 1.026,20                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5         | Plei Tao                 |            | 202                             | 17   | 185  |         |         | 1.024,40                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6         | Thôn Hòa Sơn             |            | 107                             | 107  |      |         |         | 1.052,80                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 7         | Thôn Hòa Lộc             |            | 169                             | 169  |      |         |         | 1.065,80                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 8         | Thôn Chư Bô 1            |            | 167                             | 22   | 145  |         |         | 875,90                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9         | Làng Chao Pông           |            | 113                             | 31   | 81   |         | 1       | 1.276,50                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 10        | Thôn Thoh Nhueng         |            | 194                             | 18   | 173  |         | 3       | 965,20                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11        | Plei Phung A             |            | 137                             | 37   | 100  |         |         | 1.054,90                     |                    | X                                               |                                                                         |



| STT        | Tên thôn, tổ dân phố                                                             |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|            |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 12         | Plei Phung B                                                                     |            | 113                             | 34   | 79   |         |         | 927,12                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>III</b> | <b>Xã Ia Hrú</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Plei Dư                                                                          |            | 299                             | 179  | 119  |         | 1       | 381,43                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Plei Đung                                                                        |            | 241                             | 142  | 99   |         |         | 401,50                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Thôn Lũh Yô                                                                      |            | 265                             | 94   | 171  |         |         | 423,77                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Thôn Lũh Ngó                                                                     |            | 217                             | 77   | 139  |         | 1       | 566,21                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5          | Thôn Thông B                                                                     |            | 77                              | 4    | 6    | 67      |         | 271,67                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6          | Thôn Tong Yong                                                                   |            | 164                             | 31   | 132  |         | 1       | 409,89                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7          | Thôn Phú Quang                                                                   |            | 193                             | 193  |      |         |         | 327,35                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8          | Thôn Lũh Rưng                                                                    |            | 166                             | 33   | 129  | 2       | 2       | 542,47                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9          | Thôn Tao Chor A                                                                  |            | 124                             | 72   | 51   |         | 1       | 310,65                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10         | Thôn Tao Chor B                                                                  |            | 157                             | 100  | 56   | 1       |         | 316,37                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>IV</b>  | <b>Xã Ia Dreng</b>                                                               |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng Tung Mo A                                                                   |            | 292                             | 37   | 255  |         |         | 323,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Làng Tung Đào                                                                    |            | 251                             | 49   | 201  |         | 1       | 449,24                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Làng Tung Chreh                                                                  |            | 279                             | 128  | 141  |         | 10      | 470,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Làng Tung Neng                                                                   |            | 300                             | 131  | 169  |         |         | 390,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5          | Làng Tung Mo B                                                                   |            | 148                             | 75   | 72   |         | 1       | 375,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6          | Thôn Blai                                                                        |            | 210                             | 159  | 49   |         | 2       | 268,07                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| <b>V</b>   | <b>Xã Chư Don</b>                                                                |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn Thơh Ga A                                                                   |            | 229                             | 45   | 184  |         |         | 824,33                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Thơh Ga B                                                                   |            | 227                             | 33   | 194  |         |         | 779,65                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Plei Hlốp                                                                        |            | 78                              | 5    | 67   | 5       | 1       | 557,35                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4          | Plei Ngăng                                                                       |            | 33                              | 3    | 17   | 13      |         | 109,40                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5          | Thôn Ia Khưng                                                                    |            | 155                             | 5    | 150  |         |         | 1.380,86                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>VI</b>  | <b>Xã Ia Blư</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn Thiên An                                                                    |            | 374                             | 374  |      |         |         | 695,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Phú Hà                                                                      |            | 361                             | 361  |      |         |         | 684,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Thôn Thủy Phú                                                                    |            | 253                             | 253  |      |         |         | 665,40                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Thôn Phú Vinh                                                                    |            | 280                             | 280  |      |         |         | 652,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5          | Thôn Lương Hà                                                                    |            | 313                             | 313  |      |         |         | 530,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6          | Plei Kuăi                                                                        |            | 66                              |      | 31   | 35      |         | 60,50                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>VII</b> | <b>Xã Ia Le</b>                                                                  |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng Kênh Săn                                                                    |            | 223                             |      | 223  |         |         | 854,79                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Phú Hòa                                                                     |            | 216                             | 216  |      |         |         | 863,30                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Thôn Phú An                                                                      |            | 331                             | 331  |      |         |         | 1.085,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Thôn Phú Bình                                                                    |            | 445                             | 445  |      |         |         | 1.061,40                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5          | Làng Phung                                                                       |            | 13                              |      | 13   |         |         | 109,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6          | Làng Lốp                                                                         |            | 38                              |      | 38   |         |         | 309,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Thôn Ia Jol                                                                      |            | 96                              |      |      |         | 96      | 965,03                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8          | Thôn Ia Bĩa                                                                      |            | 105                             |      | 105  |         |         | 318,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |



| STT         | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 9           | Làng Ia Brel                                                                      |            | 116                             | 1    |      |         | 115     | 1.084,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10          | Thôn 6                                                                            |            | 198                             | 169  |      |         | 29      | 1.069,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11          | Thôn Thủy Phú                                                                     |            | 198                             | 198  |      |         |         | 964,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 12          | Thôn Puối A                                                                       |            | 103                             |      | 103  |         |         | 987,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 13          | Thôn Puối B                                                                       |            | 124                             |      | 124  |         |         | 990,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 14          | Làng Kênh Mek                                                                     |            | 178                             |      | 178  |         |         | 902,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 15          | Làng Ia Toong                                                                     |            | 161                             |      | 161  |         |         | 807,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VIII</b> | <b>Xã Ia Hla</b>                                                                  |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn Tai Pêr                                                                      |            | 302                             | 95   | 207  |         |         | 790,86                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Thôn Hra                                                                          |            | 252                             | 42   | 210  |         |         | 901,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Thôn Tông Kek                                                                     |            | 68                              | 8    | 60   |         |         | 1.894,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Làng Mung                                                                         |            | 60                              | 21   | 39   |         |         | 2.410,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5           | Thôn Sur B                                                                        |            | 198                             | 125  | 27   |         | 46      | 2.491,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Thôn Dư Keo                                                                       |            | 172                             | 86   | 52   |         | 34      | 779,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7           | Thôn 6C                                                                           |            | 120                             | 99   | 1    |         | 20      | 1.020,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8           | Thôn Cây Xoài                                                                     |            | 162                             | 147  |      |         | 15      | 2.915,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>IX</b>   | <b>Xã Ia Rong</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Tao Klăh                                                                     |            | 253                             | 86   | 163  | 1       | 3       | 692,57                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Làng Tao Ôr                                                                       |            | 223                             | 48   | 175  |         |         | 164,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Làng Tao Kó                                                                       |            | 252                             | 148  | 104  |         |         | 320,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           | Làng Ia Sâm                                                                       |            | 160                             | 84   | 74   | 2       |         | 445,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5           | Làng Be Tel                                                                       |            | 104                             | 10   | 94   |         |         | 162,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Làng Khô Roa                                                                      |            | 105                             | 42   | 61   |         | 2       | 134,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7           | Làng Teng Nong                                                                    |            | 194                             | 81   | 112  | 1       |         | 416,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>M</b>    | <b>HUYỆN CHƯ PĂH</b>                                                              |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| <b>I</b>    | <b>Thị trấn Ia Ly</b>                                                             |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn Ia Lâm                                                                       |            | 225                             | 216  |      | 1       | 8       | 438,10                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Thôn Ry Ninh                                                                      |            | 212                             | 204  |      |         | 8       | 294,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Thôn Ia Ly                                                                        |            | 217                             | 208  |      |         | 9       | 281,10                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           | Làng Mun                                                                          |            | 202                             | 2    | 200  |         |         | 687,30                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5           | Làng Vân                                                                          |            | 220                             | 8    | 208  |         | 4       | 676,04                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6           | Thôn Ia San                                                                       |            | 148                             | 127  | 3    |         | 18      | 315,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Thôn Ia Ping                                                                      |            | 197                             | 187  |      |         | 10      | 333,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Thôn Ia Sir                                                                       |            | 86                              | 84   | 1    |         | 1       | 530,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Làng Bloi                                                                         |            | 166                             | 2    | 164  |         |         | 656,50                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10          | Làng Yăh                                                                          |            | 78                              |      | 78   |         |         | 635,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>II</b>   | <b>Thị trấn Phú Hòa</b>                                                           |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn 4                                                                            |            | 200                             | 200  |      |         |         | 236,37                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Thôn 1                                                                            |            | 164                             | 164  |      |         |         | 630,70                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Thôn 2                                                                            |            | 171                             | 169  |      |         | 2       | 594,40                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Thôn 3                                                                            |            | 117                             | 115  |      |         | 2       | 357,20                       |                    | X                                               |                                                                         |



| STT        | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |              | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|            |  | Tổ dân phố   | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 5          |                                                                                   | Tổ dân phố 1 | 130                             | 127  | 2    |         | 1       | 394,20                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          |                                                                                   | Tổ dân phố 2 | 190                             | 187  | 2    |         | 1       | 106,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Làng Krái                                                                         |              | 125                             | 2    | 123  |         |         | 110,83                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8          |                                                                                   | Tổ dân phố 3 | 256                             | 252  | 4    |         |         | 96,50                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>III</b> | <b>Xã Ia Khuol</b>                                                                |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng Broch                                                                        |              | 203                             |      | 203  |         |         | 1.064,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Làng RơVai                                                                        |              | 124                             |      | 124  |         |         | 664,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3          | Làng Pok                                                                          |              | 156                             | 4    | 152  |         |         | 664,15                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4          | Làng Grút                                                                         |              | 126                             | 1    | 125  |         |         | 406,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5          | Làng TơVơn 1                                                                      |              | 190                             | 59   | 122  | 7       | 2       | 1.004,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6          | Làng TơVơn 2                                                                      |              | 57                              |      | 57   |         |         | 360,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7          | Làng Kach                                                                         |              | 133                             | 6    | 127  |         |         | 1.114,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8          | Làng TơVer                                                                        |              | 143                             | 1    |      | 142     |         | 959,33                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9          | Làng Klên                                                                         |              | 118                             | 9    |      | 109     |         | 1.054,15                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10         | Thôn Tân Lập                                                                      |              | 151                             | 151  |      |         |         | 675,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11         | Thôn Đại An 1                                                                     |              | 156                             | 156  |      |         |         | 614,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 12         | Thôn Đại An 2                                                                     |              | 122                             | 118  |      |         | 4       | 634,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>IV</b>  | <b>Xã Ia Kreng</b>                                                                |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng Díp                                                                          |              | 242                             | 8    | 234  |         |         | 5.193,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Làng Doch 1                                                                       |              | 131                             | 5    | 126  |         |         | 2.949,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3          | Làng Doch 2                                                                       |              | 122                             | 5    | 117  |         |         | 2.930,36                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>V</b>   | <b>Xã Ia Ka</b>                                                                   |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn 1                                                                            |              | 246                             | 243  | 3    |         |         | 156,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn 2                                                                            |              | 205                             | 199  | 6    |         |         | 241,20                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Làng Mrông Yố 1                                                                   |              | 209                             | 12   | 197  |         |         | 507,28                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Làng Mrông Yố 2                                                                   |              | 227                             | 29   | 198  |         |         | 280,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5          | Làng Mrông Ngó 3                                                                  |              | 218                             | 22   | 196  |         |         | 2.155,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6          | Làng Mrông Ngó 4                                                                  |              | 204                             |      | 204  |         |         | 2.515,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 7          | Làng Bui                                                                          |              | 192                             | 10   | 182  |         |         | 2.916,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8          | Làng Jruăng                                                                       |              | 162                             | 4    | 158  |         |         | 2.179,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9          | Làng Bluk Blui                                                                    |              | 147                             |      | 147  |         |         | 710,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>VI</b>  | <b>Xã Ia Nhìn</b>                                                                 |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn 1                                                                            |              | 257                             | 256  |      |         | 1       | 450,22                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn 2                                                                            |              | 270                             | 270  |      |         |         | 330,10                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Thôn 3                                                                            |              | 198                             | 197  |      |         | 1       | 460,40                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4          | Thôn 4                                                                            |              | 57                              | 57   |      |         |         | 150,14                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Thôn 5                                                                            |              | 73                              | 70   |      |         | 3       | 130,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Thôn 6                                                                            |              | 180                             | 180  |      |         |         | 283,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Thôn 7                                                                            |              | 157                             | 147  |      |         | 10      | 520,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8          | Thôn 8                                                                            |              | 72                              | 72   |      |         |         | 120,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          | Thôn Ia Sik                                                                       |              | 83                              | 83   |      |         |         | 160,00                       |                    | X                                               |                                                                         |



[illegible]



[illegible]



[illegible]



| STT         | Tên thôn, tổ dân phố                                                                    |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             |  Thôn ★ | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 1           | Buôn H'Lang                                                                             |            | 307                             | 3    | 304  |         |         | 478,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Buôn Du                                                                                 |            | 276                             | 2    | 274  |         |         | 427,13                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Thôn Mới                                                                                |            | 276                             | 268  |      |         | 8       | 166,20                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           | Buôn H'Yú                                                                               |            | 118                             | 1    | 117  |         |         | 189,55                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Buôn Y                                                                                  |            | 87                              | 3    | 84   |         |         | 136,15                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Thôn Cầu Đôi                                                                            |            | 109                             | 107  | 1    |         | 1       | 292,77                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Thôn Quỳnh 3                                                                            |            | 116                             | 115  | 1    |         |         | 197,09                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Thôn Quỳnh 2                                                                            |            | 139                             | 138  |      |         | 1       | 225,39                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>V</b>    | <b>Xã Ia Rsum</b>                                                                       |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Buôn Nu B                                                                               |            | 209                             | 8    | 201  |         |         | 22,10                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Thôn Chợ                                                                                |            | 298                             | 284  | 1    |         | 13      | 31,00                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Thôn Hưng Phú                                                                           |            | 197                             | 191  | 6    |         |         | 24,00                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Thôn Quỳnh Phú                                                                          |            | 198                             | 196  | 2    |         |         | 22,10                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5           | Buôn Toát                                                                               |            | 199                             |      | 199  |         |         | 16,60                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Buôn Nu A                                                                               |            | 115                             |      | 115  |         |         | 12,40                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Thôn Điểm 8                                                                             |            | 98                              | 96   | 1    |         | 1       | 9,15                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Buôn Phum Ang                                                                           |            | 186                             | 56   | 128  |         | 2       | 17,10                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Buôn Phum Yi                                                                            |            | 117                             | 37   | 80   |         |         | 11,12                        |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VI</b>   | <b>Xã Uar</b>                                                                           |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Buôn Choanh                                                                             |            | 223                             |      | 223  |         |         | 3.326,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Buôn Tiang                                                                              |            | 197                             |      | 197  |         |         | 3.100,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Buôn Ngól                                                                               |            | 162                             |      | 162  |         |         | 3.300,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Thôn Điểm 9                                                                             |            | 183                             | 182  |      |         | 1       | 1.920,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Thôn Điểm 10                                                                            |            | 151                             | 150  |      |         | 1       | 810,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Thôn Điểm 11                                                                            |            | 123                             | 116  |      |         | 7       | 1.323,50                     |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VII</b>  | <b>Xã Ia Rmok</b>                                                                       |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Buôn Blăk                                                                               |            | 205                             | 1    | 203  |         | 1       | 18,87                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Buôn Nông Siu                                                                           |            | 192                             | 6    | 181  |         | 5       | 23,83                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Buôn Bă                                                                                 |            | 111                             | 2    | 109  |         |         | 11,85                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Buôn H'Nga                                                                              |            | 90                              |      | 90   |         |         | 7,29                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Buôn Thior                                                                              |            | 102                             | 1    | 101  |         |         | 13,83                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Buôn Dan                                                                                |            | 80                              | 1    | 78   |         | 1       | 21,69                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Buôn Jao                                                                                |            | 100                             |      | 100  |         |         | 18,54                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Buôn Kơ Niê                                                                             |            | 48                              |      | 47   |         | 1       | 17,08                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Buôn Dúi                                                                                |            | 92                              |      | 92   |         |         | 19,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Buôn Blái                                                                               |            | 172                             | 3    | 169  |         |         | 35,52                        |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VIII</b> | <b>Xã Chư Ngọc</b>                                                                      |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Buôn Blang                                                                              |            | 231                             | 6    | 224  |         | 1       | 1.556,53                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Buôn DJrét                                                                              |            | 222                             | 4    | 218  |         |         | 1.397,12                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Buôn Sai                                                                                |            | 319                             | 3    | 316  |         |         | 1.336,59                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           | Thôn 73                                                                                 |            | 62                              | 57   | 4    |         | 1       | 697,57                       |                    | X                                               |                                                                         |



| STT        | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|            |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 5          | Thôn Đông Phú                                                                     |            | 65                              | 65   |      |         |         | 735,12                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Buôn H'Múk                                                                        |            | 143                             | 2    | 141  |         |         | 887,24                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Buôn Thức                                                                         |            | 62                              | 1    | 61   |         |         | 868,32                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>IX</b>  | <b>Xã Ia Rсай</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn Tân Lập                                                                      |            | 142                             | 131  |      |         | 11      | 515,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2          | Thôn Quỳnh Phụ                                                                    |            | 51                              | 50   |      |         | 1       | 221,90                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          | Buôn Enan                                                                         |            | 104                             | 30   | 74   |         |         | 303,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4          | Buôn Chư Jú                                                                       |            | 94                              | 1    | 93   |         |         | 263,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Buôn Ekia                                                                         |            | 88                              |      | 88   |         |         | 237,60                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6          | Buôn Chư Tê                                                                       |            | 89                              | 3    | 86   |         |         | 322,90                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7          | Buôn Sai                                                                          |            | 59                              |      | 59   |         |         | 267,30                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          | Buôn Puh                                                                          |            | 133                             |      | 133  |         |         | 424,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          | Buôn Pan                                                                          |            | 97                              | 1    | 96   |         |         | 353,10                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10         | Buôn Kting                                                                        |            | 100                             | 1    | 98   |         | 1       | 373,30                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11         | Buôn Chik                                                                         |            | 122                             | 3    | 119  |         |         | 440,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>X</b>   | <b>Xã Chư Drăng</b>                                                               |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn Hưng Phú                                                                     |            | 127                             | 124  | 3    |         |         | 1.322,83                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 2          | Buôn H'Liên                                                                       |            | 199                             | 7    | 192  |         |         | 1.472,84                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          | Buôn H'Liết                                                                       |            | 134                             | 18   | 116  |         |         | 1.717,83                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Buôn H'Ngôm                                                                       |            | 134                             | 3    | 131  |         |         | 1.237,83                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Buôn Chai                                                                         |            | 189                             | 11   | 178  |         |         | 1.237,83                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Thôn Đồng Tĩnh                                                                    |            | 71                              | 67   | 4    |         |         | 985,84                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Thôn Quất Lưu                                                                     |            | 29                              | 27   | 1    |         | 1       | 1.377,83                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          | Thôn Mê Linh                                                                      |            | 61                              | 58   | 3    |         |         | 1.097,84                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          | Buôn Nung                                                                         |            | 130                             | 4    | 126  |         |         | 1.977,83                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10         | Buôn Uôr                                                                          |            | 147                             | 4    | 143  |         |         | 1.589,83                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 11         | Buôn H'Mung                                                                       |            | 124                             | 4    | 120  |         |         | 1.789,83                     |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>XI</b>  | <b>Xã Ia Dreh</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Buôn Hvút                                                                         |            | 142                             | 4    | 138  |         |         | 13,56                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 2          | Buôn Nai                                                                          |            | 95                              | 4    | 91   |         |         | 7,29                         |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          | Buôn Draì                                                                         |            | 120                             | 7    | 113  |         |         | 22,16                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Buôn Hyú                                                                          |            | 51                              | 2    | 49   |         |         | 15,52                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Buôn Djông                                                                        |            | 172                             | 17   | 155  |         |         | 17,91                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Buôn Tring                                                                        |            | 170                             | 6    | 164  |         |         | 17,66                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Buôn Bấu                                                                          |            | 134                             | 6    | 128  |         |         | 13,19                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          | Buôn Chú Mơ Kia                                                                   |            | 61                              | 1    | 60   |         |         | 6,99                         |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>XII</b> | <b>Xã Krông Năng</b>                                                              |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Buôn Ji B                                                                         |            | 49                              | 1    | 48   |         |         | 87,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 2          | Buôn Ji A                                                                         |            | 102                             | 3    | 99   |         |         | 367,62                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          | Buôn Tãng                                                                         |            | 112                             | 2    | 110  |         |         | 178,58                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Buôn Tỏi                                                                          |            | 51                              | 1    | 50   |         |         | 164,86                       |                    | X                                               |                                                                         |





| STT         | Tên thôn, tổ dân phố   |              | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|------------------------|--------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             | Thôn                   | Tổ dân phố   | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 5           | Buôn Jú                |              | 131                             | 6    | 125  |         |         | 417,89                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Buôn H'Lối             |              | 78                              | 1    | 77   |         |         | 98,12                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Buôn Ban               |              | 155                             | 1    | 154  |         |         | 367,62                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>XIII</b> | <b>Xã Ia Mláh</b>      |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn Hòa Mỹ            |              | 118                             | 116  | 2    |         |         | 522,10                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2           | Thôn Xóm Kinh          |              | 31                              | 30   |      |         | 1       | 143,64                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Buôn Dù                |              | 131                             | 11   | 120  |         |         | 454,45                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Buôn Prong             |              | 170                             | 3    | 165  |         | 2       | 572,40                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Buôn Chính Đơn 1       |              | 127                             | 11   | 114  |         | 2       | 358,30                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Buôn Chính Đơn 2       |              | 52                              | 2    | 50   |         |         | 238,10                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Buôn Oí Đăk            |              | 75                              | 4    | 71   |         |         | 337,80                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Buôn Oí Yík            |              | 119                             | 7    | 111  |         | 1       | 527,40                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>XIV</b>  | <b>Xã Đát Bằng</b>     |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Buôn Oí Khăm           |              | 107                             | 13   | 94   |         |         | 610,90                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2           | Buôn Ma Leo            |              | 115                             | 8    | 107  |         |         | 444,30                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Buôn Ma Hing           |              | 103                             | 5    | 98   |         |         | 444,30                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Buôn Ma Nhe B          |              | 101                             | 4    | 97   |         |         | 449,30                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Buôn Ma Nhe A          |              | 95                              | 2    | 93   |         |         | 305,10                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Buôn Ma Lông           |              | 131                             | 6    | 125  |         |         | 542,60                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Buôn Ma Phu            |              | 77                              | 2    | 75   |         |         | 483,90                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Buôn Ma H'Yai          |              | 116                             | 5    | 111  |         |         | 721,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Buôn Ma Giai           |              | 143                             | 11   |      |         | 132     | 183,10                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>O</b>    | <b>HUYỆN ĐAK PƠ</b>    |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| <b>I</b>    | <b>Thị trấn Đak Pơ</b> |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           |                        | Tổ dân phố 1 | 345                             | 328  |      | 9       | 8       | 573,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           |                        | Tổ dân phố 2 | 533                             | 509  |      | 7       | 17      | 432,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           |                        | Tổ dân phố 3 | 157                             | 148  |      |         | 9       | 332,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           |                        | Tổ dân phố 4 | 124                             | 122  |      |         | 2       | 263,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5           | Làng Leng Tô           |              | 154                             | 1    |      | 153     |         | 102,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Làng Hven              |              | 63                              | 3    |      | 60      |         | 240,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7           | Làng Gliék 1           |              | 38                              |      |      | 38      |         | 86,00                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Làng Gliék 2           |              | 29                              | 1    |      | 28      |         | 73,59                        |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>II</b>   | <b>Xã Hà Tam</b>       |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn 1                 |              | 305                             | 300  |      |         | 5       | 2.327,50                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Thôn 2                 |              | 135                             | 135  |      |         |         | 1.637,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Thôn 3                 |              | 192                             | 190  |      | 1       | 1       | 1.251,82                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Thôn 4 (Làng H'way)    |              | 125                             |      |      | 125     |         | 1.444,41                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5           | Thôn 5                 |              | 101                             | 101  |      |         |         | 1.444,41                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Thôn 6                 |              | 133                             | 133  |      |         |         | 1.557,18                     |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>III</b>  | <b>Xã An Thành</b>     |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn 4                 |              | 208                             | 180  |      |         | 28      | 1.197,44                     | X                  |                                                 |                                                                         |



| STT        | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|            |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 2          | Thôn 5                                                                            |            | 153                             | 117  |      | 13      | 23      | 837,34                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3          | Làng Kuk Kôn                                                                      |            | 127                             | 1    |      | 126     |         | 763,60                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4          | Làng Kuk Đak                                                                      |            | 102                             |      |      | 102     |         | 733,22                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5          | Làng Bút                                                                          |            | 117                             |      |      | 117     |         | 806,98                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>IV</b>  | <b>Xã Tân An</b>                                                                  |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn Tân Bình                                                                     |            | 239                             | 239  |      |         |         | 131,67                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Tân Định                                                                     |            | 246                             | 231  |      |         | 15      | 180,37                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Thôn Tân Hiệp                                                                     |            | 254                             | 254  |      |         |         | 172,20                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Thôn Tân Hòa                                                                      |            | 204                             | 203  |      |         | 1       | 54,80                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5          | Thôn Tân Hội                                                                      |            | 227                             | 227  |      |         |         | 359,77                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6          | Thôn Tân Phong                                                                    |            | 311                             | 311  |      |         |         | 369,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 7          | Thôn Tân Sơn                                                                      |            | 216                             | 203  |      |         | 13      | 144,51                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 8          | Thôn Tân Tự                                                                       |            | 231                             | 227  |      |         | 4       | 234,90                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 9          | Thôn Tân Lập                                                                      |            | 167                             | 165  |      |         | 2       | 249,01                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10         | Thôn Tân Thành                                                                    |            | 165                             | 163  |      |         | 2       | 191,47                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11         | Thôn Tân Thiện                                                                    |            | 144                             | 144  |      |         |         | 179,26                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12         | Thôn Tư Lương                                                                     |            | 188                             | 188  |      |         |         | 260,77                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 13         | Thôn Tân Thuận                                                                    |            | 180                             | 180  |      |         |         | 118,40                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>V</b>   | <b>Xã Cư An</b>                                                                   |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn Chí Công                                                                     |            | 236                             | 234  |      |         | 2       | 422,56                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Hiệp Phú                                                                     |            | 218                             | 215  | 2    |         | 1       | 558,69                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Thôn Hiệp An                                                                      |            | 205                             | 205  |      |         |         | 75,05                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Thôn An Sơn                                                                       |            | 138                             | 136  |      |         | 2       | 366,70                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Thôn An Bình                                                                      |            | 135                             | 129  |      |         | 6       | 389,20                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Thôn An Hòa                                                                       |            | 104                             | 103  |      |         | 1       | 222,64                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Thôn An Thuận                                                                     |            | 193                             | 193  |      |         |         | 236,34                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          | Thôn Thuận Công                                                                   |            | 126                             | 126  |      |         |         | 337,64                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          | Thôn An Định                                                                      |            | 181                             | 180  |      |         | 1       | 584,60                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10         | Thôn An Cư                                                                        |            | 130                             | 128  |      |         | 2       | 497,55                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VI</b>  | <b>Xã Phú An</b>                                                                  |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn An Hòa                                                                       |            | 332                             | 332  |      |         |         | 541,34                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn An Phú                                                                       |            | 268                             | 268  |      |         |         | 512,41                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Thôn An Quý                                                                       |            | 229                             | 229  |      |         |         | 639,42                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Thôn An Lợi                                                                       |            | 104                             | 102  |      |         | 2       | 714,56                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Thôn An Phong                                                                     |            | 104                             | 104  |      |         |         | 708,49                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Làng Đêchơgang                                                                    |            | 116                             | 12   | 1    | 102     | 1       | 686,27                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>VII</b> | <b>Xã Yang Bắc</b>                                                                |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng Chai                                                                         |            | 128                             | 78   |      | 50      |         | 501,04                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2          | Làng Kruối                                                                        |            | 167                             | 75   |      | 90      | 2       | 1.020,17                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          | Làng Bung Bang                                                                    |            | 73                              | 7    |      | 66      |         | 406,09                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Làng Hven                                                                         |            | 23                              | 3    |      | 20      |         | 51,95                        |                    | X                                               |                                                                         |





| STT         | Tên thôn, tổ dân phố    |              | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|-------------------------|--------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             | Thôn                    | Tổ dân phố   | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sắp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sắp nhập |
| 5           | Làng Jro Dong 1         |              | 57                              | 22   |      | 35      |         | 227,85                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Làng Jro Dong 2         |              | 76                              | 14   |      | 62      |         | 296,03                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Làng Jun                |              | 66                              | 1    |      | 65      |         | 248,02                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8           | Làng Đak Yang           |              | 84                              | 38   |      | 46      |         | 299,79                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Làng Jro Ktu            |              | 79                              | 1    |      | 78      |         | 249,02                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Làng Klăh 1             |              | 42                              | 19   |      | 23      |         | 50,37                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 11          | Làng Klăh 2             |              | 41                              | 14   |      | 27      |         | 377,76                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12          | Làng Môn                |              | 28                              | 2    |      | 26      |         | 350,08                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 13          | Làng Kleo               |              | 28                              | 1    |      | 27      |         | 250,08                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 14          | Làng Krong Ktu          |              | 92                              | 20   |      | 72      |         | 1.202,12                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 15          | Làng Krong Hra          |              | 62                              | 10   |      | 52      |         | 699,96                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>VIII</b> | <b>Xã Ya Hội</b>        |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Ghép               |              | 48                              |      |      |         | 48      | 142,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2           | Làng Mông 1             |              | 42                              | 1    |      |         | 41      | 212,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Làng Mông 2             |              | 50                              |      |      |         | 50      | 252,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Làng Groi 1             |              | 86                              | 13   |      | 72      | 1       | 350,80                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Làng Groi 2             |              | 59                              | 4    |      | 54      | 1       | 250,20                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Làng Brang              |              | 94                              | 16   |      | 78      |         | 279,30                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Làng KLiết              |              | 29                              |      |      | 28      | 1       | 394,90                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Làng Đak Ya             |              | 49                              | 3    |      | 44      | 2       | 254,90                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Làng Tờ Sồ              |              | 74                              | 4    |      | 70      |         | 416,10                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Làng Bung               |              | 62                              | 5    |      | 57      |         | 580,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>P</b>    | <b>HUYỆN ĐAK ĐOÀ</b>    |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| <b>I</b>    | <b>Thị trấn Đak Đoa</b> |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn 3                  |              | 218                             | 217  |      | 1       |         | 37,02                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Thôn 4                  |              | 475                             | 467  |      | 1       | 7       | 83,83                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Thôn 5                  |              | 480                             | 478  |      |         | 2       | 75,02                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           | Thôn Piom               |              | 331                             | 86   | 3    | 242     |         | 153,81                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5           | Thôn H'Lâm              |              | 301                             | 77   | 2    | 222     |         | 323,08                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6           |                         | Tổ dân phố 2 | 354                             | 327  |      | 13      | 14      | 90,82                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 7           |                         | Tổ dân phố 5 | 364                             | 360  |      | 1       | 3       | 31,00                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 8           |                         | Tổ dân phố 6 | 323                             | 311  |      | 4       | 8       | 19,00                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 9           |                         | Tổ dân phố 7 | 302                             | 274  | 3    | 18      | 7       | 25,00                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 10          |                         | Tổ dân phố 1 | 141                             | 139  |      | 1       | 1       | 22,90                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 11          | Thôn 1                  |              | 68                              | 27   |      | 40      | 1       | 94,97                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 12          | Thôn Ring               |              | 30                              | 8    | 22   |         |         | 560,34                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 13          | Thôn Xóm Mới            |              | 81                              | 80   |      |         | 1       | 45,38                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 14          |                         | Tổ dân phố 3 | 170                             | 163  |      | 4       | 3       | 18,10                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 15          |                         | Tổ dân phố 9 | 173                             | 170  |      | 3       |         | 32,40                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 16          | Thôn Klok               |              | 168                             | 14   | 1    | 152     | 1       | 102,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 17          | Thôn 2                  |              | 99                              | 53   | 1    | 43      | 2       | 107,80                       |                    | X                                               |                                                                         |



[illegible]



| STT         | Tên thôn, tổ dân phố                                                             |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 1           | Thôn 1                                                                           |            | 611                             | 610  |      |         | 1       | 617,67                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Thôn 2                                                                           |            | 276                             | 276  |      |         |         | 303,95                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Thôn 3                                                                           |            | 356                             | 356  |      |         |         | 297,50                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           | Thôn 5                                                                           |            | 413                             | 413  |      |         |         | 325,20                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5           | Thôn 4                                                                           |            | 74                              | 74   |      |         |         | 216,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VI</b>   | <b>Xã Kon Gang</b>                                                               |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Ktu                                                                         |            | 217                             | 115  |      | 100     | 2       | 1.921,20                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Làng Krái                                                                        |            | 108                             | 39   |      | 69      |         | 914,60                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Làng Dung Rơ                                                                     |            | 116                             | 2    | 7    | 107     |         | 538,02                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Làng Tang                                                                        |            | 55                              | 13   |      | 42      |         | 522,17                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Làng Kóp                                                                         |            | 124                             | 52   | 10   | 59      | 3       | 612,31                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Làng Đal                                                                         |            | 81                              | 33   |      | 48      |         | 508,08                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Làng Klót                                                                        |            | 117                             | 12   |      | 105     |         | 870,10                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Làng Ktò                                                                         |            | 102                             | 74   |      | 28      |         | 459,04                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VII</b>  | <b>Xã Ia Pét</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn 10                                                                          |            | 203                             | 203  |      |         |         | 426,16                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Làng O Đeh                                                                       |            | 252                             |      | 252  |         |         | 497,08                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Làng Bronggoai                                                                   |            | 297                             | 5    | 292  |         |         | 928,92                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           | Làng Ngơm Thung                                                                  |            | 236                             | 4    | 225  | 7       |         | 502,50                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5           | Thôn Breng                                                                       |            | 122                             | 28   | 52   | 42      |         | 725,33                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Thôn Aroh                                                                        |            | 105                             | 1    | 98   | 6       |         | 275,85                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7           | Thôn Bia Bre                                                                     |            | 176                             | 1    |      | 174     | 1       | 206,14                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8           | Thôn Almoi                                                                       |            | 136                             | 1    | 134  | 1       |         | 287,98                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Thôn Bia Neh                                                                     |            | 50                              |      | 50   |         |         | 104,54                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Thôn Aklah                                                                       |            | 122                             |      | 119  | 3       |         | 222,04                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VIII</b> | <b>Xã Hà Bầu</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Ia Mút                                                                      |            | 202                             | 40   | 162  |         |         | 380,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Thôn 76                                                                          |            | 102                             | 101  | 1    |         |         | 160,10                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Làng Hol                                                                         |            | 123                             |      | 123  |         |         | 628,22                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Làng Bông                                                                        |            | 185                             | 17   | 168  |         |         | 370,50                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5           | Làng Nú                                                                          |            | 97                              | 2    | 95   |         |         | 340,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Làng Rìng                                                                        |            | 165                             | 6    | 159  |         |         | 330,40                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Làng Dơng Ngol                                                                   |            | 32                              |      | 32   |         |         | 390,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Làng Ia Đát                                                                      |            | 71                              | 1    | 70   |         |         | 295,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Làng Rai                                                                         |            | 107                             |      | 107  |         |         | 351,80                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Làng Dơng                                                                        |            | 142                             | 16   | 126  |         |         | 410,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11          | Làng Sao                                                                         |            | 144                             |      | 144  |         |         | 350,90                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12          | Làng Weh                                                                         |            | 192                             | 24   | 168  |         |         | 420,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 13          | Làng Đúp                                                                         |            | 84                              |      | 84   |         |         | 425,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>IX</b>   | <b>Xã Tân Bình</b>                                                               |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn 1                                                                           |            | 284                             | 284  |      |         |         | 600,62                       | X                  |                                                 |                                                                         |



| STT         | Tên thôn, tổ dân phố                                                             |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 2           | Thôn 2                                                                           |            | 382                             | 381  |      | 1       |         | 700,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Thôn 3                                                                           |            | 422                             | 416  |      |         | 6       | 2.157,62                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| <b>X</b>    | <b>Xã Trang</b>                                                                  |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn Tân Tiến                                                                    |            | 321                             | 321  |      |         |         | 513,35                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Thôn Tân Lập                                                                     |            | 182                             | 182  |      |         |         | 469,56                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Làng Kồ                                                                          |            | 135                             | 1    |      | 134     |         | 498,54                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Làng Blung                                                                       |            | 132                             |      |      | 132     |         | 987,32                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Làng Phạm Ghè                                                                    |            | 108                             | 3    | 105  |         |         | 474,40                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Thôn Sơn Yang                                                                    |            | 47                              | 47   |      |         |         | 344,12                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Làng Krôl                                                                        |            | 76                              | 1    |      | 75      |         | 662,34                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Làng Breng                                                                       |            | 103                             | 3    |      | 100     |         | 353,34                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Làng Wom                                                                         |            | 28                              |      |      | 28      |         | 330,32                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Làng Ghè                                                                         |            | 103                             | 6    | 97   |         |         | 478,96                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11          | Làng Kol                                                                         |            | 155                             | 3    | 152  |         |         | 476,83                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>XI</b>   | <b>Xã Đak Krong</b>                                                              |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn 4                                                                           |            | 202                             | 202  |      |         |         | 227,47                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Làng Đê Hoch                                                                     |            | 143                             | 60   | 83   |         |         | 252,49                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Thôn Đê Thung                                                                    |            | 106                             | 3    |      | 103     |         | 297,76                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Thôn Đê Klah                                                                     |            | 164                             | 3    |      | 161     |         | 307,49                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5           | Thôn 1                                                                           |            | 146                             | 143  |      |         | 3       | 190,73                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Thôn 17                                                                          |            | 59                              | 59   |      |         |         | 61,82                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Thôn 5                                                                           |            | 142                             | 138  |      |         | 4       | 206,73                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Thôn 2                                                                           |            | 130                             | 128  |      |         | 2       | 212,70                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Làng Đak Ioh                                                                     |            | 104                             | 3    |      | 101     |         | 231,38                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Thôn 3                                                                           |            | 154                             | 154  |      |         |         | 231,60                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11          | Làng Ăngleh                                                                      |            | 101                             | 2    |      | 99      |         | 262,47                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>XII</b>  | <b>Xã Glar</b>                                                                   |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn Bối                                                                         |            | 223                             | 2    |      | 221     |         | 437,68                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Thôn Tươh Ktu                                                                    |            | 260                             | 29   |      | 231     |         | 420,36                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Thôn Tươh Klah                                                                   |            | 218                             | 10   |      | 208     |         | 419,66                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           | Thôn Dôr I                                                                       |            | 299                             | 17   |      | 282     |         | 640,24                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5           | Thôn Dôr II                                                                      |            | 234                             |      |      | 234     |         | 508,22                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6           | Thôn Đok Rong                                                                    |            | 201                             | 1    |      | 200     |         | 395,04                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 7           | Thôn Groi I                                                                      |            | 230                             | 10   |      | 220     |         | 417,22                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 8           | Thôn Dur                                                                         |            | 200                             | 10   |      | 190     |         | 315,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 9           | Thôn Groi II                                                                     |            | 146                             | 3    |      | 143     |         | 315,86                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Thôn Wêt                                                                         |            | 103                             | 1    |      | 102     |         | 189,98                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>XIII</b> | <b>Xã Hà Đông</b>                                                                |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Kon Pơ Dram                                                                 |            | 230                             | 3    |      | 227     |         | 6.052,19                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Làng Kon Mahar                                                                   |            | 270                             | 8    |      | 262     |         | 3.257,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Làng Kon Sơ Nglok                                                                |            | 160                             | 3    |      | 157     |         | 2.800,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |



| STT         | Tên thôn, tổ dân phố                                                             |              | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             |  | Tổ dân phố   | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sắp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sắp nhập |
| 4           | Làng Kon Nak                                                                     |              | 173                             | 3    |      | 170     |         | 2.401,06                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5           | Làng Kon Jôt                                                                     |              | 105                             | 4    |      | 101     |         | 5.300,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>XIV</b>  | <b>Xã Hải Yang</b>                                                               |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn 1                                                                           |              | 458                             | 458  |      |         |         | 1.985,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Làng Bông Hiot                                                                   |              | 292                             | 4    |      | 288     |         | 1.865,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Thôn 3                                                                           |              | 278                             | 278  |      |         |         | 2.050,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           | Thôn 2                                                                           |              | 131                             | 129  |      |         | 2       | 1.121,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>XV</b>   | <b>Xã HNol</b>                                                                   |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng HLang                                                                       |              | 141                             | 4    |      | 137     |         | 725,20                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2           | Làng Thung                                                                       |              | 111                             | 12   |      | 99      |         | 990,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Làng Rông                                                                        |              | 173                             | 3    |      | 165     | 5       | 876,85                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Thôn Sơi                                                                         |              | 42                              | 2    |      | 40      |         | 475,10                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Thôn Sơn Trang                                                                   |              | 109                             | 107  |      |         | 2       | 325,30                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Thôn GRek                                                                        |              | 133                             | 14   |      | 119     |         | 732,70                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Thôn Bót                                                                         |              | 175                             | 65   |      | 110     |         | 627,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>XVI</b>  | <b>Xã Đak Somei</b>                                                              |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Bok Rei                                                                     |              | 188                             | 23   |      | 165     |         | 1.202,06                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2           | Thôn 17                                                                          |              | 51                              | 51   |      |         |         | 307,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Làng Đê Pral                                                                     |              | 89                              | 2    | 6    | 81      |         | 504,22                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Làng Kon Plek                                                                    |              | 21                              |      |      | 21      |         | 104,99                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Làng Đê Gôh                                                                      |              | 160                             | 18   |      | 142     |         | 737,90                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Thôn 18                                                                          |              | 173                             | 129  |      | 44      |         | 750,22                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Làng Đê Somei                                                                    |              | 178                             | 6    |      | 172     |         | 740,83                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Làng Đê Đoa                                                                      |              | 128                             | 25   |      | 103     |         | 707,15                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Làng Đê Tul                                                                      |              | 182                             | 22   | 2    | 158     |         | 940,93                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Làng A Droch                                                                     |              | 116                             | 8    |      | 108     |         | 639,54                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>XVII</b> | <b>Xã HNeng</b>                                                                  |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn Krun                                                                        |              | 189                             | 74   |      | 115     |         | 856,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2           | Thôn Tam Điệp                                                                    |              | 150                             | 149  |      |         | 1       | 1.159,40                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Thôn Kdập                                                                        |              | 110                             | 20   | 90   |         |         | 589,40                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Thôn Châu Giang                                                                  |              | 109                             | 108  |      |         | 1       | 391,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Thôn Cẩm Bình                                                                    |              | 140                             | 134  |      |         | 6       | 420,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>Q</b>    | <b>HUYỆN CHƯ PRÔNG</b>                                                           |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| <b>I</b>    | <b>Thị trấn Chư Prông</b>                                                        |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           |                                                                                  | Tổ dân phố 1 | 364                             | 345  | 17   |         | 2       | 136,40                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           |                                                                                  | Tổ dân phố 2 | 423                             | 410  | 5    |         | 8       | 404,98                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           |                                                                                  | Tổ dân phố 4 | 305                             | 296  | 4    |         | 5       | 68,20                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           |                                                                                  | Tổ dân phố 5 | 315                             | 274  | 37   |         | 4       | 203,60                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5           |                                                                                  | Tổ dân phố 6 | 323                             | 167  | 150  |         | 6       | 409,20                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6           | Thôn Đông Hà                                                                     |              | 355                             | 333  | 16   | 2       | 4       | 134,40                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 7           | Thôn 6                                                                           |              | 282                             | 272  | 5    |         | 5       | 401,06                       | X                  |                                                 |                                                                         |



| STT        | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |              | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|            |  | Tổ dân phố   | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 8          | Làng Bò                                                                           |              | 161                             | 95   | 63   |         | 3       | 204,60                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9          |                                                                                   | Tổ dân phố 3 | 209                             | 205  | 4    |         |         | 68,20                        |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>II</b>  | <b>Xã Bàu Cạn</b>                                                                 |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn Ia Mua                                                                       |              | 312                             | 256  | 23   | 2       | 31      | 649,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Tây Hồ                                                                       |              | 226                             | 193  | 20   |         | 13      | 763,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Thôn Đồng Tâm                                                                     |              | 235                             | 222  | 1    |         | 12      | 532,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Thôn Đoàn Kết                                                                     |              | 264                             | 224  | 19   |         | 21      | 483,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5          | Thôn Hoà Bình                                                                     |              | 261                             | 250  | 3    |         | 8       | 537,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6          | Thôn Bình An                                                                      |              | 331                             | 324  | 1    |         | 6       | 412,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| <b>III</b> | <b>Xã Bình Giáo</b>                                                               |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn Thanh Bình                                                                   |              | 468                             | 468  |      |         |         | 897,33                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Tân Lạc                                                                      |              | 503                             | 503  |      |         |         | 734,46                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Làng Đê                                                                           |              | 109                             |      | 109  |         |         | 588,10                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4          | Làng Bàng                                                                         |              | 131                             | 29   | 102  |         |         | 678,20                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5          | Làng Kanh                                                                         |              | 119                             | 20   | 99   |         |         | 588,32                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6          | Làng Mui                                                                          |              | 171                             | 48   | 123  |         |         | 698,44                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>IV</b>  | <b>Xã Thăng Hưng</b>                                                              |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn 1                                                                            |              | 456                             | 453  | 3    |         |         | 1.226,20                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn 3                                                                            |              | 286                             | 286  |      |         |         | 218,60                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Thôn 4                                                                            |              | 318                             | 318  |      |         |         | 427,80                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Thôn 2                                                                            |              | 196                             | 196  |      |         |         | 102,50                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5          | Thôn 5                                                                            |              | 134                             |      | 134  |         |         | 748,10                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6          | Thôn 6                                                                            |              | 110                             |      | 110  |         |         | 267,30                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7          | Thôn 7                                                                            |              | 118                             |      | 118  |         |         | 873,40                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>V</b>   | <b>Xã Ia Me</b>                                                                   |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng Siu                                                                          |              | 273                             | 113  | 160  |         |         | 499,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Xuân Me                                                                      |              | 203                             | 200  |      |         | 3       | 1.093,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Thôn Yên Me                                                                       |              | 250                             | 244  | 1    |         | 5       | 556,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Làng Nót                                                                          |              | 199                             | 82   | 114  |         | 3       | 1.477,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5          | Làng Quen                                                                         |              | 146                             | 2    | 144  |         |         | 827,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6          | Làng Xom                                                                          |              | 101                             | 9    | 92   |         |         | 1.224,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7          | Làng Đê                                                                           |              | 84                              | 1    | 66   |         | 17      | 2.579,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          | Làng Sơ                                                                           |              | 166                             | 3    | 163  |         |         | 230,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VI</b>  | <b>Xã Ia Bang</b>                                                                 |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng Tơ Bang                                                                      |              | 206                             | 60   | 146  |         |         | 875,58                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Cát Tân                                                                      |              | 141                             | 141  |      |         |         | 546,57                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3          | Làng Dơ Mút                                                                       |              | 67                              | 5    | 61   |         | 1       | 263,57                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Làng Dơ Thong                                                                     |              | 135                             | 86   | 38   |         | 11      | 568,37                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Làng Dơ Bang                                                                      |              | 107                             | 29   | 78   |         |         | 257,91                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Làng Dơ Ngol                                                                      |              | 140                             | 51   | 86   |         | 3       | 545,27                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Làng Nét                                                                          |              | 84                              | 17   | 67   |         |         | 397,37                       |                    |                                                 | X                                                                       |



| STT         | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 8           | Làng Anh                                                                          |            | 197                             | 70   | 126  |         | 1       | 651,07                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>VII</b>  | <b>Xã Ia Ga</b>                                                                   |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn Thống Nhất                                                                   |            | 219                             | 101  | 14   |         | 104     | 1.630,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Làng Tu I                                                                         |            | 360                             | 42   | 103  |         | 215     | 2.470,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Thôn Đồng Tâm                                                                     |            | 224                             | 42   | 2    |         | 180     | 3.520,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           | Làng Khôi                                                                         |            | 86                              | 17   | 61   |         | 8       | 3.116,05                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5           | Làng Tu II                                                                        |            | 112                             | 15   | 93   |         | 4       | 610,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Thôn Đoàn Kết                                                                     |            | 92                              | 92   |      |         |         | 651,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Thôn Tân Thủy                                                                     |            | 113                             | 109  |      |         | 4       | 302,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VIII</b> | <b>Xã Ia Drang</b>                                                                |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn Hợp Hoà                                                                      |            | 501                             | 499  | 2    |         |         | 634,90                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Thôn Hợp Thắng                                                                    |            | 428                             | 428  |      |         |         | 1.533,43                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Thôn An Hoà                                                                       |            | 317                             | 317  |      |         |         | 244,06                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           | Thôn Bình Thanh                                                                   |            | 296                             | 296  |      |         |         | 1.099,93                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5           | Thôn Nhân Đức                                                                     |            | 31                              | 31   |      |         |         | 194,28                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Thôn Nhân Nghĩa                                                                   |            | 61                              | 61   |      |         |         | 77,05                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7           | Làng Klũ                                                                          |            | 75                              | 4    | 71   |         |         | 23,08                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8           | Làng La                                                                           |            | 59                              |      | 59   |         |         | 138,65                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9           | Làng Ó                                                                            |            | 53                              | 1    | 52   |         |         | 79,42                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10          | Thôn Nhân Hoà                                                                     |            | 123                             | 123  |      |         |         | 39,85                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11          | Làng Xung                                                                         |            | 95                              |      | 95   |         |         | 34,76                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 12          | Thôn 10                                                                           |            | 130                             | 128  |      |         | 2       | 128,73                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 13          | Làng Beng                                                                         |            | 72                              |      | 72   |         |         | 34,76                        |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>IX</b>   | <b>Xã Ia Pior</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn 6                                                                            |            | 210                             | 73   |      |         | 137     | 443,50                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Thôn 8                                                                            |            | 220                             | 4    |      |         | 216     | 763,10                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Thôn Đoàn Kết                                                                     |            | 481                             | 16   |      |         | 465     | 1.132,40                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           | Thôn 5                                                                            |            | 129                             | 54   |      |         | 75      | 372,20                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5           | Làng Pior 1                                                                       |            | 180                             | 81   | 89   |         | 10      | 584,20                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Làng Pior 2                                                                       |            | 166                             | 28   | 128  |         | 10      | 562,10                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7           | Thôn Thanh Bình                                                                   |            | 121                             | 68   |      |         | 53      | 650,40                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Thôn Thanh Miện                                                                   |            | 56                              | 39   |      |         | 17      | 761,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Thôn Kỳ Phong                                                                     |            | 86                              | 80   |      |         | 6       | 751,10                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Thôn Kim Giang                                                                    |            | 62                              | 28   |      |         | 34      | 713,20                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11          | Làng Me                                                                           |            | 60                              | 5    | 55   |         |         | 581,40                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12          | Thôn Yên Hưng                                                                     |            | 104                             | 84   |      |         | 20      | 564,20                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 13          | Thôn Yên Bình                                                                     |            | 161                             | 27   |      |         | 134     | 681,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 14          | Làng Phung                                                                        |            | 89                              | 18   | 37   |         | 34      | 851,46                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>X</b>    | <b>Xã Ia O</b>                                                                    |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Sung O                                                                       |            | 201                             | 56   | 145  |         |         | 593,48                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Làng Grang                                                                        |            | 119                             | 30   | 74   |         | 15      | 821,28                       |                    |                                                 | X                                                                       |



| STT         | Tên thôn, tổ dân phố |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|----------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 3           | Làng Kro             |            | 105                             | 24   | 81   |         |         | 367,57                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Làng La              |            | 199                             | 106  | 90   |         | 3       | 643,42                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5           | Làng Tung            |            | 190                             | 72   | 117  | 1       |         | 960,45                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Làng Boong Nga       |            | 36                              | 2    | 33   |         | 1       | 252,43                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>XI</b>   | <b>Xã Ia Vê</b>      |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Ongol           |            | 99                              | 7    | 90   |         | 2       | 218,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2           | Làng Siu             |            | 93                              | 12   | 81   |         |         | 110,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Thôn Đông Hải        |            | 94                              | 86   |      |         | 8       | 540,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Thôn Phù Cát         |            | 194                             | 189  |      |         | 5       | 382,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5           | Thôn Tân Thủy        |            | 126                             | 106  | 3    |         | 17      | 536,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Thôn 4               |            | 131                             | 42   |      |         | 89      | 173,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7           | Làng Ó               |            | 177                             | 60   | 114  |         | 3       | 2.708,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8           | Thôn Cát Mỹ          |            | 149                             | 143  |      |         | 6       | 363,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9           | Làng Anéh            |            | 144                             | 22   | 122  |         |         | 140,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10          | Làng Doách           |            | 226                             | 99   | 120  | 2       | 5       | 924,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 11          | Làng HLang Ngol      |            | 209                             | 23   | 166  |         | 20      | 943,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| <b>XII</b>  | <b>Xã Ia Lâu</b>     |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn 7               |            | 205                             | 8    |      |         | 197     | 258,20                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Thôn Lũng Vân        |            | 290                             | 4    |      |         | 286     | 357,79                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Thôn Bắc Thái        |            | 250                             | 10   |      |         | 240     | 318,90                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           | Thôn Pắc Pó          |            | 400                             | 12   |      |         | 388     | 376,20                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5           | Thôn Cao Lạng        |            | 210                             | 2    |      |         | 208     | 245,67                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6           | Làng Tu              |            | 160                             | 43   | 82   |         | 35      | 187,36                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7           | Làng Đút             |            | 125                             | 2    | 112  |         | 11      | 197,10                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8           | Thôn 1               |            | 123                             | 2    |      |         | 121     | 164,30                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Thôn 2               |            | 90                              | 3    |      |         | 87      | 123,58                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Thôn 3               |            | 83                              | 7    |      |         | 76      | 112,80                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11          | Thôn 4               |            | 71                              | 10   |      |         | 61      | 105,77                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12          | Thôn Đồng Tiến       |            | 53                              |      |      |         | 53      | 96,83                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 13          | Thôn Phố Hiến        |            | 94                              | 71   |      |         | 23      | 208,40                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>XIII</b> | <b>Xã Ia Phìn</b>    |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn Hoàng Ân        |            | 222                             | 218  |      |         | 4       | 860,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Thôn Hoàng Yên       |            | 348                             | 346  |      |         | 2       | 445,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Thôn Bản Tân         |            | 234                             | 233  |      |         | 1       | 181,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4           | Làng Bạc 1           |            | 119                             | 1    | 118  |         |         | 805,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5           | Làng Bạc 2           |            | 45                              | 7    | 38   |         |         | 137,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Thôn Hoàng Tiên      |            | 163                             | 163  |      |         |         | 192,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7           | Thôn Hoàng Tiến      |            | 95                              | 92   |      |         | 3       | 576,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Thôn Hoàng Hưng      |            | 95                              | 95   |      |         |         | 226,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Làng Grang 1         |            | 120                             | 25   | 95   |         |         | 273,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Làng Grang 2         |            | 167                             | 163  | 4    |         |         | 485,00                       |                    | X                                               |                                                                         |



[illegible]



| STT | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |              | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|     |  | Tổ dân phố   | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 1   | Làng Blu                                                                          |              | 77                              | 2    | 75   |         |         | 169,87                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2   | Thôn Đoàn Kết                                                                     |              | 120                             | 117  |      |         | 3       | 182,70                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3   | Thôn 1                                                                            |              | 114                             | 114  |      |         |         | 191,90                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4   | Thôn 4                                                                            |              | 155                             | 151  | 1    | 1       | 2       | 198,68                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5   | Thôn 3                                                                            |              | 89                              | 89   |      |         |         | 194,29                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6   | Làng Kly                                                                          |              | 106                             | 35   | 71   |         |         | 195,24                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7   | Thôn 2                                                                            |              | 76                              | 75   |      |         | 1       | 181,88                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8   | Làng Ổ                                                                            |              | 120                             | 24   | 96   |         |         | 193,10                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9   | Làng Nễh                                                                          |              | 82                              | 3    | 77   |         | 2       | 182,80                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10  | Làng Xol                                                                          |              | 40                              | 2    | 38   |         |         | 172,68                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11  | Làng Hle                                                                          |              | 74                              | 11   | 63   |         |         | 169,98                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12  | Làng Ngol                                                                         |              | 42                              | 5    | 37   |         |         | 160,72                       |                    | X                                               |                                                                         |
| XX  | Xã Ia Pia                                                                         |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1   | Thôn 1                                                                            |              | 142                             | 141  |      |         | 1       | 355,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2   | Thôn 2                                                                            |              | 65                              | 65   |      |         |         | 310,60                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3   | Thôn 3                                                                            |              | 94                              | 94   |      |         |         | 321,10                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4   | Thôn 4                                                                            |              | 134                             | 133  |      |         | 1       | 321,90                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5   | Làng Pốt                                                                          |              | 127                             | 59   | 68   |         |         | 321,30                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6   | Làng Hát 1                                                                        |              | 76                              | 4    | 72   |         |         | 247,80                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7   | Làng Hát 2                                                                        |              | 137                             | 96   | 32   |         | 9       | 237,40                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8   | Làng Xom                                                                          |              | 64                              | 11   | 53   |         |         | 223,70                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9   | Thôn Bình Tân                                                                     |              | 60                              | 60   |      |         |         | 210,60                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10  | Làng Lú                                                                           |              | 87                              | 5    | 82   |         |         | 246,70                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11  | Làng Mo                                                                           |              | 17                              |      | 17   |         |         | 200,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12  | Làng Khô                                                                          |              | 108                             | 19   | 74   |         | 15      | 276,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 13  | Làng Ngó                                                                          |              | 125                             | 52   | 73   |         |         | 269,80                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 14  | Làng Pang                                                                         |              | 40                              | 7    | 33   |         |         | 212,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 15  | Làng Pia                                                                          |              | 101                             | 33   | 67   |         | 1       | 226,20                       |                    | X                                               |                                                                         |
| R   | HUYỆN MANG YANG                                                                   |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| I   | Thị trấn Kon Dơng                                                                 |              |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1   |                                                                                   | Tổ dân phố 2 | 302                             | 299  |      |         | 3       | 213,33                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2   |                                                                                   | Tổ dân phố 4 | 363                             | 354  |      | 2       | 7       | 68,22                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3   |                                                                                   | Tổ dân phố 6 | 305                             | 302  |      | 1       | 2       | 63,21                        | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4   |                                                                                   | Tổ dân phố 1 | 127                             | 119  |      |         | 8       | 52,58                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 5   |                                                                                   | Tổ dân phố 3 | 194                             | 183  |      | 3       | 8       | 116,66                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6   |                                                                                   | Tổ dân phố 7 | 151                             | 151  |      |         |         | 105,14                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7   |                                                                                   | Tổ dân phố 8 | 182                             | 181  | 1    |         |         | 35,63                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 8   |                                                                                   | Tổ dân phố 5 | 252                             | 250  |      |         | 2       | 225,64                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9   |                                                                                   | Tổ dân phố 9 | 191                             | 191  |      |         |         | 664,68                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 10  | Làng Đê Duol                                                                      |              | 70                              |      |      | 70      |         | 21,65                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 11  | Làng Đê Kốp                                                                       |              | 117                             |      |      | 117     |         | 26,74                        |                    | X                                               |                                                                         |



| STT        | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|            |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 12         | Làng Đê Ktu                                                                       |            | 116                             |      |      | 116     |         | 53,72                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| 13         | Làng Đê Hrenl                                                                     |            | 74                              |      |      | 74      |         | 40,95                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>II</b>  | <b>Xã H'ra</b>                                                                    |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn Phú Yên                                                                      |            | 334                             | 333  |      | 1       |         | 5.490,13                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Phú Danh                                                                     |            | 317                             | 316  |      |         | 1       | 8.244,29                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Làng Kon Chrăh                                                                    |            | 210                             |      |      | 210     |         | 158,37                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Làng Kơ Tu Dong                                                                   |            | 89                              |      |      | 89      |         | 192,09                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5          | Làng Bờ Chăk                                                                      |            | 48                              |      |      | 48      |         | 360,12                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Làng Jơ Long                                                                      |            | 164                             |      |      | 164     |         | 379,20                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Làng Đê Đăk                                                                       |            | 54                              |      |      | 54      |         | 459,24                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          | Làng Kon Hoa                                                                      |            | 168                             |      |      | 168     |         | 128,16                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9          | Làng Kret Krot                                                                    |            | 150                             |      |      | 150     |         | 177,41                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10         | Làng Đê Kôn                                                                       |            | 48                              |      |      | 48      |         | 1.674,62                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11         | Làng KDung I                                                                      |            | 67                              |      |      | 67      |         | 418,97                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12         | Làng KDung II                                                                     |            | 106                             |      |      | 106     |         | 419,02                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>III</b> | <b>Xã Đak Ta Ley</b>                                                              |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn Nhơn Thọ                                                                     |            | 341                             | 341  |      |         |         | 1.765,30                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Nhơn Tân                                                                     |            | 380                             | 380  |      |         |         | 2.268,82                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Làng Chơng I                                                                      |            | 80                              |      |      | 80      |         | 580,40                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4          | Làng Chơng II                                                                     |            | 133                             |      |      | 133     |         | 330,50                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5          | Làng Đak Dwe                                                                      |            | 30                              |      |      | 30      |         | 42,28                        |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>IV</b>  | <b>Xã Đak Jơ Ta</b>                                                               |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng Bông Pim                                                                     |            | 276                             | 35   |      | 236     | 5       | 3.200,00                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn 3                                                                            |            | 138                             | 123  |      |         | 15      | 1.400,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          | Thôn 4                                                                            |            | 81                              |      |      |         | 81      | 1.800,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Làng Đê Bơ Tok                                                                    |            | 139                             | 1    |      | 137     | 1       | 4.858,82                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>V</b>   | <b>Xã Đăk Yă</b>                                                                  |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn Châu Sơn                                                                     |            | 200                             | 193  |      |         | 7       | 621,40                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Châu Thành                                                                   |            | 152                             | 149  |      |         | 3       | 201,80                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          | Thôn Châu Khê                                                                     |            | 155                             | 152  |      |         | 3       | 496,79                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Thôn Suối Phên                                                                    |            | 168                             | 167  |      |         | 1       | 87,50                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Thôn Mỹ Yang                                                                      |            | 97                              | 94   |      |         | 3       | 962,36                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6          | Làng Đăk Yă                                                                       |            | 162                             |      |      | 162     |         | 293,60                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7          | Làng Đăk Trôk                                                                     |            | 174                             |      |      | 174     |         | 1.038,89                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>VI</b>  | <b>Xã Đak Djang</b>                                                               |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng Đê Rơn                                                                       |            | 200                             | 74   |      | 126     |         | 1.279,13                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Tân Phú                                                                      |            | 339                             | 338  |      |         | 1       | 436,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Thôn Linh Nham                                                                    |            | 186                             | 185  |      |         | 1       | 1.053,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4          | Làng B'rếp                                                                        |            | 152                             | 74   |      | 78      |         | 312,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5          | Làng Đê Tur                                                                       |            | 177                             | 106  |      | 71      |         | 426,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6          | Làng Đăk Bơng                                                                     |            | 103                             | 52   |      | 51      |         | 238,00                       |                    | X                                               |                                                                         |



| STT         | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 7           | Làng Hrak                                                                         |            | 102                             | 48   |      | 54      |         | 197,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Thôn Hà Ra                                                                        |            | 92                              | 43   |      |         | 49      | 215,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Làng Đê Gơl                                                                       |            | 116                             | 48   |      | 68      |         | 891,00                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>VII</b>  | <b>Xã Kon Thụp</b>                                                                |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Groi                                                                         |            | 306                             | 108  |      | 148     | 50      | 1.435,76                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Làng Chuk                                                                         |            | 420                             | 268  |      | 105     | 47      | 1.023,34                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Làng Đăk Pơ Nan                                                                   |            | 72                              | 5    |      | 66      | 1       | 695,75                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Làng Pơ Nang                                                                      |            | 126                             | 4    |      | 118     | 4       | 670,54                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Làng Sơ Bir                                                                       |            | 146                             | 15   |      | 54      | 77      | 476,77                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Làng Dơ Nâu                                                                       |            | 178                             | 18   |      | 109     | 51      | 766,53                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7           | Làng Đăk Trang                                                                    |            | 199                             | 86   |      | 84      | 29      | 990,20                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>VIII</b> | <b>Xã Kon Chiêng</b>                                                              |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Đăk Ó                                                                        |            | 252                             | 34   |      | 209     | 9       | 2.601,90                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2           | Làng Đe Toak                                                                      |            | 236                             | 17   |      | 157     | 62      | 1.213,10                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3           | Làng Klah                                                                         |            | 106                             | 10   |      | 91      | 5       | 4.809,13                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Làng Deng                                                                         |            | 102                             | 19   | 2    | 59      | 22      | 831,75                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5           | Làng Ktu                                                                          |            | 102                             | 20   |      | 82      |         | 2.737,29                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Làng Hya                                                                          |            | 140                             | 39   |      | 86      | 15      | 1.597,62                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Làng BChăk                                                                        |            | 114                             | 26   | 1    | 87      |         | 905,17                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Làng Đe Thương                                                                    |            | 119                             | 8    |      | 104     | 7       | 1.068,90                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9           | Làng Đe Tar                                                                       |            | 158                             | 15   |      | 115     | 28      | 4.277,12                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>IX</b>   | <b>Xã Ayun</b>                                                                    |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn 1                                                                            |            | 197                             | 197  |      |         |         | 402,18                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2           | Thôn 2                                                                            |            | 150                             | 147  |      | 2       | 1       | 388,71                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Thôn 3                                                                            |            | 130                             | 128  |      |         | 2       | 180,97                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Thôn 5                                                                            |            | 43                              | 39   |      |         | 4       | 1.029,72                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Thôn 6                                                                            |            | 61                              | 60   |      |         | 1       | 472,30                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Thôn Nhom Bông                                                                    |            | 183                             | 181  |      |         | 2       | 203,36                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7           | Làng Kon Brung                                                                    |            | 116                             |      |      | 115     | 1       | 44,87                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 8           | Plei Groi                                                                         |            | 174                             |      |      | 173     | 1       | 274,33                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Plei Bông                                                                         |            | 159                             | 1    |      | 157     | 1       | 425,92                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 10          | Làng Ta Đum                                                                       |            | 181                             | 2    |      | 179     |         | 235,02                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 11          | Plei Atur                                                                         |            | 76                              |      |      | 76      |         | 348,96                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12          | Làng Đêkjêng                                                                      |            | 111                             |      |      | 111     |         | 139,59                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 13          | Làng Vai Vêng                                                                     |            | 164                             |      |      | 163     | 1       | 300,74                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 14          | Làng Hiêr                                                                         |            | 117                             |      |      | 117     |         | 4.518,88                     |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>X</b>    | <b>Xã Lơ Pang</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Làng Hlim                                                                         |            | 182                             | 31   |      | 150     | 1       | 896,70                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 2           | Làng Chup                                                                         |            | 176                             | 11   |      | 161     | 4       | 1.424,40                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 3           | Làng Alao                                                                         |            | 150                             | 4    |      | 146     |         | 1.889,70                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4           | Làng Pyâu                                                                         |            | 112                             | 4    |      | 108     |         | 6.699,00                     |                    |                                                 | X                                                                       |



| STT        | Tên thôn, tổ dân phố                                                             |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|            |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 5          | Làng Roh                                                                         |            | 120                             | 4    |      | 116     |         | 1.429,20                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6          | Làng Blén                                                                        |            | 120                             | 11   |      | 106     | 3       | 1.918,50                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7          | Làng Tơ Drah                                                                     |            | 95                              | 2    |      | 92      | 1       | 817,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          | Làng Đak Lah                                                                     |            | 90                              | 22   |      | 66      | 2       | 1.535,40                     |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>XI</b>  | <b>Xã Đê Ar</b>                                                                  |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng Ar Btôk                                                                     |            | 98                              | 11   | 1    | 86      |         | 590,10                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2          | Làng Ar Sek                                                                      |            | 98                              | 10   | 1    | 86      | 1       | 887,40                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          | Làng Ar Quát                                                                     |            | 132                             | 6    | 1    | 125     |         | 792,20                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 4          | Làng Ar Pir                                                                      |            | 15                              | 1    |      | 14      |         | 170,80                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Làng Ar Trơ                                                                      |            | 129                             | 17   |      | 99      | 13      | 1.054,94                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6          | Làng Đôn H'yang                                                                  |            | 97                              | 2    | 1    | 93      | 1       | 1.379,30                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 7          | Làng Ar Tơ Măn                                                                   |            | 132                             | 6    |      | 126     |         | 1.144,90                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8          | Làng Ar Dê                                                                       |            | 65                              | 2    |      | 63      |         | 1.329,60                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 9          | Làng Dôch Ktu                                                                    |            | 77                              | 2    |      | 75      |         | 1.055,40                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 10         | Làng Ar Quái                                                                     |            | 34                              | 2    |      | 30      | 2       | 542,30                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>XII</b> | <b>Xã Đăk Trôi</b>                                                               |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Làng Lơ Pang                                                                     |            | 58                              | 3    | 1    | 51      | 3       | 1.650,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 2          | Làng Đê Kôih                                                                     |            | 90                              | 7    |      | 78      | 5       | 200,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          | Làng Tơ Drah                                                                     |            | 81                              | 14   |      | 61      | 6       | 450,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Làng Đê Klong                                                                    |            | 107                             | 6    |      | 101     |         | 1.559,03                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Làng Đăk Hre                                                                     |            | 85                              | 2    |      | 83      |         | 1.900,00                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Làng Klong                                                                       |            | 78                              | 16   |      | 56      | 6       | 800,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Làng Arim                                                                        |            | 57                              | 2    |      | 54      | 1       | 500,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          | Làng Đăk Hmok                                                                    |            | 54                              | 2    |      | 50      | 2       | 250,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>S</b>   | <b>HUYỆN IA PA</b>                                                               |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| <b>I</b>   | <b>Xã Kim Tân</b>                                                                |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn Mơ Năng 2                                                                   |            | 229                             | 12   | 216  | 1       |         | 904,52                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Blôm                                                                        |            | 241                             | 35   | 204  | 2       |         | 142,54                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Thôn Mơ Năng 1                                                                   |            | 151                             | 22   | 129  |         |         | 554,65                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Thôn 1                                                                           |            | 183                             | 183  |      |         |         | 735,34                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Thôn 2                                                                           |            | 169                             | 169  |      |         |         | 668,11                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Thôn 3                                                                           |            | 183                             | 183  |      |         |         | 778,73                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Thôn Đồng Sơn                                                                    |            | 163                             | 162  |      |         | 1       | 1.101,16                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>II</b>  | <b>Xã Ia Mron</b>                                                                |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn Bah Leng                                                                    |            | 281                             | 7    | 274  |         |         | 350,25                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Thôn Đoàn Kết                                                                    |            | 281                             | 280  | 1    |         |         | 150,10                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Thôn Ama Rin 1                                                                   |            | 217                             | 34   | 183  |         |         | 280,29                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Thôn Ama Rin 2                                                                   |            | 317                             | 33   | 284  |         |         | 260,48                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5          | Thôn Ama Rin 3                                                                   |            | 275                             | 56   | 219  |         |         | 280,90                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6          | Thôn Ama H'Lil 1                                                                 |            | 259                             | 2    | 257  |         |         | 300,49                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 7          | Thôn Ama H'Lil 2                                                                 |            | 257                             | 52   | 205  |         |         | 290,69                       | X                  |                                                 |                                                                         |



| STT        | Tên thôn, tổ dân phố                                                              |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|            |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 8          | Thôn Đăk Chá                                                                      |            | 250                             | 16   | 58   | 174     | 2       | 277,50                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 9          | Thôn Hoa Sen                                                                      |            | 80                              | 13   |      |         | 67      | 91,70                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 10         | Thôn Ama San                                                                      |            | 150                             | 6    | 144  |         |         | 300,91                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 11         | Thôn Kim Năng 1                                                                   |            | 160                             | 158  | 2    |         |         | 293,60                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 12         | Thôn Kim Năng 2                                                                   |            | 178                             | 176  |      |         | 2       | 321,00                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>III</b> | <b>Xã Ia Trok</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Bôn Trôk                                                                          |            | 218                             | 24   | 194  |         |         | 250,90                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Bôn Tông Se                                                                       |            | 249                             | 6    | 243  |         |         | 249,22                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Bôn Chơ Ma                                                                        |            | 359                             | 1    | 358  |         |         | 248,20                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 4          | Bôn Thăm                                                                          |            | 294                             | 1    | 293  |         |         | 249,11                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 5          | Thôn Quý Tân                                                                      |            | 215                             | 215  |      |         |         | 250,00                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 6          | Thôn Quý Đức                                                                      |            | 302                             | 302  |      |         |         | 247,02                       | X                  |                                                 |                                                                         |
| 7          | Thôn Kơ Nia                                                                       |            | 199                             | 12   | 10   |         | 177     | 251,34                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 8          | Bôn Hoãi                                                                          |            | 123                             | 37   | 86   |         |         | 247,08                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          | Plơi Ama Drung                                                                    |            | 146                             | 3    | 143  |         |         | 248,20                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>IV</b>  | <b>Xã Chư Mố</b>                                                                  |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Plơi Apa Ama Đá                                                                   |            | 228                             | 2    | 224  |         | 2       | 2.919,21                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Plơi Apa Oi H'Trông                                                               |            | 225                             | 2    | 223  |         |         | 2.720,80                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 3          | Plơi Chrôh Braih                                                                  |            | 65                              |      | 65   |         |         | 964,67                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Plơi Apa Oi H'Briu II                                                             |            | 197                             | 2    | 194  |         | 1       | 2.365,20                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Plơi Apa Oi H'Briu I                                                              |            | 143                             | 4    | 139  |         |         | 1.983,72                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Plơi Apa Ama H'Lăk                                                                |            | 153                             | 2    | 149  |         | 2       | 2.218,78                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Plơi Apa Ama Lim I                                                                |            | 88                              | 2    | 85   |         | 1       | 1.155,70                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 8          | Plơi Apa Ama Lim II                                                               |            | 169                             | 2    | 166  |         | 1       | 1.964,32                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 9          | Plơi Apa Kdranh                                                                   |            | 126                             | 2    | 121  | 2       | 1       | 1.601,70                     |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>V</b>   | <b>Xã Ia Kdăm</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Plơi H'Bel                                                                        |            | 208                             | 12   | 196  |         |         | 9.201,94                     | X                  |                                                 |                                                                         |
| 2          | Plơi Kdăm 2                                                                       |            | 129                             | 1    | 127  |         | 1       | 231,56                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          | Bôn Bâu                                                                           |            | 98                              | 2    | 93   |         | 3       | 175,16                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Plơi Chrôh Kổ                                                                     |            | 65                              | 3    | 61   |         | 1       | 53,37                        |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Plơi Toan 1                                                                       |            | 146                             | 7    | 139  |         |         | 836,15                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Plơi Toan 2                                                                       |            | 101                             | 13   | 88   |         |         | 492,11                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Plơi Kdăm 1                                                                       |            | 130                             | 4    | 126  |         |         | 411,97                       |                    | X                                               |                                                                         |
| <b>VI</b>  | <b>Xã Pờ Tó</b>                                                                   |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1          | Thôn Ksom                                                                         |            | 189                             | 46   | 20   | 115     | 8       | 199,83                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2          | Thôn 2                                                                            |            | 143                             | 140  | 2    |         | 1       | 566,47                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3          | Thôn 3                                                                            |            | 109                             | 108  |      |         | 1       | 457,70                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4          | Thôn 4                                                                            |            | 108                             | 107  |      |         | 1       | 540,52                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5          | Thôn Klá                                                                          |            | 124                             | 53   | 2    | 69      |         | 341,68                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 6          | Thôn Đkun                                                                         |            | 138                             | 71   | 5    | 62      |         | 800,45                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7          | Thôn Đron                                                                         |            | 159                             | 83   | 6    | 69      | 1       | 870,30                       |                    | X                                               |                                                                         |



| STT         | Tên thôn, tổ dân phố                                                             |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Đảm bảo tiêu chuẩn | Không đảm bảo tiêu chuẩn                        |                                                                         |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|             |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              |                    | Không đảm bảo tiêu chuẩn, đủ điều kiện sáp nhập | Không đảm bảo tiêu chuẩn, thuộc diện đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |
| 8           | Thôn Kliếc A                                                                     |            | 150                             | 79   | 5    | 65      | 1       | 900,23                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 9           | Thôn Kliếc B                                                                     |            | 115                             | 44   | 1    | 70      |         | 1.920,30                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 10          | Thôn Chư Gu                                                                      |            | 88                              | 15   |      | 73      |         | 2.000,33                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 11          | Thôn Bì Đông                                                                     |            | 158                             | 20   |      | 135     | 3       | 2.698,32                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| 12          | Thôn Bì Gia                                                                      |            | 116                             | 18   | 4    | 91      | 3       | 2.048,29                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>VII</b>  | <b>Xã Ia Broãi</b>                                                               |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Bôn Tong Ó                                                                       |            | 64                              | 6    | 57   |         | 1       | 184,16                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2           | Bôn Jư Ama Uốc                                                                   |            | 144                             | 1    | 143  |         |         | 324,92                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Bôn Jư Ama Hoét                                                                  |            | 105                             | 1    | 104  |         |         | 306,74                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Bôn Broãi                                                                        |            | 197                             | 3    | 193  |         | 1       | 383,65                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 5           | Bôn Ia Rniu                                                                      |            | 187                             | 6    | 179  |         | 2       | 364,79                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Bôn Tul                                                                          |            | 157                             | 2    | 155  |         |         | 1.146,68                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>VIII</b> | <b>Xã Ia Tul</b>                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Bôn Biah A                                                                       |            | 114                             | 2    | 112  |         |         | 4.457,05                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 2           | Bôn Blanh                                                                        |            | 147                             | 3    | 144  |         |         | 5.590,70                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Bôn Biah B                                                                       |            | 93                              |      | 93   |         |         | 3.596,92                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Bôn Biah C                                                                       |            | 76                              | 16   | 60   |         |         | 2.932,30                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Bôn Ia Ptao                                                                      |            | 75                              | 22   | 53   |         |         | 2.736,80                     |                    | X                                               |                                                                         |
| 6           | Bôn Tơ Khế                                                                       |            | 159                             | 2    | 157  |         |         | 7.428,30                     |                    |                                                 | X                                                                       |
| <b>IX</b>   | <b>Xã Chư Răng</b>                                                               |            |                                 |      |      |         |         |                              |                    |                                                 |                                                                         |
| 1           | Thôn Bình Hòa                                                                    |            | 181                             | 173  | 1    |         | 7       | 618,50                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 2           | Thôn Bình Tây                                                                    |            | 158                             | 157  | 1    |         |         | 619,90                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 3           | Thôn Bình Trung                                                                  |            | 143                             | 143  |      |         |         | 614,74                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 4           | Thôn Vòong Boong 2                                                               |            | 134                             | 34   | 97   | 3       |         | 618,09                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 5           | Thôn Đoàn Kết                                                                    |            | 118                             | 118  |      |         |         | 600,13                       |                    |                                                 | X                                                                       |
| 6           | Thôn Vòong Boong 1                                                               |            | 175                             | 57   | 114  | 3       | 1       | 631,14                       |                    | X                                               |                                                                         |
| 7           | Plei Du                                                                          |            | 174                             | 23   | 146  | 4       | 1       | 753,95                       |                    |                                                 | X                                                                       |



**PHỤ LỤC SỐ 02**

**DANH SÁCH**

**THÔN, TỔ DÂN PHỐ KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN**

**QUY MÔ SỐ HỘ GIA ĐÌNH, CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN SÁP NHẬP VÀ LỘ TRÌNH SÁP NHẬP**

(Kèm theo Đề án sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2018 - 2021)

số thôn, tổ dân phố sáp nhập quý IV/2018 là 919 thôn, tổ dân phố (gồm: 693 thôn và 226 tổ dân phố)

số thôn, tổ dân phố sáp nhập quý II/2019 là 86 thôn, tổ dân phố (gồm: 65 thôn và 21 tổ dân phố)

số thôn, tổ dân phố sáp nhập quý IV/2019 là 85 thôn, tổ dân phố (gồm: 84 thôn và 01 tổ dân phố)

| Tên đơn vị hành chính   | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |               |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |              |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-------------------------|-------------------------------------------|---------------|-------------------------------|----------------------|--------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
|                         | Thôn                                      | Tổ dân phố    | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                       | 3                                         | 4             | 5                             | 6                    | 7            | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
| <b>THÀNH PHỐ PLEIKU</b> |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Phường Diên Hồng</b> |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                         |                                           | Tổ dân phố 1  | 104                           |                      | Tổ dân phố 1 | 300                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                         |                                           | Tổ dân phố 9  | 196                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                         |                                           | Tổ dân phố 2  | 92                            |                      | Tổ dân phố 2 | 368                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                         |                                           | Tổ dân phố 3  | 103                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                         |                                           | Tổ dân phố 4  | 99                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                         |                                           | Tổ dân phố 5  | 74                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                         |                                           | Tổ dân phố 6  | 162                           |                      | Tổ dân phố 3 | 405                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                         |                                           | Tổ dân phố 7  | 107                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                         |                                           | Tổ dân phố 8  | 136                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Phường Yên Đỗ</b>    |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                         |                                           | Tổ dân phố 1  | 248                           |                      | Tổ dân phố 1 | 372                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                         |                                           | Tổ dân phố 10 | 124                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |



| STT | Tên đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                        |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |              |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-----|-----------------------|-------------------------------------------|------------------------|-------------------------------|----------------------|--------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
|     |                       | Thôn                                      | Tổ dân phố             | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 1   | 2                     | 3                                         | 4                      | 5                             | 6                    | 7            | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
| 3   |                       |                                           | Tổ dân phố 3           | 273                           |                      | Tổ dân phố 3 | 512                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
| 4   |                       |                                           | Tổ dân phố 4           | 239                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| 5   |                       |                                           | Tổ dân phố 6           | 212                           |                      | Tổ dân phố 6 | 354                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
| 6   |                       |                                           | Tổ dân phố 7           | 142                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| III | Phường Hoa Lư         |                                           |                        |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| 1   |                       |                                           | Tổ dân phố 3           | 167                           |                      | Tổ dân phố 3 | 381                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
| 2   |                       |                                           | Tổ dân phố 10          | 214                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| 3   |                       |                                           | Tổ dân phố 5           | 152                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| 4   |                       |                                           | Tổ dân phố 6           | 176                           |                      | Tổ dân phố 5 | 513                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
| 5   |                       |                                           | Tổ dân phố 7           | 185                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| IV  | Phường Thống Nhất     |                                           |                        |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| 1   |                       |                                           | Tổ dân phố 1           | 224                           |                      | Tổ dân phố 1 | 514                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
| 2   |                       |                                           | Tổ dân phố 2           | 147                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| 3   |                       |                                           | Tổ dân phố 4           | 143                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| 4   |                       |                                           | Tổ dân phố 5           | 242                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| 5   |                       |                                           | Tổ dân phố 9           | 162                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| 6   |                       |                                           | Một phần tổ dân phố 8  | 2                             |                      | Tổ dân phố 5 | 429                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
| 7   |                       |                                           | Một phần tổ dân phố 11 | 23                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |



| Tên đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |               |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-----------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|----------------------|---------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
|                       | Thôn                                      | Tổ dân phố                 | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố    | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                     | 3                                         | 4                          | 5                             | 6                    | 7             | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|                       |                                           | Phần còn lại tổ dân phố 8  | 156                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       |                                           | Phần còn lại tổ dân phố 11 | 141                           |                      | Tổ dân phố 4  | 535                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 13              | 238                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 12              | 154                           |                      | Tổ dân phố 7  | 360                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 7               | 206                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 10              | 202                           |                      | Tổ dân phố 2  | 506                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 14              | 304                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Phường Yên Thế        |                                           |                            |                               |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 1               | 298                           |                      | Tổ dân phố 1  | 534                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 3               | 236                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 2               | 279                           |                      | Tổ dân phố 2  | 488                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 4               | 209                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 5               | 278                           |                      | Tổ dân phố 3  | 490                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 6               | 212                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 10              | 183                           |                      | Tổ dân phố 10 | 393                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 11              | 210                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 12              | 335                           |                      | Tổ dân phố 6  | 552                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 13              | 217                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 14              | 186                           |                      | Tổ dân phố 4  | 426                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 15              | 240                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |



| STT | Tên đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |               |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |              |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                    |
|-----|-----------------------|-------------------------------------------|---------------|-------------------------------|----------------------|--------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|
|     |                       | Thôn                                      | Tổ dân phố    | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn dân |
| 1   | 2                     | 3                                         | 4             | 5                             | 6                    | 7            | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                 |
| 13  |                       |                                           | Tổ dân phố 16 | 214                           |                      | Tổ dân phố 5 | 455                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                    |
| 14  |                       |                                           | Tổ dân phố 17 | 241                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| VI  | Phường Hội Phú        |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 1   |                       |                                           | Tổ dân phố 7  | 157                           |                      | Tổ dân phố 1 | 302                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                    |
| 2   |                       |                                           | Tổ dân phố 8  | 145                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 3   |                       |                                           | Tổ dân phố 9  | 258                           |                      | Tổ dân phố 2 | 485                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                    |
| 4   |                       |                                           | Tổ dân phố 10 | 227                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 5   |                       |                                           | Tổ dân phố 11 | 369                           |                      | Tổ dân phố 3 | 530                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                    |
| 6   |                       |                                           | Tổ dân phố 12 | 161                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| VII | Phường Phù Đồng       |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 1   |                       |                                           | Tổ dân phố 1  | 152                           |                      | Tổ dân phố 1 | 303                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                    |
| 2   |                       |                                           | Tổ dân phố 2  | 151                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 3   |                       |                                           | Tổ dân phố 3  | 130                           |                      | Tổ dân phố 2 | 391                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                    |
| 4   |                       |                                           | Tổ dân phố 4  | 127                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 5   |                       |                                           | Tổ dân phố 5  | 134                           |                      | Tổ dân phố 3 | 435                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                    |
| 6   |                       |                                           | Tổ dân phố 6  | 230                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 7   |                       |                                           | Tổ dân phố 8  | 205                           |                      | Tổ dân phố 4 | 384                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                    |
| 8   |                       |                                           | Tổ dân phố 7  | 187                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 9   |                       |                                           | Tổ dân phố 16 | 197                           |                      | Tổ dân phố 5 | 355                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                    |
| 10  |                       |                                           | Tổ dân phố 10 | 174                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 11  |                       |                                           | Tổ dân phố 11 | 181                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |



| Tên đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |               |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |              |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-----------------------|-------------------------------------------|---------------|-------------------------------|----------------------|--------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
|                       | Thôn                                      | Tổ dân phố    | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                     | 3                                         | 4             | 5                             | 6                    | 7            | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|                       |                                           | Tổ dân phố 12 | 204                           |                      | Tổ dân phố 6 | 378                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 13 | 174                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Phường Trà Bá         |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 8  | 140                           |                      | Tổ dân phố 8 | 307                           | Quý IV/2018         |                                           |                                      | X                                          |
|                       | Làng Ngó                                  |               | 167                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       |                                           |               | 430                           | Làng Ngó             |              | 430                           | Quý IV/2018         |                                           |                                      | X                                          |
| Phường Chi Lăng       |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 4  | 181                           |                      | Tổ dân phố 4 | 433                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 5  | 141                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 6  | 111                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Phường Thắng Lợi      |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 1  | 306                           |                      | Tổ dân phố 1 | 453                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 2  | 147                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 5  | 176                           |                      | Tổ dân phố 5 | 470                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 6  | 222                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 4  | 72                            |                      | Tổ dân phố 4 | 445                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                       |                                           |               | 445                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Phường Tây Sơn        |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 1  | 102                           |                      | Tổ dân phố 1 | 322                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 2  | 120                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       |                                           | Tổ dân phố 3  | 100                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |



| S<br>T<br>T | Tên đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |               |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |              |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                    |
|-------------|-----------------------|-------------------------------------------|---------------|-------------------------------|----------------------|--------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|
|             |                       | Thôn                                      | Tổ dân phố    | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn dân |
| 1           | 2                     | 3                                         | 4             | 5                             | 6                    | 7            | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                 |
| 4           |                       |                                           | Tổ dân phố 4  | 143                           |                      | Tổ dân phố 5 | 429                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                    |
| 5           |                       |                                           | Tổ dân phố 5  | 186                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 6           |                       |                                           | Tổ dân phố 16 | 100                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 7           |                       |                                           | Tổ dân phố 6  | 81                            |                      | Tổ dân phố 6 | 209                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                    |
| 8           |                       |                                           | Tổ dân phố 7  | 57                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 9           |                       |                                           | Tổ dân phố 8  | 71                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 10          |                       |                                           | Tổ dân phố 9  | 170                           |                      | Tổ dân phố 2 | 438                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                    |
| 11          |                       |                                           | Tổ dân phố 10 | 133                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 12          |                       |                                           | Tổ dân phố 11 | 135                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 13          |                       |                                           | Tổ dân phố 12 | 101                           |                      | Tổ dân phố 3 | 324                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                    |
| 14          |                       |                                           | Tổ dân phố 13 | 223                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 15          |                       |                                           | Tổ dân phố 14 | 149                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 16          |                       |                                           | Tổ dân phố 15 | 132                           |                      | Tổ dân phố 4 | 281                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                    |
| <b>XII</b>  | <b>Phường Đồng Đa</b> |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 1           |                       |                                           | Tổ dân phố 1  | 169                           |                      | Tổ dân phố 1 | 409                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                    |
| 2           |                       |                                           | Tổ dân phố 2  | 240                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 3           |                       |                                           | Tổ dân phố 3  | 287                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 4           |                       |                                           | Tổ dân phố 4  | 167                           |                      | Tổ dân phố 3 | 454                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                    |
| 5           |                       |                                           | Tổ dân phố 5  | 116                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
| 6           |                       |                                           | Tổ dân phố 7  | 215                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                    |
|             |                       |                                           | Tổ dân phố 4  |                               |                      | Tổ dân phố 4 | 331                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                    |



|   | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |               |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |              |                               |                     | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|---|-------------------------------------------|---------------|-------------------------------|----------------------|--------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
|   | Thôn                                      | Tổ dân phố    | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thời gian thực hiện | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2 | 3                                         | 4             | 5                             | 6                    | 7            | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|   |                                           | Tổ dân phố 6  | 167                           |                      | Tổ dân phố 2 | 335                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|   |                                           | Tổ dân phố 8  | 168                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|   | Phường Hội Thương                         |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|   |                                           | Tổ dân phố 1  | 156                           |                      | Tổ dân phố 1 | 334                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|   |                                           | Tổ dân phố 2  | 178                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|   |                                           | Tổ dân phố 3  | 156                           |                      | Tổ dân phố 2 | 453                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|   |                                           | Tổ dân phố 4  | 297                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|   |                                           | Tổ dân phố 5  | 161                           |                      | Tổ dân phố 3 | 408                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|   |                                           | Tổ dân phố 6  | 135                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|   |                                           | Tổ dân phố 7  | 112                           |                      | Tổ dân phố 4 | 235                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|   |                                           | Tổ dân phố 8  | 111                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|   |                                           | Tổ dân phố 9  | 124                           |                      | Tổ dân phố 5 | 344                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|   |                                           | Tổ dân phố 10 | 171                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|   |                                           | Tổ dân phố 11 | 173                           |                      | Tổ dân phố 6 | 320                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|   |                                           | Tổ dân phố 12 | 115                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|   |                                           | Tổ dân phố 13 | 103                           |                      | Tổ dân phố 7 | 356                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|   |                                           | Tổ dân phố 14 | 102                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|   |                                           | Tổ dân phố 15 | 113                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|   |                                           | Tổ dân phố 16 | 90                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|   |                                           | Tổ dân phố 17 | 153                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|   | Xã Chư Ắ                                  |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |





| S<br>T<br>T | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                 |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                       |
|-------------|-------------------------------------------|-----------------|------------|-------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|
|             | Tên đơn vị hành chính                     | Thôn            | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, dân p |
| 1           | 2                                         | 3               | 4          | 5                             | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                    |
| 1           |                                           | Thôn 1          |            | 148                           | Thôn 1               |            | 271                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                       |
| 2           |                                           | Thôn 2          |            | 123                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| 3           |                                           | Thôn 3          |            | 68                            | Thôn 2               |            | 139                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                       |
| 4           |                                           | Thôn 4          |            | 71                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| 5           |                                           | Làng Do         |            | 142                           | Làng Do-Guăh         |            | 263                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                       |
| 6           |                                           | Làng Guăh       |            | 121                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| 7           |                                           | Làng Ia Tung    |            | 77                            | Làng Bông Phun       |            | 252                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                       |
| 8           |                                           | Làng Bông Phun  |            | 175                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| XV          | Xã An Phú                                 |                 |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| 1           |                                           | Thôn 2          |            | 153                           | Thôn 2               |            | 488                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                       |
| 2           |                                           | Thôn 3          |            | 335                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| 3           |                                           | Thôn 5          |            | 311                           | Thôn 3               |            | 455                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                       |
| 4           |                                           | Thôn 8          |            | 144                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| 5           |                                           | Thôn 11         |            | 92                            | Thôn 4               |            | 267                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                       |
| 6           |                                           | Thôn 12         |            | 175                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| XVI         | Xã Tân Sơn                                |                 |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| 1           |                                           | Thôn Tiên Sơn 2 |            | 313                           | Thôn Tiên Sơn 2      |            | 403                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                       |
| 2           |                                           | Thôn Tiên Sơn 3 |            | 90                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| 3           |                                           | Làng Nhing      |            | 83                            | Làng Tiêng 2         |            | 161                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                       |
| 4           |                                           | Làng Tiêng 2    |            | 78                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| XVII        | Xã Biển Hồ                                |                 |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| 1           |                                           | Làng Phung 1    |            | 86                            | Làng Phung           |            | 206                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                       |
| 2           |                                           | Làng Phung 2    |            | 52                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| 3           |                                           | Làng Đal        |            | 68                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                       |



| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |           |              |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |              |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-------------------------------------------|-----------|--------------|-------------------------------|----------------------|--------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
| Tên đơn vị hành chính                     | Thôn      | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                                         | 3         | 4            | 5                             | 6                    | 7            | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|                                           | Làng Brel |              | 97                            | Làng Ianueng         |              | 214                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Sor  |              | 117                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>II Xã Diên Phú</b>                     |           |              |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 1    |              | 97                            | Thôn 1               |              | 287                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 2    |              | 74                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 6    |              | 116                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 4    |              | 121                           | Thôn 2               |              | 266                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           | Thôn 3    |              | 145                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |           |              | 84                            | Thôn 3               |              | 216                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           | Thôn 5    |              | 132                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>THỊ XÃ AN KHÊ</b>                      |           |              |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Phường An Bình</b>                     |           |              |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |           | Tổ dân phố 1 | 195                           |                      | Tổ dân phố 1 | 332                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |           | Tổ dân phố 2 | 137                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |           |              | 46                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |           | Tổ dân phố 3 | 245                           |                      | Tổ dân phố 2 | 409                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |           | Tổ dân phố 4 | 118                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |           |              | 131                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |           | Tổ dân phố 5 | 182                           |                      | Tổ dân phố 3 | 313                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |           | Tổ dân phố 7 | 160                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |           |              | 203                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |           | Tổ dân phố 6 | 23                            |                      | Tổ dân phố 4 | 363                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |           |              | 203                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |           | Tổ dân phố 9 | 286                           |                      | Tổ dân phố 6 | 309                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |           |              | 23                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |



| S<br>T<br>T | Tên đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                       |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |              |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                       |
|-------------|-----------------------|-------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|----------------------|--------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|
|             |                       | Thôn                                      | Tổ dân phố            | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, dân p |
| 1           | 2                     | 3                                         | 4                     | 5                             | 6                    | 7            | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                    |
| <b>II</b>   | <b>Phường Tây Sơn</b> |                                           |                       |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| 1           |                       |                                           | Tổ dân phố 1          | 100                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| 2           |                       |                                           | Tổ dân phố 2          | 199                           |                      | Tổ dân phố 1 | 392                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                       |
| 3           |                       |                                           | Tổ dân phố 3          | 93                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| 4           |                       |                                           | Tổ dân phố 4          | 144                           |                      | Tổ dân phố 2 | 301                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                       |
| 5           |                       |                                           | Tổ dân phố 5          | 157                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| 6           |                       |                                           | Tổ dân phố 9          | 187                           |                      | Tổ dân phố 5 | 349                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                       |
| 7           |                       |                                           | Tổ dân phố 10         | 162                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| 8           |                       |                                           | Tổ dân phố 11         | 183                           |                      | Tổ dân phố 6 | 493                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                       |
| 9           |                       |                                           | Tổ dân phố 12         | 310                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| 10          |                       |                                           | Tổ dân phố 13         | 151                           |                      | Tổ dân phố 7 | 347                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                       |
| 11          |                       |                                           | Tổ dân phố 14         | 196                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| 12          |                       |                                           | Tổ dân phố 6          | 200                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                       |
| 13          |                       |                                           | Một phần tổ dân phố 7 | 116                           |                      | Tổ dân phố 3 | 338                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                       |
| 14          |                       |                                           | Một phần tổ dân phố 8 | 22                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                       |



|               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                           |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |               |                               |                     | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|---------------|-------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|----------------------|---------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
|               | Thôn                                      | Tổ dân phố                | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố    | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thời gian thực hiện | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2             | 3                                         | 4                         | 5                             | 6                    | 7             | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|               |                                           | Phần còn lại tổ dân phố 7 | 49                            |                      | Tổ dân phố 4  | 301                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|               |                                           | Phần còn lại tổ dân phố 8 | 252                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Phường An Phú |                                           |                           |                               |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|               |                                           | Tổ dân phố 2              | 217                           |                      | Tổ dân phố 2  | 273                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|               |                                           | Tổ dân phố 4              | 56                            |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|               |                                           |                           | 135                           |                      | Tổ dân phố 3  | 315                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|               |                                           | Tổ dân phố 3              | 180                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|               |                                           | Tổ dân phố 5              | 219                           |                      | Tổ dân phố 5  | 259                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|               |                                           | Tổ dân phố 12             | 40                            |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|               |                                           |                           | 110                           |                      | Tổ dân phố 6  | 298                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|               |                                           | Tổ dân phố 6              | 188                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|               |                                           | Tổ dân phố 8              | 218                           |                      | Tổ dân phố 8  | 288                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|               |                                           |                           | 70                            |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|               |                                           | Tổ dân phố 10             | 147                           |                      | Tổ dân phố 9  | 347                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|               |                                           | Tổ dân phố 9              | 200                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|               |                                           | Tổ dân phố 13             | 202                           |                      | Tổ dân phố 13 | 284                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|               |                                           |                           | 82                            |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|               |                                           | Tổ dân phố 16             | 82                            |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|               |                                           |                           | 82                            |                      | Tổ dân phố 15 | 272                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|               |                                           | Tổ dân phố 15             | 190                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |



| S<br>T<br>T | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |      |              |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |              |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                   |
|-------------|-------------------------------------------|------|--------------|-------------------------------|----------------------|--------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------|
|             | Tên đơn vị hành chính                     | Thôn | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chỉ sáp nhập không giảm thôn, dân |
| 1           | 2                                         | 3    | 4            | 5                             | 6                    | 7            | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                |
| IV          | Phường An Phước                           |      |              |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                   |
| 1           |                                           |      | Tổ dân phố 3 | 202                           |                      | Tổ dân phố 3 | 327                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                   |
| 2           |                                           |      | Tổ dân phố 4 | 125                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                   |
| V           | Phường An Tân                             |      |              |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                   |
| 1           |                                           |      | Tổ dân phố 1 | 102                           |                      | Tổ dân phố 1 | 341                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                   |
| 2           |                                           |      | Tổ dân phố 2 | 164                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                   |
| 3           |                                           |      | Tổ dân phố 5 | 75                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                   |
|             |                                           |      |              | 74                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                   |
| 4           |                                           |      | Tổ dân phố 7 | 160                           |                      | Tổ dân phố 2 | 307                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                   |
| 5           |                                           |      | Tổ dân phố 6 | 73                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                   |
|             |                                           |      |              | 2                             |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                   |
| 6           |                                           |      | Tổ dân phố 3 | 194                           |                      | Tổ dân phố 3 | 322                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                   |
| 7           |                                           |      | Tổ dân phố 4 | 126                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                   |
| VI          | Phường Ngô Mây                            |      |              |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                   |
| 1           |                                           |      | Tổ dân phố 4 | 158                           |                      | Tổ dân phố 3 | 320                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                   |
| 2           |                                           |      | Tổ dân phố 5 | 162                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                   |
| 3           |                                           |      | Tổ dân phố 6 | 145                           |                      | Tổ dân phố 4 | 307                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                   |
| 4           |                                           |      | Tổ dân phố 7 | 162                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                   |
| 5           |                                           |      | Tổ dân phố 1 | 214                           |                      | Tổ dân phố 1 | 326                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                   |
| 6           |                                           |      | Tổ dân phố 2 | 112                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                   |
|             |                                           |      |              | 144                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                   |
| 7           |                                           |      | Tổ dân phố 3 | 167                           |                      | Tổ dân phố 2 | 311                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                   |





| S<br>T<br>T | Tên đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |              |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |              |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                  |
|-------------|-----------------------|-------------------------------------------|--------------|-------------------------------|----------------------|--------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------|
|             |                       | Thôn                                      | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chỉ sáp nhập không giảm thôn dân |
| I           | 2                     | 3                                         | 4            | 5                             | 6                    | 7            | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                               |
| 1           |                       | Thôn Đức Lập                              |              | 62                            | Thôn Đức Lập         |              | 212                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                  |
| 2           |                       | Thôn Tân Lập                              |              | 150                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                  |
| II          | Phường Hòa Bình       |                                           |              |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                  |
| 1           |                       |                                           | Tổ dân phố 1 | 138                           |                      | Tổ dân phố 1 | 278                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                  |
| 2           |                       |                                           | Tổ dân phố 2 | 140                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                  |
| 3           |                       |                                           | Tổ dân phố 3 | 141                           |                      | Tổ dân phố 2 | 216                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                  |
| 4           |                       |                                           | Tổ dân phố 4 | 75                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                  |
| III         | Phường Sông Bờ        |                                           |              |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                  |
| 1           |                       |                                           | Tổ dân phố 1 | 96                            |                      | Tổ dân phố 1 | 211                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                  |
| 2           |                       |                                           | Tổ dân phố 2 | 115                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                  |
| 3           |                       |                                           | Tổ dân phố 3 | 128                           |                      | Tổ dân phố 2 | 254                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                  |
| 4           |                       |                                           | Tổ dân phố 4 | 126                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                  |
| 5           |                       |                                           | Tổ dân phố 5 | 131                           |                      | Tổ dân phố 3 | 288                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                  |
| 6           |                       |                                           | Tổ dân phố 6 | 157                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                  |
| D           | HUYỆN KBANG           |                                           |              |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                  |
| I           | Thị trấn Kbang        |                                           |              |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                  |
| 1           |                       |                                           | Tổ dân phố 1 | 192                           |                      | Tổ dân phố 1 | 194                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                  |
| 2           |                       |                                           | Tổ dân phố 8 | 2                             |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                  |
|             |                       |                                           |              | 132                           |                      | Tổ dân phố 4 | 235                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                  |
| 3           |                       |                                           | Tổ dân phố 7 | 103                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                  |





| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |            |                               |     | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |               |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-------------------------------------------|------------|-------------------------------|-----|----------------------|---------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
| Thôn                                      | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |     | Thôn                 | Tổ dân phố    | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                                         | 3          | 4                             | 5   | 6                    | 7             | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|                                           |            | Tổ dân phố 2                  | 384 |                      | Tổ dân phố 2  | 384                           | Quý IV/2018         |                                           |                                      | X                                          |
|                                           |            |                               | 67  |                      | Tổ dân phố 6  | 310                           | Quý IV/2018         |                                           |                                      | X                                          |
|                                           |            | Tổ dân phố 6                  | 243 |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 3                  | 172 |                      | Tổ dân phố 3  | 278                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 4                  | 106 |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 5                  | 190 |                      | Tổ dân phố 5  | 352                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 12                 | 162 |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 15                 | 179 |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 16                 | 181 |                      | Tổ dân phố 10 | 361                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 9                  | 1   |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |            |                               | 198 |                      | Tổ dân phố 7  | 413                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 10                 | 215 |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 11                 | 109 |                      | Tổ dân phố 8  | 235                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 13                 | 126 |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 14                 | 148 |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 17                 | 147 |                      | Tổ dân phố 9  | 381                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 19                 | 86  |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |            |                               | 90  |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 20                 | 190 |                      | Tổ dân phố 12 | 303                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |            |                               | 23  |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 18                 | 258 |                      | Tổ dân phố 11 | 258                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |            |                               |     |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |            |                               |     |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                            |

ã Sơn Lang

| S<br>T<br>T | Đơn vị<br>hành<br>chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |            |                                           | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                                           | Thời gian<br>thực hiện | Hình thức chia, sáp<br>thôn, tổ dân p |                                                        |  |
|-------------|-------------------------|-------------------------------------------|------------|-------------------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|
|             |                         | Thôn                                      | Tổ dân phố | Tổng số<br>hộ gia<br>đình<br>(ĐVT:<br>hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số<br>hộ gia<br>đình<br>(ĐVT:<br>hộ) |                        | Sáp<br>nhập<br>nguyên<br>trạng        | Chia,<br>sáp<br>nhập<br>giảm<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố |  |
| 1           | 2                       | 3                                         | 4          | 5                                         | 6                    | 7          | 8                                         | 9                      | 10                                    | 11                                                     |  |
| 1           |                         | Thôn 2                                    |            | 94                                        | Thôn Hợp Thành       |            | 229                                       | Quý IV/2018            | X                                     |                                                        |  |
| 2           |                         | Thôn 3                                    |            | 135                                       |                      |            |                                           |                        |                                       |                                                        |  |
| 3           |                         | Thôn 4                                    |            | 60                                        | Thôn Trạm Lập        |            | 117                                       | Quý IV/2018            | X                                     |                                                        |  |
| 4           |                         | Thôn Trạm Lập                             |            | 57                                        |                      |            |                                           |                        |                                       |                                                        |  |
| III         | Xã Đông                 |                                           |            |                                           |                      |            |                                           |                        |                                       |                                                        |  |
| 1           |                         | Thôn 1                                    |            | 144                                       | Thôn 1               |            | 226                                       | Quý IV/2018            | X                                     |                                                        |  |
| 2           |                         | Thôn 6                                    |            | 82                                        |                      |            |                                           |                        |                                       |                                                        |  |
| 3           |                         | Thôn 4                                    |            | 80                                        | Thôn 2               |            | 249                                       | Quý IV/2018            |                                       | X                                                      |  |
| 4           |                         | Thôn 5                                    |            | 121                                       |                      |            |                                           |                        |                                       |                                                        |  |
| 5           |                         | Thôn 2                                    |            | 48                                        | Thôn 3               |            | 276                                       | Quý IV/2018            |                                       | X                                                      |  |
|             |                         |                                           |            | 43                                        |                      |            |                                           |                        |                                       |                                                        |  |
| 6           |                         | Thôn 3                                    |            | 233                                       | Thôn 4               |            | 236                                       | Quý IV/2018            |                                       | X                                                      |  |
| 7           |                         | Thôn 7                                    |            | 160                                       |                      |            |                                           |                        |                                       |                                                        |  |
| 8           |                         | Thôn 9                                    |            | 76                                        | Thôn 5               |            | 206                                       | Quý IV/2018            |                                       | X                                                      |  |
|             |                         |                                           |            | 16                                        |                      |            |                                           |                        |                                       |                                                        |  |
| 9           |                         | Thôn 8                                    |            | 190                                       | Thôn 6               |            | 223                                       | Quý IV/2018            | X                                     |                                                        |  |
| 10          |                         | Thôn 10                                   |            | 127                                       |                      |            |                                           |                        |                                       |                                                        |  |
| 11          |                         | Làng Broch                                |            | 96                                        |                      |            |                                           |                        |                                       |                                                        |  |
| IV          | Xã Nghĩa An             |                                           |            |                                           |                      |            |                                           |                        |                                       |                                                        |  |
| 1           |                         | Thôn 1                                    |            | 137                                       | Thôn 1               |            | 356                                       | Quý IV/2018            | X                                     |                                                        |  |
| 2           |                         | Thôn 2                                    |            | 219                                       |                      |            |                                           |                        |                                       |                                                        |  |





| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                  |                               |     | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-------------------------------------------|------------------|-------------------------------|-----|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
| Thôn                                      | Tổ dân phố       | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |     | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                                         | 3                | 4                             | 5   | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|                                           | Thôn 3           |                               | 161 | Thôn 2               |            | 293                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 4           |                               | 132 |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 5           |                               | 110 | Thôn 3               |            | 182                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Kuao        |                               | 72  |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Xã Sơ Pài</b>                          |                  |                               |     |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Kung        |                               | 39  | Thôn 5               |            | 124                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 5           |                               | 85  |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 1           |                               | 229 | Thôn 1               |            | 229                           | Quý IV/2018         |                                           |                                      | X                                          |
|                                           |                  |                               | 92  | Thôn 3               |            | 246                           | Quý IV/2018         |                                           |                                      | X                                          |
|                                           | Thôn 3           |                               | 154 |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Xã Đak Rong</b>                        |                  |                               |     |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Kon Lanh 1  |                               | 109 | Làng Kon Lanh        |            | 172                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Kon Lanh 2  |                               | 63  |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Kon Trang 1 |                               | 31  | Làng Kon Trang       |            | 87                            | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Kon Trang 2 |                               | 56  |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Kon Bông 1  |                               | 65  | Làng Kon Bông        |            | 126                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Kon Bông 2  |                               | 61  |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Đak Trum    |                               | 91  | Làng Hà Đưng 1       |            | 183                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Đak Hro     |                               | 92  |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Xã Krong</b>                           |                  |                               |     |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Tơ Leng     |                               | 46  | Làng Hro             |            | 106                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Hro         |                               | 60  |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |

| S<br>T<br>T | Tên đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                      |
|-------------|-----------------------|-------------------------------------------|------------|-------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
|             |                       | Thôn                                      | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố |
| 1           | 2                     | 3                                         | 4          | 5                             | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                   |
| 3           |                       | Làng Yueng                                |            | 44                            | Làng Sing            |            | 140                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 4           |                       | Làng Đăk Trâu                             |            | 27                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 5           |                       | Làng Sing                                 |            | 69                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 6           |                       | Làng Cheng                                |            | 35                            | Làng Vir             |            | 89                            | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 7           |                       | Làng Vir                                  |            | 54                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 8           |                       | Làng Kta                                  |            | 71                            | Làng Solam           |            | 133                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 9           |                       | Làng Klah                                 |            | 22                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 10          |                       | Làng La Hách                              |            | 40                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 11          |                       | Làng Dắt Đỏ                               |            | 66                            | Làng Đăk Bok         |            | 211                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 12          |                       | Làng Đăk Bok                              |            | 71                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 13          |                       | Làng Đăk Chcâu                            |            | 74                            | Làng Tăng Lãng       |            | 150                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 14          |                       | Làng Tăng Lãng                            |            | 61                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 15          |                       | Làng Pơdrang                              |            | 89                            | Làng Tung Gút        |            | 154                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 16          |                       | Làng Tung                                 |            | 69                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 17          |                       | Làng Gút                                  |            | 85                            | Làng Klur            |            | 70                            | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 18          |                       | Làng Lur                                  |            | 28                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 19          |                       | Làng Klur                                 |            | 42                            | Làng Klếch           |            | 148                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 20          |                       | Làng Tăng                                 |            | 52                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 21          |                       | Làng Klếch                                |            | 49                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 22          |                       | Làng Ađrong                               |            | 47                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| VIII        | Xã Lơ Ku              |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 1           |                       | Thôn 1                                    |            | 165                           | Thôn 1               |            | 190                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 2           |                       | Làng Drang                                |            | 25                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |





| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                 |                               |                   | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |                               |                       | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                            |    |
|-------------------------------------------|-----------------|-------------------------------|-------------------|----------------------|-------------------------------|-----------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------|----|
| Thôn                                      | Tổ dân phố      | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn              | Tổ dân phố           | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Sáp nhập nguyên trạng |                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố      | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |    |
| 2                                         | 3               | 4                             | 5                 | 6                    | 7                             | 8                     | 9                   | 10                                        | 11                                         | 12 |
|                                           | Làng Kbang      | 43                            | Làng Đăk Kjong    |                      | 73                            | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Krối       | 30                            |                   |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Tơ Pong    | 31                            | Làng Lơ Vi        |                      | 50                            | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Tơ Tung    | 19                            |                   |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
| Xã Tơ Tung                                |                 |                               |                   |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Tung       | 44                            | Làng Kuk Tung     |                      | 90                            | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Kuk        | 46                            |                   |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Đồng Tâm   | 107                           | Làng Đồng Tâm     |                      | 207                           | Quý IV/2018           |                     | X                                         |                                            |    |
|                                           | Thôn 1          | 68                            |                   |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Leng       | 32                            | Làng Leng         |                      | 77                            | Quý IV/2018           |                     | X                                         |                                            |    |
|                                           |                 | 77                            |                   |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Cao Lạng   | 89                            | Làng Trường Sơn   |                      | 173                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Thái Sơn   | 84                            |                   |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Cao Sơn    | 72                            | Làng Cao Sơn      |                      | 129                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Suối Lơ    | 57                            |                   |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Đê Bar     | 76                            | Làng Đak Pokao    |                      | 152                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Toòng Tung | 76                            |                   |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Dăm        | 106                           | Làng Dăm Khong    |                      | 213                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Long Khong | 107                           |                   |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
| Xã Kông Long Khong                        |                 |                               |                   |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Bờ         | 70                            | Làng Bờ - Chư Pâu |                      | 142                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Chư Pâu    | 72                            |                   |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |

| S<br>T<br>T | Tên đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI  |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |   |
|-------------|-----------------------|-------------------------------------------|------------|-------------------------------|-----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|---|
|             |                       | Thôn                                      | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                  | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | C |
| 1           | 2                     | 3                                         | 4          | 5                             | 6                     | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   |   |
| 3           |                       | Làng Ôr                                   |            | 65                            | Làng Mohven - Ôr      |            | 127                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 4           |                       | Làng Mohven                               |            | 62                            |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 5           |                       | Làng Mohra                                |            | 112                           | Làng Mohra - Làng Đáp |            | 190                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |   |
| 6           |                       | Làng Đáp                                  |            | 78                            |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| <b>XI</b>   | <b>Xã Đăk Hlơ</b>     |                                           |            |                               |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1           |                       | Thôn 1                                    |            | 142                           | Thôn 1                |            | 189                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2           |                       | Thôn 6                                    |            | 47                            |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 3           |                       | Thôn 2                                    |            | 130                           | Thôn 2                |            | 271                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 4           |                       | Thôn 3                                    |            | 141                           |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 5           |                       | Thôn 4                                    |            | 109                           | Thôn 3                |            | 251                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 6           |                       | Thôn 5                                    |            | 142                           |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| <b>XII</b>  | <b>Xã Kông Bờ La</b>  |                                           |            |                               |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1           |                       | Thôn Kơ Xum                               |            | 88                            | Thôn 1                |            | 160                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2           |                       | Thôn Jlaơ                                 |            | 72                            |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 3           |                       | Thôn Tuchrăn                              |            | 127                           | Thôn 2                |            | 171                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 4           |                       | Thôn Mê Día                               |            | 44                            |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 5           |                       | Làng Nua                                  |            | 43                            | Thôn 3                |            | 141                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 6           |                       | Làng Groi                                 |            | 98                            |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 7           |                       | Làng Muôn                                 |            | 65                            | Thôn 4                |            | 138                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 8           |                       | Làng Klôm                                 |            | 73                            |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| <b>XIII</b> | <b>Xã Đak Smar</b>    |                                           |            |                               |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1           |                       | Làng Cam                                  |            | 62                            | Thôn 1                |            | 106                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2           |                       | Làng Đak Kmung                            |            | 44                            |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |   |





|  | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |               |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |              |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------|-------------------------------|----------------------|--------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
|                                                                                 | Thôn                                      | Tổ dân phố    | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                                                                               | 3                                         | 4             | 5                             | 6                    | 7            | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|                                                                                 | Thôn 2                                    |               | 55                            | Thôn 2               |              | 62                            | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                                                                 | Thôn 3                                    |               | 7                             |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| HUYỆN CHƯ SÊ                                                                    |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Thị trấn Chư Sê                                                                 |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                                                                 |                                           | Tổ dân phố 5  | 254                           |                      | Tổ dân phố 5 | 471                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                                                                 |                                           | Tổ dân phố 13 | 217                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                                                                 |                                           | Tổ dân phố 6  | 211                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                                                                 |                                           | Tổ dân phố 11 | 194                           |                      | Tổ dân phố 6 | 405                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                                                                 |                                           | Tổ dân phố 14 | 336                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                                                                 | Làng Kê                                   |               | 146                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                                                                 | Làng Glan                                 |               | 64                            | Làng Ngo Ser - Glan  |              | 179                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                                                                 | Làng Ngo Ser                              |               | 115                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                                                                 | Làng Dun Bêu                              |               | 124                           | Thôn Dun Bêu         |              | 353                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                                                                 | Thôn Tân Lập                              |               | 229                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                                                                 | Thôn Thanh Bình                           |               | 238                           | Thôn Tốt Bióch       |              | 406                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                                                                 | Làng Tốt Bióch                            |               | 168                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Xã Ia Tiêm                                                                      |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                                                                 | Làng Bông                                 |               | 110                           | Làng Bông            |              | 206                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                                                                 | Thôn Thống nhất                           |               | 96                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                                                                 | Làng Ka                                   |               | 84                            | Làng Ka              |              | 174                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                                                                 | Làng Nái                                  |               | 90                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |

| S<br>T<br>T | Tên đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp thôn, tổ dân phố |                                      |  |
|-------------|-----------------------|-------------------------------------------|------------|-------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--|
|             |                       | Thôn                                      | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố |  |
| 1           | 2                     | 3                                         | 4          | 5                             | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                   | 11                                   |  |
| 5           |                       | Làng Keng                                 |            | 96                            | Làng Klú             |            | 211                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 6           |                       | Làng Klú                                  |            | 115                           |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| III         | Xã Dun                |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 1           |                       | Thôn Bình Minh                            |            | 83                            | Làng Queng Mếp       |            | 279                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 2           |                       | Làng Queng Mếp                            |            | 196                           |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 3           |                       | Làng Pan                                  |            | 143                           | Làng Pan             |            | 225                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 4           |                       | Làng Ia Long                              |            | 82                            |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| IV          | Xã Bờ Ngoong          |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 1           |                       | Làng Pa Pét 1                             |            | 51                            | Làng Pa Pét          |            | 187                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 2           |                       | Làng Pa Pét 2                             |            | 136                           |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 3           |                       | Làng Púih                                 |            | 137                           | Làng Púih Jri        |            | 229                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 4           |                       | Làng Jri                                  |            | 92                            |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| V           | Xã Hbông              |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 1           |                       | Làng Ring 1                               |            | 220                           | Làng Ring            |            | 367                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 2           |                       | Làng Ring 2                               |            | 147                           |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 3           |                       | Làng Kte 1                                |            | 136                           | Làng Kte             |            | 274                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 4           |                       | Làng Kte 2                                |            | 138                           |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 5           |                       | Làng Dek                                  |            | 160                           | Làng Dek             |            | 248                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 6           |                       | Làng Diâm                                 |            | 88                            |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 7           |                       | Làng Kueng XN                             |            | 238                           | Làng Kueng XN        |            | 305                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 8           |                       | Làng Kte 3                                |            | 67                            |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |



| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                  |                               |                     | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |                               |                       | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                            |    |
|-------------------------------------------|------------------|-------------------------------|---------------------|----------------------|-------------------------------|-----------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------|----|
| Thôn                                      | Tổ dân phố       | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                | Tổ dân phố           | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Sáp nhập nguyên trạng |                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố      | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |    |
| 2                                         | 3                | 4                             | 5                   | 6                    | 7                             | 8                     | 9                   | 10                                        | 11                                         | 12 |
|                                           | Thôn Ia Sa       | 192                           | Thôn Ia Sa          |                      | 282                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Ia Sô       | 90                            |                     |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
| Xã Ia Hlốp                                |                  |                               |                     |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Tel Yô      | 93                            | Làng Tel            |                      | 129                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Tel Ngô     | 36                            |                     |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Plong 1     | 107                           | Làng Plong          |                      | 242                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Plong 2     | 135                           |                     |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn 4           | 165                           | Thôn 4              |                      | 279                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn 5           | 114                           |                     |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
| Xã Bar Măih                               |                  |                               |                     |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Phăm Ó 1    | 161                           | Làng Phăm Ó         |                      | 268                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Phăm Ó 2    | 107                           |                     |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Phăm Kleo   | 103                           | Làng Phăm Kleo Ngol |                      | 202                           | Quý IV/2018           |                     | X                                         |                                            |    |
|                                           | Làng Phăm Ngol 1 | 62                            |                     |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Phăm Klăh 1 | 37                            | Làng Phăm Klăh      |                      | 274                           | Quý IV/2018           |                     | X                                         |                                            |    |
|                                           | Làng Phăm Klăh 2 | 183                           |                     |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Tơ Drăh 1   | 91                            | Làng Tơ Drăh        |                      | 296                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Tơ Drăh 2   | 174                           |                     |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Ia Kpô      | 122                           | Làng Phăm Ngol      |                      | 248                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Thoong Tăng | 144                           |                     |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           |                  | 104                           |                     |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
| Xã Ia Pal                                 |                  |                               |                     |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn 1           | 307                           | Thôn Phú Cường      |                      | 455                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn 2           | 148                           |                     |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |

| S<br>T<br>T | Tên<br>đơn vị<br>hành<br>chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |            |                                           | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                                           | Thời gian<br>thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập<br>thôn, tổ dân phố |                                                        |                                           |
|-------------|--------------------------------|-------------------------------------------|------------|-------------------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
|             |                                | Thôn                                      | Tổ dân phố | Tổng số<br>hộ gia<br>đình<br>(ĐVT:<br>hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số<br>hộ gia<br>đình<br>(ĐVT:<br>hộ) |                        | Sáp<br>nhập<br>nguyên<br>trạng               | Chia,<br>sáp<br>nhập<br>giảm<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | Ch<br>sá<br>nh<br>kh<br>gi<br>thôn<br>dân |
| 1           | 2                              | 3                                         | 4          | 5                                         | 6                    | 7          | 8                                         | 9                      | 10                                           | 11                                                     | 12                                        |
| 3           |                                | Thôn 3                                    |            | 152                                       | Thôn Đoàn Kết        |            | 302                                       | Quý IV/2018            | X                                            |                                                        |                                           |
| 4           |                                | Thôn 4                                    |            | 150                                       |                      |            |                                           |                        |                                              |                                                        |                                           |
| 5           |                                | Làng Tào Kúk                              |            | 122                                       | Làng Tào Ròng        |            | 363                                       | Quý IV/2018            | X                                            |                                                        |                                           |
| 6           |                                | Làng Tào Ròng                             |            | 241                                       |                      |            |                                           |                        |                                              |                                                        |                                           |
| 7           |                                | Làng Kueng O                              |            | 57                                        | Làng Ia Pét          |            | 163                                       | Quý IV/2018            | X                                            |                                                        |                                           |
| 8           |                                | Làng Kueng Thoa                           |            | 106                                       |                      |            |                                           |                        |                                              |                                                        |                                           |
| IX          | Xã Al Bá                       |                                           |            |                                           |                      |            |                                           |                        |                                              |                                                        |                                           |
| 1           |                                | Làng Klah Nhân                            |            | 114                                       | Làng Klah            |            | 201                                       | Quý IV/2018            | X                                            |                                                        |                                           |
| 2           |                                | Làng Klah Bui                             |            | 87                                        |                      |            |                                           |                        |                                              |                                                        |                                           |
| 3           |                                | Làng Nút Riêng 1                          |            | 94                                        | Làng BLút<br>Griêng  |            | 193                                       | Quý IV/2018            | X                                            |                                                        |                                           |
| 4           |                                | Làng Nút Riêng 2                          |            | 99                                        |                      |            |                                           |                        |                                              |                                                        |                                           |
| 5           |                                | Làng Păng Roh                             |            | 132                                       | Làng Ia H'bông       |            | 254                                       | Quý IV/2018            | X                                            |                                                        |                                           |
| 6           |                                | Làng Pă Boong                             |            | 122                                       |                      |            |                                           |                        |                                              |                                                        |                                           |
| 7           |                                | Làng Roh Lớn                              |            | 124                                       | Làng Blút Róh        |            | 232                                       | Quý IV/2018            | X                                            |                                                        |                                           |
| 8           |                                | Làng Roh Nhỏ                              |            | 108                                       |                      |            |                                           |                        |                                              |                                                        |                                           |
| X           | Xã Ia Glai                     |                                           |            |                                           |                      |            |                                           |                        |                                              |                                                        |                                           |
| 1           |                                | Làng Tok                                  |            | 63                                        | Làng Yon Tok         |            | 285                                       | Quý IV/2018            | X                                            |                                                        |                                           |
| 2           |                                | Làng Yon                                  |            | 222                                       |                      |            |                                           |                        |                                              |                                                        |                                           |
| XI          | Xã Ia Blang                    |                                           |            |                                           |                      |            |                                           |                        |                                              |                                                        |                                           |
| 1           |                                | Thôn 3                                    |            | 217                                       | Thôn 3               |            | 382                                       | Quý IV/2019            | X                                            |                                                        |                                           |
| 2           |                                | Thôn 4                                    |            | 165                                       |                      |            |                                           |                        |                                              |                                                        |                                           |
| 3           |                                | Thôn Phú Hòa                              |            | 110                                       | Thôn Phú Hà          |            | 312                                       | Quý IV/2019            | X                                            |                                                        |                                           |
| 4           |                                | Thôn Vinh Hà                              |            | 202                                       |                      |            |                                           |                        |                                              |                                                        |                                           |





| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                |                               |                | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-------------------------------------------|----------------|-------------------------------|----------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
| Thôn                                      | Tổ dân phố     | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                                         | 3              | 4                             | 5              | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|                                           | Làng Mung      | 50                            | Làng Mung HLú  |                      |            | 103                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng HLú       | 53                            |                |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 7         | 140                           |                |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Tok       | 104                           | Làng Tok Roh   |                      |            | 324                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Roh       | 80                            |                |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Bình Hưng | 96                            | Làng Blo Hưng  |                      |            | 153                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Blo       | 57                            |                |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Xã Chư Pông                               |                |                               |                |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Hố Bi     | 161                           | Làng Grai Mek  |                      |            | 224                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Hố Bua    | 63                            |                |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Hố Lao    | 69                            | Làng Ia Bâu    |                      |            | 147                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Tốt Tầu   | 78                            |                |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Xã Ayun                                   |                |                               |                |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Trung     | 34                            | Làng Keo       |                      |            | 157                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Keo       | 57                            |                |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Kpáih     | 66                            |                |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Păleng    | 37                            | Làng Achông    |                      |            | 78                            | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Achông    | 41                            |                |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Vong      | 41                            | Làng Vong Chép |                      |            | 120                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Achép     | 79                            |                |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Tung Ke 1 | 52                            | Làng Tung Ke   |                      |            | 143                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Tung Ke 2 | 91                            |                |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |

| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                      |                   |   |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sắp n thôn, tổ dân phố |                                      |    |
|-------------------------------------------|----------------------|-------------------|---|-------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|----------------------------------------|--------------------------------------|----|
| 1                                         | 2                    | 3                 | 4 | 5                             | 6                    | 7          | 8                             |                     | Sáp nhập nguyên trạng                  | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Ch |
|                                           |                      |                   |   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     |                                        |                                      |    |
| 10                                        |                      | Làng HVăk 1       |   | 48                            | Làng HVăk            |            | 85                            | Quý IV/2018         | X                                      |                                      |    |
| 11                                        |                      | Làng HVăk 2       |   | 37                            |                      |            |                               |                     |                                        |                                      |    |
| 12                                        |                      | Làng Rung Rang 1  |   | 71                            | Làng Amil            |            | 223                           | Quý IV/2018         | X                                      |                                      |    |
| 13                                        |                      | Làng Rung Rang 2  |   | 47                            |                      |            |                               |                     |                                        |                                      |    |
| 14                                        |                      | Làng Dâm          |   | 105                           |                      |            |                               |                     |                                        |                                      |    |
| <b>XIV</b>                                | <b>Xã Kông HTok</b>  |                   |   |                               |                      |            |                               |                     |                                        |                                      |    |
| 1                                         |                      | Làng Chư Ruồi     |   | 168                           | Làng Chư Ruồi        |            | 235                           | Quý IV/2018         | X                                      |                                      |    |
| 2                                         |                      | Làng Sul          |   | 67                            | Sul                  |            |                               |                     |                                        |                                      |    |
| 3                                         |                      | Làng Dơ Mỏ        |   | 115                           | Làng Ser Dơ Mỏ       |            | 239                           | Quý IV/2018         | X                                      |                                      |    |
| 4                                         |                      | Làng Ser          |   | 124                           |                      |            |                               |                     |                                        |                                      |    |
| 5                                         |                      | Làng Ó            |   | 108                           | Làng Dơ Nông Ó       |            | 227                           | Quý IV/2018         | X                                      |                                      |    |
| 6                                         |                      | Làng Dơ Nông      |   | 119                           |                      |            |                               |                     |                                        |                                      |    |
| 7                                         |                      | Làng Ia Choan     |   | 118                           | Làng Ia Choan        |            | 220                           | Quý IV/2018         | X                                      |                                      |    |
| 8                                         |                      | Làng Ia Luh       |   | 102                           | Luh                  |            |                               |                     |                                        |                                      |    |
| 9                                         |                      | Làng U            |   | 121                           | Làng U Diếp          |            | 231                           | Quý IV/2018         | X                                      |                                      |    |
| 10                                        |                      | Làng Diếp         |   | 110                           |                      |            |                               |                     |                                        |                                      |    |
| 11                                        |                      | Làng Kjai         |   | 78                            | Làng Kjai Tăng       |            | 116                           | Quý IV/2018         | X                                      |                                      |    |
| 12                                        |                      | Làng Tăng         |   | 38                            |                      |            |                               |                     |                                        |                                      |    |
| <b>G</b>                                  | <b>HUYỆN IA GRAI</b> |                   |   |                               |                      |            |                               |                     |                                        |                                      |    |
| <b>I</b>                                  | <b>Xã Ia Khai</b>    |                   |   |                               |                      |            |                               |                     |                                        |                                      |    |
| 1                                         |                      | Làng Jřăng Krăi 1 |   | 89                            | Làng Jřăng Krăi      |            | 176                           | Quý IV/2018         | X                                      |                                      |    |
| 2                                         |                      | Làng Jřăng Krăi 2 |   | 87                            |                      |            |                               |                     |                                        |                                      |    |
| <b>II</b>                                 | <b>Xã Ia Tô</b>      |                   |   |                               |                      |            |                               |                     |                                        |                                      |    |





ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

THÀNH PHỐ LAI THẮNG

THÀNH PHỐ LAI THẮNG

THÀNH PHỐ LAI THẮNG

THÀNH PHỐ LAI THẮNG

| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                |                               |                          | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |                               |                       | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                            |    |
|-------------------------------------------|----------------|-------------------------------|--------------------------|----------------------|-------------------------------|-----------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------|----|
| Thôn                                      | Tổ dân phố     | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                     | Tổ dân phố           | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Sáp nhập nguyên trạng |                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố      | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |    |
| 2                                         | 3              | 4                             | 5                        | 6                    | 7                             | 8                     | 9                   | 10                                        | 11                                         | 12 |
|                                           | Thôn 1         | 120                           | Thôn 3                   |                      | 435                           | Quý IV/2019           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn 3         | 315                           |                          |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn 8         | 117                           | Thôn 8                   |                      | 242                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn 9         | 125                           |                          |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
| Xã Ia Sao                                 |                |                               |                          |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Tân Hòa   | 81                            | Làng Dút 2               |                      | 127                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Dút 2     | 46                            |                          |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Tân Sơn   | 41                            | Làng Yang                |                      | 125                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Yang      | 84                            |                          |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Tân Bình  | 120                           | Thôn Tân An              |                      | 326                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Tân An    | 206                           |                          |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
| Xã Ia Pếch                                |                |                               |                          |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Osor      | 49                            | Làng Osor-Long           |                      | 131                           | Quý IV/2019           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Nang Long | 82                            |                          |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
| Xã Ia Bả                                  |                |                               |                          |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Văn Mỹ    | 75                            | Làng Ngai Yố             |                      | 146                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Ngai Yố   | 71                            |                          |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Phù Tiên  | 113                           | Làng Păng Gol - Phù Tiên |                      | 208                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Păng Gol  | 95                            |                          |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Bẹk       | 190                           | Làng Bẹk                 |                      | 218                           | Quý IV/2018           |                     | X                                         |                                            |    |
|                                           | Thôn Hợp Nhất  | 28                            |                          |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           |                | 42                            | Làng Út 2                |                      | 142                           | Quý IV/2018           |                     | X                                         |                                            |    |
|                                           | Làng Út 2      | 100                           |                          |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |

| S<br>T<br>T | Tên đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI   |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |   |
|-------------|-----------------------|-------------------------------------------|------------|-------------------------------|------------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|---|
|             |                       | Thôn                                      | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                   | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | C |
| 1           | 2                     | 3                                         | 4          | 5                             | 6                      | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   |   |
| <b>VI</b>   | <b>Xã Ia Yok</b>      |                                           |            |                               |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1           |                       | Làng Bỏ 1                                 |            | 130                           | Làng Bỏ                |            | 250                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2           |                       | Làng Bỏ 2                                 |            | 120                           |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 3           |                       | Thôn Tân Thành                            |            | 155                           | Thôn Lập Thành         |            | 327                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 4           |                       | Thôn Lập Thành                            |            | 172                           |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 5           |                       | Thôn Tân Hợp                              |            | 105                           | Thôn Hưng Bình Tân Hợp |            | 306                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 6           |                       | Thôn Hưng Bình                            |            | 201                           |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 7           |                       | Thôn Tân Sao                              |            | 170                           | Thôn Tân Sao           |            | 220                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |   |
| 8           |                       | Thôn Chư Hậu 4                            |            | 50                            |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
|             |                       |                                           |            | 51                            | Thôn Văn Yên           |            | 242                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |   |
| 9           |                       | Thôn Văn Yên                              |            | 191                           |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| <b>VII</b>  | <b>Xã Ia Hrug</b>     |                                           |            |                               |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1           |                       | Thôn 4                                    |            | 98                            | Làng Máih              |            | 202                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2           |                       | Làng Máih                                 |            | 104                           |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 3           |                       | Làng Grít                                 |            | 94                            | Làng Blo Dung          |            | 203                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 4           |                       | Làng Me                                   |            | 109                           |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 5           |                       | Thôn Kim Thành                            |            | 110                           | Làng Ngai Ngó          |            | 213                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 6           |                       | Làng Ngai Ngó                             |            | 103                           |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 7           |                       | Thôn Thanh Hà 2                           |            | 109                           | Làng Út 1              |            | 216                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 8           |                       | Làng Út 1                                 |            | 107                           |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 9           |                       | Thôn 1                                    |            | 72                            | Thôn 1                 |            | 148                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |   |
| 10          |                       | Thôn 3                                    |            | 76                            |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
|             |                       |                                           |            | 57                            | Thôn 2                 |            | 155                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |   |
| 11          |                       | Thôn 2                                    |            | 98                            |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |





| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |               |                               |   | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |                     |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-------------------------------------------|---------------|-------------------------------|---|----------------------|---------------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
| Thôn                                      | Tổ dân phố    | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |   | Thôn                 | Tổ dân phố          | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                                         | 3             | 4                             | 5 | 6                    | 7                   | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
| <b>HUYỆN KÔNG CHRO</b>                    |               |                               |   |                      |                     |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Thị trấn Kông Chro</b>                 |               |                               |   |                      |                     |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Tổ dân phố 1  | 181                           |   |                      | Tổ dân phố K'tòh    | 272                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng K'tòh    | 91                            |   |                      |                     |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Tổ dân phố 2  | 287                           |   |                      | Tổ dân phố 1        | 440                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Tổ dân phố 4  | 153                           |   |                      |                     |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Tổ dân phố 5  | 127                           |   |                      | Tổ dân phố Pyang    | 331                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Pyang    | 204                           |   |                      |                     |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Tổ dân phố 7  | 209                           |   |                      | Tổ dân phố Hle Ktu  | 346                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Hle Ktu  | 137                           |   |                      |                     |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Tổ dân phố 6  | 44                            |   |                      | Tổ dân phố Nghe Lớn | 409                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Nghe Lớn | 235                           |   |                      |                     |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Nghe Nhỏ | 130                           |   |                      |                     |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Xã Kông Yang</b>                       |               |                               |   |                      |                     |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 1        | 120                           |   |                      |                     |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 2        | 73                            |   | Thôn 1               |                     | 292                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 3        | 99                            |   |                      |                     |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 4        | 199                           |   | Thôn 2               |                     | 299                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 5        | 100                           |   |                      |                     |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Xã An Trung</b>                        |               |                               |   |                      |                     |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Kial 1   | 59                            |   | Làng Kial            |                     | 135                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Kial 2   | 76                            |   |                      |                     |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Blô      | 62                            |   | Làng PobahKtu        |                     | 121                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Kram     | 59                            |   |                      |                     |                               |                     |                                           |                                      |                                            |

| STT       | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |              |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |   |
|-----------|-------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|---|
|           | Tên đơn vị hành chính                     | Thôn         | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | C |
| 1         | 2                                         | 3            | 4          | 5                             | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   |   |
| 5         |                                           | Làng Bơch    |            | 85                            | Làng Bơch Siêu       |            | 157                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 6         |                                           | Làng Siêu    |            | 72                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| <b>IV</b> | <b>Xã Chợ Long</b>                        |              |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1         |                                           | Làng Tépé 1  |            | 95                            | Làng Tépé            |            | 186                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2         |                                           | Làng Tépé 2  |            | 62                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 3         |                                           | Làng Alao    |            | 29                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 4         |                                           | Làng Tépôn 1 |            | 65                            | Làng Tépôn           |            | 137                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 5         |                                           | Làng Tépôn 2 |            | 72                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| <b>V</b>  | <b>Xã Ya Ma</b>                           |              |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1         |                                           | Làng TNùng 1 |            | 134                           | Làng TNùng - Măng    |            | 217                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |   |
| 2         |                                           | Làng Măng    |            | 83                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| <b>VI</b> | <b>Xã Yang Nam</b>                        |              |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1         |                                           | Làng Hlang 1 |            | 60                            | Làng Hlang           |            | 137                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2         |                                           | Làng Hlang 2 |            | 77                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 3         |                                           | Làng Toang   |            | 67                            | Làng Vơn             |            | 157                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 4         |                                           | Làng Lơ Bơ   |            | 90                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 5         |                                           | Làng Glung   |            | 91                            | Làng Glung           |            | 172                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 6         |                                           | Làng Hngăh   |            | 81                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 7         |                                           | Làng Tépôn 1 |            | 137                           | Làng Tépôn           |            | 229                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 8         |                                           | Làng Tépôn 2 |            | 92                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 9         |                                           | Làng Rơng    |            | 142                           | Làng Rơng Tnia       |            | 207                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 10        |                                           | Làng Kun 2   |            | 21                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 11        |                                           | Làng Kun 1   |            | 44                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |



| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI  |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-------------------------------------------|----------------|------------|-------------------------------|-----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
| Tên đơn vị hành chính                     | Thôn           | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                  | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                                         | 3              | 4          | 5                             | 6                     | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|                                           | Làng Ya Ma     |            | 104                           | Làng Ya Ma - Hòa Bình |            | 130                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Hòa Bình  |            | 26                            |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Xã Đăk Tô Pang</b>                     |                |            |                               |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Bong      |            | 30                            | Làng Đăk Hway         |            | 110                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Kráp      |            | 37                            |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Groi      |            | 43                            |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Kông      |            | 73                            | Làng Kpiêu Kông       |            | 119                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Kpiêu     |            | 46                            |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Xã Đăk Kơ Ning</b>                     |                |            |                               |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Nhang Nhỏ |            | 50                            | Làng Tô Kắt           |            | 133                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Tô Kắt    |            | 83                            |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Hrách     |            | 68                            | Làng Hrách            |            | 184                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Ninh Bình |            | 38                            |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Ya Ma Kul |            | 78                            |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Xã Đăk Pơ Pho</b>                      |                |            |                               |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Dy Rao    |            | 84                            | Thôn 4                |            | 117                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Chư Krei  |            | 33                            |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Kúc Rông  |            | 102                           | Thôn 3                |            | 159                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Trong     |            | 57                            |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Xã Chư Krey</b>                        |                |            |                               |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Châu      |            | 81                            | Làng Châu             |            | 161                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Tô Dinh   |            | 80                            |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Xã Sró</b>                             |                |            |                               |                       |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |

| S<br>T<br>T | Tên đơn vị hành chính     | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |               |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |              |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                      |
|-------------|---------------------------|-------------------------------------------|---------------|-------------------------------|----------------------|--------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
|             |                           | Thôn                                      | Tổ dân phố    | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố |
| 1           | 2                         | 3                                         | 4             | 5                             | 6                    | 7            | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                   |
| 1           |                           | Làng Hoya                                 |               | 45                            | Thôn 1               |              | 87                            | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 2           |                           | Làng Ya Ma                                |               | 42                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 3           |                           | Làng Kpôh                                 |               | 64                            | Thôn 2               |              | 139                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 4           |                           | Làng Groi                                 |               | 75                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 5           |                           | Thôn 14                                   |               | 32                            | Thôn 3               |              | 59                            | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 6           |                           | Thôn 15                                   |               | 27                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| <b>XII</b>  | <b>Xã Đăk Pling</b>       |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 1           |                           | Làng Mèo Lớn                              |               | 164                           | Làng Mèo             |              | 227                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 2           |                           | Làng Mèo Nhỏ                              |               | 63                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| <b>XIII</b> | <b>Xã Đăk Song</b>        |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 1           |                           | Làng Kchăng                               |               | 42                            | Làng Kte - Kchăng    |              | 111                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 2           |                           | Làng Kte                                  |               | 69                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 3           |                           | Làng H'Ôn                                 |               | 90                            | Làng KLiết - H'Ôn    |              | 150                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 4           |                           | Làng K'Liết                               |               | 60                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| <b>I</b>    | <b>HUYỆN PHÚ THIỆN</b>    |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| <b>I</b>    | <b>Thị trấn Phú Thiện</b> |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 1           |                           |                                           | Tổ dân phố 6  | 222                           |                      | Tổ dân phố 6 | 363                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 2           |                           |                                           | Tổ dân phố 7  | 141                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 3           |                           |                                           | Tổ dân phố 17 | 108                           |                      | Tổ dân phố 7 | 308                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 4           |                           |                                           | Tổ dân phố 18 | 200                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 5           |                           |                                           | Tổ dân phố 8  | 172                           |                      | Tổ dân phố 8 | 350                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                      |
| 6           |                           |                                           | Tổ dân phố 9  | 178                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                      |





| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |            |                               |     | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |              |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-------------------------------------------|------------|-------------------------------|-----|----------------------|--------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
| Thôn                                      | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |     | Thôn                 | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                                         | 3          | 4                             | 5   | 6                    | 7            | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|                                           |            | Tổ dân phố 20                 | 201 |                      | Tổ dân phố 9 | 451                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 21                 | 250 |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |            | Một phần tổ dân phố 1         | 117 |                      | Tổ dân phố 1 | 427                           | Quý II/2019         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |            | Một phần tổ dân phố 15        | 97  |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 14                 | 213 |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |            | Phần còn lại tổ dân phố 1     | 118 |                      | Tổ dân phố 2 | 388                           | Quý II/2019         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |            | Phần còn lại tổ dân phố 15    | 97  |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 16                 | 173 |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 3                  | 283 |                      | Tổ dân phố 3 | 311                           | Quý II/2019         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |            | Một phần tổ dân phố 2         | 28  |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 4                  | 269 |                      | Tổ dân phố 4 | 329                           | Quý II/2019         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |            | Một phần tổ dân phố 2         | 60  |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |            | Tổ dân phố 5                  | 205 |                      | Tổ dân phố 5 | 310                           | Quý II/2019         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |            | Phần còn lại tổ dân phố 2     | 105 |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |

| S<br>T<br>T | Tên đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |               |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |               |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                      |
|-------------|-----------------------|-------------------------------------------|---------------|-------------------------------|----------------------|---------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
|             |                       | Thôn                                      | Tổ dân phố    | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố    | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố |
| 1           | 2                     | 3                                         | 4             | 5                             | 6                    | 7             | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                   |
| 17          |                       |                                           | Tổ dân phố 10 | 218                           |                      | Tổ dân phố 10 | 326                           | Quý II/2019         |                                           | X                                    |                                      |
| 18          |                       |                                           | Tổ dân phố 11 | 108                           |                      | Tổ dân phố 11 | 315                           | Quý II/2019         |                                           | X                                    |                                      |
| 19          |                       |                                           | Tổ dân phố 12 | 207                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| <b>II</b>   | <b>Xã Ayun Hạ</b>     |                                           |               |                               |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 1           |                       | Plei Rìng                                 |               | 65                            | Plei Rìng Đáp        |               | 193                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 2           |                       | Plei Đáp                                  |               | 128                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 3           |                       | Thôn Thanh Thượng A                       |               | 126                           | Thôn Thanh Thượng    |               | 245                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                      |
| 4           |                       | Thôn Thanh Thượng B                       |               | 119                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 5           |                       | Thôn Thanh Sơn                            |               | 149                           | Thôn Bình Sơn        |               | 299                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                      |
| 6           |                       | Thôn Thanh Bình                           |               | 150                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 7           |                       | Thôn Thanh Liêm                           |               | 144                           | Thôn Thanh Đoàn      |               | 324                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                      |
| 8           |                       | Thôn Đoàn Kết                             |               | 180                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| <b>III</b>  | <b>Xã Ia Ake</b>      |                                           |               |                               |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 1           |                       | Thôn Tân Điệp 1                           |               | 161                           | Thôn Tân Điệp 1      |               | 233                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                      |
| 2           |                       | Plei Glung A                              |               | 72                            |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
|             |                       |                                           |               | 169                           | Plei Glung Mơ Lan    |               | 254                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                      |
| 3           |                       | Plei Mơ Lan                               |               | 85                            |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 4           |                       | Plei Tăng B                               |               | 100                           | Plei Tăng            |               | 206                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                      |
| 5           |                       | Plei Tăng C                               |               | 106                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 6           |                       | Plei DMun                                 |               | 175                           | Plei Dmun Măk        |               | 285                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                      |
| 7           |                       | Plei Măk                                  |               | 110                           |                      |               |                               |                     |                                           |                                      |                                      |



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Ban đơn vị hành chính

| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                  |                               |                | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |                               |                       | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                            |    |
|-------------------------------------------|------------------|-------------------------------|----------------|----------------------|-------------------------------|-----------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------|----|
| Thôn                                      | Tổ dân phố       | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn           | Tổ dân phố           | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Sáp nhập nguyên trạng |                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố      | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |    |
| 2                                         | 3                | 4                             | 5              | 6                    | 7                             | 8                     | 9                   | 10                                        | 11                                         | 12 |
| Xã Ia Sol                                 |                  |                               |                |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Kế Tân 1    | 68                            | Thôn Kế Tân    |                      | 225                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Kế Tân 2    | 157                           |                |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Ia Zút 1    | 105                           | Làng Ia Jut    |                      | 208                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Ia Zút 2    | 103                           |                |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Plei Mil 1       | 236                           | Plei Mil       |                      | 293                           | Quý II/2019           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Plei Mil 2       | 57                            |                |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Plei Tel A1      | 94                            | Plei Tel A     |                      | 212                           | Quý II/2019           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Plei Tel A2      | 118                           |                |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Plei Tel B1      | 100                           | Plei Tel B     |                      | 255                           | Quý II/2019           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Plei Tel B2      | 155                           |                |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Thắng Lợi 1 | 157                           | Thôn Thắng Lợi |                      | 297                           | Quý II/2019           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Thắng Lợi 2 | 140                           |                |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Thắng Lợi 4 | 163                           | Thôn Thắng Hà  |                      | 270                           | Quý II/2019           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Hải Hà      | 107                           |                |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
| Xã Ia Piar                                |                  |                               |                |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Plei Gok B       | 48                            | Plei Gok       |                      | 194                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Plei Gok A       | 120                           |                |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Plei Kram        | 26                            |                |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Plei Trang       | 164                           | Plei Ia Kơ A1  |                      | 240                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Plei Ksing C     | 76                            |                |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Plei Rbai A      | 174                           | Plei Rbai      |                      | 417                           | Quý II/2019           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Plei Rbai B      | 167                           |                |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Thanh Trang | 76                            |                |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |

| S<br>T<br>T | Tên đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SẮP NHẬP |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sắp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                      |
|-------------|-----------------------|-------------------------------------------|------------|-------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
|             |                       | Thôn                                      | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sắp nhập nguyên trạng                     | Chia, sắp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sắp nhập giảm thôn, tổ dân phố |
| 1           | 2                     | 3                                         | 4          | 5                             | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                   |
| 9           |                       | Thôn Ama Nhơn                             |            | 127                           | Plei Chung           |            | 263                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                      |
| 10          |                       | Plei Chung                                |            | 136                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 11          |                       | Plei Ksing A                              |            | 208                           | Plei Ksing           |            | 338                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                      |
| 12          |                       | Plei Ksing B                              |            | 130                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| <b>VI</b>   | <b>Xã Ia Yeng</b>     |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 1           |                       | Plei Bir                                  |            | 76                            | Thôn Đoàn Kết        |            | 151                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 2           |                       | Thôn Thống Nhất                           |            | 75                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 3           |                       | Plei Kte Nhỏ A                            |            | 117                           | Plei Kte nhỏ         |            | 243                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                      |
| 4           |                       | Plei Kte Nhỏ B                            |            | 126                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 5           |                       | Plei Kual A                               |            | 123                           | Plei Kual            |            | 224                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                      |
| 6           |                       | Plei Kual B                               |            | 101                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| <b>VII</b>  | <b>Xã Ia Peng</b>     |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 1           |                       | Thôn Thanh Bình                           |            | 121                           | Thôn Thanh Bình      |            | 218                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 2           |                       | Thôn Bình An                              |            | 97                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 3           |                       | Bôn Sô Ma Hang C                          |            | 88                            | Bôn Sô Ma Hang A     |            | 199                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 4           |                       | Bôn Sô Ma Hang A                          |            | 111                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 5           |                       | Thôn Bình Trang A                         |            | 156                           | Thôn Bình Trang      |            | 338                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                      |
| 6           |                       | Thôn Bình Trang B                         |            | 86                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 7           |                       | Thôn Bình Nam                             |            | 96                            | Thôn Hồng Lê         |            | 237                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                      |
| 8           |                       | Thôn Hồng Hà                              |            | 127                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 9           |                       | Thôn Bản Lê                               |            | 110                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| <b>VIII</b> | <b>Xã Ia Hiao</b>     |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 1           |                       | Thôn Tân Phú A                            |            | 83                            | Thôn Tân Phú         |            | 209                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 2           |                       | Thôn Tân Phú B                            |            | 126                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |



| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                    |                               |                  | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |                               |                       | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                            |    |
|-------------------------------------------|--------------------|-------------------------------|------------------|----------------------|-------------------------------|-----------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------|----|
| Thôn                                      | Tổ dân phố         | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn             | Tổ dân phố           | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Sáp nhập nguyên trạng |                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố      | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |    |
| 2                                         | 3                  | 4                             | 5                | 6                    | 7                             | 8                     | 9                   | 10                                        | 11                                         | 12 |
|                                           | Bôn Ối Hly A       | 87                            | Bôn Ối Hly       |                      | 192                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Bôn Ối Hly B       | 105                           |                  |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Bôn Mi Hoan A      | 116                           | Bon Mi Hoan      |                      | 250                           | Quý II/2019           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Bôn Mi Hoan B      | 134                           |                  |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Bôn Ling A         | 98                            | Bôn Ling         |                      | 200                           | Quý II/2019           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Bôn Ling B         | 102                           |                  |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Bôn Ma Hrai A      | 120                           | Bôn Ma Hrai      |                      | 226                           | Quý II/2019           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Bôn Ma Hrai B      | 106                           |                  |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Điểm 9 A      | 117                           | Thôn Điểm 9      |                      | 223                           | Quý II/2019           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Điểm 9 B      | 106                           |                  |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
| Xã Chư A Thai                             |                    |                               |                  |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Chí Linh      | 119                           | Thôn Chí Tiên    |                      | 175                           | Quý II/2019           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Phù Tiên      | 56                            |                  |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Tân Lập       | 123                           | Thôn Tân Lập     |                      | 260                           | Quý II/2019           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Drok          | 137                           |                  |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
| Xã Chrôh Ponan                            |                    |                               |                  |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Yên Phú 2A    | 87                            | Thôn Yên Phú 2   |                      | 185                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Yên Phú 2B    | 98                            |                  |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Yên Phú 1A    | 103                           | Thôn Yên Phú     |                      | 199                           | Quý II/2019           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Yên Phú 1B    | 96                            |                  |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Chrôh Ponan A | 137                           | Thôn Chrôh Ponan |                      | 296                           | Quý II/2019           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Chrôh Ponan B | 159                           |                  |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Sôma Long A   | 148                           | Thôn Sôma Long   |                      | 264                           | Quý II/2019           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Sôma Biong    | 116                           |                  |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |

|            |                        | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SẮP NHẬP |              |            | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI          |              |            | Thời gian thực hiện           | Hình thức chia, sắp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                      |
|------------|------------------------|-------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------|--------------|------------|-------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
|            |                        | Tên đơn vị hành chính                     | Thôn         | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn         | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Sắp nhập nguyên trạng                     | Chia, sắp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sắp nhập giảm thôn, tổ dân phố |
| 1          | 2                      | 3                                         | 4            | 5          | 6                             | 7            | 8          | 9                             | 10                                        | 11                                   | 12                                   |
| <b>K</b>   | <b>HUYỆN ĐỨC CỎ</b>    |                                           |              |            |                               |              |            |                               |                                           |                                      |                                      |
| <b>I</b>   | <b>Thị trấn Chư Ty</b> |                                           |              |            |                               |              |            |                               |                                           |                                      |                                      |
| 1          |                        |                                           | Tổ dân phố 3 | 181        |                               | Tổ dân phố 3 | 491        | Quý IV/2018                   | X                                         |                                      |                                      |
| 2          |                        |                                           | Tổ dân phố 8 | 310        |                               |              |            |                               |                                           |                                      |                                      |
| 3          |                        |                                           | Tổ dân phố 1 | 503        |                               | Tổ dân phố 1 | 527        | Quý IV/2018                   |                                           | X                                    |                                      |
| 4          |                        |                                           | Tổ dân phố 5 | 24         |                               |              |            |                               |                                           |                                      |                                      |
|            |                        |                                           |              | 106        |                               | Tổ dân phố 4 | 343        | Quý IV/2018                   |                                           | X                                    |                                      |
| 5          |                        |                                           | Tổ dân phố 4 | 237        |                               |              |            |                               |                                           |                                      |                                      |
| <b>II</b>  | <b>Xã Ia Nan</b>       |                                           |              |            |                               |              |            |                               |                                           |                                      |                                      |
| 1          |                        | Thôn Ia Tum                               |              | 160        | Thôn Ia Chia                  |              | 280        | Quý IV/2018                   | X                                         |                                      |                                      |
| 2          |                        | Thôn Ia Chia                              |              | 120        |                               |              |            |                               |                                           |                                      |                                      |
| <b>III</b> | <b>Xã Ia Đok</b>       |                                           |              |            |                               |              |            |                               |                                           |                                      |                                      |
| 1          |                        | Làng Mới                                  |              | 79         | Làng Đok Ngol                 |              | 277        | Quý IV/2018                   | X                                         |                                      |                                      |
| 2          |                        | Làng Đok Ngol                             |              | 198        |                               |              |            |                               |                                           |                                      |                                      |
| 3          |                        | Làng Sung Lớn                             |              | 99         | Làng Sung                     |              | 139        | Quý IV/2018                   | X                                         |                                      |                                      |
| 4          |                        | Làng Sung Nhỏ                             |              | 40         |                               |              |            |                               |                                           |                                      |                                      |
| 5          |                        | Thôn Lâm Tók                              |              | 139        | Thôn Đoàn Kết                 |              | 244        | Quý IV/2018                   | X                                         |                                      |                                      |
| 6          |                        | Thôn Păng Tul                             |              | 105        |                               |              |            |                               |                                           |                                      |                                      |
| <b>IV</b>  | <b>Xã Ia Lang</b>      |                                           |              |            |                               |              |            |                               |                                           |                                      |                                      |
| 1          |                        | Làng Le 1                                 |              | 216        | Làng Le 1                     |              | 219        | Quý IV/2018                   |                                           | X                                    |                                      |
| 2          |                        | Một phần làng Klũh                        |              | 3          |                               |              |            |                               |                                           |                                      |                                      |
| 3          |                        | Làng Gào                                  |              | 231        | Làng Gào                      |              | 269        | Quý IV/2018                   |                                           | X                                    |                                      |
|            |                        | Một Phần làng Klũh                        |              | 38         |                               |              |            |                               |                                           |                                      |                                      |





| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                        |                               |                   | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-------------------------------------------|------------------------|-------------------------------|-------------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
| Thôn                                      | Tổ dân phố             | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                   | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                                         | 3                      | 4                             | 5                 | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|                                           | Làng Yếh               | 109                           | Làng Klũh Yếh     |                      |            | 201                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           | Phần còn lại làng Klũh | 92                            |                   |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Xã Ia Krêl                                |                        |                               |                   |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Ngo Le 1          | 125                           | Làng Ngo Le       |                      |            | 157                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Ngo Le 2          | 32                            |                   |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Ia Gôn            | 103                           | Làng Krêl         |                      |            | 193                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Krêl              | 90                            |                   |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Xã Ia Kla                                 |                        |                               |                   |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Ia Tang           | 297                           | Thôn Ia Tang      |                      |            | 382                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Ia Kênh           | 85                            |                   |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Sung Kép 1        | 147                           | Làng Sung Kép     |                      |            | 260                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Sung Kép 2        | 113                           |                   |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Sung Le 2         | 133                           | Làng Sung Le Tung |                      |            | 236                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Sung Tung         | 103                           |                   |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Sung Kắt          | 100                           | Làng Sung Le Kắt  |                      |            | 244                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Sung Le 1         | 144                           |                   |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Xã Ia Kriêng                              |                        |                               |                   |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Lung 1            | 124                           | Làng Lung Prông   |                      |            | 298                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Lung 2            | 174                           |                   |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Krai              | 121                           | Làng Krai         |                      |            | 205                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Ga                | 84                            |                   |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Xã Ia Dìn                                 |                        |                               |                   |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Yit Rông 1        | 157                           | Làng Yit Tú       |                      |            | 211                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Yit Tú            | 54                            |                   |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |

| S<br>T<br>T | Tên đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                      |
|-------------|-----------------------|-------------------------------------------|------------|-------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
|             |                       | Thôn                                      | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố |
| 1           | 2                     | 3                                         | 4          | 5                             | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                   |
| 3           |                       | Làng Al                                   |            | 146                           | Làng Al Gôn          |            | 213                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 4           |                       | Làng Gôn                                  |            | 67                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 5           |                       | Thôn Đồng Tâm 2                           |            | 253                           | Thôn Đoàn Kết        |            | 347                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 6           |                       | Làng Blang                                |            | 94                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 7           |                       | Làng Nêh 1                                |            | 132                           | Làng Nêh             |            | 272                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 8           |                       | Làng Nêh 2                                |            | 140                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| IX          | Xã Ia Dôm             |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 1           |                       | Làng Ó                                    |            | 130                           | Thôn Mook Trang      |            | 272                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 2           |                       | Thôn Mook Trang                           |            | 142                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| L           | HUYỆN CHƯ PƯH         |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| I           | Thị trấn Nhơn Hòa     |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 1           |                       | Plei Hrai Dong I                          |            | 183                           | Plei Hrai Dong       |            | 325                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 2           |                       | Plei Hrai Dong II                         |            | 142                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 3           |                       | Thôn Hòa Thắng                            |            | 116                           | Thôn Hòa Hiệp        |            | 225                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                      |
| 4           |                       | Thôn Hòa Hiệp                             |            | 109                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
|             |                       |                                           |            | 20                            | Thôn Hòa An          |            | 198                           | Quý IV/2018         |                                           |                                      |                                      |
| 5           |                       | Thôn Hòa An                               |            | 150                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
|             |                       | Một phần thôn Hòa Bình                    |            | 28                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |



| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                        |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-------------------------------------------|------------------------|------------|-------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
| Tên thôn, tổ dân phố                      | Thôn                   | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                                         | 3                      | 4          | 5                             | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|                                           | Plei Kia               |            | 182                           | Plei Kia             |            | 197                           | Quý IV/2018         |                                           |                                      | X                                          |
|                                           | Một phần thôn Hòa An   |            | 12                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Một phần thôn Hòa Bình |            | 3                             |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Hòa Bình          |            | 308                           | Thôn Hòa Bình        |            | 320                           | Quý IV/2018         |                                           |                                      | X                                          |
|                                           | Một phần Plei Djriék   |            | 4                             |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Plei Kly Phun          |            | 8                             |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |                        |            | 172                           | Plei Kly Phun        |            | 201                           | Quý IV/2018         |                                           |                                      | X                                          |
|                                           | Một phần thôn Hòa Bình |            | 29                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Plei Djriék            |            | 288                           | Plei Djriék          |            | 291                           | Quý IV/2018         |                                           |                                      | X                                          |
|                                           | Một phần thôn Hòa Bình |            | 3                             |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Kã Ia Phang</b>                        |                        |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Plei Phung A           |            | 137                           | Plei Phung           |            | 250                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Plei Phung B           |            | 113                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Chư Bô I          |            | 167                           | Plei Ia Ke           |            | 280                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Chao Pông         |            | 113                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Hòa Sơn           |            | 107                           | Thôn Hòa Sơn         |            | 204                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           | Thôn Hòa Thành         |            | 97                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |                        |            | 185                           | Thôn Hòa Lộc         |            | 354                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           | Thôn Hòa Lộc           |            | 169                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Kã Ia Hnú</b>                          |                        |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |

| S<br>T<br>T | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                 |              |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |              |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |   |
|-------------|-------------------------------------------|-----------------|--------------|-------------------------------|----------------------|--------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|---|
|             | Tên đơn vị hành chính                     | Thôn            | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | C |
| 1           | 2                                         | 3               | 4            | 5                             | 6                    | 7            | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   |   |
| 1           |                                           | Thôn Tao Chor A |              | 124                           | Thôn Tao Chor        |              | 281                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2           |                                           | Thôn Tao Chor B |              | 157                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| IV          | Xã Ia Le                                  |                 |              |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1           |                                           | Làng Kênh Mek   |              | 178                           | Làng Kênh HMek       |              | 339                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2           |                                           | Làng Ia Toong   |              | 161                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 3           |                                           | Làng Lốp        |              | 38                            | Làng Puối Lốp        |              | 265                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 4           |                                           | Thôn Puối A     |              | 103                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 5           |                                           | Thôn Puối B     |              | 124                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| M           | HUYỆN CHƯ PĂH                             |                 |              |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| I           | Thị trấn Ia Ly                            |                 |              |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1           |                                           | Thôn Ia Lâm     |              | 225                           |                      | Tổ dân phố 1 | 437                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2           |                                           | Thôn Ry Ninh    |              | 212                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 3           |                                           | Thôn Ia Ly      |              | 217                           |                      | Tổ dân phố 2 | 365                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 4           |                                           | Thôn Ia San     |              | 148                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 5           |                                           | Thôn Ia Ping    |              | 197                           |                      | Tổ dân phố 3 | 283                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 6           |                                           | Thôn Ia Sir     |              | 86                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| II          | Thị trấn Phú Hòa                          |                 |              |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1           |                                           |                 | Tổ dân phố 1 | 130                           |                      | Tổ dân phố 1 | 320                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2           |                                           |                 | Tổ dân phố 2 | 190                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 3           |                                           | Thôn 1          |              | 164                           | Thôn 1               |              | 244                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |   |
| 4           |                                           | Thôn 2          |              | 80                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
|             |                                           |                 |              | 91                            | Thôn 2               |              | 208                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |   |
| 5           |                                           | Thôn 3          |              | 117                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |





| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |             |                               |             | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |                               |                       | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                            |    |
|-------------------------------------------|-------------|-------------------------------|-------------|----------------------|-------------------------------|-----------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------|----|
| Thôn                                      | Tổ dân phố  | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn        | Tổ dân phố           | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Sáp nhập nguyên trạng |                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố      | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |    |
| 2                                         | 3           | 4                             | 5           | 6                    | 7                             | 8                     | 9                   | 10                                        | 11                                         | 12 |
| Xã Ia Nhin                                |             |                               |             |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn 4      | 57                            | Thôn 1      |                      | 314                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn 1      | 257                           |             |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Ia Sik | 83                            | Thôn Ia Sik |                      | 156                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn 5      | 73                            |             |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn 8      | 72                            | Thôn 6      |                      | 252                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn 6      | 180                           |             |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
| Xã Nghĩa Hòa                              |             |                               |             |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn 6      | 69                            | Thôn 3      |                      | 256                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn 3      | 187                           |             |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn 1      | 182                           | Thôn 1      |                      | 227                           | Quý IV/2018           |                     |                                           | X                                          |    |
|                                           | Thôn 2      | 45                            |             |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           |             | 114                           | Thôn 2      |                      | 286                           | Quý IV/2018           |                     |                                           | X                                          |    |
|                                           | Thôn 7      | 172                           |             |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
| Xã Nghĩa Hưng                             |             |                               |             |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn 7      | 158                           | Thôn 7      |                      | 250                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn 10     | 92                            |             |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn 2      | 187                           | Thôn 2      |                      | 196                           | Quý IV/2018           |                     |                                           | X                                          |    |
|                                           | Thôn 1      | 9                             |             |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           |             | 141                           | Thôn 1      |                      | 319                           | Quý IV/2018           |                     |                                           | X                                          |    |
|                                           | Thôn 3      | 178                           |             |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |

| STT | Đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |               |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |              |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |   |
|-----|-------------------|-------------------------------------------|---------------|-------------------------------|----------------------|--------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|---|
|     |                   | Thôn                                      | Tổ dân phố    | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | C |
| 1   | 2                 | 3                                         | 4             | 5                             | 6                    | 7            | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   |   |
| 6   |                   | Thôn 9                                    |               | 202                           | Thôn 9               |              | 246                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |   |
| 7   |                   | Thôn 8                                    |               | 44                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 8   |                   | Thôn 11                                   |               | 108                           | Thôn 8               |              | 219                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |   |
| 9   |                   | Thôn 6                                    |               | 111                           | Thôn 6               |              | 259                           | Quý IV/2018         |                                           |                                      |   |
| 10  |                   | Thôn 4                                    |               | 259                           | Thôn 4               |              | 211                           | Quý IV/2018         |                                           |                                      |   |
|     |                   |                                           |               | 40                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 171 |                   |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| VI  | Xã Chư Đăng Ya    |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1   |                   | Thôn Ia Đêh                               |               | 39                            | Làng Kó              |              | 178                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2   |                   | Làng Kó                                   |               | 139                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| N   | HUYỆN KRÔNG PA    |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| I   | Thị trấn Phú Túc  |                                           |               |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1   |                   |                                           | Tổ dân phố 9  | 264                           |                      | Tổ dân phố 9 | 345                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2   |                   |                                           | Tổ dân phố 10 | 81                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 3   |                   |                                           | Tổ dân phố 1  | 188                           |                      | Tổ dân phố 1 | 281                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |   |
| 4   |                   |                                           | Tổ dân phố 2  | 93                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
|     |                   |                                           |               | 200                           |                      | Tổ dân phố 2 | 280                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |   |
| 5   |                   |                                           | Tổ dân phố 3  | 80                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 6   |                   |                                           | Tổ dân phố 5  | 243                           |                      | Tổ dân phố 5 | 350                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |   |
| 7   |                   |                                           | Tổ dân phố 4  | 107                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |
|     |                   |                                           |               | 153                           |                      | Tổ dân phố 4 | 313                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |   |
| 8   |                   |                                           | Tổ dân phố 7  | 160                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |   |



<

| S<br>T<br>T | Tên đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                      |
|-------------|-----------------------|-------------------------------------------|------------|-------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
|             |                       | Thôn                                      | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố |
| 1           | 2                     | 3                                         | 4          | 5                             | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   |                                      |
| 4           |                       | Buôn Lao                                  |            | 80                            | Buôn Ka Tô           |            | 231                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 5           |                       | Thôn 3                                    |            | 151                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 6           |                       | Thôn 1                                    |            | 130                           | Buôn Đông Thuở       |            | 315                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 7           |                       | Thôn 2                                    |            | 91                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 8           |                       | Buôn Thuở                                 |            | 94                            | Buôn Tơ Nĩa          |            | 310                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 9           |                       | Thôn Tập đoàn 6                           |            | 187                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 10          |                       | Buôn Nung                                 |            | 30                            | Buôn Chư Bang        |            | 184                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 11          |                       | Thôn Tập đoàn 8                           |            | 93                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 12          |                       | Thôn Tập đoàn 7                           |            | 73                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 13          |                       | Thôn Tập đoàn 3                           |            | 111                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| IV          | Xã Chư Răm            |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 1           |                       | Thôn Cầu Đôi                              |            | 109                           | Thôn Sông Ba         |            | 225                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 2           |                       | Thôn Quỳnh 3                              |            | 116                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 3           |                       | Thôn Quỳnh 2                              |            | 139                           | Buôn Đoàn Kết        |            | 344                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 4           |                       | Buôn Y                                    |            | 87                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 5           |                       | Buôn H'Yủ                                 |            | 118                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| V           | Xã Ia Rsum            |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 1           |                       | Buôn Phùm Jí                              |            | 117                           | Buôn Phùm            |            | 303                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 2           |                       | Buôn Phùm Ang                             |            | 186                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 3           |                       | Buôn Nu A                                 |            | 115                           | Buôn Nu              |            | 324                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 4           |                       | Buôn Nu B                                 |            | 209                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 5           |                       | Thôn Diễm 8                               |            | 98                            | Thôn Huy Hoàng       |            | 396                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 6           |                       | Thôn Chợ                                  |            | 298                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| VI          | Xã UAR                |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |





| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |               |                               |     | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-------------------------------------------|---------------|-------------------------------|-----|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
| Thôn                                      | Tổ dân phố    | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |     | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                                         | 3             | 4                             | 5   | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|                                           | Thôn Điểm 9   |                               | 183 | Thôn Điểm 9-         |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Điểm 10  |                               | 71  | Thôn Điểm 10         |            | 254                           | Quý IV/2019         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           | Thôn Điểm 11  |                               | 80  | Thôn Điểm 11-        |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |               |                               | 123 | Thôn Điểm 10         |            | 203                           | Quý IV/2019         |                                           | X                                    |                                            |
| <b>Xã Ia Rmok</b>                         |               |                               |     |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Bħă      |                               | 111 | Buôn Bħă Nga         |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Buôn H'Nga    |                               | 90  |                      |            | 201                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Thiơl    |                               | 102 | Buôn Gum Gộp         |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Đan      |                               | 80  |                      |            | 282                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Jao      |                               | 100 |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Blăk     |                               | 205 | Buôn Blăk            |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Kơ Niê   |                               | 48  |                      |            | 253                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Dúi      |                               | 92  | Buôn Ia Klon         |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Blái     |                               | 172 |                      |            | 264                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
| <b>Xã Chư Ngọc</b>                        |               |                               |     |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Sai      |                               | 200 | Buôn Sai             |            | 200                           | Quý IV/2018         |                                           |                                      | X                                          |
|                                           |               |                               | 119 | Buôn Chư Ung         |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Thức     |                               | 62  |                      |            | 194                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           | Thôn Đông Phú |                               | 13  | Thôn Thống Nhất      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 73       |                               | 52  |                      |            | 114                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |               |                               | 62  |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |

| S<br>T<br>T | Tên đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI            |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                      |
|-------------|-----------------------|-------------------------------------------|------------|-------------------------------|---------------------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
|             |                       | Thôn                                      | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                            | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố |
| 1           | 2                     | 3                                         | 4          | 5                             | 6                               | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   |                                      |
| 5           |                       | Buôn H'Muk                                |            | 143                           | Buôn H'Muk -<br>Thôn Thống Nhất |            | 257                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |                                      |
| 6           |                       | Thôn Thống Nhất (Quý IV/2018)             |            | 114                           |                                 |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| IX          | Xã Ia Rsai            |                                           |            |                               |                                 |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 1           |                       | Thôn Quỳnh Phụ                            |            | 51                            | Thôn Quỳnh Phụ                  |            | 193                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 2           |                       | Thôn Tân Lập                              |            | 142                           |                                 |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 3           |                       | Buôn Puh                                  |            | 133                           | Buôn Puh Chik                   |            | 255                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 4           |                       | Buôn Chik                                 |            | 122                           |                                 |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 5           |                       | Buôn Pan                                  |            | 97                            | Buôn Pan                        |            | 197                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 6           |                       | Buôn Kting                                |            | 100                           |                                 |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 7           |                       | Buôn Chư Jú                               |            | 94                            | Buôn Chư Jú                     |            | 153                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 8           |                       | Buôn Sai                                  |            | 59                            |                                 |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| X           | Xã Chư Drăng          |                                           |            |                               |                                 |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 1           |                       | Thôn Hưng Phú                             |            | 127                           | Buôn Suối Cầm                   |            | 326                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 2           |                       | Buôn H'Liên                               |            | 199                           |                                 |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 3           |                       | Buôn H'Liết                               |            | 134                           | Buôn Chư Krih                   |            | 268                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 4           |                       | Buôn H'Ngôm                               |            | 134                           |                                 |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 5           |                       | Buôn Chai                                 |            | 189                           | Buôn Thành Công                 |            | 350                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                      |
| 6           |                       | Thôn Mê Linh                              |            | 61                            |                                 |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 7           |                       | Thôn Đồng Tĩnh                            |            | 71                            |                                 |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |
| 8           |                       | Thôn Quất Lưu                             |            | 29                            |                                 |            |                               |                     |                                           |                                      |                                      |





| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                 |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-------------------------------------------|-----------------|------------|-------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
| Tên đơn vị hành chính                     | Thôn            | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                                         | 3               | 4          | 5                             | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|                                           | Buôn Uôr        |            | 147                           | Buôn Ia Jip          |            | 271                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Buôn H'Mung     |            | 124                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Xã Ia Dreh                                |                 |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Nai        |            | 95                            | Buôn Kơ Jing         |            | 237                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Hvir       |            | 142                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Hyú        |            | 51                            | Buôn Hdreh           |            | 171                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Draí       |            | 120                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Djrông     |            | 172                           | Buôn Tơ Nung         |            | 212                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           | Buôn Tring      |            | 40                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |                 |            | 130                           | Buôn Chờ Tung        |            | 325                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           | Buôn Bâu        |            | 134                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Chứ Mơ Kia |            | 61                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Xã Krông Năng                             |                 |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Ji A       |            | 102                           | Buôn Ji              |            | 151                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Ji B       |            | 49                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Tỏi        |            | 51                            | Buôn Ia Hly          |            | 163                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Tãng       |            | 112                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Buôn H'Lôi      |            | 78                            | Buôn Ia Sóa          |            | 233                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Ban        |            | 155                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Xã Ia Mláh                                |                 |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Xóm Kinh   |            | 31                            | Buôn Prong           |            | 201                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Buôn Prong      |            | 170                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |

| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                        |                              |                               |     | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI              |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |  |
|-------------------------------------------|------------------------|------------------------------|-------------------------------|-----|-----------------------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--|
| Tên đơn vị hành chính                     | Thôn                   | Tổ dân phố                   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |     | Thôn                              | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố |  |
| 1                                         | 2                      | 3                            | 4                             | 5   | 6                                 | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   |  |
| 3                                         |                        | Buôn Chính Đơn 2             |                               | 52  | Buôn Chính Hòa                    |            | 170                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |  |
| 4                                         |                        | Thôn Hòa Mỹ                  |                               | 118 |                                   |            |                               |                     |                                           |                                      |  |
| 5                                         |                        | Buôn Ối Đăk                  |                               | 75  | Buôn Tân Tuk                      |            | 194                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |  |
| 6                                         |                        | Buôn Ối Yik                  |                               | 119 |                                   |            |                               |                     |                                           |                                      |  |
| 7                                         |                        | Buôn Chính Đơn 1             |                               | 127 | Buôn Chính Hòa - Buôn Chính Đơn 1 |            | 297                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |  |
| 8                                         |                        | Buôn Chính Hòa (Quý IV/2018) |                               | 170 |                                   |            |                               |                     |                                           |                                      |  |
| <b>XIV</b>                                | <b>Xã Đăk Bàng</b>     |                              |                               |     |                                   |            |                               |                     |                                           |                                      |  |
| 1                                         |                        | Buôn Ma Nhe A                |                               | 95  | Buôn Ia Prông                     |            | 327                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |  |
| 2                                         |                        | Buôn Ma Nhe B                |                               | 101 |                                   |            |                               |                     |                                           |                                      |  |
| 3                                         |                        | Buôn Ma Lông                 |                               | 131 | Buôn Ia Rpua                      |            | 193                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |  |
| 4                                         |                        | Buôn Ma Phu                  |                               | 77  |                                   |            |                               |                     |                                           |                                      |  |
| 5                                         |                        | Buôn Ma H'Yai                |                               | 116 | Buôn Ia Rnho                      |            | 325                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |  |
| 6                                         |                        | Buôn Ma Hing                 |                               | 103 |                                   |            |                               |                     |                                           |                                      |  |
| 7                                         |                        | Buôn Ối Khăm                 |                               | 107 |                                   |            |                               |                     |                                           |                                      |  |
| 8                                         |                        | Buôn Ma Leo                  |                               | 115 |                                   |            |                               |                     |                                           |                                      |  |
| <b>O</b>                                  | <b>HUYỆN ĐAK PƠ</b>    |                              |                               |     |                                   |            |                               |                     |                                           |                                      |  |
| <b>I</b>                                  | <b>Thị trấn Đak Pơ</b> |                              |                               |     |                                   |            |                               |                     |                                           |                                      |  |
| 1                                         |                        | Làng Glick 1                 |                               | 38  | Làng Glick                        |            | 67                            | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |  |
| 2                                         |                        | Làng Glick 2                 |                               | 29  |                                   |            |                               |                     |                                           |                                      |  |
| <b>II</b>                                 | <b>Xã Hà Tam</b>       |                              |                               |     |                                   |            |                               |                     |                                           |                                      |  |
| 1                                         |                        | Thôn 2                       |                               | 135 | Thôn 2                            |            | 327                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |  |
| 2                                         |                        | Thôn 3                       |                               | 192 |                                   |            |                               |                     |                                           |                                      |  |





| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                 |                               |     | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-------------------------------------------|-----------------|-------------------------------|-----|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
| Thôn                                      | Tổ dân phố      | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |     | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                                         | 3               | 4                             | 5   | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|                                           | Thôn 5          |                               | 101 | Thôn 5               |            | 234                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 6          |                               | 133 |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Kã Tân An</b>                          |                 |                               |     |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Tân Thuận  |                               | 180 | Thôn Tân Lập         |            | 347                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Tân Lập    |                               | 167 |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Tân Thiện  |                               | 144 | Thôn Tư Lương        |            | 332                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Tư Lương   |                               | 188 |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Tân Thành  |                               | 165 | Thôn Tân Định        |            | 411                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Tân Định   |                               | 246 |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Kã Cư An</b>                           |                 |                               |     |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn An Bình    |                               | 135 | Thôn An Sơn          |            | 273                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn An Sơn     |                               | 138 |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn An Hòa     |                               | 104 | Thôn An Thuận        |            | 297                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn An Thuận   |                               | 193 |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Thuận Công |                               | 126 | Thôn Chí Công        |            | 362                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Chí Công   |                               | 236 |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn An Cư      |                               | 130 | Thôn An Định         |            | 311                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn An Định    |                               | 181 |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Kã Phú An</b>                          |                 |                               |     |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn An Lợi     |                               | 104 | Thôn An Phong        |            | 208                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn An Phong   |                               | 104 |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Kã Yang Bắc</b>                        |                 |                               |     |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |

| S<br>T<br>T | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                 |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |   |
|-------------|-------------------------------------------|-----------------|------------|-------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|---|
|             | Tên đơn vị hành chính                     | Thôn            | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | C |
| 1           | 2                                         | 3               | 4          | 5                             | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   |   |
| 1           |                                           | Làng Chai       |            | 128                           | Làng Kruôi Chai      |            | 295                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2           |                                           | Làng Kruôi      |            | 167                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 3           |                                           | Làng Bung Bang  |            | 73                            | Làng Bung Bang Hven  |            | 96                            | Quý II/2019         | X                                         |                                      |   |
| 4           |                                           | Làng Hven       |            | 23                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 5           |                                           | Làng Jro Dong 1 |            | 57                            | Làng Jro Dong        |            | 133                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 6           |                                           | Làng Jro Dong 2 |            | 76                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 7           |                                           | Làng Đak Yang   |            | 84                            | Làng Đak Ktu         |            | 163                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |   |
| 8           |                                           | Làng Jro Ktu    |            | 79                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 9           |                                           | Làng Klăh 1     |            | 42                            | Làng Klăh Môn        |            | 111                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 10          |                                           | Làng Klăh 2     |            | 41                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 11          |                                           | Làng Môn        |            | 28                            | Làng Kleo Ktu        |            | 120                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 12          |                                           | Làng Kleo       |            | 28                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 13          |                                           | Làng Krong Ktu  |            | 92                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| VII         | Xã Ya Hội                                 |                 |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1           |                                           | Làng Groi 1     |            | 86                            | Làng Groi            |            | 145                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2           |                                           | Làng Groi 2     |            | 59                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 3           |                                           | Làng Đak Ya     |            | 49                            | Làng Đak Ya - Kliết  |            | 78                            | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 4           |                                           | Làng Đak Kliết  |            | 29                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 5           |                                           | Làng Ghép       |            | 48                            | Làng Mông            |            | 140                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 6           |                                           | Làng Mông 1     |            | 42                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 7           |                                           | Làng Mông 2     |            | 50                            | Làng Bung Tờ Sô      |            | 136                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |   |
| 8           |                                           | Làng Tờ Sô      |            | 74                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 9           |                                           | Làng Bung       |            | 62                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |



| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                         |                               |                         | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |                               |                       | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                            |    |
|-------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|-------------------------|----------------------|-------------------------------|-----------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------|----|
| Thôn                                      | Tổ dân phố              | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                    | Tổ dân phố           | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Sáp nhập nguyên trạng |                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố      | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |    |
| 2                                         | 3                       | 4                             | 5                       | 6                    | 7                             | 8                     | 9                   | 10                                        | 11                                         | 12 |
|                                           | Làng Brang              | 94                            | Làng Groi (Quý IV/2018) |                      | 239                           | Quý IV/2019           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Groi (Quý IV/2018) | 145                           |                         |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
| HUYỆN ĐAK ĐOA                             |                         |                               |                         |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
| Thị trấn Đak Đoa                          |                         |                               |                         |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           |                         | Tổ dân phố 1                  | 141                     | Tổ dân phố 2         |                               | 495                   | Quý IV/2018         | X                                         |                                            |    |
|                                           |                         | Tổ dân phố 2                  | 354                     |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn 1                  | 68                            | Thôn 1                  |                      | 167                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn 2                  | 99                            |                         |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Rìng               | 30                            | Thôn Ngol               |                      | 99                            | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Ngol               | 69                            |                         |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Xóm Mới            | 81                            | Thôn H'Lâm              |                      | 382                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn H'Lâm              | 301                           |                         |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           |                         | Tổ dân phố 3                  | 170                     | Tổ dân phố 4         |                               | 365                   | Quý IV/2018         | X                                         |                                            |    |
|                                           |                         | Tổ dân phố 4                  | 195                     |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           |                         | Tổ dân phố 8                  | 238                     | Tổ dân phố 8         |                               | 411                   | Quý IV/2018         | X                                         |                                            |    |
|                                           |                         | Tổ dân phố 9                  | 173                     |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Klok               | 168                           | Thôn Piom               |                      | 499                           | Quý IV/2018           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Thôn Piom               | 331                           |                         |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
| Xã KĐang                                  |                         |                               |                         |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng R'Khương           | 101                           | Làng R'Khương Tleo      |                      | 242                           | Quý IV/2019           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Tleo               | 141                           |                         |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Bla                | 112                           | Làng Bla Trek           |                      | 237                           | Quý IV/2019           | X                   |                                           |                                            |    |
|                                           | Làng Trek               | 125                           |                         |                      |                               |                       |                     |                                           |                                            |    |

| S<br>T<br>T | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                         |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI   |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |   |
|-------------|-------------------------------------------|-------------------------|------------|-------------------------------|------------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|---|
|             | Tên đơn vị hành chính                     | Thôn                    | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                   | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | C |
| 1           | 2                                         | 3                       | 4          | 5                             | 6                      | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   |   |
| <b>III</b>  | <b>Xã Ia Băng</b>                         |                         |            |                               |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1           |                                           | Làng Ia Hét             |            | 108                           | Làng Bông Lar - Ia Hét |            | 321                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |   |
| 2           |                                           | Làng Bông Lar           |            | 213                           |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| <b>IV</b>   | <b>Xã Adok</b>                            |                         |            |                               |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1           |                                           | Làng Yòng               |            | 82                            | Làng Yòng              |            | 150                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2           |                                           | Làng Broch 2            |            | 68                            |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 3           |                                           | Thôn Tân Lập            |            | 66                            | Thôn Blo               |            | 246                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 4           |                                           | Thôn Blo                |            | 180                           |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 5           |                                           | Thôn Biã Tìh 1          |            | 146                           | Thôn Biã Tìh           |            | 249                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 6           |                                           | Thôn Biã Tìh 2          |            | 103                           |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 7           |                                           | Thôn Bìong              |            | 133                           | Làng Adokkong          |            | 358                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |   |
| 8           |                                           | Làng Adokkong           |            | 225                           |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 9           |                                           | Làng Yòng (Quý IV/2018) |            | 150                           | Làng Broch             |            | 297                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |   |
| 10          |                                           | Làng Broch 1            |            | 147                           |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| <b>V</b>    | <b>Xã Nam Yang</b>                        |                         |            |                               |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1           |                                           | Thôn 3                  |            | 356                           | Thôn 3                 |            | 430                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2           |                                           | Thôn 4                  |            | 74                            |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| <b>VI</b>   | <b>Xã Kon Gang</b>                        |                         |            |                               |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1           |                                           | Làng Tang               |            | 55                            | Làng Kóp               |            | 260                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2           |                                           | Làng Kóp                |            | 124                           |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 3           |                                           | Làng Đal                |            | 81                            |                        |            |                               |                     |                                           |                                      |   |





| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-------------------------------------------|----------------|------------|-------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
| Tên đơn vị hành chính                     | Thôn           | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                                         | 3              | 4          | 5                             | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|                                           | Làng Klót      |            | 117                           | Làng Klót            |            | 219                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Ktò       |            | 102                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Kã Ia Pét                                 |                |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Almoi     |            | 136                           | Thôn Alphun          |            | 308                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Bĩa Neh   |            | 50                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Aklah     |            | 122                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Kã Hà Bấu                                 |                |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Nú        |            | 97                            | Làng Nú              |            | 200                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Dong Ngol |            | 32                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Ia Đát    |            | 71                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Rìng      |            | 165                           | Làng Rìng Rai        |            | 272                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Rai       |            | 107                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Dong      |            | 142                           | Làng Weh Dong        |            | 334                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Weh       |            | 192                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Sao       |            | 144                           | Làng Sao Đúp         |            | 228                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Đúp       |            | 84                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Kã Trang                                  |                |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Kò        |            | 135                           | Làng Kò              |            | 258                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Sơn Yang  |            | 47                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Krôl      |            | 76                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Blung     |            | 132                           | Làng Blung           |            | 263                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Breng     |            | 103                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Wom       |            | 28                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |

| S<br>T<br>T | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |   |
|-------------|-------------------------------------------|----------------|------------|-------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|---|
|             | Tên đơn vị hành chính                     | Thôn           | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | C |
| 1           | 2                                         | 3              | 4          | 5                             | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   |   |
| 7           |                                           | Làng Phạm Ghè  |            | 108                           | Làng Kol             |            | 366                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |   |
| 8           |                                           | Làng Ghè       |            | 103                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 9           |                                           | Làng Kol       |            | 155                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| X           | Xã Dak Krong                              |                |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1           |                                           | Thôn 5         |            | 142                           | Thôn 5               |            | 201                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2           |                                           | Thôn 17        |            | 59                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 3           |                                           | Thôn 2         |            | 130                           | Thôn 3               |            | 284                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |   |
| 4           |                                           | Thôn 3         |            | 154                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 5           |                                           | Làng Dak loh   |            | 104                           | Làng Dak Mong        |            | 205                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |   |
| 6           |                                           | Làng Āngleh    |            | 101                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| XI          | Xã Glar                                   |                |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1           |                                           | Thôn Groi II   |            | 146                           | Thôn Groi II         |            | 249                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |   |
| 2           |                                           | Thôn Wét       |            | 103                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| XII         | Xã Hải Yang                               |                |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1           |                                           | Thôn 2         |            | 131                           | Thôn 3               |            | 409                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |   |
| 2           |                                           | Thôn 3         |            | 278                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| XIII        | Xã HNol                                   |                |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1           |                                           | Thôn Sot       |            | 42                            | Thôn Sot Trang       |            | 151                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2           |                                           | Thôn Sơn Trang |            | 109                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 3           |                                           | Thôn GREk      |            | 133                           | Thôn Bót - Grek      |            | 308                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |   |
| 4           |                                           | Thôn Bót       |            | 175                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| XIV         | Xã Dak Somei                              |                |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |



| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                 |              |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |                                |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-------------------------------------------|-----------------|--------------|-------------------------------|----------------------|--------------------------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
| Tên đơn vị hành chính                     | Thôn            | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố                     | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                                         | 3               | 4            | 5                             | 6                    | 7                              | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|                                           | Thôn 17         |              | 51                            | Thôn 18              |                                | 224                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 18         |              | 173                           |                      |                                |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Đê Pral    |              | 89                            | Làng Pral Somei      |                                | 267                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Đê Somei   |              | 178                           |                      |                                |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Kon Plek   |              | 21                            | Làng Tul Đoa         |                                | 331                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Đê Đoa     |              | 128                           |                      |                                |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Đê Tul     |              | 182                           | Làng Đê Gôh          |                                | 276                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Đê Gôh     |              | 160                           |                      |                                |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng A Droch    |              | 116                           |                      |                                |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Xã HNeng</b>                           |                 |              |                               |                      |                                |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Châu Giang |              | 109                           | Thôn Bình Giang      |                                | 249                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn Cẩm Bình   |              | 140                           |                      |                                |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>HUYỆN CHƯ PRÔNG</b>                    |                 |              |                               |                      |                                |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Thị trấn Chư Prông</b>                 |                 |              |                               |                      |                                |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |                 | Tổ dân phố 3 | 209                           |                      | Tổ dân phố 3 -<br>Tổ dân phố 4 | 514                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           |                 | Tổ dân phố 4 | 305                           |                      |                                |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Xã Ia Me</b>                           |                 |              |                               |                      |                                |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Đê         |              | 84                            | Làng Đê Sơ           |                                | 250                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Sơ         |              | 166                           |                      |                                |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Xã Ia Bang</b>                         |                 |              |                               |                      |                                |                               |                     |                                           |                                      |                                            |

| STT | Tên đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp thôn, tổ dân phố |                                      |  |
|-----|-----------------------|-------------------------------------------|------------|-------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--|
|     |                       | Thôn                                      | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố |  |
| 1   | 2                     | 3                                         | 4          | 5                             | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                   | 11                                   |  |
| 1   |                       | Làng Dơ Mút                               |            | 67                            | Làng Mút Thông       |            | 202                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 2   |                       | Làng Dơ Thông                             |            | 135                           |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 3   |                       | Làng Dơ Bang                              |            | 107                           | Làng Bang Ngol       |            | 247                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 4   |                       | Làng Dơ Ngol                              |            | 140                           |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| IV  | Xã Ia Ga              |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 1   |                       | Thôn Đoàn Kết                             |            | 92                            | Thôn Tân Thủy        |            | 205                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 2   |                       | Thôn Tân Thủy                             |            | 113                           |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| V   | Xã Ia Drang           |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 1   |                       | Làng Beng                                 |            | 72                            | Làng Xung Beng       |            | 167                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 2   |                       | Làng Xung                                 |            | 95                            |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| VI  | Xã Ia Pior            |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 1   |                       | Làng Me                                   |            | 60                            | Làng Me              |            | 208                           | Quý IV/2019         | X                                    |                                      |  |
| 2   |                       | Thôn Kim Giang                            |            | 62                            |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 3   |                       | Thôn Kỳ Phong                             |            | 86                            |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 4   |                       | Thôn Thanh Miện                           |            | 56                            | Thôn Tân Thanh       |            | 177                           | Quý IV/2019         | X                                    |                                      |  |
| 5   |                       | Thôn Thanh Bình                           |            | 121                           |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 6   |                       | Thôn Yên Hưng                             |            | 104                           | Thôn Yên Hưng        |            | 150                           | Quý IV/2019         |                                      | X                                    |  |
| 7   |                       | Thôn Yên Bình                             |            | 46                            |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 8   |                       | Làng Phung                                |            | 115                           | Làng Phung           |            | 204                           | Quý IV/2019         |                                      | X                                    |  |
|     |                       |                                           |            | 89                            |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| VII | Xã Ia O               |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |



|  | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI         |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------|-------------------------------|------------------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
|                                                                                 | Thôn                                      | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                         | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                                                                               | 3                                         | 4          | 5                             | 6                            | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|                                                                                 | Làng Boồng Nga                            |            | 36                            | Làng Boồng Nga - Làng Sung O |            | 237                           | Quý II/2019         | X                                         |                                      |                                            |
|                                                                                 | Làng Sung O                               |            | 201                           |                              |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Xã Ia Lâu                                                                       |                                           |            |                               |                              |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                                                                 | Thôn 3                                    |            | 83                            | Thôn Hòa Bình                |            | 154                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                                                                 | Thôn 4                                    |            | 71                            |                              |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                                                                 | Thôn Đồng Tiến                            |            | 53                            | Thôn Phố Hiến                |            | 147                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                                                                 | Thôn Phố Hiến                             |            | 94                            |                              |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                                                                 | Thôn 1                                    |            | 123                           | Thôn Đà Bắc                  |            | 213                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                                                                 | Thôn 2                                    |            | 90                            |                              |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Xã Ia Phìn                                                                      |                                           |            |                               |                              |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                                                                 | Thôn Hoàng Hưng                           |            | 95                            | Thôn Hưng Tiến               |            | 190                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                                                                 | Thôn Hoàng Tiến                           |            | 95                            |                              |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                                                                 | Làng Grang 1                              |            | 120                           | Làng Grang                   |            | 287                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                                                                 | Làng Grang 2                              |            | 167                           |                              |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Xã Ia Boồng                                                                     |                                           |            |                               |                              |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                                                                 | Làng Briêng                               |            | 94                            | Làng Griêng                  |            | 203                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |                                            |
|                                                                                 | Làng Griêng                               |            | 109                           |                              |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                                                                 | Làng Klũh                                 |            | 128                           | Làng Klũh Klãh               |            | 237                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                                                                 | Làng Klãh                                 |            | 109                           |                              |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Xã Ia Bãng                                                                      |                                           |            |                               |                              |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                                                                 | Thôn Phú Thanh                            |            | 77                            | Thôn Phun - Thanh            |            | 189                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                                                                 | Làng Phun                                 |            | 112                           |                              |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |

| STT  | Tên đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |   |
|------|-----------------------|-------------------------------------------|------------|-------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|---|
|      |                       | Thôn                                      | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | C |
| 1    | 2                     | 3                                         | 4          | 5                             | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   |   |
| 3    |                       | Làng Bạch                                 |            | 74                            | Làng Bạch - Kuao     |            | 217                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 4    |                       | Làng Kuao                                 |            | 143                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 5    |                       | Làng Klăh                                 |            | 85                            | Làng Klăh Băng       |            | 186                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 6    |                       | Làng Băng                                 |            | 101                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| XII  | Xã Ia Tôr             |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1    |                       | Làng Nêh                                  |            | 82                            | Làng Nêh Xol         |            | 122                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 2    |                       | Làng Xol                                  |            | 40                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 3    |                       | Làng Hle                                  |            | 74                            | Làng Hle Ngol        |            | 116                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 4    |                       | Làng Ngol                                 |            | 42                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 5    |                       | Thôn 2                                    |            | 76                            | Thôn Nhơn Hà         |            | 165                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |   |
| 6    |                       | Thôn 3                                    |            | 89                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 7    |                       | Làng Kly                                  |            | 106                           | Làng Ó Kly           |            | 226                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |   |
| 8    |                       | Làng Ó                                    |            | 120                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| XIII | Xã Ia Pía             |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 1    |                       | Thôn 3                                    |            | 94                            | Thôn Bình Nguyên     |            | 228                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |   |
| 2    |                       | Thôn 4                                    |            | 134                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 3    |                       | Thôn 1                                    |            | 142                           | Thôn 1               |            | 207                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |   |
| 4    |                       | Thôn 2                                    |            | 65                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 5    |                       | Thôn Bình Tân                             |            | 60                            | Làng Lú              |            | 164                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |   |
| 6    |                       | Làng Lú                                   |            | 87                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 7    |                       | Làng Mo                                   |            | 17                            | Làng Xom             |            | 191                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |   |
| 8    |                       | Làng Xom                                  |            | 64                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |
| 9    |                       | Làng Pốt                                  |            | 127                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |   |



| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |              |              |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |              |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-------------------------------------------|--------------|--------------|-------------------------------|----------------------|--------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
| Tên đơn vị hành chính                     | Thôn         | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố   | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                                         | 3            | 4            | 5                             | 6                    | 7            | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|                                           | Làng Hát 1   |              | 76                            | Làng Hát             |              | 213                           | Quý IV/2019         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Hát 2   |              | 137                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Ngó     |              | 125                           | Làng Ngó             |              | 175                           | Quý IV/2019         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           | Làng Pia     |              | 50                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |              |              | 51                            | Làng Pia             |              | 199                           | Quý IV/2019         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           | Làng Khô     |              | 108                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Pang    |              | 40                            |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| HUYỆN MANG YANG                           |              |              |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Thị trấn Kon Dong                         |              |              |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |              | Tổ dân phố 1 | 127                           |                      | Tổ dân phố 1 | 429                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           |              | Tổ dân phố 2 | 302                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |              | Tổ dân phố 3 | 194                           |                      | Tổ dân phố 2 | 345                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           |              | Tổ dân phố 7 | 151                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Đê Duol |              | 70                            | Làng Đê Kốp Duol     |              | 187                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Đê Kốp  |              | 117                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |              | Tổ dân phố 9 | 191                           |                      | Tổ dân phố 6 | 312                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |              | Tổ dân phố 6 | 121                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |              |              | 184                           |                      | Tổ dân phố 5 | 340                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |              | Tổ dân phố 8 | 156                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |              |              | 26                            |                      | Tổ dân phố 4 | 327                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |              | Tổ dân phố 5 | 252                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |              |              | 49                            |                      | Tổ dân phố 3 | 314                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |              | Tổ dân phố 4 | 314                           |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Xã H'ra                                   |              |              |                               |                      |              |                               |                     |                                           |                                      |                                            |

| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |               |                 |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp thôn, tổ dân phố |                                      |  |
|-------------------------------------------|---------------|-----------------|------------|-------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--|
|                                           |               | Thôn            | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố |  |
| 1                                         | 2             | 3               | 4          | 5                             | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                   | 11                                   |  |
| 1                                         |               | Làng Bơ Chăk    |            | 48                            | Làng Bok Ayol        |            | 266                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 2                                         |               | Làng Jơ Long    |            | 164                           |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 3                                         |               | Làng Đê Đăk     |            | 54                            |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 4                                         |               | Làng KDung I    |            | 67                            | Làng KDung           |            | 173                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 5                                         |               | Làng KDung II   |            | 106                           |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| III                                       | Xã Đak Jơ Ta  |                 |            |                               |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 1                                         |               | Thôn 3          |            | 138                           | Thôn 3               |            | 219                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 2                                         |               | Thôn 4          |            | 81                            |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| IV                                        | Xã Đăk Yă     |                 |            |                               |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 1                                         |               | Thôn Châu Khê   |            | 155                           | Thôn Châu Khê        |            | 225                           | Quý IV/2018         |                                      | X                                    |  |
| 2                                         |               | Thôn Châu Thành |            | 70                            |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 3                                         |               | Thôn Suối Phên  |            | 82                            | Thôn Châu Thành      |            | 250                           | Quý IV/2018         |                                      | X                                    |  |
|                                           |               |                 |            | 168                           |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| V                                         | Xã Đak Djrăng |                 |            |                               |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 1                                         |               | Làng Hrak       |            | 102                           | Làng H'rak           |            | 180                           | Quý IV/2018         |                                      | X                                    |  |
| 2                                         |               | Làng Đăk Boong  |            | 78                            |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 3                                         |               | Thôn Hà Ra      |            | 25                            | Thôn Hà Ra           |            | 117                           | Quý IV/2018         |                                      | X                                    |  |
|                                           |               |                 |            | 92                            |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| VI                                        | Xã Kon Thup   |                 |            |                               |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 1                                         |               | Làng Pơ Nang    |            | 126                           | Làng Pơ Nang         |            | 272                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 2                                         |               | Làng Sơ Bìr     |            | 146                           |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| VII                                       | Xã Kon Chiêng |                 |            |                               |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |





| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                |                               |      | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI   |                               |     | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-------------------------------------------|----------------|-------------------------------|------|------------------------|-------------------------------|-----|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
| Thôn                                      | Tổ dân phố     | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn | Tổ dân phố             | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |     |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                                         | 3              | 4                             | 5    | 6                      | 7                             | 8   | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|                                           | Làng Ktu       |                               | 102  | Làng Ktu               |                               | 127 | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           | Làng Hya       |                               | 25   |                        |                               |     |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng BChăk     |                               | 115  | Làng Git               |                               | 229 | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           |                |                               | 114  |                        |                               |     |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Kã Ayun</b>                            |                |                               |      |                        |                               |     |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 2         |                               | 150  | Thôn 2                 |                               | 280 | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 3         |                               | 130  |                        |                               |     |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 5         |                               | 43   | Thôn Đoàn Kết          |                               | 104 | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Thôn 6         |                               | 61   |                        |                               |     |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Kon Brung |                               | 116  | Làng Kon Brung         |                               | 290 | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Plei Groi      |                               | 174  |                        |                               |     |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Ta Dưm    |                               | 181  | Plei Atur              |                               | 257 | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Plei Atur      |                               | 76   |                        |                               |     |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Vai Vêng  |                               | 164  | Làng Đêkjêng           |                               | 219 | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           | Làng Đêkjêng   |                               | 55   |                        |                               |     |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           |                |                               | 56   | Làng Hiêr              |                               | 173 | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                                           | Làng Hiêr      |                               | 117  |                        |                               |     |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Kã Lor Pang</b>                        |                |                               |      |                        |                               |     |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Tơ Drah   |                               | 95   | Làng Đak Lah - Tơ Drah |                               | 185 | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Đak Lah   |                               | 90   |                        |                               |     |                     |                                           |                                      |                                            |
| <b>Kã Đê Ar</b>                           |                |                               |      |                        |                               |     |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Ar Btôk   |                               | 98   | Làng Ar Bơ Tôk         |                               | 211 | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                                           | Làng Ar Sek    |                               | 98   |                        |                               |     |                     |                                           |                                      |                                            |
|                                           | Làng Ar Pir    |                               | 15   |                        |                               |     |                     |                                           |                                      |                                            |

| S<br>T<br>T | Yêu<br>đơn<br>vị<br>hành<br>chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |            |                                           | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                                           | Thời gian<br>thực hiện | Hình thức chia, sáp<br>thôn, tổ dân phố |                                                        |   |
|-------------|-----------------------------------|-------------------------------------------|------------|-------------------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------|---|
|             |                                   | Thôn                                      | Tổ dân phố | Tổng số<br>hộ gia<br>đình<br>(ĐVT:<br>hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số<br>hộ gia<br>đình<br>(ĐVT:<br>hộ) |                        | Sáp<br>nhập<br>nguyên<br>trạng          | Chia,<br>sáp<br>nhập<br>giảm<br>thôn,<br>tổ dân<br>phố | C |
| 1           | 2                                 | 3                                         | 4          | 5                                         | 6                    | 7          | 8                                         | 9                      | 10                                      | 11                                                     |   |
| 4           |                                   | Làng DôchKtu                              |            | 77                                        | Làng Ar<br>DôchKotu  |            | 111                                       | Quý IV/2018            | X                                       |                                                        |   |
| 5           |                                   | Làng Ar Quái                              |            | 34                                        |                      |            |                                           |                        |                                         |                                                        |   |
| <b>XI</b>   | <b>Xã Đăk Trôi</b>                |                                           |            |                                           |                      |            |                                           |                        |                                         |                                                        |   |
| 1           |                                   | Làng Lơ Pang                              |            | 58                                        | Làng Đak Bót         |            | 229                                       | Quý IV/2018            | X                                       |                                                        |   |
| 2           |                                   | Làng Đê Kôih                              |            | 90                                        |                      |            |                                           |                        |                                         |                                                        |   |
| 3           |                                   | Làng Tơ Drah                              |            | 81                                        |                      |            |                                           |                        |                                         |                                                        |   |
| 4           |                                   | Làng Đê Klong                             |            | 107                                       | Làng Đak Bết         |            | 192                                       | Quý IV/2018            | X                                       |                                                        |   |
| 5           |                                   | Làng Đăk Hre                              |            | 85                                        |                      |            |                                           |                        |                                         |                                                        |   |
| 6           |                                   | Làng Klong                                |            | 78                                        | Làng Tơ Bla          |            | 189                                       | Quý IV/2018            | X                                       |                                                        |   |
| 7           |                                   | Làng Arim                                 |            | 57                                        |                      |            |                                           |                        |                                         |                                                        |   |
| 8           |                                   | Làng Đăk Hmok                             |            | 54                                        |                      |            |                                           |                        |                                         |                                                        |   |
| <b>S</b>    | <b>HUYỆN IA PA</b>                |                                           |            |                                           |                      |            |                                           |                        |                                         |                                                        |   |
| <b>I</b>    | <b>Xã Kim Tân</b>                 |                                           |            |                                           |                      |            |                                           |                        |                                         |                                                        |   |
| 1           |                                   | Thôn 1                                    |            | 183                                       | Thôn 1               |            | 242                                       | Quý IV/2018            |                                         | X                                                      |   |
| 2           |                                   | Thôn 2                                    |            | 59                                        |                      |            |                                           |                        |                                         |                                                        |   |
| 3           |                                   | Thôn 3                                    |            | 110                                       | Thôn 2               |            | 293                                       | Quý IV/2018            |                                         | X                                                      |   |
| 4           |                                   | Thôn Mơ Năng 1                            |            | 183                                       |                      |            |                                           |                        |                                         |                                                        |   |
| 5           |                                   | Thôn Blôm                                 |            | 151                                       | Thôn Blôm            |            | 392                                       | Quý IV/2018            | X                                       |                                                        |   |
|             |                                   |                                           |            | 241                                       |                      |            |                                           |                        |                                         |                                                        |   |
| <b>II</b>   | <b>Xã Ia Mron</b>                 |                                           |            |                                           |                      |            |                                           |                        |                                         |                                                        |   |
| 1           |                                   | Thôn Đăk Chá                              |            | 250                                       | Thôn Đăk Chá         |            | 330                                       | Quý IV/2018            | X                                       |                                                        |   |
| 2           |                                   | Thôn Hoa Sen                              |            | 80                                        |                      |            |                                           |                        |                                         |                                                        |   |



| Tên đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |
|-----------------------|-------------------------------------------|------------|-------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|
|                       | Thôn                                      | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |
| 2                     | 3                                         | 4          | 5                             | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                        | 11                                   | 12                                         |
|                       | Thôn Kim Năng 1                           |            | 160                           | Thôn Kim Năng        |            | 338                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                       | Thôn Kim Năng 2                           |            | 178                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Xã Ia Trok            |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       | Bôn Hoải                                  |            | 123                           | Ploi RNgôl           |            | 269                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                       | Ploi Ama Drung                            |            | 146                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Xã Chư Mố             |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       | Ploi Chrôh Braih                          |            | 65                            | Ploi Apa Oï H'Briu   |            | 262                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                       | Ploi Apa Oï H'Briu II                     |            | 197                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       | Ploi Apa Oï H'Briu I                      |            | 143                           | Ploi Apa Ama H'Lăk   |            | 296                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                       | Ploi Apa Ama H'Lăk                        |            | 153                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       | Ploi Apa Ama Lim I                        |            | 88                            | Ploi Apa Ama Lim     |            | 257                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                       | Ploi Apa Ama Lim II                       |            | 169                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       | Ploi Apa Oï H'Trông                       |            | 225                           | Ploi Apa Oï H'Trông  |            | 351                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                       | Ploi Apa Kdranh                           |            | 126                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Xã Ia Kdăm            |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       | Ploi Kdăm 1                               |            | 130                           | Ploi Kdăm            |            | 201                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                       | Ploi Kdăm 2                               |            | 71                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       | Bôn Bău                                   |            | 98                            | Bôn Dlai Bău         |            | 221                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |
|                       | Ploi Chrôh Kô                             |            | 65                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
|                       | Ploi Toan 1                               |            | 146                           | Ploi Toan            |            | 247                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |
|                       | Ploi Toan 2                               |            | 101                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |
| Xã Pờ Tô              |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |

| STT  | Tên đơn vị hành chính | THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |            |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp thôn, tổ dân phố |                                      |  |
|------|-----------------------|-------------------------------------------|------------|-------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--|
|      |                       | Thôn                                      | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố |  |
| 1    | 2                     | 3                                         | 4          | 5                             | 6                    | 7          | 8                             | 9                   | 10                                   | 11                                   |  |
| 1    |                       | Thôn Ksom                                 |            | 189                           | Thôn 1               |            | 332                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 2    |                       | Thôn 2                                    |            | 143                           |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 3    |                       | Thôn 3                                    |            | 109                           | Thôn 2               |            | 217                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 4    |                       | Thôn 4                                    |            | 108                           |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 5    |                       | Thôn Klá                                  |            | 124                           | Thôn 3               |            | 262                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 6    |                       | Thôn Đkun                                 |            | 138                           |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 7    |                       | Thôn Đron                                 |            | 159                           | Thôn 4               |            | 309                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 8    |                       | Thôn Kliếc A                              |            | 150                           |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 9    |                       | Thôn Kliếc B                              |            | 115                           | Thôn 5               |            | 203                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 10   |                       | Thôn Chư Gu                               |            | 88                            |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| VII  | Xã Ia Broãi           |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 1    |                       | Bôn Tong Ô                                |            | 64                            | Bôn Jứ               |            | 313                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 2    |                       | Bôn Jứ Ama Uốk                            |            | 144                           |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 3    |                       | Bôn Jứ Ama Hoét                           |            | 105                           |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| VIII | Xã Ia Tul             |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 1    |                       | Bôn Biah A                                |            | 114                           | Bôn Biah A           |            | 261                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 2    |                       | Bôn Blanh                                 |            | 147                           |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 3    |                       | Bôn Biah B                                |            | 93                            | Bôn Biah B           |            | 244                           | Quý IV/2018         | X                                    |                                      |  |
| 4    |                       | Bôn Biah C                                |            | 76                            |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| 5    |                       | Bôn Ia Ptao                               |            | 75                            |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |
| IX   | Xã Chư Răng           |                                           |            |                               |                      |            |                               |                     |                                      |                                      |  |





| THÔN, TỔ DÂN PHỐ THỰC HIỆN CHIA, SÁP NHẬP |                   |                               | THÔN, TỔ DÂN PHỐ MỚI |            |                               | Thời gian thực hiện | Hình thức chia, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                                      |                                            |    |
|-------------------------------------------|-------------------|-------------------------------|----------------------|------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|----|
| Thôn                                      | Tổ dân phố        | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) | Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |                     | Sáp nhập nguyên trạng                     | Chia, sáp nhập giảm thôn, tổ dân phố | Chia, sáp nhập không giảm thôn, tổ dân phố |    |
| 2                                         | 3                 | 4                             | 5                    | 6          | 7                             | 8                   | 9                                         | 10                                   | 11                                         | 12 |
|                                           | Thôn Bình Hòa     | 181                           | Thôn Bình Hòa        |            | 236                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |    |
|                                           | Thôn Bình Trung   | 55                            |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |    |
|                                           |                   | 88                            | Thôn Bình Tây        |            | 246                           | Quý IV/2018         |                                           | X                                    |                                            |    |
|                                           | Thôn Bình Tây     | 158                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |    |
|                                           | Thôn Vòng Boong 1 | 175                           | Thôn Vòng Boong      |            | 309                           | Quý IV/2018         | X                                         |                                      |                                            |    |
|                                           | Thôn Vòng Boong 2 | 134                           |                      |            |                               |                     |                                           |                                      |                                            |    |

## PHỤ LỤC SỐ 03

## DANH SÁCH

## THÔN, TỔ DÂN PHỐ KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN

## VỀ QUY MÔ SỐ HỘ GIA ĐÌNH THUỘC DIỆN ĐẶC THÙ, CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN SÁP NHẬP

(Kèm theo Đề án sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2018 - 2021)



| Tên thôn, tổ dân phố                                                            |               | Quy mô số hộ gia đình (DVT: hộ) |      |      |         |         |                                                | Diện tích tự nhiên (DVT: ha) | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập                                                             |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
|---------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------|---|
| Thôn                                                                            | Tổ dân phố    | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng |                              | Dân cư phân bố phân tán, dân trải trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liền kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu | Thôn thuộc diện quy hoạch giãn dân |   |
| 2                                                                               | 3             | 4                               | 5    | 6    | 7       | 8       | 9                                              | 10                           | 11                                                                                                        | 12                                                                      | 13                                              | 14                                                                                             | 15                              | 16                                                                                                                     | 17                                        | 18                         | 19                                                                                  | 20                                                                        | 21                                                          | 22                                 |   |
| Thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn, chưa đủ điều kiện sáp nhập theo từng |               |                                 |      |      |         |         |                                                |                              | 195                                                                                                       | 177                                                                     | 27                                              | 10                                                                                             | 73                              | 13                                                                                                                     | 69                                        | 12                         | 1                                                                                   | 19                                                                        | 3                                                           | 1                                  | 4 |
| THỊ PHỐ PLEIKU                                                                  |               |                                 |      |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
| Thị trấn Diên Hồng                                                              |               |                                 |      |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
|                                                                                 | Tổ dân phố 11 | 292                             | 291  | 1    |         |         | 23.73                                          |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
|                                                                                 | Tổ dân phố 13 | 282                             | 269  | 3    | 2       | 8       | 16.65                                          |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
| Thị trấn Yên Đỗ                                                                 |               |                                 |      |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
|                                                                                 | Tổ dân phố 13 | 282                             | 281  |      |         | 1       | 42.08                                          |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
| Thị trấn Hoa Lư                                                                 |               |                                 |      |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
|                                                                                 |               | 127                             | 10   | 115  | 2       |         | 182.24                                         | X                            |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
|                                                                                 | Tổ dân phố 9  | 270                             | 260  | 2    |         | 8       | 25.00                                          |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
|                                                                                 | Tổ dân phố 12 | 288                             | 286  | 1    |         | 1       | 87.00                                          |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
|                                                                                 | Tổ dân phố 13 | 259                             | 251  | 2    | 1       | 5       | 24.90                                          |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
| Thị trấn Thống Nhất                                                             |               |                                 |      |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
|                                                                                 | Tổ dân phố 3  | 289                             | 286  |      |         | 3       | 35.37                                          |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
|                                                                                 | Tổ dân phố 6  | 272                             | 268  | 1    |         | 3       | 49.93                                          |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
| Thị trấn Yên Thế                                                                |               |                                 |      |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
|                                                                                 | Tổ dân phố 9  | 258                             | 255  |      |         | 3       | 162.00                                         |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
| Thị trấn Phù Đồng                                                               |               |                                 |      |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
|                                                                                 | Tổ dân phố 9  | 270                             | 268  | 1    |         | 1       | 14.99                                          |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
|                                                                                 | Tổ dân phố 15 | 295                             | 281  | 1    |         | 13      | 24.66                                          |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
| Thị trấn Thắng Lợi                                                              |               |                                 |      |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
|                                                                                 | Nhập rông     | 71                              | 23   | 48   |         |         | 10.92                                          | X                            |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
|                                                                                 | Chuết 2       | 199                             | 69   | 130  |         |         | 114.02                                         |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
|                                                                                 | Tổ dân phố 8  | 290                             | 282  |      |         | 8       | 70.06                                          |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
| Thị trấn Đông Đa                                                                |               |                                 |      |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
|                                                                                 | Kép           | 177                             | 61   | 114  | 2       |         | 45.96                                          |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
| Thị trấn Sư Á                                                                   |               |                                 |      |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
|                                                                                 | Bông Bao      | 122                             | 8    | 114  |         |         | 156.27                                         | X                            |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |
|                                                                                 | Chuết Ngol    | 169                             | 65   | 104  |         |         | 54.88                                          | X                            |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |   |



| STT  | Tên thôn, tổ dân phố |               | Quy mô số hộ gia đình (DVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (DVT: ha) | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập  |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|------|----------------------|---------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
|      | Thôn                 | Tổ dân phố    | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng | Dân cư phân bố phân tán, dân trải trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liền kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu |
| 3    | Làng KTu             |               | 154                             | 6    | 148  |         |         | 100.72                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4    | Làng Nha Hyom        |               | 99                              | 45   | 54   |         |         | 68.04                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| X    | Xã An Phú            |               |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Thôn 4               |               | 190                             | 5    | 181  | 3       | 1       | 87.50                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Thôn 10              |               | 145                             | 7    | 138  |         |         | 52.10                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| XI   | Xã Trà Đa            |               |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Thôn 1               |               | 188                             | 186  |      |         | 2       | 92.07                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Thôn 5               |               | 188                             | 188  |      |         |         | 73.55                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| XII  | Xã Tân Sơn           |               |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Tềng 1          |               | 145                             | 2    | 143  |         |         | 100.50                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| XIII | Xã Chư Hdrông        |               |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Thôn Hâm Rông        |               | 130                             | 130  |      |         |         | 568.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Làng Châm Anêch      |               | 149                             | 9    | 140  |         |         | 215.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    | Làng Ngol Tã         |               | 46                              | 2    | 43   |         | 1       | 279.03                       |                                                |                                                                                                           | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| XIV  | Xã Ia Kênh           |               |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Thôn 1               |               | 82                              | 82   |      |         |         | 173.84                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Làng Osor            |               | 47                              | 4    | 41   | 1       | 1       | 582.69                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    | Làng Thông Ngó       |               | 114                             | 9    | 105  |         |         | 531.09                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4    | Làng Thông Yô        |               | 84                              | 4    | 80   |         |         | 264.02                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 5    | Làng Nhao 1          |               | 187                             | 43   | 143  |         | 1       | 701.09                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 6    | Làng Mơ Nủ           |               | 190                             | 6    | 181  |         | 3       | 579.23                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| XV   | Xã Gào               |               |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Thôn 5               |               | 105                             | 102  |      |         | 3       | 369.30                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Thôn 6               |               | 133                             | 119  |      |         | 14      | 700.00                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    | Làng B               |               | 103                             | 17   | 84   |         | 2       | 1,174.50                     |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4    | Làng C               |               | 101                             | 7    | 94   |         |         | 1,050.42                     |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 5    | Thôn 4               |               | 173                             | 171  | 1    |         | 1       | 420.00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 6    | Làng A               |               | 178                             | 1    | 171  |         | 6       | 800.00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 7    | Làng D               |               | 190                             |      | 190  |         |         | 1,282.38                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| B    | THỊ XÃ AN KHÊ        |               |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| I    | Phường An Bình       |               |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                      | Tổ dân phố 10 | 264                             | 261  |      |         | 3       | 345.36                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| II   | Phường An Phú        |               |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                      | Tổ dân phố 1  | 292                             | 291  |      | 1       |         | 24.74                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    |                      | Tổ dân phố 7  | 282                             | 279  |      | 1       | 2       | 15.43                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    |                      | Tổ dân phố 14 | 282                             | 280  |      |         | 2       | 11.97                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| III  | Phường An Phước      |               |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                      | Tổ dân phố 1  | 210                             | 210  |      |         |         | 218.88                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |

| Tên thôn, tổ dân phố                                                            |              | Quy mô số hộ gia đình (DVT: hộ) |      |      |         |         | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
|---------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|  | Tổ dân phố   | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác | Diện tích tự nhiên (DVT: ha)                  | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng | Dân cư phân bố phân tán, dân trải trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liên kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu | Thôn thuộc diện quy hoạch gần dân |
|                                                                                 |              |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
|                                                                                 | Tổ dân phố 2 | 274                             | 274  |      |         |         | 527.43                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| ng An                                                                           |              |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| Đội                                                                             |              | 66                              |      |      | 66      |         | 752.12                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| Thượng An 2                                                                     |              | 162                             | 162  |      |         |         | 787.81                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| Đàn An                                                                          |              |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| 3                                                                               |              | 193                             | 187  |      |         | 6       | 390.09                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                          |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| 4                                                                               |              | 194                             | 194  |      |         |         | 286.19                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                          |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| Đàn An                                                                          |              |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| Pờ Nang                                                                         |              | 57                              |      |      | 57      |         | 335.89                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| Nhỏi                                                                            |              | 47                              |      |      | 47      |         | 558.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| Hòa Bình                                                                        |              | 103                             |      |      | 103     |         | 407.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| Đàn An                                                                          |              |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| An Xuân 2                                                                       |              | 194                             | 194  |      |         |         | 741.00                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                          |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| CÁ AYUN PA                                                                      |              |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| ur Băh                                                                          |              |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| loại                                                                            |              | 182                             | 178  | 4    |         |         | 346.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| ir                                                                              |              | 129                             |      | 129  |         |         | 2.230.00                                      | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| liao                                                                            |              | 176                             | 1    | 175  |         |         | 830.42                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| thư Băh B                                                                       |              | 150                             |      | 150  |         |         | 2.000.00                                      |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| Sao                                                                             |              |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| Quyết Thắng                                                                     |              | 111                             |      | 110  | 1       |         | 967.75                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| Liệp                                                                            |              | 158                             | 11   | 147  |         |         | 191.02                                        |                                                |                                                                                                           | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| loang 1                                                                         |              | 183                             | 2    | 181  |         |         | 102.69                                        |                                                |                                                                                                           | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| loang 2                                                                         |              | 150                             | 1    | 149  |         |         | 127.84                                        |                                                |                                                                                                           | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| Rbol                                                                            |              |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| loanh                                                                           |              | 61                              |      | 61   |         |         | 8.58                                          | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| lưng Ma Rai                                                                     |              | 88                              |      | 88   |         |         | 619.08                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| Trái                                                                            |              | 131                             | 1    | 130  |         |         | 16.37                                         | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| ar                                                                              |              | 159                             |      | 159  |         |         | 37.07                                         | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| lưng Ma Nhù                                                                     |              | 133                             | 2    | 131  |         |         | 439.08                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| lưng Ma Nín                                                                     |              | 177                             |      | 177  |         |         | 4.467.09                                      | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| lưng Ma Doan                                                                    |              | 187                             | 5    | 182  |         |         | 113.33                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| Rtô                                                                             |              |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| Phu Ama Nher 2                                                                  |              | 136                             | 12   | 124  |         |         | 129.74                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| ur Ama Nai                                                                      |              | 111                             |      | 111  |         |         | 698.83                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| Phu Ama Nher 1                                                                  |              | 146                             | 23   | 123  |         |         | 957.40                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| Phu Ama Mieng                                                                   |              | 167                             | 10   | 157  |         |         | 159.91                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |
| ng Hòa Bình                                                                     |              |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                   |



| STT  | Tên thôn, tổ dân phố                                                             |               | Quy mô số hộ gia đình (DVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (DVT: ha) | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập  |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
|      |  | Tổ dân phố    | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng | Dân cư phân bố phân tán, dân trải trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liền kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu |
| 5    |                                                                                  | Tổ dân phố 8  | 142                             | 90   | 51   | 1       |         | 15.52                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 6    |                                                                                  | Tổ dân phố 5  | 200                             | 196  | 3    |         | 1       | 26.07                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 7    |                                                                                  | Tổ dân phố 6  | 139                             | 139  |      |         |         | 15.02                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 8    |                                                                                  | Tổ dân phố 7  | 166                             | 166  |      |         |         | 170.30                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| VI   | Phường Đoàn Kết                                                                  |               |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Tổ dân phố 4  | 151                             | 148  | 3    |         |         | 10.98                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    |                                                                                  | Tổ dân phố 5  | 146                             | 141  | 3    |         | 2       | 11.33                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    |                                                                                  | Tổ dân phố 6  | 181                             | 180  |      |         | 1       | 5.18                         | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4    |                                                                                  | Tổ dân phố 8  | 172                             | 95   | 77   |         |         | 61.15                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 5    |                                                                                  | Tổ dân phố 9  | 191                             | 35   | 153  |         | 3       | 43.37                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 6    |                                                                                  | Tổ dân phố 10 | 151                             | 73   | 77   |         | 1       | 100.91                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 7    |                                                                                  | Tổ dân phố 1  | 208                             | 169  | 39   |         |         | 78.80                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 8    |                                                                                  | Tổ dân phố 2  | 288                             | 281  | 5    |         | 2       | 31.68                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 9    |                                                                                  | Tổ dân phố 3  | 223                             | 216  | 5    |         | 2       | 20.48                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 10   |                                                                                  | Tổ dân phố 7  | 255                             | 250  | 1    |         | 4       | 7.95                         |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| VII  | Phường Sông Bờ                                                                   |               |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Tổ dân phố 9  | 211                             | 16   | 195  |         |         | 76.13                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    |                                                                                  | Tổ dân phố 7  | 191                             | 191  |      |         |         | 53.66                        |                                                |                                                                                                           | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    |                                                                                  | Tổ dân phố 8  | 242                             | 224  | 17   |         | 1       | 65.86                        |                                                |                                                                                                           | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| VIII | Phường Chèo Reo                                                                  |               |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Tổ dân phố 1  | 175                             | 165  | 3    |         | 7       | 167.88                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    |                                                                                  | Tổ dân phố 4  | 270                             | 130  | 136  |         | 4       | 93.24                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    |                                                                                  | Tổ dân phố 3  | 268                             | 99   | 169  |         |         | 53.15                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4    |                                                                                  | Tổ dân phố 2  | 153                             | 140  | 12   |         | 1       | 32.20                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 5    |                                                                                  | Tổ dân phố 5  | 156                             | 148  | 4    |         | 4       | 119.45                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| D    | HUYỆN KBANG                                                                      |               |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| I    | Thị trấn Kbang                                                                   |               |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Hốp                                                                         |               | 51                              | 1    |      | 50      |         | 58.67                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Làng Chiềng                                                                      |               | 49                              |      |      | 49      |         | 93.58                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    | Làng Groi                                                                        |               | 92                              | 1    |      | 91      |         | 8.50                         | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4    | Làng HTàng                                                                       |               | 68                              | 1    |      | 67      |         | 6.25                         | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 5    | Làng Chreh                                                                       |               | 30                              | 1    |      | 29      |         | 64.63                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 6    | Làng Nak                                                                         |               | 112                             |      |      | 111     | 1       | 6.94                         | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 7    |                                                                                  | Tổ dân phố 21 | 179                             | 170  |      |         | 9       | 482.79                       |                                                |                                                                                                           | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| II   | Xã Sơn Lãng                                                                      |               |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Đăk Asêl                                                                    |               | 90                              | 10   |      | 80      |         | 170.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Làng Đăk Tơ Ngilông                                                              |               | 54                              | 1    |      | 53      |         | 26.00                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    | Làng Hà Lâm                                                                      |               | 90                              | 5    |      | 85      |         | 106.30                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |

| Tên thôn, tổ dân phố                                                            |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
|---------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------|
|  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | ĐT khác | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha)                  | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng | Dân cư phân bố phân tán, dân trải trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liền kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu | Thôn thuộc diện quy hoạch giảm dân |
|                                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Điện Biên                                                                       |            | 126                             | 56   |      | 66      | 4       | 32.30                                         | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Là Nùng                                                                         |            | 125                             | 9    |      | 114     | 2       | 137.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Rết                                                                         |            | 129                             | 4    |      | 125     |         | 76.30                                         | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư An                                                                          |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Lự                                                                          |            | 155                             |      |      | 155     |         | 503.00                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Păi                                                                         |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Lư                                                                          |            | 135                             | 1    |      | 134     |         | 899.85                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Kơ                                                                          |            | 136                             | 26   |      | 110     |         | 866.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Rong                                                                        |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Lóc 1                                                                       |            | 69                              | 1    |      | 68      |         | 1,040.77                                      |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Lóc 2                                                                       |            | 53                              | 1    |      | 52      |         | 1,492.10                                      |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Lành Te                                                                     |            | 80                              | 1    |      | 77      | 2       | 2,471.65                                      |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Von 1                                                                       |            | 78                              | 1    |      | 77      |         | 4,607.70                                      |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Von 2                                                                       |            | 67                              | 2    |      | 64      | 1       | 6,549.90                                      |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Đing 2                                                                      |            | 61                              | 2    |      | 59      |         | 1,491.90                                      |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư U                                                                           |            | 66                              | 61   |      |         | 5       | 731.18                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Long                                                                        |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Ngăn                                                                        |            | 84                              |      |      | 84      |         | 3,757.60                                      |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Tung                                                                        |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Tor                                                                         |            | 86                              | 5    | 1    | 77      | 3       | 619.90                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Klêch                                                                       |            | 91                              | 6    |      | 43      | 42      | 797.90                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Nam Cao                                                                     |            | 108                             | 8    |      |         | 100     | 621.46                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Ku                                                                          |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Càng                                                                        |            | 46                              |      |      | 46      |         | 2,304.08                                      | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Bôn                                                                         |            | 86                              | 1    |      | 85      |         | 1,101.42                                      | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Lự                                                                          |            | 45                              |      |      | 45      |         | 1,176.87                                      | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Chơch                                                                       |            | 101                             | 1    |      | 98      | 2       | 1,242.23                                      |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư                                                                             |            | 133                             | 46   |      |         | 87      | 3,525.54                                      |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Bông                                                                        |            | 46                              |      |      | 46      |         | 401.10                                        |                                                |                                                                                                           | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Lơng Khơng                                                                  |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Kdau                                                                        |            | 80                              | 7    |      |         | 73      | 339.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Mơ Tôn                                                                      |            | 80                              | 3    |      | 64      | 13      | 131.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Dơng                                                                        |            | 41                              | 3    |      | 38      |         | 602.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Hbang                                                                       |            | 163                             | 141  |      |         | 22      | 252.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Giang                                                                       |            | 172                             | 32   |      | 136     | 4       | 657.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Ngai                                                                        |            | 137                             | 75   |      | 54      | 8       | 500.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chư Hlor                                                                        |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |



| STT  |  | Tên thôn, tổ dân phố | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |         |         |                                                | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập                                                     |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------|------|---------|---------|------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
|      |                                                                                 | Tổng số              | Kinh                            | Jrai | Bah nar | ĐT khác | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng |                              | Dân cư phân tán, dân trải trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liền kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu |
| 1    | Làng Lọt                                                                        |                      | 63                              | 1    |         | 62      |                                                | 394.29                       | X                                                                                                 |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| XI   | Xã Kông Bờ La                                                                   |                      |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                   |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Lọt                                                                        |                      | 109                             |      |         | 107     | 2                                              | 1.354.20                     | X                                                                                                 |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Làng Briêng                                                                     |                      | 108                             |      |         | 108     |                                                | 979.30                       | X                                                                                                 |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| XII  | Xã Dak Smar                                                                     |                      |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                   |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Krôi                                                                       |                      | 142                             | 3    |         | 138     | 1                                              | 167.80                       | X                                                                                                 |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| XIII | Xã Kon Pnê                                                                      |                      |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                   |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Kon Kring                                                                  |                      | 83                              | 2    |         | 81      |                                                | 5.429.50                     | X                                                                                                 |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Làng Kon Hleng                                                                  |                      | 125                             | 2    |         | 123     |                                                | 6.965.20                     |                                                                                                   |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    | Làng Kon Ktonh                                                                  |                      | 181                             | 21   |         | 157     | 3                                              | 4.986.50                     |                                                                                                   |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| E    | HUYỆN CHƯ SÊ                                                                    |                      |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                   |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Xã Ia Tiêm                                                                      |                      |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                   |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Lê Anh                                                                     |                      | 90                              | 5    | 85      |         |                                                | 278.10                       | X                                                                                                 |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Làng Nù                                                                         |                      | 167                             | 8    | 159     |         |                                                | 417.10                       |                                                                                                   |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    | Làng Lê Ngol                                                                    |                      | 175                             | 3    | 172     |         |                                                | 313.20                       |                                                                                                   |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4    | Làng Khôi Zét                                                                   |                      | 158                             | 2    | 156     |         |                                                | 323.20                       |                                                                                                   |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 5    | Thôn 19                                                                         |                      | 137                             | 137  |         |         |                                                | 274.80                       | X                                                                                                 |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| II   | Xã Đun                                                                          |                      |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                   |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Rìng Ràng                                                                  |                      | 154                             | 59   |         | 95      |                                                | 67.71                        | X                                                                                                 |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Làng Greo Pét                                                                   |                      | 155                             | 53   | 102     |         |                                                | 215.53                       | X                                                                                                 |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| III  | Xã Bờ Ngoang                                                                    |                      |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                   |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Thôn Đồng Tâm                                                                   |                      | 186                             | 182  | 4       |         |                                                | 227.32                       | X                                                                                                 |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Thôn Tân Tiến                                                                   |                      | 105                             | 102  | 3       |         |                                                | 245.43                       | X                                                                                                 |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    | Thôn Đoàn Kết                                                                   |                      | 179                             | 179  |         |         |                                                | 127.68                       | X                                                                                                 |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4    | Làng Quai                                                                       |                      | 165                             |      | 165     |         |                                                | 330.91                       | X                                                                                                 |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 5    | Làng Thoang Nha                                                                 |                      | 195                             | 12   | 5       | 178     |                                                | 270.54                       | X                                                                                                 |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 6    | Thôn 16                                                                         |                      | 142                             | 140  | 2       |         |                                                | 182.38                       |                                                                                                   |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 7    | Làng Dơ Nâu                                                                     |                      | 151                             | 2    | 149     |         |                                                | 770.77                       |                                                                                                   |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| IV   | Xã Hhông                                                                        |                      |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                   |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Kueng Đông                                                                 |                      | 198                             | 21   | 167     |         | 10                                             | 644.27                       |                                                                                                   |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| V    | Xã Ia Hlốp                                                                      |                      |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                   |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Gran                                                                       |                      | 97                              | 20   | 77      |         |                                                | 88.43                        |                                                                                                   |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Làng Á                                                                          |                      | 93                              | 14   | 79      |         |                                                | 273.36                       |                                                                                                   |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    | Làng Tol                                                                        |                      | 58                              | 37   | 21      |         |                                                | 261.40                       |                                                                                                   |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4    | Làng Sor                                                                        |                      | 183                             | 15   | 168     |         |                                                | 455.25                       |                                                                                                   |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| VI   | Xã Ia Pal                                                                       |                      |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                   |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Thôn 5                                                                          |                      | 159                             | 156  | 3       |         |                                                | 192.10                       |                                                                                                   |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| VII  | Xã Ia Ko                                                                        |                      |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                                   |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |

| Tên thôn, tổ dân phố |              | Quy mô số hộ gia đình (DVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (DVT: ha) | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập  |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
|----------------------|--------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| Thôn                 | Tổ dân phố   | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng | Dân cư phân bố phân tán, dân trải trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liền kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu | Thôn thuộc diện quy hoạch giảm dân |
| Đưng Bả              |              | 196                             | 42   | 154  |         |         | 742.46                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| a Doa                |              | 87                              | 6    | 78   | 3       |         | 149.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Từ Kỳ Bắc            |              | 171                             | 170  |      |         | 1       | 359.00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Glai                 |              |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Thủy Lợi             |              | 87                              | 87   |      |         |         | 110.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Nhơn Phú             |              | 172                             | 172  |      |         |         | 435.14                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Hương Phú            |              | 137                             | 135  | 2    |         |         | 245.00                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Del                  |              | 171                             | 71   | 100  |         |         | 347.00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Ngôi                 |              | 137                             | 7    | 130  |         |         | 545.00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Nông Trường          |              | 133                             | 127  |      | 6       |         | 655.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| ang                  |              | 123                             | 28   | 95   |         |         | 247.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Vườn Ươm             |              | 115                             | 111  |      | 4       |         | 220.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Blang                |              |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Coái                 |              | 65                              |      | 65   |         |         | 60.60                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Nhà                  |              | 110                             |      | 110  |         |         | 78.70                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| 2                    |              | 174                             | 174  |      |         |         | 122.90                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| ư Pong               |              |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Hồ Lâm               |              | 113                             | 8    | 105  |         |         | 477.35                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Hồ Lang              |              | 115                             | 32   | 83   |         |         | 486.15                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Đoàn Kết             |              | 101                             | 101  |      |         |         | 458.23                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Thái Hà              |              | 121                             | 121  |      |         |         | 503.15                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| EN IA GRAI           |              |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| ấn Ia Kha            |              |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Yam                  |              | 129                             | 15   | 114  |         |         | 135.45                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Kép                  |              | 104                             | 10   | 94   |         |         | 70.46                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
|                      | Tổ dân phố 5 | 215                             | 210  | 5    |         |         | 27.80                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| 1                    |              | 142                             | 139  | 1    |         | 2       | 173.17                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| 2                    |              | 148                             | 147  | 1    |         |         | 213.53                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Khai                 |              |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Nhà                  |              | 92                              | 2    | 87   | 1       | 2       | 199.00                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Trăng Bô             |              | 162                             | 40   | 120  | 2       |         | 119.00                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Ch                   |              | 144                             | 18   | 126  |         |         | 134.00                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Tùng Chúc            |              | 137                             | 2    | 135  |         |         | 121.92                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Yon                  |              | 142                             | 1    | 141  |         |         | 466.00                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chiã                 |              |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Tang                 |              | 31                              |      | 31   |         |         | 1,292.40                     |                                                |                                                                                                           | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |





| STT                  |  | Thôn            | Tổ dân phố | Quy mô số hộ gia đình (DVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (DVT: ha) | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập  |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|----------------------|--|-----------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
|                      |  |                 |            | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng | Dân cư phân bố phân tán, dân trải trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liền kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu |
| 2                    |  | Làng Pò         |            | 60                              | 10   | 50   |         |         | 724.00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3                    |  | Làng Kom Yô     |            | 162                             | 46   | 113  |         | 3       | 268.10                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4                    |  | Làng Nủ 1       |            | 107                             | 4    | 103  |         |         | 1.292.40                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 5                    |  | Làng Bang       |            | 148                             | 2    | 146  |         |         | 302.20                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| <b>IV Xã Ia Krăi</b> |  |                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1                    |  | Làng Bì Đe      |            | 95                              | 19   | 76   |         |         | 367.70                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2                    |  | Thôn 5          |            | 178                             | 178  |      |         |         | 312.50                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3                    |  | Làng Doch Tung  |            | 71                              | 10   | 61   |         |         | 659.80                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4                    |  | Làng Kăm        |            | 80                              | 16   | 64   |         |         | 181.60                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 5                    |  | Làng Bì Ia Yom  |            | 74                              | 13   | 61   |         |         | 185.56                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 6                    |  | Làng Bì Ia Nách |            | 73                              | 15   | 58   |         |         | 856.50                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 7                    |  | Làng Tung Bưng  |            | 86                              | 25   | 61   |         |         | 735.20                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 8                    |  | Thôn 2          |            | 165                             | 165  |      |         |         | 181.50                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 9                    |  | Làng Doch Kuê   |            | 119                             | 21   | 98   |         |         | 444.30                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 10                   |  | Làng Ô          |            | 133                             | 11   | 122  |         |         | 322.80                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 11                   |  | Làng Myah       |            | 126                             | 13   | 113  |         |         | 505.50                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| <b>V Xã Ia Grăng</b> |  |                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1                    |  | Làng Khúp       |            | 81                              | 20   | 61   |         |         | 371.40                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2                    |  | Làng Gôk        |            | 74                              | 14   | 60   |         |         | 331.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3                    |  | Làng Ôrê 1      |            | 118                             | 8    | 110  |         |         | 374.09                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4                    |  | Làng Ôrê 1      |            | 159                             | 44   | 115  |         |         | 217.90                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 5                    |  | Làng Mèo        |            | 101                             | 62   | 39   |         |         | 714.50                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 6                    |  | Làng Châm       |            | 184                             |      | 184  |         |         | 375.40                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 7                    |  | Làng Ôrê 2      |            | 159                             | 97   | 62   |         |         | 296.70                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| <b>VI Xã Ia Dêr</b>  |  |                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1                    |  | Thôn Hà Thanh   |            | 91                              | 90   |      |         | 1       | 119.02                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2                    |  | Làng Bông 3     |            | 180                             | 15   | 165  |         |         | 789.00                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3                    |  | Làng Ia Tong    |            | 132                             | 52   | 80   |         |         | 987.00                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4                    |  | Làng Jut 1      |            | 179                             | 34   | 145  |         |         | 153.00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                          |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 5                    |  | Làng Jut 2      |            | 153                             | 7    | 146  |         |         | 218.00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                          |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| <b>II Xã Ia Tô</b>   |  |                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|                      |  | Làng Krung      |            | 147                             | 5    | 142  |         |         | 411.60                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|                      |  | Làng Te         |            | 71                              |      | 71   |         |         | 178.80                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|                      |  | Thôn 5          |            | 102                             | 102  |      |         |         | 285.60                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|                      |  | Thôn 6          |            | 187                             | 185  |      |         | 2       | 523.60                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|                      |  | Thôn 10         |            | 143                             | 141  |      |         | 2       | 400.40                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|                      |  | Làng Nang       |            | 165                             |      | 165  |         |         | 462.00                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |

| Tên thôn, tổ dân phố                                                            |            | Quy mô số hộ gia đình (DVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (DVT: ha) | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập  |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|---------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
|  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng | Dân cư phân bố phân tán, dân trải trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liền kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu |
| Đông                                                                            |            | 145                             |      | 145  |         |         | 406.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông 1                                                                          |            | 110                             | 25   | 85   |         |         | 308.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|                                                                                 |            | 80                              | 80   |      |         |         | 224.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Sao                                                                             |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 93                              | 5    | 88   |         |         | 364.10                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 115                             | 9    | 106  |         |         | 508.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông Thành                                                                      |            | 147                             | 122  | 25   |         |         | 182.73                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông Tân                                                                        |            | 198                             | 193  |      | 5       |         | 321.85                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|                                                                                 |            | 186                             | 1    | 185  |         |         | 186.29                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông 1                                                                          |            | 130                             | 2    | 128  |         |         | 287.75                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 151                             | 3    | 148  |         |         | 204.26                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 137                             | 50   | 86   |         | 1       | 870.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 165                             | 117  | 48   |         |         | 710.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 176                             | 51   | 91   |         | 34      | 1,490.00                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 183                             | 34   | 149  |         |         | 2,305.41                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 196                             | 67   | 129  |         |         | 328.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 197                             | 190  |      |         | 7       | 1,222.00                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 156                             | 149  |      |         | 7       | 392.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 162                             | 148  |      |         | 14      | 450.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 188                             | 188  |      |         |         | 967.90                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 130                             | 130  |      |         |         | 125.30                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 154                             | 154  |      |         |         | 150.10                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 154                             | 16   | 136  |         | 2       | 1,527.38                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 47                              | 6    |      | 41      |         | 432.61                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 63                              | 25   |      | 38      |         | 590.43                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 110                             |      |      | 110     |         | 327.66                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 99                              |      |      | 99      |         | 460.65                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 83                              | 3    |      | 80      |         | 369.61                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 187                             | 44   | 2    | 108     | 33      | 1,247.83                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Đông                                                                            |            | 159                             | 8    |      | 151     |         | 957.83                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |



|             | Tên thôn, tổ dân phố                                                             |            | Quy mô số hộ gia đình (DVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (DVT: ha) | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập  |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
|             |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng | Dân cư phân bố phân tán, dân trải trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liền kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu |
| 3           | Thôn 10                                                                          |            | 75                              | 74   |      |         | 1       | 551.23                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| <b>III</b>  | <b>Xã An Trung</b>                                                               |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1           | Làng Ô                                                                           |            | 62                              | 29   |      | 33      |         | 314.20                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2           | Làng Brô                                                                         |            | 138                             | 46   |      | 92      |         | 476.30                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3           | Làng Chiêu Liền                                                                  |            | 122                             | 67   |      | 55      |         | 1,047.19                     |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4           | Làng S'Kiết                                                                      |            | 72                              | 21   |      | 51      |         | 1,163.10                     |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 5           | Làng Biền                                                                        |            | 116                             | 58   |      | 58      |         | 591.50                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 6           | Thôn Ya Yền                                                                      |            | 76                              | 76   |      |         |         | 507.84                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| <b>IV</b>   | <b>Xã Chơ Long</b>                                                               |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1           | Làng Brul                                                                        |            | 199                             | 23   | 22   | 144     | 10      | 1,640.14                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2           | Làng Klăh                                                                        |            | 89                              | 21   |      | 68      |         | 1,410.33                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3           | Thôn 8                                                                           |            | 85                              | 81   |      |         | 4       | 1,223.64                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4           | Thôn 9                                                                           |            | 124                             | 80   |      |         | 44      | 1,543.84                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| <b>V</b>    | <b>Xã Ya Ma</b>                                                                  |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1           | Làng TNúng 2                                                                     |            | 110                             | 19   |      | 91      |         | 372.18                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2           | Làng Hơ                                                                          |            | 56                              | 3    |      | 53      |         | 1,560.43                     |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| <b>VI</b>   | <b>Xã Đăk Tô Pang</b>                                                            |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1           | Làng Brăng                                                                       |            | 103                             | 15   |      | 87      | 1       | 2,106.20                     |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| <b>VII</b>  | <b>Xã Đăk Kơ Nưng</b>                                                            |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1           | Làng Nhang Lôm                                                                   |            | 147                             | 13   |      | 133     | 1       | 3,000.00                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2           | Làng H'Tiêng                                                                     |            | 94                              | 15   |      | 79      |         | 2,800.00                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| <b>VIII</b> | <b>Xã Đăk Pơ Pho</b>                                                             |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1           | Thôn 2                                                                           |            | 114                             | 113  |      |         | 1       | 781.40                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2           | Làng Kúc Gmôi                                                                    |            | 101                             | 12   |      | 89      |         | 757.89                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| <b>IX</b>   | <b>Xã Chư Krey</b>                                                               |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1           | Làng Sơ Rơ                                                                       |            | 155                             | 40   |      | 115     |         | 1,337.39                     |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2           | Làng Vêh                                                                         |            | 108                             | 6    |      | 102     |         | 2,147.39                     |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3           | Làng Lơ Pơ                                                                       |            | 97                              | 5    |      | 51      | 41      | 2,257.34                     |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4           | Làng Hrech Kôn                                                                   |            | 86                              | 7    |      | 79      |         | 2,249.67                     |                                                |                                                                                                           | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| <b>X</b>    | <b>Xã Srô</b>                                                                    |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1           | Làng Quêl                                                                        |            | 128                             | 48   |      | 80      |         | 3,132.00                     |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2           | Làng Sơ Rô                                                                       |            | 83                              | 3    |      | 80      |         | 1,660.00                     |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3           | Làng Kưêk                                                                        |            | 89                              | 4    |      | 85      |         | 1,780.00                     |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4           | Làng Păng                                                                        |            | 40                              | 4    |      | 36      |         | 1,560.00                     |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 5           | Làng Bya                                                                         |            | 128                             | 9    |      | 119     |         | 3,116.00                     |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| <b>XI</b>   | <b>Xã Đăk Păng</b>                                                               |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1           | Làng Brang                                                                       |            | 118                             | 3    |      | 115     |         | 5,379.00                     |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2           | Làng Thưng                                                                       |            | 93                              | 3    |      | 90      |         | 4,315.80                     |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |





| STT  |  | Tên thôn, tổ dân phố | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |         |         |                                                | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha) | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập                                          |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------|------|---------|---------|------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
|      |                                                                                  | Tổng số              | Kinh                            | Jrai | Bah nar | ĐT khác | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng |                              | Dân cư phân bố trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liền kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu |
| X    |                                                                                  | Xã Chơrô Ponau       |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Thôn Sô Ma Lơng B    | 182                             | 3    | 178     |         | 1                                              | 20.22                        |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            | X                                                                                   |                                                                           |                                                             |
| K    |                                                                                  | HUYEN ĐỨC CỎ         |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| I    |                                                                                  | Thị trấn Chư Ty      |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Làng Tröl Deng       | 113                             | 4    | 109     |         |                                                | 44.19                        | X                                                                                      |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| II   |                                                                                  | Xã Ia Nan            |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Thôn Ia Boong        | 126                             | 114  |         |         | 12                                             | 564.22                       | X                                                                                      |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    |                                                                                  | Thôn Ia Nhù          | 178                             | 178  |         |         |                                                | 797.08                       | X                                                                                      |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    |                                                                                  | Làng Sơn             | 195                             | 45   | 150     |         |                                                | 873.21                       |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4    |                                                                                  | Thôn Ia Đao          | 165                             | 164  |         |         | 1                                              | 738.21                       |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 5    |                                                                                  | Thôn Ia Kle          | 195                             | 194  |         |         | 1                                              | 873.21                       |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                          |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| III  |                                                                                  | Xã Ia Dok            |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Thôn Lẻ Kim          | 86                              | 83   | 3       |         |                                                | 210.90                       |                                                                                        | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    |                                                                                  | Làng Lang            | 123                             | 5    | 118     |         |                                                | 472.80                       |                                                                                        | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    |                                                                                  | Làng Do              | 161                             | 42   | 119     |         |                                                | 581.70                       |                                                                                        | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4    |                                                                                  | Làng Dok Lăh         | 180                             | 52   | 124     |         | 4                                              | 519.40                       |                                                                                        | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| IV   |                                                                                  | Xã Ia Lang           |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Làng Phang           | 159                             | 20   | 139     |         |                                                | 776.00                       |                                                                                        |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| V    |                                                                                  | Xã Ia Krêl           |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Làng Ngơ Rông        | 122                             | 9    | 113     |         |                                                | 481.91                       | X                                                                                      |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    |                                                                                  | Làng Krol            | 123                             | 5    | 115     |         | 3                                              | 192.88                       | X                                                                                      |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    |                                                                                  | Thôn Ia Lâm Tók      | 146                             | 144  |         |         | 2                                              | 435.47                       |                                                                                        | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4    |                                                                                  | Thôn Ia Kăm          | 101                             | 96   |         |         | 5                                              | 346.92                       |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| VI   |                                                                                  | Xã Ia Kriêng         |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Làng Ấp              | 181                             | 46   | 125     |         | 10                                             | 1,276.20                     |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                          |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    |                                                                                  | Làng Grôn            | 169                             | 43   | 120     | 2       | 4                                              | 1,594.06                     |                                                                                        |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| VII  |                                                                                  | Xã Ia Đin            |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Thôn Đồng Tâm 1      | 181                             | 176  |         |         | 5                                              | 224.90                       |                                                                                        | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    |                                                                                  | Làng Yit Rông 2      | 122                             | 31   | 89      |         | 2                                              | 442.80                       |                                                                                        | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| VIII |                                                                                  | Xã Ia Đom            |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Thôn Cửa khẩu        | 108                             | 108  |         |         |                                                | 364.80                       |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| IX   |                                                                                  | Xã Ia Pnôn           |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Làng Ba              | 170                             | 9    | 159     |         | 2                                              | 2,753.00                     |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    |                                                                                  | Làng Triêl           | 89                              | 12   | 75      |         | 2                                              | 2,168.00                     |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| L    |                                                                                  | HUYEN CHU' PUIH      |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Thị trấn Nhơn Hòa    |                                 |      |         |         |                                                |                              |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Plei Tồng Will       | 164                             | 7    | 157     |         |                                                | 473.60                       |                                                                                        |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    |                                                                                  | Thôn Hòa Phú         | 160                             | 158  | 2       |         |                                                | 39.30                        |                                                                                        |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                          |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |

| Tên thôn, tổ dân phố |            | Quy mô số hộ gia đình (DVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (DVT: ha) | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập  |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|----------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng | Dân cư phân bố phân tán, dân trải trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liền kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu |
| o                    |            | 109                             | 4    | 105  |         |         | 13.40                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           | X                          |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| ông A                |            | 115                             | 13   | 10   | 92      |         | 25.90                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Phang                |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Thoh Nhung           |            | 194                             | 18   | 173  |         | 3       | 965.20                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Hrú                  |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Thông B              |            | 77                              | 4    | 6    | 67      |         | 271.67                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| ong Yong             |            | 164                             | 31   | 132  |         | 1       | 409.89                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Thủ Quang            |            | 193                             | 193  |      |         |         | 327.35                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Thủ Rung             |            | 166                             | 33   | 129  | 2       | 2       | 542.47                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Dreng                |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Thung Mo B           |            | 148                             | 75   | 72   |         | 1       | 375.00                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| ur Don               |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| óp                   |            | 78                              | 5    | 67   | 5       | 1       | 557.35                       |                                                |                                                                                                           | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| gàng                 |            | 33                              | 3    | 17   | 13      |         | 109.40                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| a Khung              |            | 155                             | 5    | 150  |         |         | 1,380.86                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Bủ                   |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| ải                   |            | 66                              |      | 31   | 35      |         | 60.50                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Le                   |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| i Brel               |            | 116                             | 1    |      |         | 115     | 1,084.00                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| a Bía                |            | 105                             |      | 105  |         |         | 318.00                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| i Jol                |            | 96                              |      |      |         | 96      | 965.03                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| hung                 |            | 13                              |      | 13   |         |         | 109.00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|                      |            | 198                             | 169  |      |         | 29      | 1,069.00                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| hủy Phú              |            | 198                             | 198  |      |         |         | 964.00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Ha                   |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Thung                |            | 60                              | 21   | 39   |         |         | 2,410.00                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| C                    |            | 120                             | 99   | 1    |         | 20      | 1,020.00                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| ây Xoài              |            | 162                             | 147  |      |         | 15      | 2,915.00                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| ur Keo               |            | 172                             | 86   | 52   |         | 34      | 779.00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| ur B                 |            | 198                             | 125  | 27   |         | 46      | 2,491.00                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| ông Kék              |            | 68                              | 8    | 60   |         |         | 1,894.00                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| rong                 |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| e Tel                |            | 104                             | 10   | 94   |         |         | 162.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| i Sám                |            | 160                             | 84   | 74   | 2       |         | 445.00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| eng Nong             |            | 194                             | 81   | 112  | 1       |         | 416.00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| hổ Roa               |            | 105                             | 42   | 61   |         | 2       | 134.00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        | X                                         |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| N CHƯ PẢH            |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |



| STT  | Tên thôn, tổ dân phố |              | Quy mô số hộ gia đình (DVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (DVT: ha) | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập  |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|------|----------------------|--------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
|      | Thôn                 | Tổ dân phố   | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng | Dân cư phân bố phân tán, dân trải trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liền kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu |
| I    | Thị trấn Ia Lỳ       |              |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Bloi            |              | 166                             | 2    | 164  |         |         | 656.50                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Làng Yăh             |              | 78                              |      | 78   |         |         | 635.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| II   | Thị trấn Phú Hòa     |              |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Krăi            |              | 125                             | 2    | 123  |         |         | 110.83                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    |                      | Tổ dân phố 3 | 256                             | 252  | 4    |         |         | 96.50                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| III  | Xã Ia Khrol          |              |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Tơ Vơ 2         |              | 57                              |      | 57   |         |         | 360.00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Làng Rơ Vai          |              | 124                             |      | 124  |         |         | 664.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    | Thôn Tân Lập         |              | 151                             | 151  |      |         |         | 675.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4    | Làng Tơ Vơ           |              | 143                             | 1    |      | 142     |         | 959.33                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 5    | Làng Kiền            |              | 118                             | 9    |      | 109     |         | 1,054.15                     |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 6    | Thôn Đại An 1        |              | 156                             | 156  |      |         |         | 614.00                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 7    | Thôn Đại An 2        |              | 122                             | 118  |      |         | 4       | 634.00                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 8    | Làng Kach            |              | 133                             | 6    | 127  |         |         | 1,114.00                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 9    | Làng Tơ Vơ 1         |              | 190                             | 59   | 122  | 7       | 2       | 1,004.00                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 10   | Làng Pôk             |              | 156                             | 4    | 152  |         |         | 664.15                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 11   | Làng Grút            |              | 126                             | 1    | 125  |         |         | 406.00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| IV   | Xã Ia Kreng          |              |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Doch 1          |              | 131                             | 5    | 126  |         |         | 2,949.00                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                          |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Làng Doch 2          |              | 122                             | 5    | 117  |         |         | 2,930.36                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                          |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| V    | Xã Ia Ka             |              |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Juăng           |              | 162                             | 4    | 158  |         |         | 2,179.00                     |                                                |                                                                                                           | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Làng Bluk Blui       |              | 147                             |      | 147  |         |         | 710.00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    | Làng Bui             |              | 192                             | 10   | 182  |         |         | 2,916.00                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| VI   | Xã Ia Nhin           |              |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Bàng            |              | 145                             |      | 145  |         |         | 250.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Làng Kênh Chóp       |              | 152                             |      | 152  |         |         | 260.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    | Thôn 7               |              | 157                             | 147  |      |         | 10      | 520.00                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4    | Thôn 3               |              | 198                             | 197  |      |         | 1       | 460.40                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| VII  | Xã Hòa Phú           |              |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Rơ Va           |              | 60                              |      | 60   |         |         | 861.76                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Làng Bôi             |              | 167                             | 66   | 101  |         |         | 1,098.35                     |                                                |                                                                                                           | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| VIII | Xã Nghĩa Hòa         |              |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Kênh            |              | 136                             |      | 136  |         |         | 340.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| IX   | Xã Nghĩa Hưng        |              |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Klung           |              | 33                              |      | 33   |         |         | 200.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Làng Bui             |              | 121                             |      | 121  |         |         | 245.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |

| Tên thôn, tổ dân phố                                                            |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
|---------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------|--|
|  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha)                  | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng | Dân cư phân bố phân tán, dân trải trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liền kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu | Thôn thuộc diện quy hoạch giãn dân |  |
|                                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Trông                                                                           |            | 100                             |      | 100  |         |         | 295.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| a Lũh                                                                           |            | 117                             |      | 117  |         |         | 220.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Thing                                                                           |            | 84                              |      | 84   |         |         | 268.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| k Tư Ver                                                                        |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| lor                                                                             |            | 93                              | 2    | 91   |         |         | 758.74                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| om                                                                              |            | 69                              | 5    |      | 64      |         | 827.68                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Gráh                                                                            |            | 71                              | 4    | 67   |         |         | 508.48                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| lde                                                                             |            | 56                              | 4    |      | 52      |         | 786.97                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Tây                                                                             |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Lon Pơ Nang                                                                     |            | 64                              | 5    | 1    | 58      |         | 2,292.67                                      | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Lon Chang                                                                       |            | 63                              | 7    |      | 56      |         | 2,289.07                                      | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Lon Báh                                                                         |            | 121                             |      | 10   | 111     |         | 2,595.77                                      | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Lon Sơ Lái                                                                      |            | 117                             |      | 5    | 112     |         | 2,525.88                                      | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Lon Sơ Bai                                                                      |            | 64                              | 3    |      | 61      |         | 2,338.58                                      |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Lon HongLeh                                                                     |            | 92                              | 19   |      | 73      |         | 2,448.38                                      |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            | X                                         |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Lon Mäh                                                                         |            | 90                              | 8    |      | 82      |         | 2,459.47                                      |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            | X                                         |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Lon Kơ Mố                                                                       |            | 85                              | 9    | 1    | 75      |         | 2,439.17                                      |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            | X                                         |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Phi                                                                             |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Cênh                                                                            |            | 134                             |      | 134  |         |         | 679.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| um                                                                              |            | 43                              |      | 43   |         |         | 312.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| út                                                                              |            | 116                             | 7    | 109  |         |         | 500.00                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Trép                                                                            |            | 113                             | 3    | 110  |         |         | 491.00                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Kote                                                                            |            | 123                             | 2    | 121  |         |         | 590.00                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| út                                                                              |            | 123                             | 2    | 121  |         |         | 524.00                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Op                                                                              |            | 125                             | 3    | 122  |         |         | 479.00                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Ang 2                                                                           |            | 130                             | 1    | 129  |         |         | 510.00                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Ang 3                                                                           |            | 103                             |      | 103  |         |         | 530.00                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Đôi                                                                             |            | 148                             | 3    | 145  |         |         | 474.00                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Đr                                                                              |            | 126                             | 2    | 124  |         |         | 421.00                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Cép                                                                             |            | 149                             | 2    | 147  |         |         | 521.00                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| toih                                                                            |            | 188                             | 3    | 185  |         |         | 871.53                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                          |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Mơ Nông                                                                         |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| M                                                                               |            | 174                             | 3    | 171  |         |         | 989.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Phung                                                                           |            | 115                             | 4    | 111  |         |         | 726.50                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| a Lök                                                                           |            | 166                             | 158  | 2    | 2       | 4       | 488.90                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Amơng                                                                           |            | 135                             | 2    | 133  |         |         | 1,171.83                                      | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Cép 1                                                                           |            | 182                             | 4    | 178  |         |         | 986.75                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |
| Cép 2                                                                           |            | 179                             | 18   | 161  |         |         | 947.10                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |  |



| STT  | Tên thôn, tổ dân phố | Quy mô số hộ gia đình (DVT: hộ) |      |      |         |         |                              | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập  |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|------|----------------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
|      |                      | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác | Diện tích tự nhiên (DVT: ha) | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng | Dân cư phân bố phân tán, dân trại trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liền kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu |
| XIV  | Xã Chư Jôr           |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Thôn Đoàn Kết        | 71                              | 30   | 41   |         |         | 129,60                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     | X                                                                         |                                                             |
| 2    | Làng Wét             | 56                              | 16   | 40   |         |         | 259,21                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     | X                                                                         |                                                             |
| 3    | Thôn Ngõ Sơn         | 146                             | 146  |      |         |         | 777,62                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     | X                                                                         |                                                             |
| XV   | Xã Chư Đang Ya       |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Yur             | 102                             | 20   | 81   |         | 1       | 953,18                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Làng Xóa             | 162                             | 5    | 157  |         |         | 1.052,14                     |                                                |                                                                                                           | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    | Làng Ia Gri          | 93                              | 3    | 90   |         |         | 977,83                       |                                                |                                                                                                           | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| N    | HUYỆN KRÔNG PA       |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| I    | Xã Ia Rsuom          |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Thôn Hưng Phú        | 197                             | 191  | 6    |         |         | 24,00                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Thôn Quỳnh Phú       | 198                             | 196  | 2    |         |         | 22,10                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    | Buôn Toát            | 199                             |      | 199  |         |         | 16,60                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| II   | Xã Uar               |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Buôn Ngồi            | 162                             |      | 162  |         |         | 3.300,00                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Buôn Tiang           | 197                             |      | 197  |         |         | 3.100,00                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| III  | Xã Ia Rmok           |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Buôn Nông Sư         | 192                             | 6    | 181  |         | 5       | 23,83                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| IV   | Xã Ia Rsaï           |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Buôn Chư Tê          | 89                              | 3    | 86   |         |         | 322,90                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Buôn Ekia            | 88                              |      | 88   |         |         | 237,60                       |                                                |                                                                                                           | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    | Buôn Enan            | 104                             | 30   | 74   |         |         | 303,00                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| V    | Xã Chư Drăng         |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Buôn Nung            | 130                             | 4    | 126  |         |         | 1.977,83                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| VI   | Xã Krông Năng        |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Buôn Jư              | 131                             | 6    | 125  |         |         | 417,89                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| VII  | Xã Ia Mläh           |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Buôn Dô              | 131                             | 11   | 120  |         |         | 454,45                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| VIII | Xã Đất Bàng          |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Buôn Ma Giai         | 143                             | 11   |      |         | 132     | 183,10                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| O    | HUYỆN ĐAK PƠ         |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| I    | Thị trấn Dak Pơ      |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Làng Leng Tô         | 154                             | 1    |      | 153     |         | 102,00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    | Làng Hven            | 63                              | 3    |      | 60      |         | 240,00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    |                      | 157                             | 148  |      |         | 9       | 332,00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4    |                      | 124                             | 122  |      |         | 2       | 263,00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| II   | Xã Hà Tam            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    | Thôn 4 (Làng H'way)  | 125                             |      |      | 125     |         | 1.444,41                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |

| Tên thôn, tổ dân phố |            | Quy mô số hộ gia đình (DVT: hộ) |      |      |         |         | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
|----------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác | Diện tích tự nhiên (DVT: ha)                  | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng | Dân cư phân bố phân tán, dàn trải trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liền kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu | Thôn thuộc diện quy hoạch giãn dân |
| Thị trấn Thành       |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Kuk Kôn              |            | 127                             | 1    |      | 126     |         | 763.60                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| S                    |            | 153                             | 117  |      | 13      | 23      | 837.34                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Bút                  |            | 117                             |      |      | 117     |         | 806.98                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Kuk Đak              |            | 102                             |      |      | 102     |         | 733.22                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Mú An                |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Dêchogang            |            | 116                             | 12   | 1    | 102     | 1       | 686.27                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| ang Bắc              |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Krong Hra            |            | 62                              | 10   |      | 52      |         | 699.96                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Jun                  |            | 66                              | 1    |      | 65      |         | 248.02                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           | X                                                           |                                    |
| EN ĐAK ĐOA           |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Dang                 |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Aluk                 |            | 191                             | 4    |      | 187     |         | 674.00                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Hnap                 |            | 105                             | 4    |      | 101     |         | 464.00                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| K'Tang               |            | 172                             | 6    |      | 166     |         | 691.00                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Mrah                 |            | 105                             | 11   |      | 94      |         | 533.00                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Băng                 |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Ja Klai              |            | 136                             | 136  |      |         |         | 445.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Chăm Bôm             |            | 145                             | 2    | 143  |         |         | 182.39                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Đak                  |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Djrong               |            | 169                             | 3    |      | 166     |         | 449.78                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| on Gang              |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Krai                 |            | 108                             | 39   |      | 69      |         | 914.60                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                          |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Dung Rơ              |            | 116                             | 2    | 7    | 107     |         | 538.02                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Pêi                  |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Bia Bre              |            | 176                             | 1    |      | 174     | 1       | 206.14                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Breng                |            | 122                             | 28   | 52   | 42      |         | 725.33                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Aroh                 |            | 105                             | 1    | 98   | 6       |         | 275.85                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| à Bầu                |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| 76                   |            | 102                             | 101  | 1    |         |         | 160.10                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Hoi                  |            | 123                             |      | 123  |         |         | 628.22                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Bông                 |            | 185                             | 17   | 168  |         |         | 370.50                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| ong                  |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Tân Lập              |            | 182                             | 182  |      |         |         | 469.56                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| ak Krong             |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Dê Hoch              |            | 143                             | 60   | 83   |         |         | 252.49                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Dê Klah              |            | 164                             | 3    |      | 161     |         | 307.49                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| 1                    |            | 146                             | 143  |      |         | 3       | 190.73                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |



| STT |  | Tên thôn, tổ dân phố | Quy mô số hộ gia đình (DVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (DVT: ha) | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập  |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                  |                      | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng | Dân cư phân bố phân tán, dân trải trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liền kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu |
| 4   |                                                                                  | Thôn Dê Thung        | 106                             | 3    |      | 103     |         | 297.76                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| IX  |                                                                                  | Xã Hà Đông           |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1   |                                                                                  | Làng Kón Sơ Nglok    | 160                             | 3    |      | 157     |         | 2.800.00                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2   |                                                                                  | Làng Kón Nak         | 173                             | 3    |      | 170     |         | 2.401.06                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3   |                                                                                  | Làng Kón Jót         | 105                             | 4    |      | 101     |         | 5.300.00                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| X   |                                                                                  | Xã HNoi              |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1   |                                                                                  | Làng HLang           | 141                             | 4    |      | 137     |         | 725.20                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2   |                                                                                  | Làng Thung           | 111                             | 12   |      | 99      |         | 990.00                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3   |                                                                                  | Làng Rông            | 173                             | 3    |      | 165     | 5       | 876.85                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| XI  |                                                                                  | Xã Dak Somei         |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1   |                                                                                  | Làng Bok Rei         | 188                             | 23   |      | 165     |         | 1.202.06                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| XII |                                                                                  | Xã HNgeng            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1   |                                                                                  | Thôn Kdáp            | 110                             | 20   | 90   |         |         | 589.40                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2   |                                                                                  | Thôn Tam Diệp        | 150                             | 149  |      |         | 1       | 1.159.40                     |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3   |                                                                                  | Thôn Krun            | 189                             | 74   |      | 115     |         | 856.00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| Q   |                                                                                  | Thị trấn Chư Prông   |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| I   |                                                                                  | Thị trấn Chư Prông   |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1   |                                                                                  | Làng Bô              | 161                             | 95   | 63   |         | 3       | 204.60                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| II  |                                                                                  | Xã Bình Giảo         |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1   |                                                                                  | Làng Dê              | 109                             |      | 109  |         |         | 588.10                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            | X                                         |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2   |                                                                                  | Làng Báng            | 131                             | 29   | 102  |         |         | 678.20                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            | X                                         |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3   |                                                                                  | Làng Kánh            | 119                             | 20   | 99   |         |         | 588.32                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            | X                                         |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4   |                                                                                  | Làng Mui             | 171                             | 48   | 123  |         |         | 698.44                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            | X                                         |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| III |                                                                                  | Xã Thảng Hưng        |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1   |                                                                                  | Thôn 5               | 134                             |      | 134  |         |         | 748.10                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2   |                                                                                  | Thôn 7               | 118                             |      | 118  |         |         | 873.40                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3   |                                                                                  | Thôn 2               | 196                             | 196  |      |         |         | 102.50                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                          |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4   |                                                                                  | Thôn 6               | 110                             |      | 110  |         |         | 267.30                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            | X                                         |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| IV  |                                                                                  | Xã Ia Me             |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1   |                                                                                  | Làng Quen            | 146                             | 2    | 144  |         |         | 827.00                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2   |                                                                                  | Làng Xom             | 101                             | 9    | 92   |         |         | 1.224.00                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3   |                                                                                  | Làng Nót             | 199                             | 82   | 114  |         | 3       | 1.477.00                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                          |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| V   |                                                                                  | Xã Ia Bang           |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1   |                                                                                  | Thôn Cút Tân         | 141                             | 141  |      |         |         | 546.57                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2   |                                                                                  | Làng Anh             | 197                             | 70   | 126  |         | 1       | 651.07                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3   |                                                                                  | Làng Nét             | 84                              | 17   | 67   |         |         | 397.37                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| VI  |                                                                                  | Xã Ia Ga             |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |

| Tên thôn, tổ dân phố |            | Quy mô số hộ gia đình (ĐVT: hộ) |      |      |         |         | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
|----------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| Thôn                 | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác | Diện tích tự nhiên (ĐVT: ha)                  | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng | Dân cư phân bố phân tán, dân trải trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liền kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu | Thôn thuộc diện quy hoạch giãn dân |
| Tu II                |            | 112                             | 15   | 93   |         | 4       | 610.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Khôi                 |            | 86                              | 17   | 61   |         | 8       | 3,116.05                                      | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Drang                |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| La                   |            | 59                              |      | 59   |         |         | 138.65                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Ô                    |            | 53                              | 1    | 52   |         |         | 79.42                                         | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Nhân Hòa             |            | 123                             | 123  |      |         |         | 39.85                                         | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| 10                   |            | 130                             | 128  |      |         | 2       | 128.73                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Nhân Đức             |            | 31                              | 31   |      |         |         | 194.28                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Nhân Nghĩa           |            | 61                              | 61   |      |         |         | 77.05                                         |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Kiêu                 |            | 75                              | 4    | 71   |         |         | 23.08                                         |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Piơ                  |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Piơ 1                |            | 180                             | 81   | 89   |         | 10      | 584.20                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Piơ 2                |            | 166                             | 28   | 128  |         | 10      | 562.10                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| 5                    |            | 129                             | 54   |      |         | 75      | 372.20                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| O                    |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| La                   |            | 199                             | 106  | 90   |         | 3       | 643.42                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                          |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Tung                 |            | 190                             | 72   | 117  | 1       |         | 960.45                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Grang                |            | 119                             | 30   | 74   |         | 15      | 821.28                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Kro                  |            | 105                             | 24   | 81   |         |         | 367.57                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Vê                   |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Ôngol                |            | 99                              | 7    | 90   |         | 2       | 218.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Giù                  |            | 93                              | 12   | 81   |         |         | 110.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Phủ Cát              |            | 194                             | 189  |      |         | 5       | 382.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Tân Thủy             |            | 126                             | 106  | 3    |         | 17      | 536.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
|                      |            | 131                             | 42   |      |         | 89      | 173.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
|                      |            | 177                             | 60   | 114  |         | 3       | 2,708.00                                      | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Anh                  |            | 144                             | 22   | 122  |         |         | 140.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Cát Mỹ               |            | 149                             | 143  |      |         | 6       | 363.00                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Đông Hải             |            | 94                              | 86   |      |         | 8       | 540.00                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Lầu                  |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| u                    |            | 160                             | 43   | 82   |         | 35      | 187.36                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Đút                  |            | 125                             | 2    | 112  |         | 11      | 197.10                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Phin                 |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Sac 1                |            | 119                             | 1    | 118  |         |         | 805.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Sac 2                |            | 45                              | 7    | 38   |         |         | 137.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Hoàng Tiên           |            | 163                             | 163  |      |         |         | 192.00                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Boòng                |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           | X                          |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |
| Đuàn Két             |            | 186                             | 186  |      |         |         | 430.00                                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                                    |



| STT  |  | Tên thôn, tổ dân phố       | Quy mô số hộ gia đình (DVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (DVT: ha) | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập  |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
|      |                                                                                  |                            | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng | Dân cư phân bố phân tán, dân trải trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liền kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu |
| 2    |                                                                                  | Thôn Ninh Phúc             | 71                              | 70   |      |         | 1       | 410.00                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    |                                                                                  | Làng Gà                    | 137                             | 30   | 107  |         |         | 396.00                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4    |                                                                                  | Làng Tnào                  | 129                             | 28   | 100  |         | 1       | 1.037.00                     |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 5    |                                                                                  | Làng Khor                  | 33                              | 3    | 30   |         |         | 690.13                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 6    |                                                                                  | Làng Sor                   | 179                             | 77   | 102  |         |         | 315.00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 7    |                                                                                  | Làng lạt                   | 137                             | 30   | 107  |         |         | 362.00                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| XIV  |                                                                                  | <b>Xã Ia Púch</b>          |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Làng Brang                 | 61                              | 19   | 42   |         |         | 4.450.00                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    |                                                                                  | Làng Bih                   | 76                              | 9    | 67   |         |         | 4.050.00                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    |                                                                                  | Làng Chư Kô                | 159                             | 21   | 135  |         | 3       | 9.100.06                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| XV   |                                                                                  | <b>Xã Ia Kly</b>           |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Làng Klă                   | 89                              | 10   | 77   |         | 2       | 473.08                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    |                                                                                  | Làng Thung                 | 100                             | 33   | 67   |         |         | 401.76                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    |                                                                                  | Làng Nù                    | 141                             | 6    | 132  |         | 3       | 419.32                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4    |                                                                                  | Làng Lăn                   | 145                             | 33   | 82   |         | 30      | 437.21                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 5    |                                                                                  | Làng Pô                    | 148                             | 15   | 124  |         | 9       | 461.85                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| XVI  |                                                                                  | <b>Xã Ia Mơ</b>            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Làng Hnáp                  | 102                             | 1    | 100  |         | 1       | 7.020.20                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    |                                                                                  | Làng Klăh                  | 166                             | 53   | 111  |         | 2       | 10.238.90                    |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    |                                                                                  | Làng Rìng                  | 113                             | 100  | 1    |         | 12      | 12.586.13                    |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4    |                                                                                  | Làng Khôi                  | 67                              | 12   | 54   |         | 1       | 6.911.62                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 5    |                                                                                  | Làng Krông                 | 66                              | 18   | 43   |         | 5       | 6.803.05                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| XVII |                                                                                  | <b>Xã Ia Tôt</b>           |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Thôn Đoán Két              | 120                             | 117  |      |         | 3       | 182.70                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    |                                                                                  | Thôn 1                     | 114                             | 114  |      |         |         | 191.90                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    |                                                                                  | Thôn 4                     | 155                             | 151  | 1    | 1       | 2       | 198.68                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4    |                                                                                  | Làng Blu                   | 77                              | 2    | 75   |         |         | 169.87                       |                                                |                                                                                                           | X                                                                       |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| R    |                                                                                  | <b>Thị trấn Mường Măng</b> |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Thị trấn Kon Dong          |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Làng Dê Kiu                | 116                             |      |      |         | 116     | 53.72                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    |                                                                                  | Làng Dê Hrenl              | 74                              |      |      |         | 74      | 40.95                        | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| II   |                                                                                  | <b>Xã H'ra</b>             |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Làng Kơ Tu Dong            | 89                              |      |      |         | 89      | 192.09                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2    |                                                                                  | Làng Kon Hoa               | 168                             |      |      |         | 168     | 128.16                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3    |                                                                                  | Làng Kret Krot             | 150                             |      |      |         | 150     | 177.41                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 4    |                                                                                  | Làng Dê Kôn                | 48                              |      |      |         | 48      | 1.674.62                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| III  |                                                                                  | <b>Xã Dak Ta Ley</b>       |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1    |                                                                                  | Làng Chơng I               | 80                              |      |      |         | 80      | 580.40                       |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |

| Tên thôn, tổ dân phố                                                            |            | Quy mô số hộ gia đình (DVT: hộ) |      |      |         |         | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
|---------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------|
|  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác | Diện tích tự nhiên (DVT: ha)                  | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng | Dân cư phân bố phân tán, dân trải trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liền kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu | Thôn thuộc diện quy hoạch dân |
|                                                                                 |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Chơng II                                                                        |            | 133                             |      |      | 133     |         | 330.50                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đak Dwe                                                                         |            | 30                              |      |      | 30      |         | 42.28                                         |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đak Jơ Ta                                                                       |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đê Bơ Tok                                                                       |            | 139                             | 1    |      | 137     | 1       | 4,858.82                                      |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đak Yă                                                                          |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Mỹ Yang                                                                         |            | 97                              | 94   |      |         | 3       | 962.36                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đak Yă                                                                          |            | 162                             |      |      | 162     |         | 293.60                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đak Trôk                                                                        |            | 174                             |      |      | 174     |         | 1,038.89                                      |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đak Dưăng                                                                       |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| B'ếp                                                                            |            | 152                             | 74   |      | 78      |         | 312.00                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đê Tur                                                                          |            | 177                             | 106  |      | 71      |         | 426.00                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đê Gôl                                                                          |            | 116                             | 48   |      | 68      |         | 891.00                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Linh Nham                                                                       |            | 186                             | 185  |      |         | 1       | 1,053.00                                      |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đôn Thup                                                                        |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Dơ Nâu                                                                          |            | 178                             | 18   |      | 109     | 51      | 766.53                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đak Trang                                                                       |            | 199                             | 86   |      | 84      | 29      | 990.20                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đak Pơ Nan                                                                      |            | 72                              | 5    |      | 66      | 1       | 695.75                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         | X                                               |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đôn Chiêng                                                                      |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Klah                                                                            |            | 106                             | 10   |      | 91      | 5       | 4,809.13                                      |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Deng                                                                            |            | 102                             | 19   | 2    | 59      | 22      | 831.75                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đe Thương                                                                       |            | 119                             | 8    |      | 104     | 7       | 1,068.90                                      |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đe Tar                                                                          |            | 158                             | 15   |      | 115     | 28      | 4,277.12                                      |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đôn Yun                                                                         |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đông                                                                            |            | 159                             | 1    |      | 157     | 1       | 425.92                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đôn                                                                             |            | 197                             | 197  |      |         |         | 402.18                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Nhon Bông                                                                       |            | 183                             | 181  |      |         | 2       | 203.36                                        |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đôn Pang                                                                        |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                      |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Him                                                                             |            | 182                             | 31   |      | 150     | 1       | 896.70                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Chup                                                                            |            | 176                             | 11   |      | 161     | 4       | 1,424.40                                      |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Mao                                                                             |            | 150                             | 4    |      | 146     |         | 1,889.70                                      |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Roh                                                                             |            | 120                             | 4    |      | 116     |         | 1,429.20                                      |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Bên                                                                             |            | 120                             | 11   |      | 106     | 3       | 1,918.50                                      |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Pyau                                                                            |            | 112                             | 4    |      | 108     |         | 6,699.00                                      |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 | X                                                                                              |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đê Ar                                                                           |            |                                 |      |      |         |         |                                               |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Ar Quát                                                                         |            | 132                             | 6    | 1    | 125     |         | 792.20                                        |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Ar Trơ                                                                          |            | 129                             | 17   |      | 99      | 13      | 1,054.94                                      |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Đôn Hyang                                                                       |            | 97                              | 2    | 1    | 93      | 1       | 1,379.30                                      |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |
| Ar Tơ Mân                                                                       |            | 132                             | 6    |      | 126     |         | 1,144.90                                      |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                        |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |                               |



|     | Tên thôn, tổ dân phố                                                             |            | Quy mô số hộ gia đình (DVT: hộ) |      |      |         |         | Diện tích tự nhiên (DVT: ha) | Trường hợp đặc thù chưa đủ điều kiện sáp nhập  |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------|------|---------|---------|------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
|     |  | Tổ dân phố | Tổng số                         | Kinh | Jrai | Bah nar | DT khác |                              | Có nguồn gốc lịch sử, văn hóa không tương đồng | Dân cư phân bố phân tán, dân trải trên địa bàn rộng, khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động tự quản | Đường giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn; thậm chí bị chia cắt | Là nơi cư trú tập trung của những người bị bệnh | Hình thành các cụm dân cư trú biệt lập không thuận lợi để kết nối với thôn, tổ dân phố lân cận | Thôn, tổ dân phố vùng biên giới | Thôn, tổ dân phố có dân số xấp xỉ đạt tiêu chuẩn so với với quy định; có tốc độ phát triển dân số đạt chuẩn trong năm 2018 | Có tình hình An ninh - Chính trị phức tạp | Chưa đủ điều kiện sáp nhập | Các thôn liền kề có dân số đông nếu sáp nhập sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý | Thôn thuộc xã dự kiến sẽ sáp nhập với xã khác trong giai đoạn 2018 - 2030 | Thôn được cấp có thẩm quyền lựa chọn xây dựng thôn kiểu mẫu |
| 5   | Làng Ar Dết                                                                      |            | 65                              | 2    |      | 63      |         | 1,329.60                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| S   | HUYỆN LA PA                                                                      |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| I   | Xã Kim Tân                                                                       |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1   | Thôn Đồng Sơn                                                                    |            | 163                             | 162  |      |         | 1       | 1,101.16                     |                                                | X                                                                                                         |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| II  | Xã Ia Mươn                                                                       |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1   | Thôn Ama San                                                                     |            | 150                             | 6    | 144  |         |         | 300.91                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| III | Xã Ia Trók                                                                       |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1   | Thôn Kơ Nia                                                                      |            | 199                             | 12   | 10   |         | 177     | 251.34                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| IV  | Xã Pờ Tồ                                                                         |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1   | Thôn Bì Dông                                                                     |            | 158                             | 20   |      | 135     | 3       | 2,698.32                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2   | Thôn Bì Gia                                                                      |            | 116                             | 18   | 4    | 91      | 3       | 2,048.29                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| V   | Xã Ia Broãi                                                                      |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1   | Bôn Tul                                                                          |            | 157                             | 2    | 155  |         |         | 1,146.68                     |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 | X                                                                                                                          |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2   | Bôn Broãi                                                                        |            | 197                             | 3    | 193  |         | 1       | 383.65                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 3   | Bôn Ia Rơin                                                                      |            | 187                             | 6    | 179  |         | 2       | 364.79                       |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                | X                               |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| VI  | Xã Ia Tul                                                                        |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1   | Bôn Tơ Khế                                                                       |            | 159                             | 2    | 157  |         |         | 7,428.30                     | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| VII | Xã Chư Răng                                                                      |            |                                 |      |      |         |         |                              |                                                |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 1   | Thôn Đoàn Kết                                                                    |            | 118                             | 118  |      |         |         | 600.13                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |
| 2   | Plei Du                                                                          |            | 174                             | 23   | 146  | 4       | 1       | 753.95                       | X                                              |                                                                                                           |                                                                         |                                                 |                                                                                                |                                 |                                                                                                                            |                                           |                            |                                                                                     |                                                                           |                                                             |

**PHỤ LỤC SỐ 04**

**BIỂU TỔNG HỢP DỰ KIẾN KINH PHÍ TIẾT KIỆM**

(Kèm theo Đề án sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2018 - 2021)

Các chức danh giảm: Bí thư Chi bộ; Phó Bí thư Chi bộ; Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn; Công an viên; Thôn đội trưởng, Nhân viên y tế thôn, bản; Cộng tác viên dân số - KHHGĐ thôn, bản.

Các tổ chức giảm: Ban Công tác Mặt trận thôn; Chi hội Nông dân; Chi hội Phụ nữ; Chi hội Cựu chiến binh; Chi Đoàn TNCSHCM; Lực lượng bảo vệ dân

| STT       | Các chức danh           | Số lượng người được hưởng chế độ phụ cấp giảm |            |          | Số lượng tổ chức ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ kinh phí hoạt động giảm |            |          | Tổng kinh phí tiết kiệm được khi sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                   |          |
|-----------|-------------------------|-----------------------------------------------|------------|----------|-------------------------------------------------------------------------|------------|----------|---------------------------------------------------------------------|-------------------|----------|
|           |                         | Tổng số                                       | Năm 2018   | Năm 2019 | Tổng số                                                                 | Năm 2018   | Năm 2019 | Tổng số                                                             | Năm 2018          | Năm 2019 |
| 1         | 2                       | 3                                             | 4          | 5        | 6                                                                       | 7          | 8        | 9                                                                   | 10                | 11       |
| <b>I</b>  | <b>THÀNH PHỐ PLEIKU</b> |                                               |            |          |                                                                         |            |          |                                                                     |                   |          |
| 1         | Phường Diên Hồng        | 31                                            | 31         |          | 28                                                                      | 28         |          | 748.620                                                             | 748.620           |          |
| 2         | Phường Yên Đỗ           | 18                                            | 18         |          | 15                                                                      | 15         |          | 366.220                                                             | 366.220           |          |
| 3         | Phường Hoa Lư           | 17                                            | 17         |          | 18                                                                      | 18         |          | 308.975                                                             | 308.975           |          |
| 4         | Phường Thống Nhất       | 42                                            | 42         |          | 42                                                                      | 42         |          | 1.202.602                                                           | 1.202.602         |          |
| 5         | Phường Yên Thế          | 42                                            | 42         |          | 42                                                                      | 42         |          | 1.015.272                                                           | 1.015.272         |          |
| 6         | Phường Hội Phú          | 22                                            | 22         |          | 15                                                                      | 15         |          | 428.624                                                             | 428.624           |          |
| 7         | Phường Phù Đồng         | 42                                            | 42         |          | 42                                                                      | 42         |          | 980.952                                                             | 980.952           |          |
| 8         | Phường Chi Lăng         | 12                                            | 12         |          | 12                                                                      | 12         |          | 362.952                                                             | 362.952           |          |
| 9         | Phường Thắng Lợi        | 12                                            | 12         |          | 10                                                                      | 10         |          | 268.132                                                             | 268.132           |          |
| 10        | Phường Tây Sơn          | 60                                            | 60         |          | 52                                                                      | 52         |          | 1.341.552                                                           | 1.341.552         |          |
| 11        | Phường Đồng Đa          | 24                                            | 24         |          | 24                                                                      | 24         |          | 592.388                                                             | 592.388           |          |
| 12        | Phường Hội Thương       | 52                                            | 52         |          | 52                                                                      | 52         |          | 1.264.370                                                           | 1.264.370         |          |
| 13        | Xã Chư Ấ                | 25                                            | 25         |          | 24                                                                      | 24         |          | 502.635                                                             | 502.635           |          |
| 14        | Xã An Phú               | 18                                            | 18         |          | 18                                                                      | 18         |          | 437.333                                                             | 437.333           |          |
| 15        | Xã Tân Sơn              | 15                                            | 15         |          | 10                                                                      | 10         |          | 347.368                                                             | 347.368           |          |
| 16        | Xã Biển Hồ              | 24                                            | 24         |          | 18                                                                      | 18         |          | 474.034                                                             | 474.034           |          |
| 17        | Xã Diên Phú             | 27                                            | 27         |          | 18                                                                      | 18         |          | 484.440                                                             | 484.440           |          |
|           | <b>Tổng</b>             | <b>483</b>                                    | <b>483</b> |          | <b>440</b>                                                              | <b>440</b> |          | <b>11.126.469</b>                                                   | <b>11.126.469</b> |          |
| <b>II</b> | <b>THỊ XÃ AN KHÊ</b>    |                                               |            |          |                                                                         |            |          |                                                                     |                   |          |





| STT Các chức danh |                       | Số lượng người được hưởng chế độ phụ cấp giảm |            |          | Số lượng tổ chức ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ kinh phí hoạt động giảm |            |          | Tổng kinh phí tiết kiệm được khi sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                  |          |
|-------------------|-----------------------|-----------------------------------------------|------------|----------|-------------------------------------------------------------------------|------------|----------|---------------------------------------------------------------------|------------------|----------|
|                   |                       | Tổng số                                       | Năm 2018   | Năm 2019 | Tổng số                                                                 | Năm 2018   | Năm 2019 | Tổng số                                                             | Năm 2018         | Năm 2019 |
|                   | 2                     | 3                                             | 4          | 5        | 6                                                                       | 7          | 8        | 9                                                                   | 10               | 11       |
| 1                 | Phường An Bình        | 15                                            | 15         |          | 15                                                                      | 15         |          | 305.244                                                             | 305.244          |          |
| 2                 | Phường Tây Sơn        | 37                                            | 37         |          | 35                                                                      | 35         |          | 717.240                                                             | 717.240          |          |
| 3                 | Phường An Phú         | 20                                            | 20         |          | 20                                                                      | 20         |          | 400.320                                                             | 400.320          |          |
| 4                 | Phường An Phước       | 5                                             | 5          |          | 5                                                                       | 5          |          | 95.910                                                              | 95.910           |          |
| 5                 | Phường An Tân         | 20                                            | 20         |          | 20                                                                      | 20         |          | 383.640                                                             | 383.640          |          |
| 6                 | Phường Ngô Mỹ         | 15                                            | 15         |          | 15                                                                      | 15         |          | 287.730                                                             | 287.730          |          |
| 7                 | Xã Cửu An             | 21                                            | 21         |          | 15                                                                      | 15         |          | 327.762                                                             | 327.762          |          |
| 8                 | Xã Tú An              | 21                                            | 21         |          | 15                                                                      | 15         |          | 340.272                                                             | 340.272          |          |
| 9                 | Xã Xuân An            | 6                                             | 6          |          | 5                                                                       | 5          |          | 100.914                                                             | 100.914          |          |
|                   | <b>Tổng</b>           | <b>160</b>                                    | <b>160</b> |          | <b>145</b>                                                              | <b>145</b> |          | <b>2.959.032</b>                                                    | <b>2.959.032</b> |          |
| <b>III</b>        | <b>THỊ XÃ AYUN PA</b> |                                               |            |          |                                                                         |            |          |                                                                     |                  |          |
| 1                 | Xã Ia Rô              | 6                                             | 6          |          | 5                                                                       | 5          |          | 41.692                                                              | 41.692           |          |
| 2                 | Phường Hòa Bình       | 14                                            | 14         |          | 10                                                                      | 10         |          | 107.512                                                             | 107.512          |          |
| 3                 | Phường Sông Bờ        | 21                                            | 21         |          | 15                                                                      | 15         |          | 167.539                                                             | 167.539          |          |
|                   | <b>Tổng</b>           | <b>41</b>                                     | <b>41</b>  |          | <b>30</b>                                                               | <b>30</b>  |          | <b>316.743</b>                                                      | <b>316.743</b>   |          |
| <b>IV</b>         | <b>HUYỆN KBANG</b>    |                                               |            |          |                                                                         |            |          |                                                                     |                  |          |
| 1                 | Thị trấn Kbang        | 80                                            | 80         |          | 56                                                                      | 56         |          | 1.022.112                                                           | 1.022.112        |          |
| 3                 | Xã Sơn Lang           | 26                                            | 26         |          | 26                                                                      | 26         |          | 205.404                                                             | 205.404          |          |
| 4                 | Xã Đông               | 50                                            | 50         |          | 28                                                                      | 28         |          | 481.104                                                             | 481.104          |          |
| 5                 | Xã Nghĩa An           | 39                                            | 39         |          | 21                                                                      | 21         |          | 356.166                                                             | 356.166          |          |
| 6                 | Xã Sơ Pải             | 11                                            | 11         |          | 7                                                                       | 7          |          | 113.100                                                             | 113.100          |          |
| 2                 | Xã Đak Rong           | 48                                            | 48         |          | 16                                                                      | 16         |          | 599.772                                                             | 599.772          |          |
| 7                 | Xã Krong              | 108                                           | 108        |          | 63                                                                      | 63         |          | 827.172                                                             | 827.172          |          |
| 8                 | Xã Lơ Ku              | 33                                            | 33         |          | 21                                                                      | 21         |          | 297.180                                                             | 297.180          |          |
| 9                 | Xã Tơ Tung            | 60                                            | 60         |          | 42                                                                      | 42         |          | 520.752                                                             | 520.752          |          |
| 10                | Xã Kông Long Khong    | 39                                            | 26         | 13       | 15                                                                      | 10         | 5        | 269.100                                                             | 179.400          | 89.700   |
| 11                | Xã Đak Hlơ            | 39                                            | 39         |          | 21                                                                      | 21         |          | 383.025                                                             | 383.025          |          |
| 12                | Xã Kông Bờ La         | 48                                            | 48         |          | 28                                                                      | 28         |          | 499.200                                                             | 499.200          |          |

| STT        | Các chức danh          | Số lượng người được hưởng chế độ phụ cấp giảm |            |           | Số lượng tổ chức ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ kinh phí hoạt động giảm |            |           | Tổng kinh phí tiết kiệm được khi sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                  |                |
|------------|------------------------|-----------------------------------------------|------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|---------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|
|            |                        | Tổng số                                       | Năm 2018   | Năm 2019  | Tổng số                                                                 | Năm 2018   | Năm 2019  | Tổng số                                                             | Năm 2018         | Năm 2019       |
|            | 2                      | 3                                             | 4          | 5         | 6                                                                       | 7          | 8         | 9                                                                   | 10               | 11             |
| 13         | Xã Đak Smar            | 14                                            | 14         |           | 14                                                                      | 14         |           | 126,672                                                             | 126,672          |                |
|            | <b>Tổng</b>            | <b>595</b>                                    | <b>582</b> | <b>13</b> | <b>358</b>                                                              | <b>353</b> | <b>5</b>  | <b>5,700,759</b>                                                    | <b>5,611,059</b> | <b>89,700</b>  |
| <b>V</b>   | <b>HUYỆN CHƯ SÊ</b>    |                                               |            |           |                                                                         |            |           |                                                                     |                  |                |
| 1          | Thị trấn Chư Sê        | 48                                            | 48         |           | 36                                                                      | 36         |           | 851,088                                                             | 851,088          |                |
| 2          | Xã Ia Tiêm             | 24                                            | 24         |           | 15                                                                      | 15         |           | 398,040                                                             | 398,040          |                |
| 3          | Xã Đun                 | 16                                            | 16         |           | 10                                                                      | 10         |           | 265,360                                                             | 265,360          |                |
| 4          | Xã Bờ Ngoong           | 16                                            | 16         |           | 10                                                                      | 10         |           | 265,360                                                             | 265,360          |                |
| 5          | Xã Hbông               | 40                                            | 40         |           | 35                                                                      | 35         |           | 663,400                                                             | 663,400          |                |
| 6          | Xã Ia Hlốp             | 24                                            | 24         |           | 15                                                                      | 15         |           | 398,040                                                             | 398,040          |                |
| 7          | Xã Bar Măih            | 40                                            | 40         |           | 25                                                                      | 25         |           | 663,400                                                             | 663,400          |                |
| 8          | Xã Ia Pal              | 32                                            | 32         |           | 20                                                                      | 20         |           | 530,720                                                             | 530,720          |                |
| 9          | Xã Al Bă               | 32                                            | 32         |           | 20                                                                      | 20         |           | 530,720                                                             | 530,720          |                |
| 10         | Xã Ia Glai             | 8                                             | 8          |           | 5                                                                       | 5          |           | 132,680                                                             | 132,680          |                |
| 11         | Xã Ia Blang            | 48                                            | 32         | 16        | 30                                                                      | 20         | 10        | 635,760                                                             | 370,400          | 265,360        |
| 12         | Xã Chư Pong            | 16                                            | 16         |           | 10                                                                      | 10         |           | 265,360                                                             | 265,360          |                |
| 13         | Xã Ayun                | 64                                            | 64         |           | 40                                                                      | 40         |           | 1,061,440                                                           | 1,061,440        |                |
| 14         | Xã Kông Htok           | 48                                            | 48         |           | 30                                                                      | 30         |           | 796,080                                                             | 796,080          |                |
|            | <b>Tổng</b>            | <b>456</b>                                    | <b>440</b> | <b>16</b> | <b>301</b>                                                              | <b>291</b> | <b>10</b> | <b>7,457,448</b>                                                    | <b>7,192,088</b> | <b>265,360</b> |
| <b>VI</b>  | <b>HUYỆN IA GRAI</b>   |                                               |            |           |                                                                         |            |           |                                                                     |                  |                |
| 1          | Xã Ia Khai             | 3                                             | 3          |           | 5                                                                       | 5          |           | 107,760                                                             | 107,760          |                |
| 2          | Xã Ia Tô               | 22                                            | 11         | 11        | 10                                                                      | 5          | 5         | 205,200                                                             | 102,600          | 102,600        |
| 3          | Xã Ia Sao              | 30                                            | 30         |           | 15                                                                      | 15         |           | 310,789                                                             | 310,789          |                |
| 4          | Xã Ia Pêch             | 13                                            |            | 13        | 5                                                                       |            | 5         | 133,800                                                             |                  | 133,800        |
| 5          | Xã Ia Bă               | 30                                            | 30         |           | 17                                                                      | 17         |           | 324,277                                                             | 324,277          |                |
| 6          | Xã Ia Yok              | 49                                            | 49         |           | 20                                                                      | 20         |           | 287,220                                                             | 287,220          |                |
| 7          | Xã Ia Hrung            | 40                                            | 40         |           | 25                                                                      | 25         |           | 660,324                                                             | 660,324          |                |
|            | <b>Tổng</b>            | <b>187</b>                                    | <b>163</b> | <b>24</b> | <b>97</b>                                                               | <b>87</b>  | <b>10</b> | <b>2,029,370</b>                                                    | <b>1,792,970</b> | <b>236,400</b> |
| <b>VII</b> | <b>HUYỆN KÔNG CHRO</b> |                                               |            |           |                                                                         |            |           |                                                                     |                  |                |



| STT         | Các chức danh          | Số lượng người được hưởng chế độ phụ cấp giảm |            |            | Số lượng tổ chức ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ kinh phí hoạt động giảm |            |            | Tổng kinh phí tiết kiệm được khi sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                  |                  |
|-------------|------------------------|-----------------------------------------------|------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|------------|------------|---------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|
|             |                        | Tổng số                                       | Năm 2018   | Năm 2019   | Tổng số                                                                 | Năm 2018   | Năm 2019   | Tổng số                                                             | Năm 2018         | Năm 2019         |
|             | 2                      | 3                                             | 4          | 5          | 6                                                                       | 7          | 8          | 9                                                                   | 10               | 11               |
| 1           | Thị trấn Kông Chro     | 36                                            |            | 36         | 30                                                                      |            | 30         | 615,841                                                             |                  | 615,841          |
| 2           | Xã Kông Yang           | 26                                            | 26         |            | 15                                                                      | 15         |            | 361,514                                                             | 361,514          |                  |
| 3           | Xã An Trung            | 15                                            | 15         |            | 15                                                                      | 15         |            | 261,751                                                             | 261,751          |                  |
| 4           | Xã Chợ Long            | 18                                            | 18         |            | 15                                                                      | 15         |            | 297,634                                                             | 297,634          |                  |
| 5           | Xã Ya Ma               | 8                                             |            | 8          | 5                                                                       |            | 5          | 112,373                                                             |                  | 112,373          |
| 6           | Xã Yang Nam            | 37                                            | 37         |            | 35                                                                      | 35         |            | 684,077                                                             | 684,077          |                  |
| 7           | Xã Đăk Tờ Pang         | 21                                            | 21         |            | 15                                                                      | 15         |            | 333,216                                                             | 333,216          |                  |
| 8           | Xã Đăk Kơ Ning         | 22                                            |            | 22         | 15                                                                      |            | 15         | 339,115                                                             |                  | 339,115          |
| 9           | Xã Đăk Pơ Pho          | 10                                            | 10         |            | 10                                                                      | 10         |            | 184,064                                                             | 184,064          |                  |
| 10          | Xã Chư Krey            | 8                                             | 8          |            | 5                                                                       | 5          |            | 112,373                                                             | 112,373          |                  |
| 11          | Xã Sró                 | 15                                            | 15         |            | 15                                                                      | 15         |            | 269,082                                                             | 269,082          |                  |
| 12          | Xã Đăk Pling           | 7                                             | 7          |            | 5                                                                       | 5          |            | 103,382                                                             | 103,382          |                  |
| 13          | Xã Đăk Song            | 10                                            | 10         |            | 10                                                                      | 10         |            | 184,064                                                             | 184,064          |                  |
|             | <b>Tổng</b>            | <b>233</b>                                    | <b>167</b> | <b>66</b>  | <b>190</b>                                                              | <b>140</b> | <b>50</b>  | <b>3,858,486</b>                                                    | <b>2,791,157</b> | <b>1,067,329</b> |
| <b>VIII</b> | <b>HUYỆN PHÚ THIỆN</b> |                                               |            |            |                                                                         |            |            |                                                                     |                  |                  |
| 1           | Thị trấn Phú Thiện     | 54                                            | 18         | 36         | 30                                                                      | 10         | 20         | 726,360                                                             | 300,360          | 426,000          |
| 2           | Xã Ayun Hạ             | 31                                            | 8          | 23         | 20                                                                      | 5          | 15         | 344,334                                                             | 110,244          | 234,090          |
| 3           | Xã Ia Ake              | 26                                            | 8          | 18         | 17                                                                      | 5          | 12         | 356,160                                                             | 103,800          | 252,360          |
| 4           | Xã Ia Sol              | 50                                            | 16         | 34         | 35                                                                      | 10         | 25         | 726,000                                                             | 197,400          | 528,600          |
| 5           | Xã Ia Piar             | 61                                            | 27         | 34         | 35                                                                      | 15         | 20         | 804,195                                                             | 296,295          | 507,900          |
| 6           | Xã Ia Yeng             | 24                                            | 8          | 16         | 15                                                                      | 5          | 10         | 331,200                                                             | 110,400          | 220,800          |
| 7           | Xã Ia Peng             | 40                                            | 16         | 24         | 25                                                                      | 10         | 15         | 550,362                                                             | 219,162          | 331,200          |
| 8           | Xã Ia Hiao             | 41                                            | 16         | 25         | 30                                                                      | 10         | 20         | 727,965                                                             | 198,765          | 529,200          |
| 9           | Xã Chư A Thai          | 18                                            |            | 18         | 10                                                                      |            | 10         | 199,440                                                             |                  | 199,440          |
| 10          | Xã Chrôh Ponan         | 29                                            | 8          | 21         | 20                                                                      | 5          | 15         | 410,547                                                             | 101,547          | 309,000          |
|             | <b>Tổng</b>            | <b>374</b>                                    | <b>125</b> | <b>249</b> | <b>237</b>                                                              | <b>75</b>  | <b>162</b> | <b>5,176,563</b>                                                    | <b>1,637,973</b> | <b>3,538,590</b> |
| <b>IX</b>   | <b>HUYỆN ĐỨC CO</b>    |                                               |            |            |                                                                         |            |            |                                                                     |                  |                  |
| 1           | Thị trấn Chư Ty        | 22                                            | 22         |            | 10                                                                      | 10         |            | 296,868                                                             | 296,868          |                  |

| STT        | Các chức danh         | Số lượng người được hưởng chế độ phụ cấp giảm |            |          | Số lượng tổ chức ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ kinh phí hoạt động giảm |           |          | Tổng kinh phí tiết kiệm được khi sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                  |          |
|------------|-----------------------|-----------------------------------------------|------------|----------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|----------|---------------------------------------------------------------------|------------------|----------|
|            |                       | Tổng số                                       | Năm 2018   | Năm 2019 | Tổng số                                                                 | Năm 2018  | Năm 2019 | Tổng số                                                             | Năm 2018         | Năm 2019 |
|            | 2                     | 3                                             | 4          | 5        | 6                                                                       | 7         | 8        | 9                                                                   | 10               | 11       |
| 1          | Xã Ia Nón             | 16                                            | 16         |          | 5                                                                       | 5         |          | 103,365                                                             | 103,365          |          |
| 2          | Xã Ia Dok             | 31                                            | 31         |          | 15                                                                      | 15        |          | 409,812                                                             | 409,812          |          |
| 3          | Xã Ia Lang            | 12                                            | 12         |          | 5                                                                       | 5         |          | 117,468                                                             | 117,468          |          |
| 4          | Xã Ia Krêl            | 22                                            | 22         |          | 10                                                                      | 10        |          | 309,316                                                             | 309,316          |          |
| 5          | Xã Ia Kla             | 30                                            | 30         |          | 20                                                                      | 20        |          | 919,464                                                             | 919,464          |          |
| 6          | Xã Ia Kriêng          | 20                                            | 20         |          | 10                                                                      | 10        |          | 268,008                                                             | 268,008          |          |
| 7          | Xã Ia Dìn             | 36                                            | 36         |          | 16                                                                      | 16        |          | 371,529                                                             | 371,529          |          |
| 8          | Xã Ia Dom             | 14                                            | 14         |          | 5                                                                       | 5         |          | 163,020                                                             | 163,020          |          |
|            | <b>Tổng</b>           | <b>203</b>                                    | <b>203</b> |          | <b>96</b>                                                               | <b>96</b> |          | <b>2,958,850</b>                                                    | <b>2,958,850</b> |          |
| <b>X</b>   | <b>HUYỆN CHƯ P'UH</b> |                                               |            |          |                                                                         |           |          |                                                                     |                  |          |
| 1          | Thị trấn Nhơn Hòa     | 14                                            | 14         |          | 10                                                                      | 10        |          | 206,544                                                             | 206,544          |          |
| 2          | Xã Ia Phang           | 20                                            | 20         |          | 15                                                                      | 15        |          | 354,450                                                             | 354,450          |          |
| 3          | Xã Ia Hnú             | 6                                             | 6          |          | 5                                                                       | 5         |          | 92,940                                                              | 92,940           |          |
| 4          | Xã Ia Le              | 19                                            | 19         |          | 12                                                                      | 12        |          | 305,328                                                             | 305,328          |          |
|            | <b>Tổng</b>           | <b>59</b>                                     | <b>59</b>  |          | <b>42</b>                                                               | <b>42</b> |          | <b>959,262</b>                                                      | <b>959,262</b>   |          |
| <b>XI</b>  | <b>HUYỆN CHƯ P'ĂH</b> |                                               |            |          |                                                                         |           |          |                                                                     |                  |          |
| 1          | Thị trấn Ia Ly        | 18                                            | 18         |          | 15                                                                      | 15        |          | 211,140                                                             | 211,140          |          |
| 2          | Thị trấn Phú Hòa      | 12                                            | 12         |          | 10                                                                      | 10        |          | 148,160                                                             | 148,160          |          |
| 3          | Xã Ia Nhìn            | 16                                            | 16         |          | 15                                                                      | 15        |          | 197,096                                                             | 197,096          |          |
| 4          | Xã Nghĩa Hòa          | 11                                            | 11         |          | 10                                                                      | 10        |          | 134,392                                                             | 134,392          |          |
| 5          | Xã Nghĩa Hưng         | 17                                            | 17         |          | 15                                                                      | 15        |          | 204,088                                                             | 204,088          |          |
| 6          | Xã Chư Đang Ya        | 4                                             | 4          |          | 5                                                                       | 5         |          | 59,116                                                              | 59,116           |          |
|            | <b>Tổng</b>           | <b>78</b>                                     | <b>78</b>  |          | <b>70</b>                                                               | <b>70</b> |          | <b>953,992</b>                                                      | <b>953,992</b>   |          |
| <b>XII</b> | <b>HUYỆN KRÔNG PA</b> |                                               |            |          |                                                                         |           |          |                                                                     |                  |          |
| 1          | Thị trấn Phú Túc      | 35                                            | 35         |          | 25                                                                      | 25        |          | 556,156                                                             | 556,156          |          |
| 2          | Xã Phú Cần            | 18                                            | 18         |          | 10                                                                      | 10        |          | 237,866                                                             | 237,866          |          |
| 3          | Xã Chư Gu             | 63                                            | 63         |          | 40                                                                      | 40        |          | 901,496                                                             | 901,496          |          |
| 4          | Xã Chư Rơcăm          | 24                                            | 24         |          | 15                                                                      | 15        |          | 243,296                                                             | 243,296          |          |



| <br>STT Các chức danh | Số lượng người được hưởng chế độ phụ cấp giảm |          |          | Số lượng tổ chức ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ kinh phí hoạt động giảm |          |          | Tổng kinh phí tiết kiệm được khi sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố |           |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------|----------|-------------------------------------------------------------------------|----------|----------|---------------------------------------------------------------------|-----------|----------|
|                                                                                                       | Tổng số                                       | Năm 2018 | Năm 2019 | Tổng số                                                                 | Năm 2018 | Năm 2019 | Tổng số                                                             | Năm 2018  | Năm 2019 |
| 2                                                                                                     | 3                                             | 4        | 5        | 6                                                                       | 7        | 8        | 9                                                                   | 10        | 11       |
| 5 Xã Ia Rsum                                                                                          | 26                                            | 26       |          | 15                                                                      | 15       |          | 356,606                                                             | 356,606   |          |
| 6 Xã Uar                                                                                              | 8                                             |          | 8        | 5                                                                       |          | 5        | 112,681                                                             |           | 112,681  |
| 7 Xã Ia Rmok                                                                                          | 46                                            | 46       |          | 25                                                                      | 25       |          | 604,566                                                             | 604,566   |          |
| 8 Xã Chư Ngọc                                                                                         | 20                                            | 10       | 10       | 10                                                                      | 5        | 5        | 247,120                                                             | 123,560   | 123,560  |
| 9 Xã Ia Rsaí                                                                                          | 28                                            | 28       |          | 20                                                                      | 20       |          | 421,876                                                             | 421,876   |          |
| 10 Xã Chư Drăng                                                                                       | 51                                            | 51       |          | 30                                                                      | 30       |          | 696,467                                                             | 696,467   |          |
| 11 Xã Ia Dreh                                                                                         | 34                                            | 34       |          | 20                                                                      | 20       |          | 470,296                                                             | 470,296   |          |
| 12 Xã Krông Năng                                                                                      | 23                                            | 23       |          | 15                                                                      | 15       |          | 331,791                                                             | 331,791   |          |
| 13 Xã Ia Mláh                                                                                         | 33                                            | 25       | 8        | 20                                                                      | 15       | 5        | 460,825                                                             | 348,143   | 112,682  |
| 14 Xã Đát Bằng                                                                                        | 46                                            | 46       |          | 25                                                                      | 25       |          | 615,460                                                             | 615,460   |          |
| Tổng                                                                                                  | 455                                           | 429      | 26       | 275                                                                     | 260      | 15       | 6,256,502                                                           | 5,907,579 | 348,923  |
| XIII HUYỆN ĐAK PƠ                                                                                     |                                               |          |          |                                                                         |          |          |                                                                     |           |          |
| 1 Thị trấn Đak Pơ                                                                                     | 12                                            | 12       |          | 5                                                                       | 5        |          | 118,752                                                             | 118,752   |          |
| 2 Xã Hà Tam                                                                                           | 18                                            | 9        | 9        | 10                                                                      | 5        | 5        | 257,497                                                             | 124,224   | 133,273  |
| 3 Xã Tân An                                                                                           | 33                                            | 33       |          | 15                                                                      | 15       |          | 330,247                                                             | 330,247   |          |
| 4 Xã Cư An                                                                                            | 48                                            | 48       |          | 20                                                                      | 20       |          | 668,800                                                             | 668,800   |          |
| 5 Xã Phú An                                                                                           | 12                                            | 12       |          | 5                                                                       | 5        |          | 128,474                                                             | 128,474   |          |
| 6 Xã Yang Bắc                                                                                         | 84                                            | 60       | 24       | 35                                                                      | 25       | 10       | 875,595                                                             | 625,425   | 250,170  |
| 7 Xã Ya Hội                                                                                           | 54                                            | 36       | 18       | 30                                                                      | 20       | 10       | 562,950                                                             | 375,300   | 187,650  |
| Tổng                                                                                                  | 261                                           | 210      | 51       | 120                                                                     | 95       | 25       | 2,942,315                                                           | 2,371,222 | 571,093  |
| XIV HUYỆN ĐAK ĐOÀ                                                                                     |                                               |          |          |                                                                         |          |          |                                                                     |           |          |
| 1 Thị trấn Đak Đoa                                                                                    | 49                                            | 49       |          | 33                                                                      | 33       |          | 710,003                                                             | 710,003   |          |
| 2 Xã KĐang                                                                                            | 14                                            |          | 14       | 10                                                                      |          | 10       | 218,840                                                             |           | 218,840  |
| 3 Xã Ia Bằng                                                                                          | 6                                             |          | 6        | 5                                                                       |          | 5        | 91,198                                                              |           | 91,198   |
| 4 Xã AĐok                                                                                             | 35                                            | 21       | 14       | 22                                                                      | 12       | 10       | 840,318                                                             | 544,726   | 295,592  |
| 5 Xã Nam Yang                                                                                         | 7                                             | 7        |          | 5                                                                       | 5        |          | 110,088                                                             | 110,088   |          |
| 6 Xã Kon Yang                                                                                         | 20                                            | 13       | 7        | 15                                                                      | 10       | 5        | 324,260                                                             | 215,694   | 108,566  |
| 7 Xã Ia Pết                                                                                           | 12                                            |          | 12       | 10                                                                      |          | 10       | 185,708                                                             |           | 185,708  |

| TT        | Các chức danh          | Số lượng người được hưởng chế độ phụ cấp giảm |            |            | Số lượng tổ chức ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ kinh phí hoạt động giảm |            |            | Tổng kinh phí tiết kiệm được khi sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                  |                  |
|-----------|------------------------|-----------------------------------------------|------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|------------|------------|---------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|
|           |                        | Tổng số                                       | Năm 2018   | Năm 2019   | Tổng số                                                                 | Năm 2018   | Năm 2019   | Tổng số                                                             | Năm 2018         | Năm 2019         |
|           | 2                      | 3                                             | 4          | 5          | 6                                                                       | 7          | 8          | 9                                                                   | 10               | 11               |
| 8         | Xã Hạ Bào              | 35                                            | 21         | 14         | 20                                                                      | 12         | 8          | 520,224                                                             | 312,134          | 208,090          |
| 9         | Xã Trang               | 39                                            |            | 39         | 30                                                                      |            | 30         | 597,534                                                             |                  | 597,534          |
| 10        | Xã Đak Krong           | 22                                            | 7          | 15         | 15                                                                      | 5          | 10         | 329,766                                                             | 107,763          | 222,003          |
| 11        | Xã Glar                | 6                                             |            | 6          | 4                                                                       |            | 4          | 92,553                                                              |                  | 92,553           |
| 12        | Xã Hải Yang            | 6                                             |            | 6          | 5                                                                       |            | 5          | 107,896                                                             |                  | 107,896          |
| 13        | Xã HNol                | 14                                            | 7          | 7          | 10                                                                      | 5          | 5          | 214,022                                                             | 107,011          | 107,011          |
| 14        | Xã Đak Somei           | 35                                            | 35         |            | 23                                                                      | 23         |            | 520,143                                                             | 520,143          |                  |
| 15        | Xã HNeng               | 7                                             |            | 7          | 5                                                                       |            | 5          | 111,679                                                             |                  | 111,679          |
|           | <b>Tổng</b>            | <b>307</b>                                    | <b>160</b> | <b>147</b> | <b>212</b>                                                              | <b>105</b> | <b>107</b> | <b>4,974,232</b>                                                    | <b>2,627,562</b> | <b>2,346,670</b> |
| <b>XV</b> | <b>HUYỆN CHƯ PRÔNG</b> |                                               |            |            |                                                                         |            |            |                                                                     |                  |                  |
| 1         | Thị trấn Chư Prông     | 8                                             |            | 8          | 5                                                                       |            | 5          | 41,368                                                              |                  | 41,368           |
| 2         | Xã Ia Me               | 8                                             |            | 8          | 5                                                                       |            | 5          | 41,368                                                              |                  | 41,368           |
| 3         | Xã Ia Bang             | 16                                            | 16         |            | 10                                                                      | 10         |            | 103,571                                                             | 103,571          |                  |
| 4         | Xã Ia Ga               | 8                                             | 8          |            | 5                                                                       | 5          |            | 41,152                                                              | 41,152           |                  |
| 5         | Xã Ia Drang            | 8                                             | 8          |            | 5                                                                       | 5          |            | 41,368                                                              | 41,368           |                  |
| 6         | Xã Ia Pior             | 32                                            |            | 32         | 20                                                                      |            | 20         | 452,251                                                             |                  | 452,251          |
| 7         | Xã Ia O                | 8                                             |            | 8          | 5                                                                       |            | 5          | 41,368                                                              |                  | 41,368           |
| 8         | Xã Ia Lâu              | 24                                            | 24         |            | 15                                                                      | 15         |            | 170,972                                                             | 170,972          |                  |
| 9         | Xã Ia Phin             | 16                                            | 16         |            | 10                                                                      | 10         |            | 103,571                                                             | 103,571          |                  |
| 10        | Xã Ia Boong            | 16                                            | 8          | 8          | 10                                                                      | 5          | 5          | 82,736                                                              | 41,368           | 41,368           |
| 11        | Xã Ia Bang             | 24                                            | 24         |            | 15                                                                      | 15         |            | 170,972                                                             | 170,972          |                  |
| 12        | Xã Ia Tờ               | 24                                            | 16         | 8          | 15                                                                      | 10         | 5          | 144,939                                                             | 103,571          | 41,368           |
| 13        | Xã Ia Pia              | 64                                            |            | 64         | 40                                                                      |            | 40         | 544,455                                                             |                  | 544,455          |
|           | <b>Tổng</b>            | <b>256</b>                                    | <b>120</b> | <b>136</b> | <b>160</b>                                                              | <b>75</b>  | <b>85</b>  | <b>1,980,091</b>                                                    | <b>776,545</b>   | <b>1,203,546</b> |
| <b>VI</b> | <b>HUYỆN MANG YANG</b> |                                               |            |            |                                                                         |            |            |                                                                     |                  |                  |
| 1         | Thị trấn Kon Dơng      | 84                                            | 84         |            | 49                                                                      | 49         |            | 743,761                                                             | 743,761          |                  |
| 2         | Xã H'ra                | 36                                            | 36         |            | 21                                                                      | 21         |            | 318,754                                                             | 318,754          |                  |
| 3         | Xã Đak Jơ Ta           | 12                                            | 12         |            | 7                                                                       | 7          |            | 106,251                                                             | 106,251          |                  |





| STT Các chức danh |                    | Số lượng người được hưởng chế độ phụ cấp giảm |              |            | Số lượng tổ chức ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ kinh phí hoạt động giảm |              |            | Tổng kinh phí tiết kiệm được khi sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố |                   |                 |
|-------------------|--------------------|-----------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------|------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------|
|                   |                    | Tổng số                                       | Năm 2018     | Năm 2019   | Tổng số                                                                 | Năm 2018     | Năm 2019   | Tổng số                                                             | Năm 2018          | Năm 2019        |
| 1                 | 2                  | 3                                             | 4            | 5          | 6                                                                       | 7            | 8          | 9                                                                   | 10                | 11              |
| 4                 | Xã Đăk Yă          | 12                                            | 12           |            | 7                                                                       | 7            |            | 106,251                                                             | 106,251           |                 |
| 5                 | Xã Đăk Djưăng      | 12                                            | 12           |            | 7                                                                       | 7            |            | 106,251                                                             | 106,251           |                 |
| 6                 | Xã Kon Thụp        | 12                                            | 12           |            | 7                                                                       | 7            |            | 106,251                                                             | 106,251           |                 |
| 7                 | Xã Kon Chiêng      | 12                                            | 12           |            | 7                                                                       | 7            |            | 106,251                                                             | 106,251           |                 |
| 8                 | Xã Ayun            | 60                                            | 60           |            | 35                                                                      | 35           |            | 531,258                                                             | 531,258           |                 |
| 9                 | Xã Lơ Pang         | 12                                            | 12           |            | 7                                                                       | 7            |            | 106,251                                                             | 106,251           |                 |
| 10                | Xã Đê Ar           | 36                                            | 36           |            | 21                                                                      | 21           |            | 318,754                                                             | 318,754           |                 |
| 11                | Xã Đăk Trôi        | 60                                            | 60           |            | 35                                                                      | 35           |            | 531,258                                                             | 531,258           |                 |
|                   | <b>Tổng</b>        | <b>348</b>                                    | <b>348</b>   |            | <b>203</b>                                                              | <b>203</b>   |            | <b>3,081,291</b>                                                    | <b>3,081,291</b>  |                 |
| <b>XVII</b>       | <b>HUYỆN IA PA</b> |                                               |              |            |                                                                         |              |            |                                                                     |                   |                 |
| 1                 | Xã Kim Tân         | 16                                            | 16           |            | 9                                                                       | 9            |            | 184,920                                                             | 184,920           |                 |
| 2                 | Xã Ia Mron         | 9                                             | 9            |            | 9                                                                       | 9            |            | 117,750                                                             | 117,750           |                 |
| 3                 | Xã Ia Trok         | 7                                             | 7            |            | 5                                                                       | 5            |            | 104,886                                                             | 104,886           |                 |
| 4                 | Xã Chư Mô          | 16                                            | 16           |            | 18                                                                      | 18           |            | 359,437                                                             | 359,437           |                 |
| 5                 | Xã Ia Kdăm         | 13                                            | 13           |            | 12                                                                      | 12           |            | 193,000                                                             | 193,000           |                 |
| 6                 | Xã Bờ Tó           | 31                                            | 31           |            | 26                                                                      | 26           |            | 470,883                                                             | 470,883           |                 |
| 7                 | Xã Ia Broãi        | 12                                            | 12           |            | 9                                                                       | 9            |            | 166,140                                                             | 166,140           |                 |
| 8                 | Xã Ia Tul          | 24                                            | 24           |            | 15                                                                      | 15           |            | 362,628                                                             | 362,628           |                 |
| 9                 | Xã Chư Răng        | 15                                            | 15           |            | 10                                                                      | 10           |            | 110,654                                                             | 110,654           |                 |
|                   | <b>Tổng</b>        | <b>143</b>                                    | <b>143</b>   |            | <b>113</b>                                                              | <b>113</b>   |            | <b>2,070,298</b>                                                    | <b>2,070,298</b>  |                 |
|                   | <b>Tổng cộng</b>   | <b>4,639</b>                                  | <b>3,911</b> | <b>728</b> | <b>3,089</b>                                                            | <b>2,620</b> | <b>469</b> | <b>64,801,703</b>                                                   | <b>55,134,092</b> | <b>9,667,61</b> |